

VƯƠNG HỒNG SẾN

PHONG LƯU CỦ MỐI



- Thú nuôi Chim
- Thú đá Gà
- Thú đá Cá Thia Thia
- Thú chơi Dế Mèn, cóc, cồng...
- Có thêm bài luận về Chim

Phụng Hoàng, Ve Ve, Bọ Hung



PHONG LƯU CŨ MỚI

PHONG LƯU CŨ MỚI

- Thú nuôi chim
- Thú đá gà
- Thú đá cá thia thia
- Thú chơi đế mèn, cúc, cống...
- Có thêm bài luận về chim phụng hoàng, ve ve, bọ hung

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

Những bài nhỏ này trước đây tôi không định in thành tập. Viết vào khoảng 1958-1961, khi ấy tôi còn làm việc ở Viện bảo tàng Sài Gòn, nên tôi nhớ Ba tôi mà gửi bài về Sóc Trăng cho Ba tôi đọc chơi, cũng một dịp tôi gỡ tội lúc nhỏ sao quá ham chơi gà, đá cá. Sau đó, tôi lại cho đăng vào:

- Tập **Bách Khoa**, tháng 7 năm 1958: Thú nuôi chim.
- Tạp san **Mai**, tháng 5 năm 1951: Thú chơi gà.

Thời gian trôi qua, tôi đã không dám nhìn đó là “văn của mình ưng bụng” và trước sau vẫn xem chẳng hơn mấy trang viết chơi đánh dấu chút gì thoáng qua không trở lại của buổi xuân thời... Vì vậy mà tôi không vội in.

Đầu tháng này, trong sân nhà, có nhánh lan còi đeo gốc xoài, bỗng nhiên nảy một giò hoa tím lạ. Hỏi lan gì? Có người biết, bảo: “Sắp phát tài, lan báo hỷ đấy”.

Và trên đường bèo nước, tôi đã gặp một Người. Ông đọc những bài trên đây và khuyên tôi ráng đi đến việc xuất bản. Chẳng những ông khuyến khích lần này, ông lại căn dặn làm sao có một đặc san, tuần tự in tiếp những bài cũ mới của tôi, nhứt là ráng sao nói với các anh em tôi quen biết, trao tác phẩm để lựa lại cùng in thành sách.

Nghe thì ham thật. Nhưng cũng ái ngại phần nào. Từ về vườn năm 1964, tôi sống chật vật với chiếc lương hưu trí hẩm hiu, lơ khốc lơ cười. Thuế đòi cấp bách, nhà từ năm Mậu Thân, nóc dột tưới hột sen, năm ngoái vợ đau vô mổ nằm nhà thương thi... Mỗi lần như vậy, đồ sưu tập thân yêu, tự nhiên không chơn căng mà biết đi... Hay được, ông châu mày, càng hối thúc tôi mau ra sách. Thôi thì ba bày cũng liều. Tuy vậy, lòng khắp khởi lo sợ: buổi gạo cao bạc thấp, tuy thấp mà mò không ra, số mạng loại sách như của tôi sẽ ra sao? Nhưng nếu tập số 1 này

không yếu số, tôi sẽ in tiếp:

- Tập II: **Thú xem truyện Tàu và tìm hiểu cái hay trong truyện Tàu.** Trong tập, tôi sẽ lựa những chuyện hay đã kích thích tôi chọn con đường sưu tập cổ ngoạn. Thừa dịp đó, tôi sẽ dọn đường cho những bạn đọc sách tôi sẽ ghiền đồ cổ, như tôi.

- Tập III: **Thú chơi cổ ngoạn.** Tập này sẽ nói sâu thêm vấn đề chơi đồ cổ, để thấy rõ nếu biết chơi và khéo tìm hiểu, thì đây là một nghệ thuật hơn là một thú tiêu khiển tầm thường.

Khi đã dự bị, và trái đã chín muồi, tôi sẽ xuất bản:

- Tập IV: **Khảo về thú chơi ám chén và nghệ thuật biết rành về đồ gốm, đồ sành, đồ kiểu và đồ sứ cổ.** Tập này sẽ có đủ sở trường, sở đoản một đời tôi. Tôi sẽ kể rõ những gì tôi đã làm, những gì tôi sở đắc, bao nhiêu điều học hỏi của tôi thu lượm trên những bộ chén trà, đĩa xưa, lộc bình cổ đã sưu tập bấy lâu. Có nhiều câu văn nôm tuyệt tác, viết trên sứ cổ, gọi "đồ da trắng men lăm Huế" thuở nay tôi chưa gặp trên sứ sách cổ kim.

- Tập V: **Hơn nửa đời Hu?** Đây là tập hồi ký và tâm sự của một kẻ si mê đồ sứ cổ. Tôi sẽ cho thấy những gì thắc mắc của nhà sưu tập. Chơi và nghiện đồ sứ cổ là nên hay hư, có ích hay có hại?

In được bao nhiêu đó là ngoài sức tưởng tượng của tôi. Không dám mong nhiều. Con cá sống nhờ nước. Cuốn sách sống nhờ có người mua. Trên đường xuất bản, vái cho gặp những bạn tốt của sách, dám mua lấy, sắm lấy mà đọc.

Cẩn tự

Vân Đường Phủ, ba ngày trước lễ Thanh minh
(26 tháng 2 Canh Tuất - 2-4-1970)

V.H.S

TỰ NGÔN

Tôi bình sanh thích những gì đẹp: giò lan hàm tiếu, đoá hoa mãn khai. Một cuốn sách đóng bìa khéo đủ làm tôi vui cũng như trên sân quần vợt, tôi lại thích những đường banh tuyệt vời, không đỡ gạt nổi. Càng thêm tuổi, tôi chuyên tâm về thẩm mỹ và văn hóa. Tôi trồng lan và nghiên cứu về lan, nhưng chỉ trồng chơi trong sân nhà, âm thầm ngắm nghía, sẫm soi lấy mình. Cụ Tú Hải Văn viết và Nguyễn Tuấn nhắc lại trong *Vang bóng một thời*, chuyện những chiếc ấm đất:

“Họ lịch sự như tiên, phú quý như trời,

quát con ngựa rong chơi ngoài ngõ liễu;

“Ta trồng cỏ đầy vườn, vãi hoa đầy đất,

gọi hệ đồng pha nước trước hiên mai.”

Tôi thấy rất hay, nhưng thâm hỏi: đời nay dễ gì *quát con ngựa rong chơi!* Ngoài ngõ chẳng là tấp nập nhiều xe trên mười bánh! Cũng không thể *Gọi hệ đồng pha nước!* Đời bình dân, tự mình pha nước chắc ăn hơn. Họ chẳng cỏ thì ai trồng cũng được, gắp cỏ lan “vương giả chi hương” thì càng quý.

Ngẫu nhiên tôi gặp anh Vương. Anh dắt đường tôi biết thêm nghệ thuật chơi đồ cổ, giúp tôi quên nhiều những éo le hiện tại.

Một hôm, anh Vương trao cho tôi đọc bản thảo tập *Phong lưu cũ mới*. Tôi muốn giúp anh trong việc ấn hành. Tôi lại ước ao anh Vương tìm cho tôi những bản thảo cùng một loại để xuất bản cùng một thể. Tôi muốn thực hành những gì anh Vương đã bàn trong bài *Phi lộ* trên đây. Chúng tôi muốn làm thế nào để có một tạp chí hay tạp san, sẽ lấy nhan, tử như *Hiếu cổ tùng thư* hoặc *Hiếu cổ đặc san*, trong ấy sẽ in thành tập

riêng:

- Khảo về văn minh ba miền: nguồn gốc, văn hóa, nghệ thuật...

- Tìm hiểu những phong tục tập quán xưa, sưu tập và ghi chép lại đầy đủ những thú phong lưu cổ thời, đại loại như chơi cô ngoạn, chơi sách, chơi cổ đồ, phép đánh đầu hồ, phép đi săn bắn, thú chơi tem, chơi tranh, chơi lan, chơi chữ ký, chơi kiểng gốc hay kiểng lá, trồng xương rồng, gắn hòn non bộ... bao nhiêu ấy và còn nữa, gộp chung lại dưới danh từ: *Thú chơi đồ cổ*.

- Sưu tầm, sao lục các sách hay ngoài Bắc và Trung, Nam, sưu tập những tuồng hát bội Huế, Bình Định và Sài Gòn, tìm và in lại những tác phẩm của các nhà xuất bản có danh lớp trước: Xuân Lan, Mạc Đình Tư, Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh (Hà Nội), Đào Duy Anh, Ngô Đê Mân (Huế), Phát Toán, Nguyễn Văn Cửa, J. Viêt (Sài Gòn), những áng văn hay đã trên 50 năm của thời đại Trương Vĩnh Ký, Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của, v.v... gộp lại làm một bộ môn gọi *Thú chơi sách*.

Ban đầu chưa chuẩn bị kịp, thử in hoặc hai tháng hoặc ba tháng làm một tập nho nhỏ, sau này có đà có thế, sẽ ra đều đều mỗi tháng một tập cùng một đề tài. Các tập ấy sau sẽ đóng lại làm một bộ hằng năm hay hằng sáu tháng một, để đi lần đến việc trở nên tập kỷ yếu của một cơ quan chuyên rông việc bảo tồn quốc túy, và lấy tôn chỉ là "hiếu cổ".

Cho hay việc muốn làm có khác với việc sẽ làm được. Và việc sẽ làm được thành công cùng chẳng, còn tùy nơi sức nhiều người hiệp lại. Nếu đã cùng chung chí hướng, cùng chung hoài bão, kẻ công người của thì lo gì việc không thành?

Để sớm bắt tay vào việc, tôi mạo muội viết bài Tự Ngôn

này kính gửi quý vị học giả và văn nhân, xin vui lòng hưởng ứng.

Sài Gòn, ngày 14 tháng 4 năm 1970

Cần tự

CỔ TRUNG NGUỒN

THÂN KÍNH TẶNG HƯƠNG HỒN TỪ MẪU,

mất năm 1913:

- Nhớ mẹ xita nuôi con thập phần chu đáo;
- Con lên sáu, dạy nhìn mặt đồng xu, phân biệt đồng nào là xu lá bài, đồng nào là "xu on-xon-chem" (xu này kỷ niệm năm 1875, mở nhà băng Pháp, trên xu đề chữ *un centième de piastre*), mà 1875 là năm sanh của ba tôi);
- Bảy tuổi, mẹ tập con đọc truyện Tàu để phân biệt người trung, đĩra nịnh;

Dĩra theo ý mẹ, nay con nuôi thân bằng nghề xem đồ sít cổ, nhờ đó quên buồn khổ, vui thắm với nhân vật xita.

THÂN KÍNH TẶNG BA,

mất ngày 18-1-1961:

- Nhớ năm 1960. BA tuổi 86, vẫn quắc thước mình mẩy, từ Sài Gòn con về thăm, BA ngồi nhắc chuyện cũ tình nhà cho nghe, chi tiết không bỏ sót một mảy;
- Sẻn bé thơ, BA lấy mai cần đước đóng xe rùa cho chơi;
- Sẻn trưởng thành, BA nhịn vàng lấy bít tô quý, đĩa lạ, chén xita, hỗn thân chạm trên vàng bài thi cổ, gắn vào độc bình quý, **CÀNG CON ĐẾN THÌ LÀ CÙNG.**

Ngày nay, cha mẹ mất rồi, con bơ vơ, đã trả được chút gì?

Ơn song thân nhắc lại không bớt:

Cha mẹ nuôi con vô sở bất chí.

Con viết bộ này, kính dâng lên hương hồn cha mẹ, để nhớ ơn chín chữ cao sâu

(Xuân CANH TÝ 1960 - Hạ TÂN SỬU 1961)

(Xuân CANH TUẤT 1970)

VƯƠNG HỒNG SỂN

Dẫn

Khoan vội vào đề, và xin hãy cùng tôi tra cứu về danh từ PHONG LƯU trước đã.

Hán Việt từ điển ĐÀO DUY ANH ghi:

PHONG LƯU: Cái đức tốt như ngọn gió chỗ này bay đến chỗ khác, như dòng nước nơi nọ chảy đến nơi kia.

Tỷ dụ: LƯU PHONG DƯ VẠN.

- Dáng dấp và thái độ cũng gọi PHONG LƯU.

- Phẩm cách của con người.

- Cái tinh thần riêng.

- Ngày nay thường gọi người hay chơi bời dĩ thoã là PHONG LƯU.

Tuy rõ rệt, nhưng các nghĩa ấy, chưa ai bằng lòng.

Hãy tra bộ *Từ điển Khai Trí Tiến Đức*:

PHONG LƯU-Thái độ nhàn nhã; tính người phong lưu.

- Đủ ăn tiêu không phải phiền lụy gì.

Tỷ dụ: nhà ấy độ này đã phong lưu.

- Ăn chơi hoa nguyệt: Bình Khang là chốn phong lưu.

Cất nghĩa như thế đã thấu đáo đến nơi đến chốn. Nhưng dường như thấy đều chưa bằng bụng. Khảo qua bộ *ĐẠI NAM QUỐC ÂM TỰ VỊ* của nhà tiên bối trong Nam, cụ Huỳnh Tịnh Của, thấy vốn vẹn một hàng:

PHONG LƯU- Thong thả vô sự; cuộc ăn chơi.

Đến đây, cũng chưa thỏa mãn. Bèn nhờ *Từ điển* ĐÀO VĂN TẬP:

PHONG LƯU - Chơi bởi hoa nguyệt. Tỷ dụ:

“Phong lưu là cạm trên đời,

Hồng nhan đánh bả con người tài hoa”. (câu hát xưa).

- Sống nhàn hạ, đủ ăn đủ tiêu, không phải vay mượn ai.

Tỷ dụ: sống phong lưu. .

Rút lại, đành xếp các bộ sách thầy, và tạm mượn nghĩa của bộ *Khai Trí Tiến Đức*:

PHONG LƯU: Thái độ nhàn nhã.

Dựa theo đó, những thú phong lưu, tức là những thú tiêu khiển để giết thì giờ trong những cơn rỗi rảnh nhàn hạ.

*

* *

Riêng tôi, từ ngày thất thế, từ năm 1947, xứ nhà, tỉnh nhà là Sóc Trăng không ở được, và phải bỏ chạy lên đây rồi ở luôn Sài Gòn, ngon cơm ngọt canh từ thuở. Phong trần lê gót, từng ở đậu nhà quen, ngủ tiệm hút, những thú vui không đắt tiền, những phở ngon, hủ tiếu giòn đều có nếm... *CẨM, KỶ, THI, HOA*, là phong lưu cũ. Bốn món đều không hay, nay tuổi già, nếu mãi dờn bản *kéo xe kéo bò* thì tốt hơn nên xoay qua thú khác. Bụng vẫn đói, muốn quên việc đời, muốn có kế nuôi thân, đành học thêm những *thú phong lưu mới*.

Kể từ ấy, đi sâu thêm vào:

- thú chơi cổ ngoạn,

- thú chơi sách,

- thú nghe hát bội, đánh châu, tìm hiểu câu văn,

- thú xem truyện Tàu và hiểu các điển tích xưa nay.

Lại cũng chấp chững:

- thú chơi non bộ và uốn kiếng,
- thú chơi ẩm chén và nghệ thuật uống trà,
- thú nuôi chim...

Đã chán phè *thú* hay *nạn* thức khuya nuôi gà nòi, hoặc quần cá thia thia đá độ.

Nay không ngại chê khen, ráng viết nhắc lại vài thú đã từng nếm trải, ước mong các tay lão luyện không giấu nghề, chỉ biểu thêm. Không học được thầy, thì học với bạn, không xấu.

Chơi đồ cổ ngoạn, không khác làm cái việc tìm hoa, vớt hoa rơi dưới mương rãnh.

Chơi sách cũ, không khác việc chuộc các Kiều nương đang mắc nạn.

Nhưng đồ xưa, sách vở, đọc mãi, sưu tập mãi cũng chán. Bước thêm bước nữa, tìm hiểu những gì cổ nhân đã gọi: *nghề chơi cũng lắm công phu*.

Chư quý vị, nếu không ngã lòng, hãy cùng tôi nhìn chút gì dư, trở lại những phong lưu cũ mới.

Cẩn tự,

V.H.S

BÀN VỀ NHỮNG THỨ VUI CHƠI CỦA NGƯỜI XƯA

Tạp chí NAM PHONG số 94, tháng tư d.l. 1925, có đăng một bài khá dài, từ trang 365 đến 377 của cụ Tùng Vân, luận về *cuộc vui chơi hàng ngày của hạng người thượng lưu trí thức*.

Tựa hấp dẫn, chứa nhiều hứa hẹn... Nhưng khi đọc, tôi không được thỏa mãn mấy. Nhà túc nho nhóm *NAM PHONG* vẫn không đá động đến những thú vui cổ thời của nhóm hậu sanh như tôi tìm hiểu, như thả diều, thả thuyền, đánh vạ ó, chơi đu bầu, là thú vui của hạng bình dân, hoặc như đánh đu tiên, đánh đầu hồ, bắn giàng đạn ốc xa cừ, phóng lao, săn bắn, cỡi ngựa, v.v... là thú vui của hàng dư ăn dư để. Ngay nay nhắc lại các thú ấy, chúng tôi lấy làm mơ hồ; người thông thạo từng chơi, cũng quên hầu hết. Tập hát tập đờn làm chi, vì đã có đĩa hát, máy radio, máy truyền hình truyền thanh thay thế. Đi câu cũng sẵn cần câu máy. Xuống tam bản là xả máy chạy vo, cần gì chèo chõng... Nhắc lại, trong bài khảo cứu của cụ *TÙNG VÂN*, vẫn không thấy tả thể cách, hình dáng từng món chơi của thời đại đã qua, và cũng không dạy cho biết điều gì, chỉ luận suông ngọt trên mười trang các thú vui chơi của hạng sĩ phu thời ấy.

Theo tác giả, phạm nói đến thượng lưu là chỉ nên bàn qua *phẩm cách con người*, không nên nói về *các phái người*... Vì thế, tác giả không đá động đến giới nông, công, thương. Và chẳng trong ba giới này, nếu có người lỗi lạc, hay giỏi thì đã được liệt vào hạng thượng lưu nói chung kia rồi, và chỉ vì trong giới sĩ phu mới gồm nhiều thượng lưu hơn cả, nên toàn bài tác giả chỉ luận về sĩ phu mà thôi.

Nếu cho phép tôi tóm tắt bài của báo *NAM PHONG* đã đăng, thì đại lược bài ấy như vậy:

“Từ cuối thế kỷ XIX trở về trước, văn minh nước Việt còn thuộc về cái *văn minh thuần nhất*, chỉ nhìn nhận một khoa cổ học thuộc về văn chương, thuộc về luân lý; chỉ có hai môn ấy là trọng, ngoài ra các nghề khác đều là *mạt nghệ* đáng khinh.

Khi nào học văn kém quá, khi ấy mới quay về nghề võ.

Đối với sự học, người dân lớp xưa luôn luôn có *chi cao thượng*, đời đời muốn nối dõi *sĩ khí, nho phong*. Những nhà đi học xem đó là đích chánh, truyền tử lưu tôn, ít khi để gián đoạn: *nền nếp đại gia* không bỏ, và thường rất trọng ba chữ: “*kế thư hương*”. Con nhà đi học nối nghiệp ông cha, giữ được *nền trung hiếu*, thế là *hiền thảo*, chứ không tất cầu lấy đại phú đại quý, hoặc giả tham lam vô sỉ, mà mang tội với sử xanh.

Ngày xưa không biết gì là công hội, công quán, câu lạc bộ. Hàng ngày anh em đi lại chơi với nhau, bất kỳ nhóm ít hay đông người, thường mời nhau ở lại để chờ trăng lên làm thú, rồi như bóng trăng đưa nhau về một đôi đường làm nhả, hoặc cùng ngồi trong cửa sổ đốt trầm đốt nến, cùng nhau dưới đèn dưới hương nói chuyện mưa nắng ấm lạnh, mùa màng. Người tỉnh nọ sang chơi tỉnh kia, người làng này qua chơi làng khác, hỏi thăm nhau hoa mai nở chưa, cùng là tặng nhau bụi cúc giò lan là thường sự. Gặp nhau như vậy, điều thuốc hút vặt, chén trà hoặc tô nước lã uống suông, thêm nữa là vài miếng trầu, rồi chia tay nhau, hứng lắm là đôi chung rượu làm duyên, chứ không từu hào thịnh soạn dây dưa bất tận như nay hằng thấy.

Gặp nhau như vậy thường lấy chuyện trong sách trong kinh làm đầu đề: chuyện Tây Thi, Thúy Kiều, chuyện gái dung nhan nghiêng nước nghiêng thành, gái tỳ bà, thi Xuân Hương, tích My Châu, My Ê... Nghe nói chuyện đủ no người, ngồi cười thôi cũng ấm bụng! Hết tán chuyện đến tán thi, từ thi chữ qua thơ nôm đủ lối. Ngoài cuộc vui chơi hàng ngày như vậy, nên kể bốn thú đại khái của nhà Nho là:

- *Thử nhứt, cuộc tiêu khiển như đồ thơ* (nên so sánh với *exercices de vocabulaire* của Tây học). Đem những tập thơ lạ lùng ít người biết, trích ra một câu; trong câu ấy giấu nhem đi một chữ. Lại đặt bốn năm chữ khác, xáo trộn chung với chữ chính rút trong nguyên cảo, rồi treo giải thưởng, thử thách, đố ai kiếm được trùng chữ trong chính nguyên cảo thì thưởng quà hoặc một món tiền tượng trưng. (Trong "*VANG BÓNG MỘT THỜI*", Nguyễn Tuấn viết hai chuyện độc đáo, điển hình thú chơi này là "*THẢ THƠ*" và "*ĐÁNH THƠ*") (1)

- (1) "Thầy sẽ viết vào mảnh giấy trắng này một câu thơ thất ngôn mà chỉ... có sáu chữ thôi. Còn một chữ thì để trống và thay vào đấy một cái khuyên tròn. Cái khuyên tròn thay chữ đó thường gọi là chữ vòng. Đây này, chị lấy một câu làm thí dụ thì các em rõ ngay. Các em biết câu: "*Quán hương Tiêu Tương, ngã hương Tấn*", đấy chứ? Ủ, thí dụ bây giờ định thả câu thơ ấy. Và định vòng chữ "*Hương*" ở đoạn dưới. Thầy sẽ viết vào mảnh giấy nhỏ này "*Quán hương Tiêu Tương, ngã... Tấn*". Và khi ngâm câu thất ngôn có sáu chữ ấy lên thì thường phải ngâm "*Quán hương Tiêu Tương, ngã (vòng) Tấn*". Chữ (vòng) đây thay vào chỗ để trống. Bây giờ mới nói đến những chữ "thả". Thí dụ, thả năm chữ:

"*cố, tại, vọng, phản*" và luôn cả cái chữ "hương"-trong nguyên văn. Thường chỉ thả có năm chữ thôi. Muốn đánh chữ gì thì chọn lấy một trong năm chữ mà đánh. Đánh trùng thì một đồng ăn ba đồng. Bây giờ trên mẫu giấy con này, thầy sẽ viết cái chữ thả, thí dụ là chữ *phản*. Rồi thầy cuộn tròn đầu giấy lại, giấu chữ ấy đi, chỉ còn để bỏ cái khoảng viết mấy chữ "*quán hương Tiêu Tương, ngã... Tấn*", với một cái khuyên tròn vẽ thay vào chỗ trống. Nếu trong năm chữ *cố, tại, vọng, phản, hương*, em chọn lấy chữ *phản* mà đánh mà làm thành ra câu: *Quán hương Tiêu Tương ngã phản Tấn*, thì là em trùng đấy. Đặt một tiền thì được ăn thành ba tiền...

(Trích *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuấn, bản Thời Đại, Hà Nội, 1943, tr.68).

Một tý dụ khác... Nguyên hòm ấy, lão Phó sứ cho thả năm chữ: "*cắm, thủ, đan, thiếp, sáu*", trong một câu thơ mà lão vòng chữ đầu, "(vòng) *tâm duy hữu dạ đăng tri*" kể cũng khó đánh đấy chứ. "Ngọn đèn đầu ban đêm soi tỏ biết cho tấm lòng gì?" Lòng đan? Lòng son? Lòng một thiếu phụ? Lòng sáu? Phản vấn lạ. Bỗng tôi thấy cụ Mộng Liên ngồi cạnh, nhìn chăm chú vào chữ thả đứng đầu là chữ "*Cắm*" rồi cụ thánh thốt bảm khê mấy tiếng đàn nguyệt. Tôi đánh ngay chữ "*cắm*" và hòm ấy tôi đặt hai chục được sáu chục (VBM, tr. 82, 83)

Một đôi khi pha thêm nghề đàn, nghề cờ, nhưng bao giờ có nhân cũng không biết trọng hai nghệ thuật này, và thường xem đàn, kỳ là những lối chơi có hại, không nên mê mọt vì nó.

Thứ hai là cuộc phụ tiên. - Nhiều người đọc, ngâm những thơ Lý, Đỗ để luyện đồng. Đồng tử là người cầm bút bằng cây đào, chờ khi hồn tiên nhập xác thì đồng tử vạch bút xuống mâm gạo, mâm cát: “hạ bút thành chương”... lắm khi cũng có chuyện huyền hoặc giả dối, cũng lắm khi nhận được nhiều bài thi khá xuất sắc đến nay còn truyền tụng. Càng gần khoa thi, các cuộc phụ tiên càng thịnh. Đây cũng là một lối chơi thơ, chú trọng về nghệ thuật hơn là câu lợi (vào khoảng năm 1925, tại Sài Gòn thích chơi “xây ghé” cũng một loại như phụ tiên. Lấy cái bàn mặt tròn, chum giữa chia ba cẳng, rồi ngồi chung quanh bàn, trên bàn có đốt một cây nhang, hai bàn tay mỗi người đều đặt lên bàn cho giáp nhau thành vòng tròn, một người đọc lên một bài kệ xây ghé rồi giảy lát bàn rung rinh, tự nhiên lấy chum gõ cộp cộp, giao hẹn gõ một là A, gõ hai là B v.v... và ráp lẩn thành câu có nghĩa). Đêm 25-8-1925, đàn Cầu Kho xin được hai bài như sau: Thuật thế sự. - Kỳ nhưt.

Âm dương tuy cách cũng trời chung,

Thấy trái nên đây mới tỏ cùng.

Thất dạ thuyền xưa không đậu bến,

Đau lòng hạc cũ chẳng về từng.

Cúi đầu đành chịu thân trăm tuổi,

Thả thơ còn có *cách đánh chữ chân* là câu thơ bảy chữ; đem vòng chữ thứ bảy cho lảng đánh thì gọi đánh chữ chân (VBMT, tr. 90). (xem xem VBMT, còn nhiều đoạn hay lắm, không trình ra hết được) Các bản đã có: Tân Dân 1940 Thời Đại 1943, Đặc Lộ Thư Xã 1945, Trúc Khê Chính Kỳ 1951 và Cáo Thơm 1962.

Ngước mặt ngơ trông bật chín trùng.

Mạnh yếu há ngồi cam phải vậy,

Hay chi cá chậu với chim lồng?

(25-8-1925, xưng tên: Thanh Sơn, 48 tuổi, chết, quán Long Hồ). Qua vài ngày sau cũng trong tháng Tám, Tiên cho thêm bài này nữa:

Chim lồng bao thuở lại non xanh,

Ngóng mắt trông vui chốn thoát mình.

Dựng nước không ai tài tướng lược,

Liều mình thiếu kẻ đáng hùng anh.

Vây thuyền chi sợ cơn dông tố,

Hiệp chúng còn hơn cuộc chiến tranh.

Gìn dạ chờ Châu về Hiệp Phố,

Nỗi mình sự nghiệp mỗi tan tành.

(Hai bài thi xây ghe, từ năm 1925, mà đọc nghe như chuyện hiện tại, không đủ sức và cũng không dám phê bình, nay xin chép ra đây làm tài liệu).

- *Thứ ba là cuộc hát ả đào*, vừa để nghe giọng ngâm trong trẻo, tiếng đàn du dương, vừa để có dịp chung vui với các bạn xa nhau hay vắng mặt lâu ngày. Những bài hát NGUYỄN CÔNG TRỨ, DƯƠNG KHUÊ còn lưu truyền mãi với thời gian. Đại để tiếng trống nhà Nho lấy ung dung tao nhã làm hay, không tục tằn cũng không bộp bãi.

- *Bốn là cuộc đi tắm*.- Mới nghe dường lạ tai, cho là quái gở, há chẳng thú đi tắm biển là mới có đây thôi? Kỳ thực, trong làng xưa, nơi nào có hồ trong ao sạch, có phong cảnh nên thơ, thường hẹn nhau hội hè bạn đi tắm. Tuy nhiên trong lúc tắm

đua nhau bơi lội, dè dáu cũng là một lối thể thao bất ngờ của cổ thời. Tắm xong bày ra đánh cờ, hoặc bình văn, nhắm chút rượu, đề bài ký. Sĩ phu phần nhiều chí ở bằng hữu, ở văn chương, không chí ở tử nhục. Đây là thực hành câu *dục đức tảo thân* (từ bỏ những điều dơ bẩn, để nuôi đức tốt trong thân).

Kể từ sau đây, Á Âu chung đụng, văn minh thêm phức tạp nhưng tan tác ra nhiều phương diện và chưa được điều hòa...!"

*

* *

Bài của cụ *TÙNG VĂN* đại khái là như thế. Không thấy kể cho ta biết tỷ dụ *thú đánh dậu hồ* ra sao, bầu gỗ để đánh dậu hồ hình dáng thước tắc như thế nào? (năm 1955, tôi có dịp ra Huế đô có thấy bầu gỗ của đức *DỰC TÔN*, sẽ hứa tìm hiểu sau này). Lại nữa, như *phép bắn giàng* là gì? Bĩa để cách xa mấy thước? Phép bắn ra sao? Còn như thú vui bắt chim bằng nhựa gắn trên cây, chim đậu vào đó mắc nhựa, hết phương bay được, mà thú nhựa ấy làm bằng chất gì? Hoặc thú giải buồn, vò đạn đất, để trong ống đồng thổi hơi ra mạnh đủ bắn chim, ống này dài, lớn bao nả? Hoặc thú dất chó đi săn thịt trong rừng rú (Như giống chó cù lao Phú Quốc, nực cười trong bộ *QUE SAIS-JE?* của Pháp vẫn khen tài danh khắp hoàn cầu, thế mà tại xứ này giống Phú Quốc vẫn bị thiệt thòi, người có bê thế vẫn nuôi chó lớn con, ăn nhiều tốt mã, *Danois*, hay *Berger Allemand* mới quý). Những cuộc vui ấy đều gác ngoài luận đề, vì đó là *thú tiêu khiển* của hạng võ sĩ, không phải của văn nhân.

Xưa kia, quan niệm rất khác với quan niệm ta ngày nay. Xưa gọi để móng tay dài là tượng trưng của người sang cả, vì hiểu rằng người nhàn nhã phong lưu không làm động đến móng tay! (Thảo nào ngày nay, bàn tay của người Việt vẫn nhỏ xương hơn của người Âu Tây, giữa hai người Tây Nam đo bê cao bằng

nhau!). Các môn thể thao, dượt võ nghệ, đánh quyền (quần), cỡi ngựa, vận động thân thể đều là những môn không xứng đáng cho hàng nho sĩ quan tâm đến.

Bởi quan niệm của xã hội ông bà chúng ta như thế, thảo nào đàn ông Việt mắng nằm học mãi đến *dài lưng, tốn vải*, còn đàn bà Việt vì nuôi chồng gánh gạo vất vả cho nên *tiếng khóc nỉ non*. Những cảnh giống mạnh để cho phái yếu làm việc nuôi ăn vẫn không chướng mắt. (Ba bốn chục năm về trước, còn thấy trên đường Hà Nội, cảnh người võ phu lực lưỡng nằm chình ình “khỏe thân” trên xe tay, còn dưới đất là một người đàn bà yếu ớt cong lưng đẩy hoặc kéo đức ông chồng (*chồng là chúa, vợ là tôi mà ly!*)).

Bởi sĩ phu trọng thuyết *không làm động đến móng tay* cho nên ngực lép lưng gù, ốm tong teo lại còn hãnh diện ấy đó là bộ tướng học trò, dòng giống Nho gia!

Ngày nay, ta đã thấm nhuần văn minh Âu Mỹ, chúng ta biết luyện bắp thịt, luyện hơi thở, và khi thấy cần, cũng biết dùng võ lực, võ thể judo thay cho lời nói suông, chúng ta quen đủ các môn thể thao tân thời, nhưng thử hỏi qua những thú vui của cổ nhân, thì riêng tôi, tôi lấy làm bối rối và mắc cỡ.

Vả lại lớp người xưa để lại rất ít tài liệu... **TANG THƯƠNG NGÃU LỤC** chẳng những hiếm có mà cũng hiếm người kiếm để đọc.

Lớp tiên bối cách đây không xa mấy thì cũng rất hà tiện lời nói và viết lách. Các cụ tuy không ché dè, nhưng vẫn không thích chép để lại... Họa chẳng quyền **VANG BÓNG MỘT THỜI** cứu vớt đôi phần bằng vài nét chấm phá tài tình nếu không nói là độc đáo, nhưng bao nhiêu ấy đâu thấm vào đâu? (Chuyện ăn cướp luyện đòn “bút chì”, chuyện lão ăn mày ghiền trà dạy tôi nhiều hơn trăm bộ sách nhảm). Thêm nữa, là cái nạn tập võ

nghệ, tập đánh roi đi qườn, múa kiếm, đời Tây nó cấm, nên lu mờ rất mau.

Như vậy, muốn đi sâu vào đề, tưởng không nên đòi hỏi quá nhiều. Một bài luận dẫu dài thế nào, cũng không tả xiết những thú chơi thời xưa, và như vậy trách cụ TÙNG VÂN thì đắc tội lớn với cổ nhân.

Để kết luận, nên nhớ xưa chỉ biết học một nghề văn là quý trọng nhất. Người học trò chỉ luyện trí nhớ cho tinh, và xem thường trí thông minh; không chịu sáng kiến và tuyệt nhiên không biết trọng dụng môn thể thao.

Phương pháp tân thời thì tập luyện gân cốt cho nở nang, tập uống rượu mạnh cho máu thêm nóng, dễ điều hòa. Trái lại, những thú chơi cổ thời là cốt để luyện chí cho thêm bền (tập đánh đầu hồ là tập tánh nhẫn nại, không nên nóng nảy), các thú như bắn giàng, phóng lao, cốt luyện tâm cho thật vững, luyện tinh thần cho cứng rắn, không cốt luyện thân thể và không biết lấy đó làm môn vận động. Xưa ghét phô trương sức mạnh (đàn bà ép ngực, đàn ông sợ người thấy mình có tướng võ phu). Nho sĩ chê các nghề dùng đến tay chân sức lực là hèn, không xứng đáng đối với con nhà học trò. Trên ba mươi năm về trước, quyền Anh có đem ra so tài với võ ta trong một cuộc thử thách nảy lửa (Amadou thí võ với TẠ ÁNH XÉM). Võ Anh chỉ nội hiệp đấu đã làm cho thấy nghề võ ta thở chẳng ra hơi, vì chưng kém luyện tập mà tài cũng khó hơn. Tuy vậy khi ra khỏi võ trường thì tài nói khoác không đầu bì: nào tài tay không chẻ trái dừa bẻ hai, tài tét củi khô không dùng dao rựa, tài có quả đấm thôi sơn phá vách tường gạch trong vài ba đấm, và ngón "xin tá" (thần đả) dùng ngón tay xoi tường trở vách như chơi...

Nay đã không còn người giỏi, mà tôi thì không đành để lạc

mất dấu tích các nghề nhỏ phong lưu xưa của ông bà.

Bởi vậy, nay tôi biết được món nào, xin nói về món ấy cái đã. Tôi ước ao sau này sẽ có người bổ túc, dạy thêm, nhất là các môn ít ai biết như: đánh đầu hổ, bắn giàng, bắn ná, v.v... vì đó mới là văn hóa Việt.

Nãy giờ nói đã nhiều: tôi không dám dài dòng, giỏi tài chỉ trích... Việc dẫn chứng các thú phong lưu cũ mới, còn ở những chương sau.

Gia Định, ngày 24 tháng 5 dl. 1961

BẮC CẦU CHO XƯA NỐI VỚI NAY

1. NGƯ :

Ngư phủ đứng giữa trời, thênh thang trên mặt nước: vì thế tầm mắt rộng bao la: *Đó ai biết được tấm lòng vò?*

Cổ nhân để *NGƯ* đứng đầu bốn thú.

2. TIÊU:

Tiểu phu vác búa vào rừng, núi, làm bạn cùng hoa chim lạ, cảnh thần tiên. Tuy vậy còn tù túng trong xá rừng, trũng đá, kém *NGƯ PHỦ* một bậc, nên sắp hạng nhì: *NGƯ* rồi *TIÊU*.

3. CANH:

Nông phu thành thoi ngoài đồng áng, nghề ngao trời nước, mấy mẫu ruộng thừa kế, vài gian nhà cỏ lưu truyền, mồ mả ông cha tụ nơi đó, cồng làng mỗi bữa vào ra, lũy tre xanh che chở, an phận tùy duyên, nối nghiệp tông đường, có công xây dựng và bảo thủ nước nhà, tuy thua *NGƯ* và *TIÊU*, nhưng chiếm hàng thứ ba trong xã hội cổ: 1. *Ngư*, 2 *Tiêu*, 3 *Canh*.

4. ĐỘC:

Kẻ sĩ đọc thơ, mặc dầu có học, nhưng bạn cùng đèn sách trong tối, vùi đầu trên trang giấy, càng nhỏ sĩ lắm, càng ít ra đường, ở trong tháp ngà thét rồi ngực lép lưng gù, sao được vai rộng, ngực nở như *NGƯ*, *TIÊU*, *CANH*, *SĨ* là đọc thơ nhân, đứng hàng thứ tư là thậm phải.

1. *Ngư*, 2 *Tiêu*, 3 *Canh*, 4 *Độc* ⁽¹⁾

(1) Thuyết khác, thay vì đọc sách, kẻ môn vui thứ tư là nghề chăn: ngư, tiêu, canh, mục. Thuyết này phải chăng do bọn du mục phương Bắc: Mông Cổ (Nguyên), Mãn Châu (Thanh) truyền ra và cũng phát sinh từ hai đời này về sau?

Trong xã hội cổ Trung Hoa, người làm nghề buôn bán (*thương nhân*) đứng vào hạng chót trong bốn hạng dân của xã hội cổ thời, vì *thương nhân* ít mền quê hương, *chỗ* nào làm ăn *khá*, *chỗ* ấy là nhà, là xứ.

Người làm nghề bằng tay (*công nhân*) không mấy khi xuất dương, ở đâu ở đó, ít dời chỗ, đứng trên *thương nhân* một bậc.

Đáng ra, người làm ruộng (*nông phu*), ở trong xã hội cổ Trung Hoa là người có công nhiều nhất: sanh, sống, ở ăn, già chết đều ở trên thửa ruộng cha truyền con nối, lẽ ra như vậy, *nông phu* đáng được sắp vào bậc nhất trong xã hội đời xưa...

Nhưng cổ nhân, Khổng giáo, đã nghĩ đáo để và xét rằng *nông phu* không thông thái bằng *sĩ phu*; lại nữa luận cho chí đáo, *Sĩ* là *nông thông hiểu chữ nghĩa*, nên *sĩ* đứng đầu, trước *Nông*, *Công*, *Thương*. (Nguyên do, đời nhà Châu, *sĩ phu* là dòng phái tộc Ân-Thương sót lại, vừa biết thờ phượng, vừa biết bói mưa, coi gió, biết trước lúc nào làm mùa, gieo trồng, gặt hái phải thời...)

Vì thế, xã hội cổ Trung Hoa sắp hạng bốn dân:

- | | |
|-------------|---------------|
| 1) Nhứt Sĩ | 2) Nhì Nông |
| 3) Tam Công | 4) Tứ Thương. |

*

* *

Sau tám mươi năm Pháp dành chỗ, xã hội Việt Nam sanh thêm bốn hạng dân mới:

Dân thầy, dân thợ thuyền, dân thành thị, dân thôn quê, gọi tắt: dân thầy, dân thợ, dân chợ, dân quê.

Trong dân thầy có hạng dân ông; trong nhà quê kẻ chợ có nhân lấm tay bùn: *dân đen*, và hạng thường dân: *xích tử*.

Gì thì gì, họ đều vui những thú mộc mạc như nhau:

- Lấy chọi gà, đá cá thia thia để quên thù gia vong quốc phá...

“NƯỚC NAM CÓ BỐN MỸ MIÊU:

“*KỶ* thêu, *NGẠN* vẽ, *TAM* tiêu, *DỪNG* đàn.

Kỳ, Ngạn, Tam, Dừng là tên bốn nhơn vật phong lưu cự trào giới về thêu thùa (Kỳ), về vẽ vờ (Ngạn), về thổi tiêu (Tam) và về đàn địch (Dừng). Nhưng bốn nhơn vật ấy sống về đời vua nào? Chúng tôi xin chịt dốt.

*

* * *

Ngày nay, chiều chiều vắng nghe anh thợ nguội hàng xóm lên dây lục huyền cầm I Pha Nho (Tây Ban Nha) dạo mấy khúc não nuột, phong lưu có kém gì ông ký lảng giềng duỗi lưng trên sập gô, thả hồn theo làn sóng điện rĩ rã du dương:

Cò *MINH TRANG* nỉ non *ĐÊM TÀN BẾN NGỰ*,

Cò *BA ÚT*, *NĂM SA ĐÉC* ai oán lớp *PHỤNG NGHI ĐÌNH*,
hát Nam xen hát Khách, ai là người thưởng thức sính tài?

Với nhần nại, với thời gian, chúng ta hãy tìm hiểu những thú vui lớp trước.

CẦM

Trong bốn thú phong lưu cũ, cổ nhân sắp nghề đàn đứng trước, có lẽ vì đàn hay có thể làm cho tâm hồn thơ thới, nhẹ nhàng. Đàn khả dĩ *duỡng tâm duỡng trí*.

KỶ

Xưa con vua Thuấn ham chơi quên việc nước. Thuấn dạy đánh cờ, đem con về đường chánh: Cờ đứng bực nhì.

THI

Xưa cổ nhân xét thấy làm thi không khó: có học là ắt biết làm. Sánh kỹ, người học trò đàn cho tươi, cờ cho cao, có hoa tay, thì rất dễ. Vì lẽ ấy, sắp hạng: cầm, kỳ, rồi mới đến thi.

HỌA

Nghề vẽ đúng hạn tư, vì hễ chữ viết hay, là vẽ họa khéo léo, hai nghề đi đôi, mà chữ để sinh nhai, họa theo xưa, chỉ để tặng anh em chớ không bán lấy tiền...

Ngày nay, bốn nghề ấy càng lu mờ: đàn địch đã có Tivi (máy truyền hình), máy radio, đĩa hát thay thế; giỏi cờ giỏi thơ chưa đủ kiếm cơm; nghề vẽ lại bị máy chụp ảnh đoạt công. Người nào tinh luyện được một, đã là *phong lưu ra phết*. Nếu trên đời phải có một thú vui nào để dưỡng tâm thì tôi xin khuyên tìm vọc qua nghề mới, để học dễ quen tay. Những nghề mới ấy là...

PHẦN THỨ NHẤT

THÚ NUÔI CHIM

**Thị tại môn tiến nào
Nguyệt lai môn hạ nhà
(Đường Thi)**

THÚ NUÔI CHIM ⁽¹⁾

NGƯỜI MÌNH có tánh thích chơi chim.

Tôi góp nhóp được bao nhiêu tài liệu này, kinh nghiệm có mà nghe thấy cũng có, nay xin chép ra đây, nhờ người cao học biết thì chỉ giùm thêm.

Nuôi kéc.- Không mấy ai nuôi lồng: kéc mỏ rất bén, lồng sắt lồng thép chắc đến bực nào, cũng không lại nó: kéc gặm thét rồi lồng cũng phải hư.

Nuôi kéc, người chủ xích căng vào một nhánh gỗ cứng, uống hình vòng nguyệt, trên có móc sắt nhỏ để tiện treo trên trần nhà, gọi cảnh *chim đứng trong cung trăng*; hoặc làm giá kệ có nấc thang, chim mặc sức leo trèo. Giá kệ này rất tiện lợi, có chơn đứng vững vàng và rất gọn; muốn dời chỗ nào tùy thích, muốn xách đem đi đâu cũng tiện.

Bị xích giò vào xiềng bạc, kềm hay xiềng xi-kên, kéc đánh đu trên nhánh, lần qua lần lại, giang san chỉ nội bao nhiêu đó. Ly-tiết mắc vòng, mấy cơn giận dữ qua, gặm không khờn, cắn không hầy hấn, kéc duy nuốt hận, sẵn bấp nguyên trái, chuối chưa lột vỏ, bèn tha hồ ăn học nói. Có con nuôi lâu, nhái hết giọng người lớn trong nhà, ồn ào khó chịu. Quên mình điệu thú, lên mặt *song tàn*, mắng tứ quở trẻ em ốm tởi; ai lạ mới vào nhà, thoát nghe tiếng trách phạt oai nghiêm, giật mình tưởng chừng nghe giọng người quen đứng ở đâu đây!

Nhưng nhái được tiếng người, có khi kéc chết cũng vì lên mặt thông thái. Có sách kể chuyện một con kéc Jacot nói giỏi, hiểu biết đủ điều. Ngày kia, nhảy nhót liền khi thế nào, kéc thoát làm ngã cây đèn dầu vào mình. Dầu bắt cháy lông, kéc la

(1) Có đăng ký đầu trong tạp san BÁCH KHOA số 37 ngày 15-7-1958.

thất thanh, hết “*Bớ ông, bớ bà*”, rồi “*Bớ bà, bớ ông*”, người trong nhà quen lệ nhàm tai, không một ai để ý cũng không một ai tiếp cứu. Tội nghiệp, đến chừng nhận được sự thật, thì kéc ta đã rô-ti!

*

* *

Có hàm ý gì chăng, cái câu:

“*Chiều chiều bắt kéc nhỏ lông,*

“*Kéc kêu bớ Tự, sao mày bắt nham?*”

Nghe lại câu hát đưa em này từ đất Huế xuất phát ra. Xa xôi bóng bẩy, hàm súc trữ tình. Ý nhị thật. Nhưng có dính líu gì chăng với cái chết của ông Hồng Bảo? Sao dám kêu huych tẹt: Tự này, Tự kia? Câu này nghi làm sau này sửa lại cho sát đề; sơ khởi ắt không phải làm vậy.

Kéc chia ra nhiều thứ nhiều loại, lớn nhỏ, màu sắc khác nhau, khi gọi *anh vũ*, khi gọi *con keo*, *con vẹt*, nhưng tiếng *kéc* là thông dụng nhất.

Xin đừng lầm với *Két*, chữ này không có trong từ điển Huỳnh Tịnh Của, nhưng trong bộ GÉNIBREL chua rằng: *mông két*, espèce de canard sauvage.

Vào thời xưa, ở bên phương Tây, chí đến nay, ở Nhật Bản và xứ Mông Cổ, vẫn còn giữ tục nuôi chim ưng để đi săn. Và phần nhiều các vương hầu, nhà quý phái đi săn, nơi cổ tay hay bả vai, thường đeo miếng da dày dành cho chim ưng đậu không rách thịt.

Có tích bên Âu Châu, vua chúa xưa rất thích thú phong lưu đi săn bằng chim ưng. Con GERFAUT là loại chim ưng xứ Na Uy và Islande rất được trọng vọng. Sách *Origine des animaux*

domestiques của René THEVENIN, trong bộ *Que sais-je?* có kể chuyện một ông vua ngày xưa bị phe đối thủ sanh cầm. Bầy tôi bắt con chim ưng danh tiếng đem đổi mạng, chuộc được vua về! Mạng vua không quý bằng chim, thấy chưa?

Trung Hoa và Nhật Bản *nuôi công cộc, nuôi cò*, tập cho lặn hụp dưới nước, bắt cá bắt tôm; bắt được mới lại phải trôi lên nấp rúc rúc cho chủ; muốn nuốt trộm cũng nuốt “không vô” vì thằng chủ mắc toi đã tròng nơi cổ một vòng bằng gỗ cứng chặn ngoèn: làm việc có công, lúc mãn cuộc, chủ thưởng cho vài con cá ươn, tép chấu, cho con nào hay con nấy, muốn kén cũng không kịp, trời đã chiều, mà nào dám so đo, bởi tấm thân trong vòng nô lệ; cảnh khéo nực cười!

Chim trời bắt cá biển cung cấp cho người thế gian!

Cái nghề nhẩn tâm nuôi chim tập bắt cá làm kế sinh nhai, bên nước chúng ta chưa ai bắt chước.

Nuôi nhông, nuôi sầnh, nuôi sáo sầnh, sáo nghệ, sáo trâu, thì sấm lồng tre lồng trúc xinh xinh, lồng sắt sơn son, lồng thép thau có đậu bông bắt chỉ ngô nghĩnh. Các loại chim này, lưỡi mềm (trừ sáo trâu dở hơn hết), khéo học nhái được tiếng người. Đói ba tháng, thấy chim biếng nói thì biết lưỡi nó dờ đi, vì có một lớp da khô đóng mo ngoài chót, lưỡi không mềm mỏng như ngày thường: những lúc như vậy, chim biếng nói biếng ăn. Phải lột lưỡi, lấy móng tay khều kỹ lưỡng cho tróc lớp da cứng kia đi, đoạn gỡ nhẹ nhẹ lấy cái vẩy mảy thì lưỡi mềm lại, nội vài ngày, lưỡi hết ê, chim lành mạnh liú lo đồ đẽ như xưa...

Thật vậy, có nuôi chim mới biết thương chim. Ban trưa giờ vắng, có con giỏi, nhái hết giọng người, tiếng kêu lảnh lót *chè khoai, xe kéo*, báo hại mấy chị bán hàng nhí nhảnh, lo ra, cát gánh chạy te te, tội nghiệp nhất là chuyện này xảy ra đã trên

đôi mươi năm, là chuyện mấy chú kéo xe kéo già thiếu nhựa ngồi ngáp gió dưới gốc cây, tiếng dẫu thê thê bên tai, tưởng chừng bắt được mỗi xộp, giật mình xách gọng bò lê bò càng chạy lại, chừng biết mình lầm tay con linh diểu, xách gọng xe bèn lên, bộ mặt bí xị, trông lơ khóc lơ cười.

Khi tôi còn thơ ấu, cha mẹ tôi ở chợ Sóc Trăng, nhà ba căn mát mẻ, trên đường “Hàng Me” sau đổi làm đường Đại Ngãi, và nay là đường Hai Bà Trưng. Ngoài hàng ba, cha tôi có nuôi con nhông núi, lông mượt sẫm đen huyền, cổ thêm có khoang vàng hực như cổ chị Mèn ở Sóc Thổ mới ra. Trưa trưa, nhông ta cất tiếng nhắc chừng gọi tôi xách cặp đi học. Vẫn kêu xách khỏe y hệt giọng gia nghiêm. Bây giờ cha tôi đã mất (mất ngày mồng hai tháng chạp năm Canh Tý 1961), tóc tôi đã bạc màu, thế mà mấy tiếng nhông kêu: *Bớ Sến! Bớ Sến!* văng vẳng bên tai như mới ngày nào.

Nhông, sảnh, sáo, nuôi lâu năm, chủ vừa mến vừa thương, có lẽ còn mến thương hơn con dê trẻ nhà, - thì chim chết cồng, công phu nuôi nắng chỉ còn không đầy một nắm lông xương! Không đau óm chi hết, chỉ một tật “đau bụng”. Đang nháy nhót hát rân, thoạt nín nghẹn trăn trăn, đứng đờ rồi té ngửa xuống đáy lồng, hai cẳng đưa lên trời, hai cánh đập bạch bạch, giãy tê tê ngáp gió... Mấy lúc như vậy, chủ nuôi đừng quýnh, nếu biết kịp, cứ bắt chim ra vạch mỏ, thổi vài hơi người vào họng chim, lấy tay vuốt ve kéo giò giương cánh, tiếp hơi cho chim y như phương pháp cứu người chết đuối. Một đôi khi may ra biết sớm, chim bắt hơi lướt khỏi cơn xung bệnh, sống lại được hay không cũng chưa biết chừng. Chớ cũng chưa nghe thấy danh sư nào tài ba dám vỗ ngực lên bằng chấn mạch khui toa cứu chim “mắc gió”! Bằng như rui ro, chim chết, thì cứ đổ thừa *chim trúng gió độc, chim đau bụng, chim nhớ núi nhớ rừng*. Rẻ hơn nữa là y như giọng mẹ bù trẻ, lên mặt thầy đời, hô to: *con chim nó tới*

số! Tôi thà chịu cái giọng dốt đó hơn là nghe lời ông nào đây cất nghĩa rất khoa học rằng: *Chim chết vì lâu ngày ở tù tưng trong lồng, không được ăn sinh tố "vitamine" trên rừng săn cỏ.*

Buồn đi một lúc lâu, rồi như còn mắc nợ đời, sẵn lồng quen thói, người chủ gặp dịp khác, mua sắm chim mới, tiếp tục nuôi lại nữa. Muốn nói đó là *thú phong lưu* chơi chim, hay là cần quả, nợ kiếp trước, làm mọi cho chim, nói sao tùy ý người ngoại cuộc hay ở trong vòng.

Nhông núi, trong Nam có loại ở Cao Nguyên, Bến Cát, Trảng Bom, Tà Lài, Bù Đốp là danh tiếng nhất. Cũng nên biết là chim có tánh quen ăn do một người đút, nếu người đó là chủ chim thì không nơi đi đâu được với nó. Cũng thì mỗi ấy mà thay tay, không biết ý chim, thì lắm lúc con chim quý chết ngay. Không biết ý, cho ăn sai giờ, sai cách thức, thì chim cũng ngும் cù đèo. Một điều khác nên nhớ là muốn nuôi chim phải lựa nuôi từ nhỏ, chim còn bụng cứng, thì sau này chim khôn theo ý mình, đừng ham mua chim khôn sẵn về nuôi, chủ nó cho ăn cho tẩm thế nào, giờ nào mình không biết thì toi tiền thêm tiếc. Những lúc ở không, mỗi ngày lấy vài giờ nuôi chim, sẵn sóc nó làm *nhàn hạ*, nhưng những khi có chuyện muốn vắng nhà ít lâu không được thì mới thấy tự mình chuốc vạ vào thân.

Không kể bọn làm nghề bói bài, bọn thầy phù thủy nuôi quạ, nuôi chim ụt, chim mèo cho cảnh quanh mình thêm rộn, tội nghiệp mấy con chim nhỏ loại áo dà, manh manh, "thầy bói" "bạc má", của mấy anh bói què thể ngoài đường: đời khi có khách cầu tài, cầu gia đạo, lão thầy tay với kéo cánh cửa lồng ngăn bên trong, con chim tập sẵn lách mình chun ra, chạy lại xấp thẻ, như a ý khúc tưng, gắp lên một tấm, ngó lão thầy; lão với tay lấy thẻ, "ban" cho một hột thóc bủn xỉn, đoạn chim trở về chỗ cũ, nếu ngày ấy vắng khách thì, nếu tôi là chim, thà liều mình chết phút để đầu thai lớp khác, sướng hơn là chịu cảnh

mãi ăn gạo nếp hột và trộn đời kiến cắn bụng không thôi.

*

* *

Nuôi chim chìa vôi, thì phải ra công săn bắt bò cào, châu chấu, đào đất lượm trùn cho chim ăn. Thậm chí người nhà mua được miếng thịt bò, của không đủ mèo người, mà cũng lén lút theo bớt vài miếng ngon cấp cho con chìa vôi yêu thích ⁽¹⁾. Độ trước, ở tiệm thuốc Bắc lớn, người Tàu vẽ duyên có bán một loại sâu nhỏ phơi khô, màu đỏ đỏ, cân bán từng ly từng chỉ, giá thật mắc mỏ, thứ sâu này quên mất không biết tên gì, nhưng lại tiệm hỏi thì họ biết liền. Nuôi chim loại chìa vôi, thỉnh thoảng cho ăn thứ sâu này thì chim mau sung sức, mập mạnh, tươi lông mượt cánh. Ngày nay người nuôi chim phong lưu tài tử đã đỡ khổ nhiều. Dân Sài Gòn ngày một thêm đông, nên xoay trở đủ nghề. Họ khéo ra công bắt bò cào, dế mèn, sáng sáng tề tựu nhau bày bán nơi *Chợ Chim*, chợ này mới tụ hội cách nay không lâu mấy, ở khuynh sau trường Bá Nghệ, đường Kinh Lấp (Hàm Nghi), giữa khoảng hai con đường Pasteur và Công Lý. Văn minh hơn một bực là các tay hưu quan an nhàn, từng đọc sách Pháp, biết gậy giống *sầu bánh mì*, biết mua hột cỏ Tây về trồng, hái hột bán kiếm xu bộn bộn. Trong chợ chim, cũng gọi *Chợ Trời* hay *chợ lộ thiên*, thấy có bán chó đất tiền, con mèo tam thể, cây mai bông trắng, mỗi gốc đề giá sáu ngàn đồng

(1) Tôi còn nhớ trong hát bội, có câu này, (trong câu cô đủ trầu, cau, vôi, thuốc):

"Chim chìa vôi bay ngang đám thuốc,

Cá bả trấu lội tuốt mương cau".

và ai lại chẳng biết câu bắt hủ:

"Chim quỳên xuống đất ăn trùn

Anh hung lỗ vận, lên rừng đốt than".

(âm chì tướng TRẦN KHÁNH DỨ khi thất thời).

(nhưng vẫn chưa thấy ai “rình”), và tạp nhạp đủ thứ, có cả thuốc sán lãi rẽ tiền và sách lạc xon bán không chạy, nhắc lại trong chợ chim này thường thấy người tay xách lồng sang, tay ôm hộp đựng thức ăn của con điều cứng, chen vai cùng thầy nọ hấp tấp vì còn phải vô sở làm, nay ghé tạm lại đây cốt để mua gấp ít ngoe bò cào, đế mái, cũng không dám se sua bề bộn sắm hộp sấm túi, duy giấu đờ mấy con này trong bao thơ cũ, hay vỏ hộp quạt không, để đợi mãn giờ về nhà sẽ cung cấp cho con chim câng. Chợ chim có khách đủ hạng, khách thích chơi chim cũng có, mà bợm bãi lái chim cũng có, chuyên nghề xách lồng thật đẹp giả mặt người sang, kỳ trung là “thằng bán chim vô hạnh”, trong lồng bẹo con bạch yến giả mạo, khoe đây là con yến Nhựt Bản mới mua về, lông *xác pháo* “*chánh hiệu*” nhưng giá nào y cũng bán, ai rớ tới nó thì nó không buông tha, vì như đã nói, đó là con chim giả, *lông phun nước sơn*, ai mua về nhà vài ngày là lộ tẩy. *Chim sơn* đã có thì *chó sơn lông* cũng có, tính coi chó gì đầu là đầu chó xi chó ghè, lưng lại lốm đốm tròn tròn toàn những vệt đen huyền rõ khéo, thật tròn xoe, trở hiện trên màu vàng hực bộ lông *vàng da cạp*, sau rõ lại đó là con phèn nhà ta giả làm con *kim tiền cầu* đời nay. Kim-tiền-cầu đời xưa là con thần khuyến có tài cắn giết yêu tinh quỷ mỵ, con *kim tiền cầu* tân chế đích thị là con chó vóc giặc dễ coi, ngày nọ chủ thấy nó “tốt bộ”, bèn mặc cho một chiếc áo có khoét lỗ sẵn lốm đốm tròn tròn như đồng bạc, rồi sẽ lên đưa nó lại tiệm sơn xe máy xe đạp, trả một số tiền phải chăng, độ một giờ sau dắt chó ra khỏi “lò phun sơn điện” rồi có thể đưa luôn chó lại chợ chim, duy phải nhớ đừng gấp lăm không nên, vì còn phải đủ ngày giờ thủ tiêu cái áo chó ban nãy, và đủ ngày giờ cho con chó khô lông. Nơi chợ chim, đã nói chó phèn, chó cò trở nên “Kim tiền cầu”, thì loại mèo bốn chân cũng có thể thắp tùng theo chủ và loại chó “xa-lông” bỏ túi, cũng lóc cóc theo mẹ Tây, mẹ Mèo.

xem đi xem lại đó là chợ Đồi, bán “chó ăn cắp”, mèo bốn cẳng, mèo hai chân đủ thứ! Nơi đây là Chợ Trời, chợ súc vật, mà cũng là chợ hoa, chợ ái tình, bán từ cây bông giấy màu trắng mới nhập cảng, cây hoa “ma-ni” lá xen xanh trắng như chiếc áo sơ-mi loè loẹt Phi Luật Tân, có bán rong cho cá ăn, hoa chớm nở, hoa sắp tàn, hoa mai bị đọa.

Người nuôi chim công phu không ai bằng. Trong lồng, sắm một mùng vừa đựng nước sạch, làm bể cạn chờ con nhông nóng rục rửa lông; sắm một mẻ cát sàng sảy kỹ càng cho con chim trời trưa tắm mát, có nước trong cát mịn cho chim rửa cánh vùi lông, tha hồ chim sung sức. Chủ nhà khuya sớm nhọc nhằn với chim (hỏi đôi với người trong thân, được như thế chưa?) Và chờ khi chim khỏe sung, bộ tịch chăm hãm, thì chủ xách lồng, hội hiệp bọn đồng điệu đồng chơi chim với nhau, cấp độ con chim nhà với con chim hàng xóm, con chim người mình nuôi với con chim do ngoại kiều rهن đúc có phương pháp, bày trò cho nó đá chọi đánh cấn với nhau, hơn thua bằng những cuộc đánh bạc giỡn tiền, mà một không kém đá cá thia thia, đấu kê hay là đồ bác.

Tại đô thành, luôn cả trong phố chật hẹp Chợ Lớn, tôi đã thấy tận mắt nhiều căn phố người khách trú ở, không lớn hơn cái vỏ hộp quẹt cây, không đủ chỗ hòng chưng bày hàng, thế mà chủ nhân ông dày công khổ cực, sắm lồng riêng nuôi đến bốn con chìa vôi, con này treo khít dưới con kia, và sáng sớm ông chưa lo dọn hàng, phải lo thay nước, phân phát lương thực từ con ngựa trời, châu châu ngắt chum, đến con giòi, con sâu bò lúc nhúc, công phu tỷ mỹ, tôi thấy rồi so sánh lại, riêng mừng cho mình, cứ mỗi sáng mỗi thức sớm lau quét o bể đồ xưa và sách cũ, đầu nhọc và đầu gàn bằng ông khách trú chơi chim này!

Có người nuôi *cun cút*, là giống chim nhỏ bé bằng năm tay, thế mà gan lì còn hơn gan Triệu Tử.

Người khác nuôi *chim trích*, người nuôi *quốc quốc, le le*, ngỗng trắng; nuôi quen cho ở chung lộn với vịt gà, trẻ nhỏ lại gần nó cắn cho mà biết! Chiều le le lùa vịt vô chuồng thấy rất nên thương. Nuôi chó, chó táp người lạ, đưa nhau ra tòa, chủ bị phạt là thường. Nuôi trích, nuôi ngỗng: trích gặm rách da, ngỗng cạp chảy máu: chưa có luật pháp nào áp dụng phạt những tình trạng này, sướng chưa?

Tục ví *nuôi như nuôi cun cút*, độ chừng đoán biết cách săn sóc tăng tiu tí mĩ là dường nào.

Người thì nuôi *cu đất, cu cườm*: con nào gáy “cu cu” là thường sự. Con nào gáy tiếng hai, tiếng ba: “Rục cu-cu”, có con gáy đến bốn tiếng, năm tiếng: “Rục cu cu... cu... cu”, “Rục cu cu, cu cu... cu”, những con ấy là bạc là vàng, chủ nuôi hãnh mặt khoe mình có con linh diệu. *Chim nhà tôi, nó gáy có hậu ghê!*

Có con lại gáy lộp đi lộp lại nghe ngộ ngộ: “Rục cu cu, Rục cu cu... cu”. Nếu ở trường, học trò thế ấy là thằng cà lăm vô dụng; đàn ông này nó là con chim, nên xứng đáng là con linh diệu! Máy con chim như vậy là món nợ đời trong gia đình. Con trẻ rui động tới là bị đòn nút thịt; vợ nhà rui tay làm sẩy thì còn sợ hơn mất vàng thoi ngọc quý.

Xưa có tích thằng nuôi gà chọi miệt Hóc Môn, bị trời trông giữa ban ngày, cũng tại nó dám rượt đánh mẹ nó, chẳng qua bà này thương dâu, nằng dâu lỡ tay liệng khúc củi làm chết con gà cưng, tưởng nhận tội nó nghĩ tình mẩu tử mà tha, không dè tên nghịch nhi đi chơi về, hay mẹ giết chết gà, nó coi gà trọng hơn

mẹ, xách dao rượt chém, trời trông cũng đáng!

Nuôi cu cũng thế... Viết đến đây tôi bỗng nhớ anh cựu hương chú Trần Ngọc Lợi, tự Lý, quê làng Hòa Tú (Sóc Trăng). Năm 1946, vì phải tuân lệnh tản cư, tôi bèn lia tổ ấm, bỏ chợ búa chạy vô ruộng quê, nương nấu nhà anh chủ, dính dấp bà con bên vợ trước. Đến chừng có lệnh “triệt để tản cư” nữa, trong nhà anh Chủ ai nấy đều tay gói tay xách, cụ bị gồng gánh đem đồ quý xuống thuyền: mắm, gạo, nước ngọt, tỉnh cuộc lâu dài, “đại viễn du” vô hạn định. Khi ấy, anh Chủ, vốn vẹn không động móng tay, chờ đến giờ thuyền lui bến, một tay anh xách lục cu⁽¹⁾, một tay xách cây siêu dao, chằm chằm xuống thuyền, oai nghi như lớp *phó hội Châu Du*. Chúng tôi nhạo anh là ngông, anh cười chúng tôi là còn bận bịu mắc nợ đời, nào chưa dứt lòng trần, nào còn thương tiếc của tiền và chưa thoát tục. Anh chê chúng tôi không như anh lia bỏ hết sự sản, thông dong rảnh tay rảnh nợ, nhẹ nhàng hồn trí, mặc tình tấu nhựa chơi chim, từ đây sẽ thi hành triệt để câu *cầm hạc tiêu dao!* (Anh Chủ ôi! Ngày nay anh đã là người thiên cổ, miệng nào ngạo anh cho đành. Ngày nay tôi nhớ lại lúc ấy anh cầm siêu dao dẫn mẹ chạy giặc, rõ anh là người con chí hiếu. Nhưng đêm hôm ấy Tây bắn già quá, anh quăng cây siêu dao của anh lúc nào, anh đâu còn nữa mà hỏi? Ô hô! Anh Chủ!)

Cũng độ ấy, trong lúc bình bồng tản cư giữa trời và nước, chiều ba mươi nhớ lại ngày mai này là mồng Một Tết, ngùi ngùi tủi cho cái Tết vong hương không pháo không lân, cũng không miếng đất nhỏ cặm nê. Thuyền chúng tôi cắm sào đậu cửa Sông Lớn, tục danh Vàm Cổ Cò. Người người tuy xa nhà xa tổ ấm, nhưng đã là chiều ba mươi tháng chạp, nên trưa hôm đó

(1) Lồng cu có tên riêng là cái lục, có lẽ vì lồng che lá xanh tươi (lục) chung quanh lồng để nhái cảnh rậm rừng - Lục cu nhỏ bé và thấp vừa mình con chim chớ không rộng và khoảng khoát như các lồng chim khác. V.H.S.

không hẹn mà như một, thuyền nào ghe nào đều lo giỡn quải ông bà đạ bạc trên thuyền, cho đỡ tủi. Duênh ngân bạc phận, có chút vậy mà an ủi vô cùng... Riêng anh Chủ, thông dong tự toại, ai mặc ai, sáng bưng tung anh xách lục lên bờ mất dạng. Đứng ngo, cúng rồi, cơm dọn ra mà anh vẫn không có thì anh em cũng khó mà cầm đũa. Thêm nổi, giờ ấy là giờ *Sốc dậy*, người Thổ dân lộng hành. Đứng trước mũi thuyền ngóng xa xa thấy dạng những con người mình trần đen như cột cháy ấy đang quơ bồi đốt xóm làng và đang lừa bắt đàn bà trẻ con người mình, lại càng thêm thót ruột, trống ngực đánh lung tung... Chúng tôi để nghị nhờ cậu trai út con anh Chủ lên bờ tầm cha, để mời anh xuống cho kịp buổi cơm và cũng kịp giờ lui bến ty nạn Thổ đốt. Tội nghiệp đứa con anh Chủ triệt để thi hành sứ mạng giao phó. Vô tận bụi cây xanh giữa rừng, thấy cha mình đang nằm khoanh tằm, nhịp đùi, núp dưới bóng mát, ca nhỏ nhỏ bài “Thanh niên hành khúc”:

Này thanh niên ơi!!! Chúng ta đến ngày giải phóng.

Anh Chủ giờ này khoái đến tột độ...

Cu nhà, trong lục, bo bo, kêu rúc...

Cu rừng, như có gì thúc đẩy, ban đầu “nhát đèn” rồi “mê trận”, chuyền chuyền đáp đáp lần xuống nhánh thấp, định không còn mấy chốc nữa là “cho cơm” anh Chủ!

Anh Chủ, trống ngực đánh muốn bể, ngứa ngáy cùng khắp thân thể mà không dám gãi...

Giữa lúc ấy, sứ giả của chúng tôi, ngáy thơ nào biết gì, phần bụng đói phần mắng lo *giặc đang thố cấp duông* sứ giả của chúng tôi, chuyện đã tới bên tròn, nên không giữ gìn cẩn thận, không kể giờ phút thiêng liêng của cha, cứ việc bước tới... Lá khô dưới chân kêu sột soạt, anh Chủ trợn mắt dục mà thẳng

nhỏ bất chất... Bỗng một nhánh khô gãy dưới chân đứa nhỏ: cu rưng giật mình bay cái vù... Cu nhà, mất trốn, cũng thôi bo... Anh Chủ phừng phừng trỗi dậy, không kể phụ tử tình thâm, cũng không thèm hỏi lý do sự tình, xáng đứa trai út mấy tát tay tá hỏa hào quang. Rồi anh nhứt định bỏ bữa cơm Tết, tiếp tục dàn xếp dọn dẹp lại, nhưng cu rưng “động ổ” đã bay mất dạng.

Báo hại chúng tôi ăn Tết ly hương mất hứng!

Mê gác cu đến nước ấy là cùng. ⁽¹⁾

Kinh khủng vì nạn thổ dân tàn ác, tác oai tác phúc, không biết giờ phút nào rượt kịp thuyền mình; hồi hộp cho một người anh kính mến, nghĩa hiệp, đang còn trên bờ rồi số phận sẽ ra sao, chúng tôi nao nao trong lòng, biếng nuốt cơm, biếng nói rằng, dè dàu đến đổ đèn, các ghe thuyền chum nhum một chỗ, thì thấy anh Chủ lù lù xách lục xuống ghe, an nhiên vô sự. Anh ngồi ăn cơm một mình, nghe anh em kể trách người móc, anh gật gù nhìn nhận: một mình anh làm cả thuyền lo sợ, cũng vì một con chim, giá thử bắt được, cũng không hơn hai bạc! Tưởng như vậy anh Chủ ăn năn... Khôn dè sáng sau hỏi lại, lục chim và anh Chủ đã lên bờ quyết “ăn thua đủ” với con chim rừng cứng cổ.

Nghĩ tới giống chim cu mà ngán. Quen lồng quen lục, mê ba hột lúa gié vàng tươm nhựa, mà sát hại giống nòi không tiếc tiếng gáy tiếng gù. Chủ đem ra rừng bụi, lựa chỗ êm thắm, che

(1) Nhó câu: *Ở đời có bốn cái ngu: làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chấu*. Xét ra: làm mai là một, xa-nhe (signer) ký tên lãnh nợ vay bạc Chà là hai, chóng bị quên ơn, oán thì có... Còn cầm chấu vẫn ít ai vừa lòng, trên sân khấu cũng như dưới hàng khán giả. Đến như gác cu, câu chuyện như trên đủ thấu tâm tình, nhứt là không phải do tôi bày đặt. Nay nhớ lại từng tuổi này tôi đã vướng đủ *bốn cái ngu* V.H.S

túp lá xanh già cảnh lâm sơn, ngoài lục đánh cỏ phẳng phiu rồi gài lưới kín trên thả cỏ non cho dê mà con mắt, mảnh lưới có tra sẵn sợi nhợ bí mật dài, anh chủ chim lôi nhợ ra ngoài xa ngòi núp bóng chờ thời, không khác *Thái Công ngòi câu sông Vị*. Trong lục mặc tình “*cu gù, cu gáy, cu bo*”, chim rừng nghe tiếng chim lạ đến xâm chiếm địa phận mình, sẵn tánh ghét tiếng gáy, mà cũng là quen thói cậy tài hay ý sức khỏe, không chịu kiêng dè, từ trên cao liêu minh phóng xuống mổ cắn chim nhà. Mảng say cuộc tranh giành, quên để phòng, anh chủ chim chực cơ hội thuận tiện, bèn giựt sợi dây ác nghiệt, chim rừng mê độ không hay biết, nên hai tấm lưới sập liền theo tay, ô hô, còn gì là phóng khoáng tự do?

Bắt được chim về, xem con nào tốt mã thì sắm thêm lục mới, tập dượt chờ ngày giở lại trò cốt nhục tương tàn. Những con chim xấu, tha hồ nhậu nhẹt.

Tục còn câu *cung như cung cu cu* nhiều nghĩa. Bằng ai muốn thâu đáo nghe huych tẹt, tiếc thay anh Chủ Trần Ngọc Lợi, làng Hòa Tú, đã không còn. ⁽¹⁾

Nói đến tự do phóng khoáng của chim, sự nhớ câu chuyện

(1) Nói có vong hồn ảnh Chủ Lý. Anh là người cao kiến lạ lùng. Năm 1945-1946, anh em mình ăn gia tài, đũa nào cũng trên 2000 công ruộng. Đũa nào như đũa nấy, mảng lo giành ăn, đóng thuế gia tài, ra tiền cho tá điền làm ruộng. Bùng một cái, giặc già liền miên đến nay chưa dứt, đũa nào theo nghiệp nông cũng đều phải hai tay không, bỏ chạy lên thành mất cả sự nghiệp đất đai, dầu nay chính phủ nghĩ tình mua lại ruộng đất cấp phát cho người trực canh, của đổ mà hốt, vừa đủ trả nợ bấy lâu nay vay mượn ăn xài, duy một mình anh Chủ, thấy xa hiểu rộng, từ năm 1946, anh đã lợp bán, lợp cho. lợp đem cấm cố cho Chà lấy tiền ăn xài cho đã, ai nấy đều chê anh là “con phá sản”, nay rõ lại, tuy anh đã nằm dưới đất, nào có hay đâu mấy thằng bà con với anh như tôi đây, bo bo ky cốp để dành rồi cũng phải tay không? Nay muốn bắt chước anh thì đã quá muộn.

từng đọc trong sách Tây ⁽¹⁾. Theo sách ấy, dường như chim trong lồng mất tự do đã đành, nhưng những chim ngoài trời, nghiệm ra cũng chưa tự do gì mấy.

Thử xem loài chim vạc luôn luôn đi ăn ban đêm; chim cò thì vẫn ăn ban ngày, chúng đụng đầu nhau trong giờ nghịch lệ sái giờ ước kết, thì không giận nào bằng, mổ cắn lung tung. Giống chim ở rừng thì lại không dám ra kiếm ăn ngoài đồng nội. Trái lại giống chim đồng bằng không bao giờ dám tuôn pha rừng rú. Bên Mỹ quốc, có loài *Cardinal* là chim hung tợn khét tiếng: lông đỏ mỏ dữ. Thế mà khi rừng của nó bị phá, cây ngã rạp la liệt, thì chim *Cardinal* nằm rạp dưới đất chờ chết, như định không dám bay qua rừng khác tuy chỉ cách đó không hơn hai trăm thước, không khéo thâm nhập địa phận chim ụt chim mèò, chúng nó đánh cho mang xấu hoặc lên án tử hình, gập đầu cắn đó, như vậy thà nằm chết tại rừng cũ còn thơm danh hơn! Nghiệm cho kỹ, mỗi giống chim muông, mỗi loài điều thú, vẫn có khu vực riêng biệt, tuy ranh giới mắt phàm không ngó thấy, nhưng bọn điều cầm cùm giống hoặc khác loài đã có quy chế riêng, không bao giờ con này dám xâm phạm địa phận con khác, nếu xâm phạm không khác nào, như ta nói, xâm phạm tử địa, cấm địa, ranh giới nước thù, v.v... Thậm chí, có giống chim hung dữ thuở nay chưa từng chịu thua chim nào, thế mà nếu ta thử bắt đem thả nơi khu rừng lạ thì con chim dữ ấy sao sao cũng nòng nã tìm cách bay về quê cũ, rừng cũ chớ không đủ can đảm ở lại chỗ mới, vì đó vốn là *ngoại quốc*, lạ nước lạ non không chỗ dung thân. Điều khác là khi chim đẻ, lại càng cố thủ giữ gìn địa phận chống kẻ thù hơn lúc bình thường. Duy có giống chim hậu điều (*oiseaux migrants*) tùy mùa đổi chỗ ở cho

(1) Xin tìm đọc, nếu may gặp, *Sélection*, Mai 1959: "Dans la nature, aussi les oiseaux sont en cage" (ngoài cảnh vật thiên nhiên, chim cũng vẫn như ở tù trong lồng chó không tự do chút nào).

nên có một cách đường như *xin phép*. Mỗi khi chim hậu điều bay về quê cũ, con chim trống về tới quê hương, cẩn thận sẽ đứng trên chót cây đại thọ rồi cất cổ gáy lớn lên. Nếu không nghe tiếng chim trống khác gáy trả lời, ấy là cuộc đất chưa ai chiếm cứ, vợ chồng về ở được, trọn mùa bình an; bằng như nghe có tiếng trả lời, thì là *đất có chủ rồi*, hãy toan bồng bé vợ con tìm nơi đất mới vô chủ, đừng cượng lý ở lại chỗ xưa là trái với *kết ước mật cha truyền con nói*. Tiếng chim gáy nghe đến đâu là ranh giới của chim ăn đến đó. Ghét nhau từ tiếng gáy cũng vì tục lệ chim như vậy đó thôi. Khi chim gáy để *cắm ranh đất* lại cũng là một dịp gáy lên để tìm bạn ngọc trăm năm. Con chim trống nào biếng nhác, đến trễ, gáy trễ, mắng chần chờ để con chim trống khác gáy trước, “*cắm ranh trước*”, “*có vợ trước*”, thì đành chịu bụng đói, độc thân, và hãy cất cánh bay kiếm tha phương: cầu thê, cầu thực.

*

* *

Tiện đây, tôi xin trích lục một đoạn nghiên cứu nữa, rất mới mẻ về chim chóc.

Tập *SÉLECTION*, tháng Mars 1961 có đăng một bài của bà Jeanne GEORGE khảo về cách ăn thói ở của loại bạc má (mésange) Mỹ quốc. Như ta đã biết, chồng bà là ông John GEORGE, nguyên là một điều cầm gia danh tiếng dạy khoa *écologie des oiseaux*, chuyên tìm hiểu về thú tánh, tập quán, cách ăn thói ở, cách sanh sản của điều cầm, v.v... Một hôm, ông cho bà biết ông sẽ để riêng bảy năm học hỏi, nghiên cứu lại về chim bạc má “mésange”. Bà tỏ ý lấy làm lạ hỏi chồng “như thế chẳng là tự cổ chí kim chưa ai khảo tường tận về loại mésange hay sao?” thì John cười mà trả lời rằng “phải nghiên cứu thêm bảy năm như vậy nữa mới là thấu thoát vấn đề chim bạc má.” Bắt đầu, ông mượn bà tiếp tay ông, cầm giùm một con chim

trống đặt tên là “Bonnet Noir” (thằng Kết Đen) (từ đây xin gọi tắt là B.N.) để ông cho đeo số trước tịch đảng hoàng tiện bề nhìn nhận. Ông đeo cho B.N. một cặng là khoanh plastique màu lam, còn cặng bên kia ông đeo khoanh aluminium có chạm số, rất dễ nhìn. Trong khi bà kèm con B.N. trên tay, bà xem kỹ thấy mắt chim quả là lưỡng tiện, một nhãn kiếm ăn ngó con mồi, một nhãn thủ thế phòng chim dữ, mèo chó chụp bất thành linh. Lại nữa, xương chim dường như cốt bọng, để thêm nhẹ mình lúc bay, tim chim đập rất mau, có thể lên đến một ngàn tiếng đập trong mỗi phút, và tai chim không “thính” lắm, tỷ như tiếng thường của người, đối với chim, nhỏ nhí quá, không lọt tai được.

B.N. được thả ra rồi thì bay nhập đoàn với mười lăm con khác thành một tiểu đoàn chim bạc má, có một bạc má bị cầm bẫy, quân thủ độ tám mẫu đất vuông có cả rừng, bụi rậm và vườn tược sum suê. Ngày ngày chim ngủ đêm trong rừng, kiếm ăn xóm bà George, ăn rồi bay đậu nghỉ khỏe trên đại thọ xóm nhà đèn, khỏe cánh rồi bay một vòng đảo qua viếng xóm Chim Ut, rồi trở về xóm bà George là vừa đúng bữa ăn trưa. Lúc nào gặp đông thiên giá lạnh thì cả đoàn làm thi, bàn triết lý, hoặc đứng lặng yên ngắm tuyết rơi, và kiếm ăn trong khu rừng êm ấm.

Buổi sáng hôm B.N. được ghi số và thả, phu nhơn thấy bầy chim đáp xuống sân bà, có một con “Jaune” đang đứng ăn, thoạt B.N. hạ cánh đáp xuống thì “Jaune” nhường chỗ tức thì. Giây lát có chim “Vert” đáp xuống thì đến lượt B.N. tránh mặt; sau đó có các chim khác đáp xuống, nhưng những phen ấy B.N. vẫn đứng ăn như thường: do đó phu nhơn độ chừng có lẽ B.N. là phó trưởng đoàn, “ông phó xếp” bạc má! chỉ thấp hơn con “Vert” một bậc. Theo kinh nghiệm của phu nhơn thâu thập, thì trong đoàn vẫn có con chim này húng hiếp, làm anh làm chị các con

khác, nhưng những lúc hoạn nạn hay ngộ địch thì luôn luôn tương thân tương trợ không bỏ nhau. Con chim nào khờ khạo, lù đù cách mấy miễn biết nhập đoàn, biết tuân lệnh, biết có lớn có nhỏ, thì sẽ được chở che, không bao giờ sợ đói sợ lạnh. Những khi điều quạ, chim ưng toan bắt, thì đã có các con lanh lợi hơn giải cứu, ủng hộ hết lòng.

Hạ tuần tháng giêng năm đó, phu nhơn để ý bạc má khi ăn trong sân tỏ vẻ bứt rứt rộn rục khác hơn mọi lần. Chồng bà bạc má ấy thế là đến mùa chim mái chịu trống. Bà tọc mạch rình mò xem B.N. sẽ lựa ai làm vợ. Chiều hôm ấy, rõ ràng bà bắt gặp B.N. “gù” chị Roussote. Khi lựa được “ý trung nhơn” của mình rồi, bà thấy B.N. hăng hái bay đi “xóm nhà đèn”, chọn một cây cao để sau này làm ổ, nay phải chiếm trước hầu không có con khác tranh giành. Qua tháng ba, thì cuộc “ăn ở cùng nhau” giữa B.N. và Roussote đã thành tựu. Cùng trong tháng ấy, có cuộc biến đổi khá lớn trong tiểu đoàn bạc má vì chim từng cặp đưa nhau đi tìm chỗ vừa ý để ân ái và tạo gia đình riêng mỗi cặp mỗi nơi. Trong đoàn còn sót lại hai con chim trống “vô duyên” nhứt, bộ tịch lù đù, “thương không vô” nên mặc dù gáy gù khô cổ khô nước miếng, nhưng không bắt cặp được với mái nào, mỗi lần bay đến xóm mới “bày trò 35” thì vẫn bị chim trống ra cản đánh, hai chim lẻ bạn đành tìm xóm cô quạnh ở độc thân chờ dịp may khi nào có chim chồng chết hay chim lạ “gái già” ở đâu đến sẽ ráp thử. Phu nhơn nghiên cứu lâu năm thấy rằng trong giới chim bạc má, dường như vợ chồng chung tình với nhau lắm và không thấy có chuyện lấy bậy, vụng trộm ái tình.

Trọn một tuần nhứt, phu nhơn không thấy bóng B.N. lai vãng xóm bà, nên sốt ruột bà đi tìm thử thì thấy B.N. đến định cư “xóm nhà đèn” và mãi lo dùng mỏ cứng moi bọng cây liễu già, lót ổ cho mẹ Roussote. Hễ chồng mệt thì vợ tiếp, vợ mệt thì chồng ra tay, chung sức nhau moi bọng cây thêm lớn và rộng

rãi, moi rồi, B.N. lấy rẽ mềm và lông rụng lột thêm và tỏ vẻ âu yếm cưng mụ Roussote vô ngần. Ổ lột rồi, đúng tám ngày sau, phu nhơn bắt gặp B.N. đứng rìa lông làm dáng trên cành gần cửa sổ nhà bà. Trong khi ấy, mụ Roussote đứng xù lông hạ cánh xuống xệ xệ, rõ là điệu bộ một phụ nữ đa tình đang mong một cuộc ân ái mây mưa. À! Thì ra hai chim đang tìm cách thỏa dục tình. B.N. biểu quyết đồng tình cùng Roussote... Hai con chim không hẹn mà nên, tự nhiên vỗ cánh bay lên không trung cao thật cao, rồi xấp lại nhau, cánh đầu cánh, mỏ giao mỏ, đầu cụng đầu, mình khít sát kín, rồi tê lê mê, sập sận liú nhíu để rơi hai thân thể song song, rớt xuống thấp. Trong khi ấy thì B.N. đã bắn “tinh đục” vào hậu môn chim mái và mụ Roussote đã chịu trống rồi vậy. Cách thụ thai của loại điểu cầm là thế. Trứng non trong bụng chim mái đậu vài giờ sau khi thâm nhận tinh chim trống đã “kiết tử”, bây giờ chỉ đợi lòng trắng bọc thêm, lớp vỏ cứng bọc thêm là thành hình trứng chim “có trống”. Sáng sớm hôm sau, chim mái nhận thấy trong mình “đi nặng, bụng khó chịu”, bèn rặn đẻ, trứng rơi ra dễ dàng trong ổ, dễ xong chim mái nhẹ mình vẫn bay theo phu tướng kiếm ăn thân nhiên vô sự. Trong tám ngày liên tiếp, mụ Roussote đẻ được tám trứng. Đến kỳ đẻ xong trứng thứ tám, mụ Roussote ở trong bông cây, ấp trứng không ra, bỏ ăn bỏ uống, đủ biết rằng tuy mang tiếng là “bạc má” nhưng chim mésange mê con lắm! Trứng ấp mười ba ngày liền đêm là nở con. Trong lúc ấy, B.N. phải đem cơm cho vợ, bắt từ con sâu non mềm, và đút cho Roussote “tới miệng”, Roussote chỉ nằm đờ trên trứng, lim dim, há miệng, không nhẽo còn hơn các chị dài các tân thời. Phu nhơn ghi ngày mồng chín tháng Năm là chim nở, vỏ trứng không được lôi ra khỏi ổ cho sạch sẽ bèn trong, chim con vừa nở là kêu la chi chít và đã biết ăn. Chim con không ỉa ra “cứt su” nhưng tiết ra phân nguyên bọc, mỗi ngày B.N. phải cần bọc lôi ra xa ổ cho được vệ sinh. Mười sáu ngày từ phá vỏ trứng, là

chim đủ lông đủ cánh tập bay. Tuy vậy vành mỏ chim mất màu vàng là chim đã khôn lớn trưởng thành. Mặt trời mọc khỏi ngọn cây là chim tập bay. Ban đầu bay từ nhánh nhỏ này qua nhánh nhỏ kia, trước còn lính quỳnh vụng về bợ ngỡ, mỗi lần bay lên đậu lại đều nhủi đầu xính vính, chưa chi đã la đói đòi ăn. Qua tháng Tám, bầy con của B.N. đẻ tám nay còn ba, năm con xấu số bị ụt, mèo, cú sốt ăn tươi nuốt sống lần hồi. Bước đầu tháng Chín, B.N. trở nên cô thân độc mộc như xưa, vì con đã trưởng thành và đã theo tiếng nói trái tim đi lập gia đình đôi bạn nơi xa lạ. Ấy cũng là thiên tánh hay linh tánh của điều cấm, tránh khi lớn không ở chung với cha mẹ là cốt tránh sự loạn luân giữa anh em chị em, vả lại điều cấm mà cũng biết nếu đồng một huyết mạch mà làm chồng vợ lẫn nhau thì mau đi đến sự lụn bại giống nòi, sanh con đẻ cháu sẽ tật nguyên, không khỏe mạnh. Càng khổ thêm cho B.N. là mục Roussoite qua đời hồi nào không rõ biết, cảnh bơ vơ của B.N. càng thêm bơ vơ. Một đoàn chim bạc má lạ, từ đâu bay đến gần nhà bà George phu nhơn, định dừng đậu nơi đây qua hết mùa đông rét giá. Năm ấy B.N. thăng chức trở nên chim chúa đoàn, B.N. tỏ ra có sức lực hơn các chim trống khác, cả vợ chồng John George đều lấy làm lạ cho sự trường thọ của B.N. vì đếm đót tay B.N. đã hơn tám tuổi lẻ. B.N. có bản lĩnh lạ thường, bầy chim mới lạ đến tá túc sẵn mất chúa đoàn bị B.N. rử các trống khác đến chinh phạt, đánh bại chim mới và sáp nhập bầy chim mới vào đoàn của B.N. cầm đầu. Nhơn dịp B.N. nở rộng chu vi chiếm đóng thêm tám mẫu vuông nữa. Từ đây cương vực của B.N. càng rộng lớn, quyền hành của B.N. càng nhiều. B.N. càng lão luyện, xứng đáng một chim "cầm bầy": lo cho chim em út từ miếng ăn chỗ ngủ, đêm nào các chim vào rừng nín lặng thì B.N. mới chịu nghỉ ngơi. Đầu năm thứ chín, trong một đêm mưa gió bão bùng, rạng ngày, vắng mặt B.N. Vợ chồng John George bàn tán phân vân, chồng viện cớ vì trận bão chim chóc chết hại

nhiều, e B.N. ham đất bay đi chinh phục phương xa nào đó chăng, còn phu nhơn thì cẩn thận hơn, lưỡng lự phân phân bất nhất. B.N. không còn trong đoàn, bọn chim trống lại một phen thư hùng để tranh nhau chỗ trống do B.N. để lại.

Một con bạc má tên gọi "Orange" đánh thắng các trống khác tự mình lên nối ngôi B.N. Phu nhơn trở vào văn phòng, lấy xấp thẻ chim ra tra cứu. À há! Orange đích thị là cháu đích tôn của B.N., thảo nào? B.N. đã chết còn nhiều B.N. đời đời kế tiếp đó chi? Và chung quy chim bạc má loại *mésange* trong vùng phu nhơn ở luôn luôn vẫn còn nhiều.

*

* *

Người khác nuôi chim họa mi, sấm lông bẻ cao thật cao, dưới đáy thả cát nhuyễn, để khi mỗi lần chim hót, chim cất cánh bay lên tận đỉnh lồng rồi phùng xòe thả mình rơi xuống sập sập, vừa xoay mình tròn, vừa lú lo lánh ló, ai nghe ai thấy cũng mê.

Nhưng công phu và thanh nhã hơn hết là nuôi *chim bạch yến*. Tiếng rằng yến bạch, mà lông có nhiều sắc nhiều màu: con lông trắng gọi *bạch* đã đành, đến như con lông vàng dợt cũng lại là con *bạch yến*: người nào gọi *hoàng yến* hay *kim tước* thì cho người đó là câu kỳ!

Gần đây hơn nữa, bên Nhựt Bản, các điệu cầm gia thiện nghệ có gây được một giống chim mới *bạch yến màu xác pháo*, lông đỏ hồng hồng y như xác pháo nổ toang. Ngày nay tại Sài Gòn giống chim này đã có khá bọn, chớ độ năm 1958, có một điệu gia ở đường Thủ Khoa Huân, dám mua một con tận bên Pháp, giá hơn tám ngàn bạc, chỉ nội tiền chuyên chở và bảo hiểm đi máy bay, đã là mười lăm ngàn quan Pháp (bạc 1958). Tôi thấy tận mắt con chim này, thấy luôn giấy chứng chỉ, có ký

tên bảo lãnh đảng hoàng. Tôi ngán quá, hỏi chủ gia, ông cười nói “Tuy mua mắc thật, nhưng mình gây giống ra và lấy vốn lại không mấy hời!” Riêng tôi, tôi nghĩ khác: “nếu con chim vì thiếu săn sóc hay vì lẽ nào, không sống được trên đất Sài Gòn nóng nực này, thì chẳng là toi tiền? Thôi đi ông bạn ơi! Tôi có được số tiền như ông, tôi sẽ mua một cái độc bình Khang Hy, mình vuông, vẽ “tiên, hậu Xích Bích”, có đề hai bài phú của Tô Đông Pha mà tôi ao ước bấy lâu nay, Tết đến tôi cắm mai, ngắm nghĩa đủ hai vợ chồng, giặc đến, tôi chạy trốn bỏ nó ở lại cũng không tốn công cho ăn cho uống. Ông nói nuôi chim thú lợi, vậy chớ cái bình của tôi, gặp thằng Mỹ thằng Tây nào gàn hơn hai đứa mình nữa, nó hỏi nài, chừng ấy ông sẽ biết tay tôi! Hỳ! Hỳ!”.

Thứ giờ từ điển Đào Duy Anh, tra sơ thì thấy:

- *Serin, canari, serin d'or*: hoàng yến hay kim tước;
- *jaune serin*: màu vàng của chim bạch yến, màu vàng lợt;
- *jaune queue de serin*: vàng hơi đậm;
- *seriner*: cách tập bằng kèn serinette, thổi cho chim bạch yến hát theo.
- *serinette*: hộp nhạc để tập chim hát.

Cứ xem nội bao nhiêu đó đủ thấy người phương Tây nuôi chim tìm đủ phương pháp tập luyện cho chim hát theo ý muốn, bằng máy móc, bằng đàn, sáo, bằng giọng hát, v.v... không như bên mình chỉ biết tốn công nuôi và cho ăn, còn chim hát cùng không, phú cho Trời, Đất.

Tóm lại, bạch yến và hoàng yến đều là giống chim sanh sản từ quần đảo *Canaries* ở Đại Tây Dương, người Tàu đem qua bán trước tiên và nay người mình gây giống cũng nhiều.

Còn một thứ bạch yến, lông pha vài sợi đen, định cho là giống chim lai căn lâu đời, vì lúc ở ngoài trời, có thể bạch yến mái bị se sẽ trống hay loại chim khác làm điều ô nhục.

Tục truyền muốn có chim hát hay, nên lựa giống bạch yến mình thon dài, đầu đẹp đẹp, chớ giống mình tròn núc na, đầu to như đầu chim se sẽ thì ít con hát giỏi.

Đừng lộn bạch yến với *hoàng anh*, hay chim oanh (lariot) màu vàng anh, cũng biết hát và vẫn có *danh với câu bắt hủ*: “con oanh học nói trên nhành mĩa mai” (K.V.K.)

Đến như chim bạch yến nuôi lâu đã biết hát, có người còn cầu kỳ lập dị, kén cho được chim *tốt lông tốt bộ*, đứng hát cách nào cho khéo mới là phải điệu, đầu cất xéo làm sao, cánh nghiêng nghiêng thế nào, như vậy mới là đẹp. (Không khác cô ca sĩ, chẳng những hát hay, mà phải dùng lé, dùng khòm, dùng cúp đầu, dùng đủ thứ). Đến như tiếng chim hát, lại kén phải tiếng dài, tiếng vắn, lên bổng xuống trầm, phải phân minh và phải ra làm sao mới là trúng cách, hát cụt ngắn, hát lè nè, thì hoặc đó là con chim mơ chưa biết hát, hoặc chim không có hậu, hoặc đó là con chim bày điềm, chủ chim sắp suy tàn!

Nhưng chim hay mặc chim, chớ khá hờ hững sơ sẩy chim gặp mèo thì khôn!

Ngày nay tiền giấy bạc đã nhẹ về thể chất thì chớ, thêm nhẹ về giá trị, cho nên một con chim hay giỏi, có người dám mua bạc ngàn bạc vạn, con chim tầm thường có khi cũng đến bốn năm trăm bạc mỗi con.

Nuôi bạch yến cho ăn bằng tấm giã nhỏ, lựa tấm gạo giã tay cho ăn tốt hơn tấm chà máy, vì tấm chà mất hết sinh tố, chim ăn lâu ngày sanh bệnh trình đít. Người nuôi chim nhiều, nếu có đất rộng, nên trồng giống cỏ bông lầy hột tươi, hột mới, cho ăn chim càng thêm khỏe mạnh. Thỉnh thoảng phải cho ăn

xà lách và trông đỏ hột gà. Có người tập chim ăn rau sam, vừa đỡ tốn lại được phần dễ kiếm. Phải lấy nang mực khô treo trong lồng sẵn cho chim gặm để thêm chất vôi làm vỏ trứng, không thì chim chậm đẻ. Lấy cỏ khô dăm bào sạch để sẵn cho chim tha làm ổ. Lại phải năng thay giấy hay vật chi lót đáy lồng cho được tiêm tất tránh mùi hôi của phân chim.

Còn nhớ năm xưa tại chợ Sa Đéc, có ông thầy thuốc Tàu, rất phong lưu, danh gọi ông thầy *Lâm Quang*, vừa giỏi nghề y dược, vừa có tài nuôi bạch yến, đời ấy không ai bì kịp. Ông có một cặp chim đặc biệt thuở ấy, đến bây giờ cách trên ba mươi năm, tôi ăn cơm lục tỉnh đã mòn răng mà chưa gặp con chim nào giỏi hơn. Chim ông nuôi trong lồng dương bằng tre bên Tàu tuyệt khéo, ông về bến mang qua. Tự tay ông săn sóc con chim. Hồ nước uống, bể nước tắm, hũ đựng hột cỏ chim ăn, mỗi mỗi đều là những cổ vật đồ sứ hiếm hoi, cái dẻ “Khang Hy”, cái dẻ “Ung Chánh” hay “Càn Long”, vừa đẹp vừa quý. Cặp chim này, chủ cũng cũng phải, và mấy mươi năm về trước, nội chợ Sa Đéc không ai không nể danh. Thuở ấy trong tỉnh thái bình, mỗi chủ nhật có lệ đấu xảo chim giữa một nhóm lương hữu đồng điệu. Sáng chủ nhật nào, sau buổi điểm tâm là tôi thấy các nhà chơi chim tay xách lồng tay xách ô dù, từ miệt Tân Qui, Tân Hưng, Vĩnh Phước, tề tựu tại nhà lầu ông Lâm Quang trở mặt ra con sông Sa Đéc, chỗ phố ngày nay còn lại một tiệm bán mì *Mi chú Dầu* trên ba mươi năm danh tiếng. Trà thuốc vừa xong thì đem chim ra đấu. Ông Lâm Quang giấu kỹ lồng chim của ông trong thư phòng phía trong. Ngoài này, nơi nhà cầu rộng lớn, gió mát hiu hiu từ Mũi Chợ Cồn thổi vào, chung quanh những chậu lan Trung Quốc quý lạ, hương xông thoang thoảng, ông Lâm Quang ngồi giữa như vị chủ khảo trường thi, thông thả xem các tay chơi chim lần lượt xúm nhau tuyển chọn những con chim nào hót hay để riêng từ lồng treo trên trần nhà cầu, còn những chim hát còn non thì cho đem lồng treo chung quanh hành lang,

xa hơn một tí, để tập nghe mà bắt chước. Lần hồi ông Lâm Quang chắm những con chim lành nghề cho đem vào giữa vòng quan khách ngồi. Khi các con chim ấy hát phỉ tình phỉ sức, thỏa thích ngổ nguê rồi, chừng ấy ông Lâm Quang mới sai trẻ thân tín bước vào trong buồng đem lồng chim cứng của ông ra. Ông cho treo lồng trên cao giữa nhà: các chim kia chưa biết gì vẫn khoe tài liú lo chi chút... Thoạt con bạch yến của ông Lâm Quang cất tiếng chào. Ban đầu chỉ nghe một giọng trong trẻo và lớn, áp cả tiếng các chim khác. Kế đó tiếng vang như thác đổ, khi dồn dập cất bổng lên cao như suối reo đỉnh thượng, thoạt đổi giọng trầm nhẹ như gió tụ trũng sâu, đó rồi thoạt vọt lên cao thật cao, không khác tiếng nước ào ào dồn chơn đá dựng. Liú lo, êm ái khoan nhặt đồng đều, ngọc khua, sáo thổi cũng không bì. Khi chim ông Lâm Quang dứt tiếng hát rồi, là một sự im lặng khắp trong ngoài: ruồi bay cũng nghe. Các chim khác tự mắc cỡ vì lượng biết tài mình còn kém xa nên im hơi lặng tiếng đã đành, tội nghiệp các chủ chim, thua buồn cho công linh từ thuở trôi sông, cũng biếng nói và quên phứt xã giao là dầu chi cũng phải vỗ tay *khen lấy lòng*.

Ông Lâm Quang truyền đem trà thơm, chén quý ra đãi khách, không quên hẹn tuần sau ông vẫn chờ chim khác đấu tài. Nhưng đào đâu ra con chim đối thủ, trong khi chuyển vận trong xứ còn là tàu hỏa, xe hơi cũng ít, chim Sài Gòn, chim Chợ Lớn làm sao hót lại chim ông Lâm Quang, và tàu bay chở chim xứ lạ lúc ấy tuyệt nhiên không có.

Quên nói, cặp chim ông Lâm Quang, con đầu tài cao như vậy, mà nghe đâu con nhì, lúc hát còn điêu luyện hơn bội tam bội tứ, hèn chi tiếng đồn cặp chim ấy, lối năm 1930, là chim vô địch chợ Sa Đéc. Ngày nay, sao đời vật đổi, năm rồi có việc ghé tỉnh cũ, hỏi thăm bạn xưa phần nhiều đã mất, khu phố đìu hiu, nhà ông Lâm Quang nay đã đổi chủ, họa chăng quán mì còn đó,

nhưng ác thay, răng cỏ và bao tử bây giờ cũng làm cho mì kém ngon. Hỏi với vài câu thì chị “xăm” con xinh lịch bụng tô năm trước nay đã có cháu ngoại!

*

* *

Tích xưa, *nuôi chim anh võ*, thấy ghi trong truyện *Thuyết Đường*. Vương Thế Sung chưa phùng thời, lãnh mạng đi tìm chuộc con anh võ của ông viên ngoại đồng tánh sầy lông. Gặp chim trong nhà một lão viên ngoại khác. Năn nỉ ráo nước miếng cũng không cho chuộc. Nói thét, tên viên ngoại ác tâm cầm con chim khôn xé ra làm hai quăng cho Thế Sung đem xác về cho chủ. Đêm ấy Thế Sung trả thù, chặt đầu viên ngoại ác, viết phản thơ trên vách, lui vào rừng chiêu binh xưng phản vương, tung hoành mấy năm, ai muốn biết rõ xin tìm mượn hay mua bộ *Thuyết Đường*!

Săn trốn cũng nên kể luôn năm xưa đọc sách, nay cũng không nhớ rõ trong bộ nào hòng dẫn chứng, có nhắc chuyện một anh chàng lái buôn đi thương mại phương xa, chẳng may gặp cảnh nghịch: mua cao bán hạ, không bao lâu vốn liếng gần cạn, buồn lòng thả ra chợ dạo chơi. Anh thấy bán một giỏ chim, độ trên trăm con cun cút, anh bỏ tiền ra mua, định sau này bán lẻ lấy lời chi độ lần hồi về xứ. Đem chim về chỗ ngụ, thì trời ã tối, cũng chưa kịp đếm, để vậy một đêm, sáng ngày ra xem thì trời ôi, thấy dư trăm con xác chết nằm dưới đáy lồng, trừ phi một con duy nhất, mỏ dữ mắt lanh, hiện đứng trên nhánh cây giữa lồng, hùng hùng củ củ, oai như một tướng soái thẳng trận. Anh lái có ý định giết nốt con chim còn lại cho đã nư giận, song chưa nỡ xuống tay. Ấy cũng may đời cho anh, hoặc vận cùng đã mán, khiến anh giữ con chim duy nhất ấy lại. Quả nhiên về sau, anh đem chim dâng cho quốc vương xứ ấy, ông vua này có tiếng là thích chơi chim, ông ưa bày trò cho chim đá cấn, đá

lộn, cắn lộn, ông xem trò ấy lấy làm thú. Khởi nói, khi gặp con chim duy nhất của anh lái buôn, trong xứ không có con nào đối thủ. Nhờ đó anh lái buôn có tiền gầy dựng cơ nghiệp không mấy hồi. (Tích này rõ lại có đăng trên báo Tự Do số ngày 12-1-1959, nhan là “Vương Thành” của ông bạn thân Nguyễn Hoạt dịch rút trong Liêu Trai chí dị).

*

* *

Một chuyện khác nữa kể rằng có một người nuôi chim dạy chim ca hát, dạy đủ thứ tiếng nói, đi đâu thầy trò cũng không rời nhau. Một bữa qua xứ lạ, đem chim theo, lỡ đường hụt tiền ăn, người chủ lấy làm buồn. Chim vụt nói: *Sao không bán tôi đi? Bán tôi thì chẳng lo chi tiền ăn.*

Người nuôi chim. - *Tao không nỡ bán mày.*

Chim hót: - *Không can chi. Chủ lấy tiền rồi phải đi cho chóng, qua phía Tây khởi thành hai mươi dặm, chỗ cây đại thọ mà đợi tôi.*

Người nuôi chim nghe lọt tai, đem chim vào thành, vừa đi vừa nói chuyện với chim, ai nấy thấy lạ bu theo coi. Xảy có người trong Nội gặp làm vậy chạy về tâu vua, vua liền đòi chủ chim bảo bán.

Chủ chim tâu: - *Kể tiểu nơn nuôi chim, mển tay mển chơn, đi ở không lia nhau, dẫu tủng cũng không đành bán.*

Vua hỏi: - *Chim, mi muốn ở lại đây với trẫm hay muốn theo chủ?*

Chim trả lời: - *Muốn ở!*

Vua mừng. - Chim lại nói. - *Như mua thì trả mười đồng thôi, đừng trả nhiều!*

Vua khen chim khôn, hối nội thị lấy đủ mười đồng ra trả. Người chủ chim giả bộ giận dữ, lấy tiền quày quả ra đi. Vua nói chuyện chơi, chim trình thưa bật thiệp, vua dạy đem thịt cho nó ăn, chim ăn no lại đòi tắm. Vua sai lấy chậu vàng múc nước, mở cửa lồng cho nó ra tắm. Chim tắm xong bay lên mái điện đứng rĩa lông, nói chuyện với vua ráo rẻ. Khô lông, chim sè cánh nhẩy nhót rồi nói: - *Tôi đi nhé!* Chưa kịp ngó, nó đã bay đi mất. Vua cùng nội thị ngựa mặt thương tiếc, hối đi kiếm thì chủ đi phương nào và chim bay về đâu không ai biết được.

Sau có người còn gặp chim và chủ đưa nhau dạo chơi một phương xa.

*

* *

Thêm một tích nữa gọi *Chim trả thù*, rút trong *Truyện giải buồn* của ông Huỳnh Tịnh Của (bộ sách này rất hiếm có).

Tích rằng: *Chùa Thiên Tân có chim sẻ làm ổ trên “Thu kỹ”* (chỗ hai mái nhà giao lại, về sau danh từ này nói trại đi, lâu ngày không ai biết rõ, và trong Nam quen gọi chỗ ấy là “khu đi”). *Trên ván bưng có một con rắn lớn, mỗi khi chim vừa đủ lông ra ràng thì rắn bò ra nuốt hết, chim mẹ buồn thảm kêu la ít ngày rồi bay đi mất. Ai dè nó còn trở lại, và năm thứ ba, thấy nó làm ổ như trước. Con nó vừa lớn lên, nó liền bay đi, ba bữa mới về vào ổ kêu con ra cho ăn... Rắn bò ra, động ổ sẻo con thất kinh kêu la thảm thiết, chim mẹ bay bổng lên mây xanh. Một hồi nghe có tiếng ào ào, trời đất tối tăm, ai nấy đều sợ hãi ra coi thì thấy một con đại bàng diểu, cánh sè che khuất mặt trời, ở đâu trên không ùn ùn đáp xuống, đánh cánh bay đi, hai con sẻo bay theo như tiễn đưa. Thật là kỳ dị. Trong sách kể tiếp chim sẻo vụt bay, vắng đi lâu rồi về, là lập tâm trả thù đã sẵn; kịp khi sanh lứa sau, rắn ăn quen, sẻo bay ba ngày trở lại, rắn chưa*

kịp nuốt chim non thì mổ chum thần đã đánh rấn đứt làm hai, tuy biết đó là chuyện thần thoại nhưng hấp dẫn vô cùng, biết chừng đâu là chuyện nửa thật nửa bịa cho thêm duyên?

*

* *

*Một tích khác thuộc về **chim hồng**. Xưa kia có người đánh bẫy đặt một con chim hồng, chim trống bay theo về tận nhà, bay lên đáp xuống kêu la tới ngày rồi mới bay đi. Sáng ngày người đánh bẫy dậy sớm đi ra ngoài thì thấy con chim trống bay tới rồi và kêu và bay theo đậu một bên chơn. Người ấy liền chụp mà bắt nó luôn. Chẳng dè con chim nghển cổ mửa ra một thoi vàng. Người đánh bẫy hội ý bèn thả con chim mái, cả hai bay quần trên cao giáy lát thì bay mất.*

Rõ là chim mà còn biết đem vàng chuộc vợ.

*

* *

Sau rớt, đây là một chuyện giai thoại chứng rằng người mình, đối với khoa học, rất là dễ dãi.

Chuyện kể lại rằng thuở xưa trời đất biến sanh thú vật cũng chưa lầy chi làm đủ, hoặc có con thiếu chơn, hoặc có con thiếu cánh. Nèn sau có ba ông tiên giáng xuống trần nơi sơn lâm dựng cừu vớt những loài tàn tật.

Truyền rao hẹn trong ba ngày những con nào thiếu chơn thiếu cánh thì hãy đến cho tiên làm phép.

Khi ấy có một con vịt có một chơn, những mảng lo kiếm ăn không hay, qua ngày thứ tư, mới chạy đến lạy ba ông tiên. Tiên nói: "Mày tới trễ, bây giờ chẳng còn giống gì mà trông thể cái chơn thiếu của mày". Vịt cố năn nỉ lạy lạy... Ba ông tiên cầm

lòng không dậu, bèn bẻ một cái cẳng ghế mà làm phép, rồi thắp chơn cho con vịt, dặn rằng: "Nếu sau có về, đừng ngủ gì đều phải cho cẩn thận, phải co cẳng lên, chớ đừng có đạp những vật ô ւế, cẳng này mà trở nên vô dụng thì chúng ta cũng không biết lấy chi mà đền!"

Con vịt từ tạ ra về, dọc đường gặp một bầy chim, nào chà chiện, ốc cao, đở nách, đều là chim tàn tật, không có chơn mà đi. Vịt mách sao không lên kíp chỗ sơn lâm xin tiên trông chơn cho. Mấy con chim này nghe nói mừng khấp khởi, lật dật bay tới chỗ, khẩn cầu ráo nước miếng. Ba tiên nói: "Chúng ta có dặn phải tựu trong ba ngày, nay đã quá hạn kỳ, vật liệu đã hết, biết lấy chi mà trông cho bay?" Nhưng chim nó lay lục năn ni thiết yếu quá, ba tiên tội nghiệp, bèn nhổ một mớ chơn nhang làm phép vãi ra mà nói: "Đó là chúng bay lấy thứ này cấm làm chơn mà đi". Chim kêu nài viện cớ sợ cọng chơn nhang nhỏ quá, e nửa chừng gãy đi biết lấy chi mà chấp.

Ba tiên nói: "Coi vậy chớ không sao! Không can chi mà phòng sợ! Cẩn thận hơn thì khi dậu xuống, chúng bay hãy nhún nhún ba cái thăm chừng, như có gãy thì lên đây ông thay cho thứ khác".

Từ thuở ấy, chà chiện, ốc cao, đở nách, mỗi lần dậu xuống là nhún nhún thử cặp giò; còn chim vịt khi ngủ thì co lên một cẳng.

*

* *

LẠI CHƠI CHIM

Dẫn: Bài *THÚ CHƠI CHIM* sau khi viết và đăng vào tạp san *BÁCH KHOA* (số 37 ngày 15-7-1958) một buổi nọ, tôi tiếp một ông bạn mới quen lần đầu nhưng ân cần mời tôi đến nhà xem cách ông nuôi chim. Bước chân vào biệt thất, tôi đã một phen giật mình: chim lồng lớn nè, chim lồng bé nè, nhà phố tuy nhỏ, hàng ba càng bé nhỏ, (đến đây tôi bồi hồi nhớ căn nhà cũ ở cùng một dãy đã từng che chở cho hai đầu xanh nay đã xa nhau vì bất đồng ý kiến... đường Thủ Khoa Huân) mà nhà ông bạn chứa chim ôi là chim, mỗi thứ mỗi loại, lồng đủ cỡ màu sắc khác nhau sắp đặt có ngăn nắp. Vào phòng khách, cũng lại là chim nữa. Trên bàn giấy, có một chồng sách khảo về điều cầm cao nghệu nghệu, chủ nhưn ông chứng tỏ là một nhà chơi chim lành nghề!

*

* *

Sau đó, ngày 27-8-1958 nhưn đến Toà Đô sảnh nghe lão TCHYA diễn thuyết, tôi gặp ông bạn thân, bác sĩ họ Ngô, dạy rằng: trong cuộc đấu chim bạch yến, có một danh từ không thấy tôi dùng trong bài của tôi, danh từ ấy là “sùy” dùng để tả lúc con chim trống nhà sừng sộ nghe con trống lạ, sợ mất cục cung mái.

“Sùy” theo giọng Bắc, hay “Xùy” giọng Nam, coi vậy mà rắc rối ghê. Tôi ghi chép ra đây xin chất vấn hải nội quân tử. Theo tôi:

- *Thuyết thú nhứt*. - *Xùy* ất do *Xuy* phát âm theo giọng Tàu (?) Xuy là thổi. Tỳ dụ: *Ngũ Tử Tư xuy tiêu khát thực. Trương Lưu xuy tiêu phá Sở binh.*

Và xuy đồng là ống bằng đồng hay ống bằng trúc thường

dùng để thổi đạn bắn chim.

- *Thuyết thứ hai: Xùy hay Xòe*, như xòe tay, xòe cánh, sau biến đi thành “sè cánh” để nói hơn. Chim trống thấy chim lạ, sợ mất vợ, nên tranh đấu. Trước khi tranh đấu, phải làm cho chim địch thấy oai phong của mình, phải *gáy phải xòe, xòe cánh, phùng xòe v.v...*

- *Thuyết thứ ba*, mới thấy trong tạp san “Phổ Thông” của anh Nguyễn Vỹ, số 56 ngày 1-5-1961, trong bài khảo về “điệu múa xòe” của người Thái thì tác giả, ông Cao Chu viết: **XÒE: tiếng Thái có nghĩa là múa.**

Kết luận, xuy, xùy, xòe, còn trong vòng lẩn thẩn đời người cao minh chỉ giáo.

Tiếng Việt coi vậy mà khó: Tàu, Thái, Miên, Ta, mượn qua mượn lại, cắt nghĩa không ra.

Qua ngày 31-7-1959, nổi thắc mắc trên được giải quyết một phần nào. Trong bài khảo cứu Pháp văn đăng trong SÉLECTION tháng Mai(*) 1959, tr. 134-142, hai tác giả đứng tên chung là John và Jeanne GEORGE viết rõ như vậy:

Loại chim chóc dùng tiếng gáy vừa để tranh tài giành phần đất ăn ở và chia giới hạn giữa các loại điều cầm. Chim nào tiếng gáy thanh tao chắc được luôn vợ đẹp. Tuy vậy, cũng cần nơi vị trí chiếm cứ được thắng lợi; nếu vị trí này lọt vào chốn thâm sơn cùng cốc thì dẫu tiếng gáy êm tai tao nhã cách mấy cũng không có con chim mái nào chịu đi theo vào đó!

*

* *

Nay xin trở lại *chim yến*. Những tài liệu này đã đăng rồi trong tạp san BÁCH KHOA số 47 ngày 15-12-1958, bài này của ông GIẢN đường Thủ Khoa Huân biên soạn, có nhờ tôi giới

(*) Mai : Tiếng Pháp nghĩa là tháng 5 (Bt)

thiệu. Nay tôi xin phép ông GIẢN và báo BÁCH KHOA đăng lại đây cho đầy đủ, và thành thật cảm ơn ông bạn và tạp san giá trị kia.

“Chim yến vốn gốc tích ở quần đảo Canaries, trong Đại Tây Dương, vì đó người Pháp đặt tên chim yến là “Canari” (tên khoa học thì: *Serinus Canarius*), còn người I Pha Nho(*) và Bồ Đào Nha lại gọi “canario”. Đảo Madère và đảo Acores của Bồ Đào Nha rất nhiều chim này.

Yến sanh ngoài trời nhỏ con và mảnh dẻ hơn yến nhà. lông yến rừng xám xanh có ánh vàng, tựa loại “thanh yến” ta nuôi trong lồng; trước cổ và ngực, thì màu vàng hơi xanh xanh, còn trán, gáy, nơi mí mắt, hai bên cổ và chỗ khấu đuôi lại màu vàng sẫm; lông dưới bụng hơi trắng, còn hai bên sườn thì có vạch nâu sẫm. Lông cánh và đuôi màu nâu sẫm có điểm vạch xanh ánh vàng.

Yến ăn hạt nhỏ, mầm lá non, trái cây ngọt và chín mớm, nhất là sung, vả, lúc chín nứt ra; nó ăn cả sâu và cũng nuôi con bằng sâu nữa.

Nó ưa thích những nơi có nước và thường tắm hàng đàn ở những nơi như vậy.

Mỗi năm yến sanh bốn lứa, mỗi lứa độ bốn đến sáu trứng. Chim cha và chim mẹ đều *ham con* và tận tụy săn sóc nuôi con chu đáo. Nuôi xong bốn lứa, yến bắt đầu thay lông; đến gần mùa đẻ sau thì yến mẹ đã trổn lông mượt cánh. Ngày nay có người sáng trí không chờ chim mẹ ấp và nuôi, vẫn lựa chim mẹ xấu khác thay thế vai tuồng *ví em* để chim mẹ mau lại sức.

Yến làm ổ ngoài trời, trên những cây ăn trái, thích lựa những chẽ (cháng) cây không cao lắm và cũng không thấp lắm.

*

* *

(*) I Pha Nho : Nước Tây Ban Nha (Bt)

CHIM CHƠI

Người ta bắt đầu nuôi yến từ đầu thế kỷ thứ XVI. Đầu tiên ở Âu Châu, rồi tràn sang Á Châu, sau cùng Mỹ Châu.

Khi chiếm được quần đảo Canaries, người I Pha Nho (Tây Ban Nha) bèn độc chiếm quyền bán chim yến ra ngoài quần đảo. Lúc ban sơ chim hiếm lắm và chỉ vua chúa, các nhà quý phái mới có được.

Trong hạ bán thế kỷ thứ XVI, có một chiếc tàu I Pha Nho chở rất nhiều yến định đem qua Í Đại Lợi, không may bị bão tố, tàu đắm nơi đảo Elbe (Địa Trung Hải), một phần yến sống ra sống tản mát trên đảo này. Nhờ hợp thủy thổ, yến sanh sản nơi đây rất lệ. Dân bản xứ nhờ đó làm nguồn lợi lớn, bắt chim bán đi khắp nơi: Í Đại Lợi, Thụy Sĩ, Đức, Pháp, Thổ, Nga, Bỉ, Hòa Lan và Anh Quốc. Người Đức có tài nuôi chim giỏi nhất. Nhờ nuôi trong lồng lâu năm, đời đời tuyển lựa nên sắc vàng chim yến lan rộng dần dần khắp thân thể chim, biến thành loại *yến vàng tuyển* như ngày nay thường thấy.

Chim yến đã thành một mối lợi quan trọng cho người Đức, và theo ước lượng đáng tin cậy, số chim hàng năm người Đức bán ra ngoại quốc lên đến số triệu con.

Dần dần người Đức trau dồi nghệ thuật nuôi chim và gây riêng một loại yến hót tài tình. *Yến Harz* (sinh ở vùng Harz) và yến Đức hót hay nhất ngày nay. Người Đức lập hội nuôi yến, viết báo nói về yến, lập ra nhiều kỳ thi tuyển chọn yến hót hay để khuyến khích và phổ biến cách nuôi chim gây thành một loại riêng biệt, có một giọng hót khác hẳn yến ngoài trời.

Bây giờ hầu hết Âu Châu đâu đâu cũng nuôi yến, nhưng mỗi nơi nuôi chim với mục đích không giống nhau. Đức và Ý nuôi chim cần nơi giọng hót, nước Anh thì chú ý đến màu sắc hình dáng luôn và giọng hót. Riêng Pháp thì thiên về yến lông

xoăn (quăn, không suôn sóng).

Vì khuynh hướng khác, nên người ta gây lần ra yến càng ngày càng khác xa loại chim gốc ở đảo Canaries có trước.

Những yến tạ nuôi ngày nay sanh sống ở trong lồng đã hơn mấy trăm năm nên đã trở nên giống chim nhà, có thể xếp vào các loại gia cầm, gia súc, như gà, vịt, bồ câu v.v... Cánh của nó yếu đi và không đưa nó bay xa như chim trời được.

*

* *

YẾN NUÔI Ở ĐỨC

Người Đức chuyên nuôi chim để hát, nên không chú trọng nhiều về màu sắc và hình dáng. Có hai loại:

- *Saxon và Harz*, hình vóc như nhau, giọng hát cũng tương tự. *Saxon* bầu con hơn, đứng ngả mình về trước, khi hát cổ có hơi phồng hơi và mở hoác mở.

Harz hình thon và cao hơn, đứng thẳng mình, khi hát ngậm mỏ, cổ thật phồng.

Ngày nay loại *Saxon* bị bỏ rơi và chỉ được coi như chim thường, không quý mấy. Loại *Harz* vẫn được săn sóc và chọn lọc, nuôi nấng kỹ lưỡng để luyện giọng hát càng ngày càng thêm hoàn hảo, tận thiện tận mỹ.

*

* *

YẾN NUÔI Ở ANH

Các loại được nuôi bên Anh là: *Yorkshire, Lizard, Norwich, v.v...* Phần nhiều những yến này đều to con, nhưng không sai con (đẻ ít), thêm nuôi con rất vụng. Người sành điệu thường cho

chim khác ấp trứng và nuôi con thế.

*

* *

YẾN NUÔI Ở BỈ

Những yến nước Bỉ có hai loại:

1) Giống *Malinois*, to con, hót hay, thường được gọi *Waterslager*, hót theo giọng chim *Rossignol*, nhái tiếng thác reo, suối chảy, nước sôi. Loại này ở Pháp đang gây giống, đặt tên là *Rossignol de Paris*.

2) Một loại yến nữa ưa đứng còng lưng hay gập lưng lại như thẳng gù. Loại sau này, nay lan sang Anh, trong khi ở Bỉ còn lại rất ít, vì không mấy người thích nuôi.

*

* *

YẾN NUÔI Ở PHÁP

Loại yến lông xoắn ở Paris là do loại xoắn Hòa Lan gây giống ra. Cho được thật đẹp như ý muốn, người Pháp tạo nên những làn lông xoắn rất cân đối: ở lưng, ngang đầu vai, lông xoắn phải phồng to lên, còn lông ở hai bên ngực phải xoắn châu vào giữa và phải úp lên nhau, làm cho giữa ngực chim như có một đường sâu (hông). Con nào lông xoắn không đều, không cân đối, thì mất giá trị. Còn lông trên đầu phải mượt sát xuống, trái lại ở gáy thì phải quăn ngược lên. Trông toàn thể con chim có thể tưởng tượng một chị *Pa-ri-diên* kiêu diễm, sanh đẻ tại kinh đô hoa lệ, vì mùa đông thiên giá lạnh, đang ung dung quần trên cổ ngà vóc ngọc một chiếc áo ngự hàn quý giá, dưới thân ngọc chuốt vàng trau lại mặc một cái áo dài hẹp đáy, để lộ hai chân mảnh khảnh, mỹ nhân ấy đang *kim liền bộ bộ*, bước

mau trên lễ đường...

Ngoài những loại đặc biệt kể trên, để ta thấy khuynh hướng và thú ưa từng nước, ít lâu nay, người chơi chim yến lại tỏ ra chú trọng về *yến màu*, con nào màu càng mới càng lạ thì càng được quý trọng, tỷ như: *Hồng yến* (hồng thật đỏ), hay *Hắc yến* (toàn đen). Yến đen, đến nay chỉ nghe đồn bên Anh quốc đã gây giống được nhiều, tương cũng chưa nhiều mấy, nên chưa ai ở đây trông thấy.

Cũng có nơi vừa gây giống yến màu, vừa tập chim hót giọng yến Harz. Biết chừng nào nước ta được có chim đủ *thanh lẫn sắc*, vừa kiểu mỹ như gái Nam, vừa lạnh lốt giọng Đầm nước Đức, quận Harz?

*

* *

YẾN NUÔI Ở NHỰT

Từ đầu năm 1958, nhờ ở sự giao thông dễ dàng và mau lẹ bằng tàu bay thứ phản lực, nên có nhiều người thừa dịp qua tận xứ Phù Tang đem về đây một ít *chim yến đỏ* và vài kiểu lồng xinh xắn bằng tre hoặc thép. Tiếc thay trong những người có diễm phúc sang viếng xứ hoa Anh Đào, lại chưa có người chịu khó sưu tầm và học hỏi phương pháp nuôi chim yến của người chuyên môn Nhựt.

Căn cứ vào những lồng chim tinh xảo và loại yến đỏ mới lạ của người Nhựt gây giống được, ta có thể nói không lầm rằng người nuôi chim nước Nhựt đã đến trình độ cao siêu không kém nước nào bên Âu Châu, hoặc bên Mỹ quốc.

*

* *

YẾN NUÔI Ở VIỆT NAM

Người Việt biết nuôi chim yến đã lâu, do người Tàu phong lưu đem qua; nhưng ta chỉ biết chơi toàn *hoàng yến*, lác đác xen một ít thanh yến (vert). Còn *yến trắng* cũng mới có độ vài chục năm đây thôi.

Cách nay không bao lâu, người mình mua yến màu tận bên Pháp về nuôi như: *thanh yến* (vert), *yến màu lam* (bleu), *yến cà phê sữa đậm* (isabelle), *yến lưng màu nâu lẫn đen*, *dưới bụng đỏ sẫm* (agate rouge), và *hồng yến* (rouge intensif). Những *yến màu* này đem về đây đã bắt đầu chịu phong thổ và có sanh sản rồi, nhưng kết quả chưa khả quan mấy, vì phần đông người nuôi chim hơi nóng và gấp, chưa chỉ muốn có nhiều chim lạ trước hơn ai, để mau thủ lợi, nên chim bên Tây vừa sang Việt Nam, chưa *quen nước quen cái*, đã để chung lồng, ép *đổ mái*, làm như thế chẳng những chim cha chim mẹ mua mắc tiền chết yếu, không trường thọ, thêm dầu đẻ chim con, cũng không như ý muốn, không sống lâu dài.

Lại cũng có người lúc ghép chim, không để ý chịu khó chọn lọc màu sắc cho kỹ càng, thành thử đúc được chim vá lang, xấu hơn chim cha chim mẹ, làm như vậy chẳng những hủy hoại giống chim của người tiền bối lâu năm gây tạo, tức đi thụt lùi chứ không tiến bước vào.

Một tệ đoan khác là người xứ ta không biết trọng chữ “tín”, muốn kiếm được tiền thì không ngại gì mà không “lường gạt” khách mua hàng bằng thiên phương vạn kế: lấy nước sơn điện phun vào lông chim yến giả chim màu hồng, màu xác pháo v.v..., khách mua về ít lâu mới biết mắc mưu, muốn kiếm thẳng bọm bãi thì nó đã cao bay xa chạy.

(Thuật theo tài liệu của ông GIẢN ở đường Thủ Khoa Huân, đăng trong tạp san BÁCH KHOA số 47 đề ngày 15-12-1958).

*

* *

Viết đến đây, thoát có người chặn tay, hỏi:

- Anh biết chơi chim chớ? Và còn chơi nữa hay đã thôi rồi?

- Xin đáp: Tôi từng chơi nhiều năm lúc thiếu thời và lúc có nhiều tiền. Nhưng tôi đã không nuôi chim từ khi rời bỏ tỉnh nhà lên Sài Gòn kiếm cơm từ năm 1947. Nuôi chim như tôi lúc trước cũng chỉ thêm tội bất hiếu, vì tôi chỉ ra công kiếm và bỏ tiền mua, mặc cho nghiêm phụ, nay nhớ lại càng thêm thương và hối hận, mặc cho cha già tự tay đan lồng khéo, thay tấm, thay nước, rửa lồng. Lại còn nhiều lẽ khác khiến tôi không muốn nuôi nữa:

Tuổi đã lớn, không thấy đó là thú vui. Thấy chim tự do ngoài trời hót, thú hơn thấy con chim làm cái việc ấy trong lồng. Độ trước mỗi chim năm, sáu, mười đồng bạc là nhiều. Nay giá chim từ năm trăm đến bạc ngàn, bạc vạn. Chim đủ thứ màu, làm sao sắm kịp với người? Từ ngày có cuộc tản cư, di cư, làm thân con người đâu phải ru rú trong nhà hoài, sắm chim bỏ không ai săn sóc độ ba hôm, thì bao nhiêu tiền cũng mất, bao nhiêu chim quý cũng không còn.

Nhưng lý do chính đáng, nói thật ra là tại một bài văn cũ đến nay đọc còn thấy hiệu nghiệm như toa thuốc thần phương; xin trích lục ra đây để cùng nhau đồng lâm:

“CÁI BUỒN CỦA MỘT TÊN TÙ GIÀ”

(Trích dịch trong thuyết bộ của Pierre Loti.

Bản dịch của PHẠM THƯỢNG CHI).

“Truyện tôi thuật lại đây là một nhỏ mọn, một buổi tối kia anh Y-vê tôi đã kể cho tôi nghe.

Bữa ấy anh tôi đi theo cái thuyền binh, điệu ra ngoài bến một mớ tù phải đi đày Tân Đảo.

Trong số có một tên tù già lắm (ít ra cũng bảy mươi tuổi), có đem theo một cái lồng nhỏ, trong có con chim sẻ con ra dáng trân trọng lắm.

Anh tôi, nhân đứng không, hỏi chuyện lão. Coi lão không ra mặt ninh ác gì, nhưng cùng xích chung với một chàng trẻ tuổi, thật là tay mặt hạng du côn, mắt cận thị, đeo nhỡn kính, mũi thon thon, mặt tái mét.

Tội lão là tội cướp đường cướp chợ già đời, bị bắt đã năm sáu lần, kết án ăn trộm và du thủ du thực. Lão nói rằng: “Khốn lắm! Thưa ông, đã ăn trộm một lần rồi, không sao chữa được nữa; nghề nghiệp thì không có, làm thuê làm mướn ở đâu cũng không ai dùng, ông bảo làm thế nào? Phải kiếm cách mà ăn, chứ sao? Cái án sau cùng của tôi là cái án ăn trộm một bì khoai, với lại một cái roi ngựa và một quả dưa. Sao không cho tôi chết quách ở nhà, già cả như thế này còn đem đi đày làm chi cho nó cực?...”

Thấy anh tôi có ý ân cần hỏi han, lão lấy làm vui mừng lắm, chỉ cho xem cái cửa quý nhất của lão ở đời: là một cái lồng nhỏ ở trong có con sẻ con.

Con sẻ nuôi đã quen, thuộc tiếng lão, ngót một năm trời ở ngục vẫn đậu trên vai lão... Trời ơi! Xin được phép đem con chim theo sang Tân Đảo, kể cũng đã khó nhọc thay! Rồi lại phải làm cho nó một cái lồng để đi đường; phải kiếm gỗ, kiếm một ít dây thép cũ, lại kiếm một ít sơn xanh để sơn một lượt cho coi được.

Nói đến đây, tôi còn nhớ lời anh tôi thuật lại, không sai một chữ: “Khốn nạn, con chim sẻ! Ở trong lồng ngày ngày ăn có một miếng bánh đen là thứ bánh lương tù. Thế mà vẫn ra

dáng vui vẻ; vẫn nháy nhót như các chim khác”.

Cách mấy giờ sau tàu nhỏ đã áp đến tàu bễ, sắp sửa cho tù xuống để chờ đi, đi cái chuyến xa ghê! Anh Y-vê tôi đã nhãng quên lão tù già, chợt đi qua đến gần chỗ lão ngồi. Thấy lão nói giọng thất thanh mà tay thì chỉ cái lồng nhỏ:

- Này ông, ông cầm lấy. Tôi biếu ông; họa có dùng được gì chẳng, để làm quà cho ông vậy...

Anh tôi cảm ơn, nói rằng:

- Ồ không. Lão phải đem nó đi chứ. Để sang bên ấy cho nó làm bạn cùng...

Lão già nói lại rằng:

- Trời ơi! Nó không còn trong này nữa... Ông không biết ư? Nó không còn đây nữa...

Nói xong thấy hai giọt nước mắt chảy xuống má, thê thảm vô cùng.

Thì ra trong khi tàu chạy, kẻ xô người đẩy, cửa lồng mở ra, con chim sợ, bay ra ngoài mát, - rồi rơi ngay xuống bễ, vì đã bị cắt cánh. Trời ơi! Đứt ruột thay là lúc bấy giờ! Trông thấy nó bị nước xoáy, vừa giẫy vừa chết, mà không làm sao được! Thoạt tiên, cũng là cái sơ tâm tự nhiên, muốn kêu lên, muốn nhờ người cứu, muốn gọi ngay anh tôi mà kêu vang,... nhưng nghĩ ra, sự nhớ đến cái thân phận khốn đốn của mình, bèn ngừng lại ngay: ai là người thương đến con chim sẻ của một thằng tù già như mình? Ai là người để tai nghe đến lời kêu van nữa? Có đâu lại mơ tưởng rằng người ta sẽ dừng tàu lại để vớt một con chim sẻ chết đuối, mà con chim sẻ của một thằng tù, ấy mới mơ tưởng vô lý chứ!... Nghĩ thế rồi ngậm miệng ngồi yên, nhìn cái hình nho nhỏ đen đen vẫn còn giẫy trong đám bọt bễ xa xa; bấy giờ mới cảm thương cho cái thân phận mình trợ trợ một mình,

nước mắt chan chứa, khóc cái thân cô thế cùng, khóc đến mờ cả mắt, mà bên cạnh thì cái chàng thanh niên đeo kính là người bạn cùng xích kia, lại nhăn nhai cười lảo đảo hơi!

Bây giờ chim không còn nữa, cái lồng kia chu chỉ làm để nuôi chim, còn giữ làm gì; thấy anh tôi là người lính thủy có bụng tốt, ân cần hỏi đến chuyện mình, bèn cố đưa cho, muốn để lại cho cái di sản đó trước khi vĩnh biệt vô cùng.

Anh tôi cũng rầu rầu trong lòng, nhận lấy cái lồng, để khỏi thêm phiền lòng lão già cô độc, khỏi ra ý khinh rẻ cái đồ vật của lão khó nhọc mới làm nên.

Anh tôi kể cho tôi nghe chuyện ấy, tôi lấy làm cảm kích vô cùng, tôi nói lại đây, muốn phần không được một.

Bây giờ là đêm, đã khuya, tôi gằn đi ngủ. Tôi bình sinh trông thấy biết bao nhiêu là cái khổ vỡ lở ra ngoài, ai ai cũng biết; biết bao nhiêu là bi kịch thảm kịch đâm nhau, giết nhau, mà không thấy cảm động gì mấy; vậy mà bữa này nghe nói cái khổ của lão già đó, bất giác như phá quả tim, đến mất giấc ngủ, nghĩ cũng lạ. Tôi nói:

- Có cách gì mà gửi cho bán con chim khác...

Anh tôi nói:

- Có, tôi cũng đã nghĩ thế. Ra chỗ người ta bán chim, mua lấy một con chim đẹp, bỏ nó vào lồng, sớm mai còn kịp giờ tàu chạy, đem ra cho hấn. Cũng khó. Vả cũng chỉ có chú mới có thể xin phép sớm mai ra ngoài bến, ghé vào tàu mà tìm lão tù già đó, tôi cũng không biết tên hấn là gì nữa. Nhưng mà... chắc có người họ cho là nực cười...

- À, hấn chứ. Cái gì chứ cái thiên hạ cười thì không khỏi được!...

Rồi, một lúc, tôi tự ngẫm nghĩ một mình cũng lấy cái ý ấy

làm nực cười thật, mà tự mình cười, cười thậm không lộ ra ngoài.

Song tôi cũng không thi hành cái ý đó; sớm mai thức dậy, cái cảm giác lúc đầu cũng đã qua đi, tôi lấy làm truyện^(*) trẻ con, truyện^(*) nực cười thực. Cái buồn của lão già kia không phải là cái buồn có thể lấy đồ chơi mà làm cho nguôi được. Khốn nạn! Làm thân một tên tù già, cô độc ở đời, nuôi được con chim con để làm bạn, đến nỗi tấm lòng đã nguội lạnh như băng như đá, còn cảm động được, chảy được những giọt nước mắt cảm thương, nay đã mất đi rồi thì dẫu được con chim xanh trên trời, cũng không đền được con sẻ con bị xén cánh và nuôi bằng bánh nhà tù đó...

*Trích dịch trong thuyết bộ của Pierre Loti,
Phạm Quỳnh dịch ra văn Việt. (Khảo về tiểu thuyết,
Phạm Quỳnh biên dịch, Đông Kinh ấn quán xuất bản,
Hà Nội, 1929, trang 94-99).*

(*) Viết đúng phải là *chuyện* (Bt)

PHẦN THỨ HAI
(PHỤ LỤC PHẦN THỨ NHẤT)

CHIM PHỤNG HOÀNG

PHỤNG HOÀNG

I.- ĐIỂN TÍCH

Phụng, phượng vốn là linh điểu. Trống gọi *phụng*, mái gọi *hoàng*.

Phụng hoàng là giống chim lạ, quý. Người nước Tàu, nước Nhật, cả nước ta đều tin tưởng đinh ninh rằng khi gặp đời thái bình thịnh trị, chim phụng hoàng mới xuất hiện.

Phụng hoàng tiêu là cái ống sáo tre. Sáo tre, chỗ miệng thổi giống hình mắt phụng.

Loan cũng đồng loại với phụng hoàng.

Loan phiêu phụng bạc: chim loan chim phụng bay tan tác. Khi nói về chồng vợ thì có nghĩa chồng vợ xa lìa. Khi nói về lối chữ viết thì hiểu chữ đẹp sánh được bầy loan bay phụng bay đáp thung thăng.

Loan phụng hòa minh: Cả hai cùng hót. Như đó, ta dùng điển này để chúc đám cưới, ước ao vợ chồng mới hòa hiệp lâu dài.

Loan tường phụng chữ: Chữ viết đẹp xinh như loan liệng phụng bay.

Phụng hoàng vu phi: Chim phụng chim hoàng đồng bay cùng nhau; vợ chồng hòa hiệp.

Phụng cầu hoàng: Chim phụng tìm chim hoàng, đi cầu chim hoàng. Con trai đi tìm con gái. Tích Tư Mã Tương Như gặp nàng Trác Văn Quân, hai người nên đôi vợ chồng, lá lay môi giới cũng vì bản đàn Phụng cầu hoàng.

Phụng cử: Kể sự thần vâng mạng ra xứ ngoài, không khác chim phụng bay phương xa.

Phụng mao lân giác: Lông chim phụng, sừng con lân, toàn vật hiếm có. Nghĩa bóng: con cháu hiền tài của nhà quý tộc.

Phụng minh triều dương: Chim phụng kêu ở phía mặt trời mọc; điềm lành khó được. Người hiền tài đem văn chương ngôn luận để hô hào (Từ điển Đào Duy Anh).

Phụng Sồ: Bàng Thống, đệ nhị quân sư của Lưu Bị đời Tam Quốc; chim phụng còn non; người hiền tài.

Khảo sách Henri Doré ⁽¹⁾ dựa điển Tàu viết bằng Pháp văn:

1) Phụng hoàng có xuất hiện trên nóc điện vua Huỳnh Đế (2697-2598 trước Da tô)⁽²⁾;

2) Đời vua Thiệu Hạo (2597-2514 tr.D.t.) phụng hoàng hiện ra lần nữa. Thiệu Hạo Đế lựa tên điều cấm đặt tước phẩm phong triều.

3) Năm 2351 trước D.t., có một cặp chim phụng đến làm ổ trên nóc điện vua Nghiêu.

*

* *

II.- SỰ THỜ KÍNH CHIM PHỤNG

1) Theo sử chép lại, đời Tiền Hán, triều vua Chiêu Đế (năm 84 trước D.t.), đã có tục lệ thờ chim phụng.

Qua đời vua Võ Đế, việc thờ chim phụng càng thêm thịnh hành.

Hoặc Quang tâu cùng Chiêu Đế rằng biển Đông có chim phụng ra đời (năm 84 trước D.t.) Chiêu Đế sai quan ra tận

(1) Recherches sur les superstitions en Chine, Henri Donré-1ère partie.- Les pratiques superstitieuses,- tome II, No 4, Chang-Hai, Imprimerie Tou Sè-Wè, 1912, p.438.

(2) Trước Datô : trước Công Nguyên (Bt)

Đông Hải tế chim phụng.

2) Năm 73 trước D.t., sử chép có bảy chim phụng xuất hiện tại tỉnh Sơn Đông. Vua Tuyên Đế lấy đó làm điềm lành cho ngôi cửu ngũ của mình. Hoác Quang tâu xin bày lễ tạ linh điều. Tuyên Đế y tấu, và ban chiếu đại xá trong nước.

Ba năm sau, chim phụng hiện đất Lỗ. Ân xá một kỳ nữa.

Sau rốt, sử chép phụng hiện tại Phụng dương phủ, tỉnh An Huy, vào đời Đại Minh Hồng Võ.

Sách Henri Doré không kể truyện Thuyết Đường, tích Tề Quốc Viễn chọc ổ chim phụng tại Phụng hoàng san.

*

* *

III.- HÌNH THÙ CHIM PHỤNG

Như đã nói rồi, phụng là linh điều. Thuở thái bình, phụng ra đời. Con loạn lạc, phụng ẩn non cao, không cho người thấy.

Phụng là chúa trong ba trăm sáu chục loài chim (Henri Doré, trang 444).

Sách tả hình chim phụng: “đầu như đầu gà mái, mắt như mắt người ta; cổ rắn, tạng phủ y tạng phủ loại còn trùng, trán chim én, lưng rùa”⁽¹⁾

Đuôi phụng giống đuôi cá, gồm mười hai lông tượng trưng mười hai tháng. Năm nào nhuận (theo âm lịch) thêm một lông, tượng trưng mười ba tháng trong năm ấy.

Tiếng phụng gáy có đủ ngũ âm, dịu dàng tiết tấu. Sắc lông

(1) Il a la tête poule, l'oeil de l'homme, le cou du serpent, les viscères de la sauterelle, le front de l'hirondelle, et le dos de la tortue (Henri Doré, p.444).

có đủ năm màu. Theo thần thoại, phụng là kết tinh của “hỏa đức” và “nhật đức”.

Người Tàu vẽ chim phụng đứng châu mặt trời, gọi tích *phụng hoàng triều dương*.

Phụng sanh tại Đông Hải, tắm nước thanh tuyền (suối trong), sống tại Côn Sơn, ngụ tại Đơn động. Phụng đáp nơi nào, thì có trăm giống chim bay theo châu hầu.

Phụng chỉ đỗ cây ngô đồng, ăn ròn trái trúc (quân tử trước), chỉ uống nước suối tinh khiết.

Chim phụng cao sáu thước một (six pieds).

Một tích không thấy dẫn trong sách Henri Doré là tích “mẫu đơn phụng” vẽ chim phụng đậu kê hoa mẫu đơn (cả hai đều tượng trưng đàn bà đẹp).

Tích “rồng châu biển Bắc, phụng gáy non Kỳ” cũng không ghi trong sách Henri Doré.

Tôi biết có hai tài liệu quan trọng:

1) Trong quyển “L’Art à Hué” của cố L. Cadière, trong bộ Bulletin des Amis du Vieux Hué (tập san của nhóm Đô thành hiếu cổ) năm 1919, trang 89-94, thì: Long là biểu hiện của đấng thiên tử, còn *Phụng* là tượng trưng bậc mẫu nghi thiên hạ (hoàng hậu).

Mỹ thuật Việt Nam thường tạc hình phụng trên mái nhà, nóc đền, chùa, khi để đứng đầu đòn dông, khi vẽ vào bình phong, hoặc trên quạt giấy, tranh lụa, hộp sơn mài, v.v... Khi vẽ hình chim đúng như thật, khi vẽ kiểu *phụng biến*, từ một nhánh hoa, một gốc kiếng, chế biến ra, mượn lá làm cánh chim, lấy rễ cây làm chân cẳng; một nhánh cây quéo lại, đó là đầu con phụng ngó mặt ra sau đuôi, có đủ mắt, mỏ, móng; khách Tây phương không hiểu nghệ sĩ trở hình gì, kỳ kỳ quái quái;

người Á Đông quen với thuyết Lão Trang hư không huyền ảo lại thích thú và lấy làm tự nhiên khi thấy từ giới thảo mộc có thể sang giới sanh cầm điều thú dễ dàng.

Mộc biến điều: mẫu đơn, cúc, cung nhưn thảo (amaryllis) biến chim phụng, chim loan, v.v... (Hiểu như vậy mới thấy mâu nhiệm của lời thề “Tại thiên ty dực điều. Tại địa liên lý chi”).

Không nên lầm *phụng loan* cùng hạc điều, tuy cả ba đều là vật của tiên ông cỡi làm chơn cẳng bay trên không gian, như mô tả trong truyện thần thoại Tàu “Ky hạc Tây thiên”, “Giá phụng tiên du”,...

2) Tài liệu thứ hai là *Le Phénix fabuleux de la Chine et le Faisan Ocellé d'Annam* (P. Jabouille-Bulletin des Amis du Vieux Hué, année 1929, p.171-186). Do theo tài liệu này, chim *Faisan Ocellé d'Annam* cũng gọi là con *Rheinardia Ocellata* (J. Verreaux) đã được nghiên cứu kỹ càng kể từ năm 1850-1856 và mô tả rõ rệt từ năm 1882. Phái đoàn khảo cứu Delacour phải xuất hành bốn lượt, nhưng chỉ thu góp đem về, vừa chim bắt sống, vừa chim chết, cả thảy lối hai trăm con.

Ông U.Hachisuka, nhà thông thái nước Nhật, chuyên khảo về điều cầm (Pháp gọi “ornithologist”, hoặc “ornithologue”) viết bài, dịch ra Pháp văn là “*Le Phénix de l'art chinois, si souvent représenté, aurait eu comme modèle, le faisan ocellé d'Indochine, ce qui prouverait des raisons d'ordre linguistique et historique*”. (B.A.V.H. Index 1914-1941, p.69): (chim phụng mô tả trong mỹ thuật Trung Hoa, thường vẽ ra hình, vẫn lấy kiểu nơi con chim *faisan ocellé d'Indochine* (trĩ xứ Đông Dương); và chứng cứ còn nhiều trong ngôn ngữ học và trong lịch sử).

*

* *

Nay tôi tạm ngừng nơi đây phần diễn cổ, để day qua phần

khoa học, có lẽ thiết thực hơn:

- *Tài liệu theo các nhà học về điều cầm.*

Tập san *Đô thành hiếu cổ* (Bulletin des Amis du Vieux Hué), năm 1929, số 4 năm thứ 16, - Oct. Déc. 1929, trang 171 đến 186, có đăng bài khảo cứu rành rọt bằng Pháp văn, tác giả M.P. Jabouille, vốn nhà chính trị, từng làm Khâm Sứ Trung Việt tại Huế, vừa là nhà khảo cứu có biệt tài chuyên về điều cầm, lại cũng phong lưu tài tử, từng xếp đặt trong viện bảo tàng Huế đồ góp công với Sogny. Jabouille là đại diện tại Việt Nam cho Viện Bác vật(*) Paris (correspondant du Muséum de Paris). Năm xưa, bài của Jabouille viết rất đầy đủ, nay đọc còn hấp dẫn lắm. Tiếc thay đó là văn Pháp, ít người thưởng thức, nên tôi không nên tài hèn, ráng dịch như sau, mặc dầu lẩn thẩn, nhưng những ai thích khảo cứu ắt hiểu nổi lòng dịch giả.

Chim trĩ "*Faisan Ocellé d' Annam*" (1) có khi gọi "*Argus*" (2) vốn loại chim thuộc bộ môn *Rheinardia* (3). Chim này chỉ ở triền núi phía đông dãy Trường sơn (Chaine Annamitique) từ Nha Trang đến Vinh là dứt địa phận sinh sống của nó. Mặc dầu phái đoàn Delacour gia tâm nghiên cứu kỹ càng, nhưng đến ngày nay chim trĩ đối với chúng ta vẫn còn nhiều bí ẩn. Thuở giờ ít ai lên đến sào huyết của loại trĩ; những tay thiện xạ cũng ít khi hạ được trĩ sống, và không mấy ai thấy chim này, tuy ta vẫn tưởng việc ấy rất dễ dàng.

Trong hai trăm chim hoặc sống hoặc chết của phái đoàn Delacour thâu thập, không con nào mang vết thương do ná dâm đạn bắn. Hai trăm trĩ này đều do người Khaleus và người sơn cước gài bẫy sanh cầm hoặc tuy bắt được còn sống nhưng đã

(1) Ocellé: có điểm tròn hình giống con mắt.

(2) Argus: loại trĩ riêng xứ Ấn Độ.

(3) Lấy tên ông tìm gặp và thấy lần đầu chim trĩ tại Việt Nam mà đặt: ông Rheinardt.

(*) Bác vật: nghĩa là kỹ sư - từ cũ (Bt)

phạm thương sau rui ro mà chết; nhưng xét ra chim này mắc bẫy mắc lồng cũng vì tánh ưa phùng xòe khoe múa trước chim mái. Về sau nghiệm ra một con chim trống sanh cầm, dưỡng nuôi săn sóc kỹ lưỡng cách nào, được tự do thế mấy, cũng phải ít nữa đôi ba năm mới quen lồng và khứng múa me trước chim mái: đủ biết loài trĩ chỉ thích sống tự do ngoài trời, không ưa cảnh bó buộc trong lồng và luôn luôn nhớ cảnh rừng rú núi non của nó. Trĩ nuôi có khi cũng đẻ trứng, nhưng ấp ít nở, dẫu nở chim con sống vài tuần nhựt rồi cũng chết (có lẽ vì lúc ấy khoa nuôi chim chưa tiến bộ).

Khoảng năm 1850 và năm 1856, ông J. Verreaux, nhà bác vật học phụ trách Bác vật viện Paris, có để ý đến sự cách biệt giữa sắc lông trĩ Mã Lai (Argus de Malaisie, Argusianus Argus) lại với vài lông chim trĩ rời rạc mua nơi xứ nào không rõ ất nhưng lúc ấy nguyên của vườn bách thảo Paris tàng trữ. Sau khi khảo xét chắc chắn, J. Verreaux bèn quả quyết rằng lông chim rời thuộc một loại trĩ lạ, chưa ai từng khám phá, và hơn vì lông này có hoa tròn như con mắt, nên y đặt tên là "Argus Ocellatus". Về sau, tên này đều được các chuyên gia nhìn nhận là đúng (Ch. Bonaparte, G.R. Gray, v.v...)

Có nhiều nhà du lịch từng gặp nơi nhà hoặc trên tay người Việt thời ấy những lông chim lạ này mà lúc đó chưa ai bắt gặp nơi chỗ nào khác bao giờ. Tập san T'oung Pao năm 1904, số 5 trang 553, thuật lại năm 1819-1820 đã có trung úy Rey viếng núi Ngũ Hành tại Đà Nẵng. Nơi đây Rey thấy nhiều giống chim lạ chưa từng gặp chỗ khác nhứt là Rey thấy một bộ lông quý, theo Rey giống chim sản xuất mớ lông này dường như chỉ sanh sống riêng biệt vùng núi non hiểm trở đất Phú Yên mà thôi. Người bản xứ gọi đó là *kim try* (chim trĩ) và kính như thần diệu. *Kim try* lớn bằng chim bồ câu, mỏ đỏ, đầu đen, cổ trắng, cánh màu hoàng kim (vàng), ức bụng và lông đuôi thì màu xám tro.

Lạ nhứt là đuôi lông dài trên tám thước mọc (8 pieds). Chính là lông Rey thấy, tuy đã ngắn đi một đoạn, vẫn còn đo được 5 pieds 2 pouces (5 thước 2 tấc Anh). Tuy còn đôi chỗ lệch lạc, nhưng tài liệu này nay nghiệm ra quả phù hợp với tình trạng con Rheinardie d'Annam vậy.

Năm 1871, một điều cầm gia khác, ông D.G. Elliot lại khảo về chim trĩ này và viết bài khảo luận xác đáng hơn bài của trung úy Rey. Trong sách in năm 1872 nói về loại chim Phasianidé (các loại trĩ), Elliot in hình màu một lông đuôi trĩ (faisan Ocellé họa hình lớn bằng lông chim thật. Ngờ đâu bài khảo luận của D.G. Elliot gây ra một cuộc bút chiến sôi nổi giữa ông và các điều cầm gia khác. Elliot bị chế nhạo đủ điều, có kể lại nghi ông lấy lông công “paon spicifère” mà gán cho con chim ông mô tả. Học giả khác lại cười ông khéo bày một con chim quái gở bằng cách mượn vài lông rời rạc mà đồ chững một con chim hình sắc như vậy, kỳ trung chệ Elliot chưa thấy nguyên hình con chim “lạ” ấy bao giờ.

Khen cho Elliot chẳng sờn lòng, nán đợi đến năm 1882, tìm dịp “trả đũa” và trưng bằng chứng hẳn hoi để cải chính cái dốt nát của các điều cầm gia khác và bêu giễu họ lại. Cũng năm 1882, Bác vật viện Paris tiếp nhận hai bộ xác ướp chim trĩ còn nguyên vẹn do miền Trung phần Việt Nam gửi qua:

1) Bộ thứ nhứt mua hai ngàn quan tiền Pháp, do nhà điều cầm Maingonnat gửi; chim này do Trung tá Rheinardt, tùy viên sứ quán Lang-sa tại Huế tặng ông;

2) Bộ nhì thì Viện Bác vật tiếp nhận của Le Myre de Villiers, viết lộn chạng? Thực ra: Le Myre de Vilers lúc ấy là thống đốc Nam Kỳ, được triều đình Huế biểu.

Bài phúc trình gửi lên hội nghiên cứu thú cầm Pháp quốc đề ngày 12 tháng sáu năm 1882 và loại trĩ này được đặt tên là

Argus Rheinardi, Rheinardia Ocellata, Rheinardius Ocellatus, Rheinardtius Ocellatus, v.v... rút lại hội thú cầm lựa danh từ đầu tiên mà đặt tên chim; danh từ ấy đến nay vẫn dùng, ấy là “Rheinardia Ocellata” (J. Verreaux).

Tập san “Science pour tous” (Khoa học cho khắp mọi người) số ra ngày 8 tháng Bảy năm 1882, tả hình trạng chim trĩ xứ Việt Nam rõ rệt lắm. Qua tháng Chín cũng năm 1882, tạp chí “La Nature” khắc bản cây in thành sách hình trĩ này.

Hai con chim kiểu mẫu đầu tiên của Bác vật viện Paris vốn là hai trĩ trống tìm gặp tại đỉnh núi hương Tây gần kinh đô Huế.

Tiếp theo đó, bác sĩ Philipp, cũng là tùy viên sứ quán Pháp tại Huế, gửi thêm tài liệu rành rẽ về chim trĩ, những tài liệu này nghiệm lại khá đúng và vẫn còn dùng được.

Bác sĩ Philipp cho biết chim của Trung tá Rheinardt gửi qua Pháp, nguyên của mục sư Renauld, chủ đồn điền Ba Trúc (cách Huế hai mươi cây số ngàn) được người sơn cước biểu. Lúc dâng cho mục sư, chim vẫn sống nhưng có lẽ đã bị thương. Chim chết đi, Renauld lấy da lông dồn thuốc, ướp xác kỹ càng, thịt thì nếm thử, nên viết trong thư rằng: “Đây là con chim trống. Thịt nó màu sậm và ngon như thịt chim faisán”⁽¹⁾

Cả hai giống chim faisán Ocellé và chim Carpococcyx đều thần bí lắm. Không bao giờ các tay khảo cứu hoặc nhà điều cầm thấy nó tại chỗ sinh sống của nó, mặc dầu biết chắc nơi trú ẩn của hai loại này chỉ là vùng đèo Hải Vân và đèo Phú Gia mà thôi.

(1) Lão Renauld về sau còn tìm ra một giống chim lạ nữa, đó là cu đất. Đặt tên là Carpococcyx Renauldi.

Nhiều đoàn thám hiểm như phái đoàn Pavie, đoàn của bác sĩ Harmahd, phái đoàn của hầu tước Barthélemy, vẫn tồn rất nhiều công phu, tựu trung không thu lượm kết quả là bao cho ngành động vật học. Loài thú cầm Đông Dương nói chung và của Việt Nam nói riêng, về sau được thế giới chú ý nhiều là vào những năm gần đây mà thôi.

Phái đoàn Delacour được chánh phủ Pháp thời ấy trợ cấp dồi dào nhưng cũng không làm gì có kết quả; di tích chim trĩ faisán Ocellé vẫn mai một và bật tông tích cho đến năm 1882 mới khởi công tìm tòi lại nữa. Một dịp may bất ngờ xảy ra trong thời buổi ấy là người sơn cước Khaleus hiến nạp một lúc cho phái đoàn: đến cả sáu chục chim trĩ; tiếc thay khoa học thời ấy chưa biết cách thế nuôi dưỡng loài chim chóc để chúng bị chứng bạch hầu (diphthérie) mà chết lần mòn. Một vài con sót lại khi chở qua đến bến tàu Marseille, lối tám ngày sau cũng “ngủm cù đèo” luôn.

Ngày nay, nhiều vườn công cộng Âu Châu và nhiều tư gia các nước vẫn nuôi chim faisán Ocellé d' Annam và chim vẫn sanh sản như ở rừng rú (nghe nói ngoài Huế có người nuôi).

Phái đoàn Delacour xuất hành trước sau làm bốn kỳ và kết luận là giống trĩ Faisán Ocellé gần như là chim riêng biệt xứ Việt Nam, chỉ sanh sản tự do trên khuynh đất này; như cũng thì dãy Trường Sơn (Chaine Annamitique) nhưng triển núi bên Lào thì không có chim trĩ ở và chỉ triển bên Việt Nam mới có chim trĩ ở mà thôi.

Trong bộ sách “Transactions Meiji Japan 3 ty”, quyển thứ XXIII, xuất bản năm 1925, từ trương 1 đến trương 13, nhà điều cầm Nhật M.U. Hachisuka có viết một bài khảo luận về chim phụng hoàng Trung Quốc, và ông này đề quyết phụng hoàng đích thực là chim trĩ faisán Ocellé d' Annam của nước ta vậy. Năm xưa, ông Jabouille có xin phép Hachisuka dịch bài khảo

Nhật ngữ ra Pháp văn, đăng trong tập san Đô thành hiếu cô (B.A.V.H) nay tôi mạn phép dịch lại văn Việt như sau:

Đã nhận ra chim phụng hoàng rồi.

“Có hai giống chim linh, thường được các sách vở Trung Hoa, Nhật Bản nhắc đến; ấy là *phụng hoàng* (*feng huang*) và *loan* (luan). Nhật gọi *Hô O* và *Ran* (luan), Anh gọi *Phoenix*”.

Chim phụng và chim loan thường vẽ hình gần như nhau. Họa sĩ Trung và Nhật đều vẽ một cách; lúc vẽ thường phỏng theo hình gà rừng, hình con công hoặc một loại trĩ xứ khác. Từ thuở nào đến nay, các điều cầm gia Á Đông vẫn in trí rằng *phụng* và *loan* là linh diệu, chỉ trong thần thoại mới có, nên không mấy khi tìm tòi kiếm thế tả hình dạng nó ra gần như thực, và đình ninh trong óc nước nhà thái bình thịnh trị mới có giống chim này xuất hiện.

Danh từ gọi chim này trong Nhật ngữ xét lại thì gần đúng danh từ của đời thượng cổ trung Hoa:

HÔ (P'ÊNG) (BẰNG) là danh từ đời xưa dùng để gọi giống chim to lớn khác thường (*đại bàng diệu*). Sau đó đặt ra danh từ *HÔ (FENG) (PHỤNG)*. Những danh từ này lúc đó đồng nghĩa với nhau. Tục truyền khi chim phụng bay, thì có cả bầy chim khác giống cùng bay theo châu hầu, kể cả ngàn con như vậy; vì đó danh từ *HÔ (P'ÊNG) (BẰNG)* được dùng để chỉ người bằng hữu. Lần hồi, Trung Hoa và Nhật Bản đồng bỏ nghĩa thứ nhất và dùng danh từ “*BẰNG*” với nghĩa thứ hai của nó là bạn hữu.

Tác giả Nhật, ông Hachisuka, nhưt quyết *Phụng hoàng diệu* quả là giống faisan Ocellé (*Rheinardia Ocellata*), còn *Loan diệu* lại là con faisan Argus xứ Mã Lai (*Argusianus Argus*). Hachisuka phân tách hai loại chim như vậy:

Sách tả “Phụng hoàng” và “Loan”:

- Đầu gà, cổ rắn, cầm én, lưng rùa, đuôi cá. Lông ngũ sắc, bề cao sáu thước mộc. (Cet oiseau a une tête de coq, un cou de serpent, un menton d'hirondelle, un dos de tortue et une queue de poisson. Il a cinq couleurs et sa hauteur est d'environ six pieds).

Bây giờ ta hãy lần lượt phân tách từng chi tiết trong con chim faisán Ocellé:

1) *Đầu gà (tête de coq)*. Sự thật đầu chim trĩ khá giống đầu gà cồ.

2) *Cổ rắn (cou de serpent)*. Cổ chim trĩ dài, khi đứng thường cất cao như cổ rắn, thêm ít lông (peau presque dénudée du faisán Argus).

3) *Cầm én (menton d'hirondelle)*. Tác giả viết, tôi không hiểu nên lược bỏ.

4) *Lưng rùa (dos de tortue)*. Lưng chim trĩ faisán Ocellé ở Annam, lông xếp lô nhô, chót cánh thêm tĩa ra đều đều và có chấm lẩn tẩn hình vẽ lục giác gần như da qui. Những đốm những lẩn trở như vậy khiến ta tưởng tượng giống da rùa, da qui cũng được. Có sách xưa tả lưng trĩ da hổ.

5) *Đuôi cá (queue de poisson)*. Hình chim trĩ khô, đuôi trĩ đẹp đẹp gần như bánh lái thuyền, tạm gọi giống đuôi cá cũng được đi.

6) *Lông trĩ năm màu (cinq couleurs)*. Người Trung Hoa ưa nói “ngũ” (năm), nói “thất” (bảy), nói thiên, nói vạn, tựu trung đó là số nhiều.

7) *Trĩ cao sáu thước mộc (six pieds de haut)*. Vấn đề thước tắc Trung Hoa, không có chi là nhất định. Tùy thời đại, tùy địa phương, cây thước mộc dài ngắn khác nhau. Thêm nữa nào ai rõ được khi người xưa tả hình dáng chim trĩ, đo bề cao đo từ

chót mỏ dài đến chót đuôi, hoặc từ trên đầu đo xuống cẳng, đo chim nằm hay đo chim đứng? Trong câu văn của Tàu: *Con gà con chín màu trốn trong cụm rừng rộng ngàn dặm*: (un poussin de neuf couleurs dans une forêt de mille li). Nay tả chim trĩ lông đủ năm sắc (un phoenix a cinq couleurs) đố ai biết được ý tác giả muốn nói gì!

Đến như giọng hót của loài trĩ, tác giả Nhật Hachisuka ghi chim trống có tiếng kêu nghe như *How How*⁽¹⁾, tiếng này lặp đi nhái lại mười, mười hai lần mới chịu thôi. Khi chim trĩ gáy trong một khu rừng nào thì chung quanh nếu có trĩ nào thì con chim ấy tức thì đáp lại, gáy trả lời như gà trống trên sân nhà, đầu cho có tiếng súng nổ bên tai, chim trĩ cũng vẫn hót như thường.

Trĩ mái kêu tiếng nghe như "*How-Omoo, How-Owoo*"⁽²⁾ và tiếng chót lại ngân dài, kêu cũng lối mười, mười hai tiếng, đến tiếng chót thì dồn dập giòn đều nghe như một dọc "*Owoo*". Tiếng chim trống và chim mái kêu nghe xa mấy dặm trường.

Tác giả Nhật kết luận tiếng *Phụng* dùng để gọi chim trống và *Hoàng* để gọi chim mái, vẫn là tiếng nhái, nghĩ thanh từ của loại chim này (onomatopée).

Một điều cầm gia nghiên cứu về loại trĩ xứ Mã Lai, quí danh là Beebe ghi rằng người Mã Lai gọi chim trĩ trống (Argus mâle) là *KUAN* hoặc *KUANG*. Người sơn cước Sakai lại gọi *KWAK*. Người Thái Lan gọi "*KYEK*", thổ dân Sumatra thì gọi *KOEWEAU, KUAOW*, cũng là nghĩ thanh từ tất cả.

Nay quả quyết *phụng hoàng diểu* của Trung Hoa (phoenix chinois) và chim trĩ Việt Nam (faisan Ocellé) vốn hai mà một,

(1) Hãy so sánh với tiếng Việt, ta gọi "con công tổ hộ" (gáy).

(2) Con công tổ hộ.- Con công nó gáy làm sao?- Nó thụt đầu vào, nó xòe cánh ra, nó kêu "tổ hộ", (câu hát xưa).

biết được như vậy rồi, nay trở qua tìm hiểu chim phụng và những chuyện hoang đường và linh thánh chung quanh nó.

Tác giả Nhật định ninh không thể bắn chim Argus bằng súng đi săn. Chim faisans Ocellé càng khó bắn hơn nữa, và thời đó, khắp hoàn cầu chỉ có bốn bảo tàng viện hãnh diện có trưng bày vài bộ xác loài chim trĩ.

Ông Beebe viết trong "*Monographie des faisans*" (tập ký sự đặc chủng về trĩ) rằng ông từng sống nhiều ngày giữa vùng có trĩ ở, từng nghe tiếng chim kêu, từng gặp lại dấu vết những sân trước đó không bao lâu có chim trĩ đến múa giỡn gáy sù, nhưng Beebe nói không bao giờ thấy hình dạng trĩ sống lần nào. Đêm đêm ông nghe trĩ kêu, tiếng khi gần khi xa, biết chắc đó là giọng kêu chim trĩ, nhưng sáng lại theo dấu tìm thì không bao giờ gặp được trĩ sống giữa cảnh thiên nhiên, thật là huyền viễm lắm vậy (Truyện Tàu, sách Tàu, văn tả chim phụng kỳ kỳ xuất xuất, mẫu nhiệm vô cùng).

Sử Tàu từng ghi có trĩ trắng, có phụng bạch, nhưng đời nay chưa gặp giống chim albinos (chim bạch tạng). (Hiện nay, tại thảo cầm viên Sài Gòn, vừa nhận được hai chim công (paon) trắng, mỏ trắng, lông trắng, chân trắng, từ ngoại quốc mang về, nhưng đó là ngoại đề, tôi không nói).

Tác giả Nhật định nếu có chim bạch tạng trong các loại chim săn được, thì có thể trong các loại faisans Ocellés và Argus cũng phải có giống bạch tạng chớ chẳng không.

Sử Tàu ghi lại điềm chim trĩ trắng là điềm lành, triệu chứng đời thái bình thịnh trị, hoặc báo tin một vĩ nhân xuất thế, hay là sẽ có một sự thay đổi quan trọng. Nhật Bản vẫn tin như thế và chép rằng đời TEN CHI (vua Thiên Trí), TEMMU (Thiên Vũ), SOTOKU (Xung Đức), vẫn có chim bạch trĩ ra đời.

Tác giả Nhật ghi thêm rằng đã từng mắt thấy sáu con trĩ

bạch bày tại chợ nước Anh là Cambridge, thế là tại Anh quốc, trĩ bạch bày ra giữa chợ lại nhiều hơn khắp nước Trung Hoa.

Trên một bức tranh cổ Tàu, người họa sĩ vẽ hình chim phụng mà đến nay nhiều người ngỡ đó là hình công là phải hơn.

Trong báo *Adversaria Sinica*, xuất bản năm 1905, giáo sư Giles, đồng ý với điều cầm gia Newton mà đề quyết rằng “chim phụng và chim loan tả trong bộ sách Tàu *TU SHU CHI CH'ENG* vốn là: 1) *chim phụng (feng)* vẽ theo chim công, loại *Paon cristatus* của xứ Ấn Độ, còn 2) *chim loan (luan)* vốn vẽ theo con *Argus* của xứ Bornéo và Malacca (Mã Lai).

Tác giả Nhựt viết đến đây ghi chú rằng ông đồng ý với Newton về điển tích *chim loan*, nhưng không đồng ý với Newton về điển ông nói *phụng* do hình chim công vẽ và tô điểm đôi chỗ.

Hachisuka giải nghĩa: “chữ *KHỔNG* (K'UNG) (Công) nghĩa là “lỗ”, lấy tích đuôi công mới xem tựa như có lỗ y như lỗ con mắt. Trái lại từ xưa chữ *phụng* đã có từ lâu và không có tượng trưng bằng lỗ mắt.

1) Có một loại vịt gọi là *canard à tête de phoenix* (phụng đầu áp tử), cũng gọi là *canard à crête*, loại vịt này trên đầu có cái mồng (*crête*) lòng thông ra sau như mồng con *Rheinardie*, còn mồng chim công thì khác xa và dựng đứng;

2) Lại có một loại cây kè gọi *palmier à queue de phoenix*, danh từ chuyên môn gọi *cycas revoluta* (phụng quạt tiêu) lá như đuôi phụng;

3) Cũng có một loại cá kim ngư đuôi phụng, gọi *phụng quạt kim ngư* (*dorade à queue de phoenix*).

Trong ba loại kể trên, không có loại nào áp dụng điển không tước (công), vì loại công thì mỏng và đuôi không giống ba loại kể trên đây.

Giáo sư Giles vẫn thạo tích bà Tây Vương Mẫu đi đến đâu vẫn có chim phụng theo châu. Giles so sánh Tây Vương Mẫu với nữ thần La Mã Juno, vì Junon cũng có chim công theo hộ giá. Nhưng giáo sư Nhật Hachisuka cãi lại và dẫn chứng dựa theo sách Nhật thì chim công hộ giá Junon là thuộc loại *Paon Cristatus*, tức công xứ Ấn Độ và không phải công xứ Trung Hoa. Trong điển Phạn (sanskrit) thì nữ thần kỳ công danh gọi *MAYURA* (paon). Nếu muốn đem Junon so sánh với nữ thần kỳ công thì có thể so với nữ thần Ấn Độ hơn là sánh cũng Tây Vương Mẫu Trung Hoa kỳ phụng.

Giáo sư Rapson rất sành về Phạn tự thêm quả quyết trong thần thoại Ấn Độ có nhiều vị nữ thần được họa hình có công theo hộ giá nhưng ông cẩn thận không dám chắc thần nào sánh được hay đối chiếu được với Junon của thần thoại La Mã.

Giáo sư Nhật kết luận dẫn sao trĩ faisan Ocellé (*Rheinardia Ocellata*) của Việt Nam là chim làm kiểu mẫu để đo đó vẽ hình chim phụng của Trung Hoa.

Giáo sư Nhật đính chính rằng không hiểu sao từ trước các sách vẫn dùng danh từ “Phoenix” để gọi chim phụng. Theo ông không có điển tích nào nói *Phụng* đã tự mình biến hóa tái sinh trong đồng tro tàn do xác mình bị hỏa thiêu, như trong truyện thần thoại con *Phoenix égyptien*. *Phụng* và *phoenix* khác nhau rất xa và tưởng không nên lấy danh từ “phụng” mà dịch danh từ “phoenix” vậy.

*

* *

Đến đây Jabouille trở lại thuyết của riêng mình. Ông nhắc

vùng Việt Nam có chim trĩ ở vốn xưa kia từng bị người Trung Hoa chiếm cứ lâu đời hoặc đã có dấu chơn người Nhật Bản đến đó cư ngụ từ thế kỷ thứ 3 trước Da Tô đến thế kỷ 16, 17. Vùng Bình Định, Qui Nhơn, địa hạt Nha Trang là vùng chót Miền Nam còn lưu dấu vết chim faisán Ocellé.

Nhưng ta phải nhớ chỉ có vùng núi non này và vùng sơn lâm gần Thừa Thiên, Quảng Trị, mới có chim trĩ faisán Ocellé ở. Tại vùng này, những nghệ sĩ, kép hát bội và vũ nữ bản xứ đã từng biết dùng lông đuôi trĩ làm vật trang sức gắn trên mào trong khi biểu diễn.

Tỉnh Quảng Trị (cách tỉnh lỵ ba mươi cây số ngàn đã có gập trĩ rồi), là nơi trú ẩn đặc biệt của loại trĩ faisán Ocellé.

Trĩ faisán Ocellé còn ở đến chót Bắc vùng Nghệ An.

Người Tàu và người Nhật phổ biến chim trĩ trong các thần thoại của họ, người Tàu gọi đó là FUNG (Phụng), người Nhật gọi HÔ-O, cũng đồng một con chim trĩ Việt Nam. Chuyện thật mà trở nên chuyện hoang đường một cách dễ dàng, cũng vì khi xưa có một sự huyền ảo khó giải là loài trĩ từ thuở nào khó gặp tại nơi sinh sản, khó bắt sống, khó bắn chết theo phương pháp thời đó. Nhưn đó và để thêm vẻ linh thánh, những lúc họa chim hay tạc hình vào đá, người thợ đã thi vị hóa, thêm nhuần thêm nhụy, vẽ giặm thêm vài chi tiết, vài nét tuy không đúng sự thật nhưng tăng phần huyền ảo rất nhiều.

Đời xưa chưa có phương pháp khoa học thấu hình như hiện nay (tỷ dụ máy chụp ảnh), nên cũng khó mà tránh sự lầm lộn khi mô tả những loại gần giống nhau, tỷ dụ *phụng*, *loan*, *trĩ*, *công*... Nhứt là tranh cổ thường có sự lẫn lộn về chim phụng. Có nhiều bức tranh, vẽ chim phụng, phần chót đuôi lại điểm chấm như điểm chấm đuôi chim công, quên rằng đối với mắt nhà chuyên môn: đuôi trĩ có hình như dấu lỗ con mắt "Ocellé",

và lại nhọn nơi đầu, còn đuôi chim công thì rất khác.

Cổ nhân, khi vẽ chim phụng, tô điểm đủ màu, nào xanh da trời, xanh chói lọi màu lá cây, chỗ khác đó hồng tươi rói, không khác vẽ hình chim công; như thế là lầm to, vì chim faisán Ocellé, lông màu đỏ sậm như màu già nâu lợt (brun), lại thêm có chấm chấm vàng không thể lẫn lộn. Sự vẽ lầm, họa hình lầm ấy cũng dễ hiểu khi ta biết được thường chỗ nào có chim trĩ ở thì lại cũng có chim công ở lẫn lộn theo. Sự lầm lộn và vẽ lầm lại dễ xảy ra vì lỗi ở thợ săn, đa số khi săn được chỉ lấy lông đuôi trĩ đem về, không đem nguyên xác chim trĩ, bởi đó họa sĩ nào thiếu kinh nghiệm, chưa thấy kim trĩ thiệt, ắt làm ngay.

Sài Gòn, ngày 31 tháng Giêng 1961.

THÚ CHỌI GÀ

*Con gà tốt mã vì lông,
Răng đen vì thuốc, rượu nồng vì men.
(Ca dao xưa)*

Gởi cho ai đây?

- Năm 1921, hụt vợ cũng vì ham đá cá, đá gà. Mỗi mỗi, mẹ nàng đều khen, duy bộ *vó chơi bời* ngán quá!

- Năm 1941, hay tin nàng thất bại tình duyên. Ít lâu sau, nàng gởi hai câu này, trước khi nhắm mắt:

Xổ gà, cáp cá thia thia,

Bài chim, Thỉnh cầu, Tùa Hia ngon lành!

Không gọi *thằng chơi bời*, tặng hai chữ **ĐẠI HUYNH** (Tùa Hia) thì đã không còn. Nàng ôi...

- Năm 1961, chép lại **NHỮNG THỨ PHONG LƯU CŨ MỚI** tặng nàng:

Vô ích !!!

Cá, gà, bài bạc nay đều là “đồ quốc cấm”. Còn chăng là chút dư vị năm xưa:

Nhứt là chúa nhứt xổ gà,

Nhì là hớt cá, thứ ba gầy sòng.

Nàng hãy đợi tôi!

Ngày 19 tháng 6 năm 1961

V.H.S

Thay lời tựa

Theo tôi:

Không thú chơi nào sung sướng và *thể thao* bằng *tự mình săn sóc con gà nòi*: ôm nó trum trum vào lòng, khi cho ăn, khi tắm, khi làm cựa, khi bồng nước,...

- Người trong cuộc gọi *đó là thú phong lưu*;

- Khách ngoài vòng sẽ cười: "*Nhà người bị con gà hành tội*".

*

* *

Mấy ai từng say mê vì gà, bỏ nhà bỏ cửa, lội bộ năm sáu ngày đường, tìm chuộc giống hay...

Ấy là thầy tôi, tôi xin thọ giáo.

Juin 1961

Tưởng niệm ân thâm:

Năm 1960 vừa qua, tôi có phần nào an ủi vì được về thăm quê tại Sóc Trăng ba lượt:

- Hai lần đầu, ngày mồng Năm tháng Tư Canh Tý (5-4-1960) và ngày mồng Chín tháng Mười (9-10-1960): lúc ấy, BA tôi còn mạnh, thấy tôi về mừng, chuyện trò hỏi han...

- Kỳ sau, ngày BA mươi mốt tháng Chạp Dương lịch (31-12-1960) cũng là lần chót: BA tôi vừa qua cơn cảm. Lên xuống thang lầu tuy không cần dìu đỡ (BA tôi cho đến mất, không dùng gậy bao giờ), nhưng yếu đi nhiều. Tôi muốn rước thầy. Ba tôi cười: *Đèn hết dầu thì để cho nó tắt! Đừng làm rộn mất công người ta!*

Đè đầu đó là lời trời. Ngày 18 tháng Giêng D.l. 1961, tôi được dây thép về nhà chỉ kịp vuốt mặt...

V.H.S

Hai lần về quê năm 1961, tôi lưu tâm đến một thứ phong lưu, nay gọi lỗi thời, nhưng lúc tôi nhỏ, buổi Tây còn, rất thịnh hành trong đồng bái:

THÚ NUÔI VÀ ĐÁ GÀ NÒI

Bạn Nguyễn Hoài Trang, thông phán về hưu ở chợ Sóc Trăng và người em bạn dì, chú Trầm Tư ở Tài Sum, hai người thuật chuyện chơi gà cho tôi nghe, cách nuôi làm sao, cách đá làm sao, ăn gian bí quyết nhà nghề thế nào, mãn giờ này qua giờ nọ, tôi chưa đã con rấy...

Mấy lời ký chú đình ninh, nay chép lại, sau nhiều tháng bỏ bê vì hiếu sự, tưởng những tay mê gà, vẫn còn nhiều, sẽ tha thứ khi đọc những hàng này. Có chỗ nào sai sót, bây giờ mình đừng giấu nghề nữa, xin chỉ bảo thật tình. Tôi xin bái lĩnh lời vàng và luôn luôn nhớ câu: *Học sư bất như học hữu.*

Ngày nay đá gà đã cấm.

Nhưng đây là thuật lại chuyện cũ, thói cũ để đánh dấu một thời xưa, tưởng cũng nên.

Cấm đá gà chớ đâu cấm nói và nhắc chuyện đá gà và đá cá thia thia...

Dẫn

Tự thuở nào, thích thú nhất của tôi là được rảnh rang, ngồi thư thả tra cứu bộ sách Thầy: *Đại Nam Quốc Âm, Tự Vị* của Huỳnh Tịnh Của. Hôm nọ, nhưn lật quyển II, bản in năm 1896, tr.155, về chữ “NÒI” tôi đọc:

NÒI: n. dòng, giống.

NÒI NẶNG: như trên.

CON NÒI: con chính dòng thông minh.

GÀ NÒI: gà người ta nuôi mà đá độ, chính là giống gà tốt.

NÒI NÀO SANH GIỐNG ẤY: nòi tốt sinh giống tốt.

RẤT NÒI: thật giống, thật nòi; không lộn lạo, chính là máu một thịt, không phải là chạ.

MUA NÒI: mua giống tốt, cho được nôi sinh (nói về nuôi tầm).

ĐỂ NÒI: để nôi sinh (thường nói về gà).

NÔI NÒI: n.t

MẮT NÒI: không dư giống ra được (nói về gà).

TUYỆT NÒI TUYỆT GIỐNG: tuyệt giống, không còn nôi sinh được.

THẬT NÒI: chính là dòng giống tốt.

RÒNG NÒI: n.t.

ĐẠO NÒI: đạo giữ đã từ nhiều đời (đạo đây là religion).

NÒI ĂN CƯỚP: quân ăn cướp, con cháu kẻ trộm cướp.

NẠ DÒNG: đàn bà đã đẻ nhiều con nhiều lứa (T.d. Nạ dòng trang điểm hãy còn xuân xanh. Tự điển Khai Trí).

*

* *

Xem tự điển Huỳnh Tịnh Của chưa đã thềm thì tôi xem qua những tự điển, tự vị khác:

Quyển GÉNIBREL, bản in 1898, viết:

CHÓ NÒI:

GÀ NHIỀU NÒI:

Lai-, lộn-, lại-, pha-, rặt-, ròng-, chính-, thật-, hết-, để-, để làm nôi, hết-, tuyệt-, mất-, Bút nghiên nghề, đồ-, bị ăn trộm lấy hết đồ nôi.

*

* *

Day qua tự điển GUSTAVE HUE, bản 1937, thấy:

LẤY NÒI: gậy giống, cho nhảy dục.

GIỮ PHƯỜNG NÒI: giữ giống dòng.

THẰNG ẤY NÒI LẮM: nghĩa là tinh ranh lắm.

CÂY NÒI: một loại cây tạp, thớ màu vàng.

*

* *

Bộ Khai Trí Tiến Đức bản 1954:

BẢY NÒI: nghĩa rộng: thạo, sành một việc, một nghề gì,

Tỷ dụ: đánh bạc nòi.

Khen rằng ấy thực đại gia con nòi (Nhị độ mai).

Cảnh hoa việc biết, bút nghiên nghề nòi (N.đ.m.)

*

* *

Tự điển Đào Văn Tập, bản 1951, vốn vẹn:

NÒI: dòng, giống. Tỷ dụ: nòi quyền quý, con nhà nòi.

*

* *

GÀ NÒI - Tóm lại:

Trong Nam gọi: GÀ NÒI

Trung gọi: GÀ ĐÁ

Bắc gọi: GÀ CHOI

NÒI, ĐÁ, CHOI, ba nơi gọi ba cách, nhưng khắp nước, ai ai cũng biết đó là một giống gà rất khác hẳn các gà thường thấy.

NÒI, ĐÁ, CHỌI, tánh tình dữ tợn, hung hăng “chánh thị anh hùng”, ưa đánh đá, nhưng không bao giờ hiệp kẻ yếu và mỗi khi đá lộn, tỏ ra vô cùng gan dạ, “thà nằm chết trận tiền, chớ không chạy bầy”.

Hình thù

Gà nòi không ô dề như gà nuôi để làm thịt, cũng không lướt bướt mặt tái mét như con gà trống thiên.

Gà nòi gọn gàng, hùng dũng, lanh lẹn, toàn thân gân xương; hai giò cao nghệu, cứng rắn; cẳng cổ liền lạc, khi thì biết dài ra như tay võ sĩ với đánh thế độc, khi thì biết co quắp rút ngắn để giữ thế thủ; bộ mặt lúc nào cũng vừa lanh vừa sắc, lằm lằm lý lý; cặp mắt chớp có sao; mỏ sắt, cựa thép, cẳng đâm đầu dính đó; tiếng gáy hoặc dài hơi để tỏ sự bền sức, chịu đựng giỏi, khi vắn tắt để tỏ sự muốn dứt nhau, chém ngã cấp kỳ; và luôn luôn *gà nòi* có giọng hạp thời: giọng *túc con* để con biết mình là tay anh cả có đủ tài bao bọc che chở, giọng *túc mái* để gọi ai kia đến đây làm bạn với ta nào.

Tự ngàn xưa, *gà nòi* bị lợi dụng nhiều hơn ai: chủ cho ăn không đầy một nắm lúa, bắt làm công việc tày đình, bắt chọi, bắt đá, bắt làm món đồ chơi giải trí... Dã man không thua đấu bò ở Tây Ban Nha, cuộc chọi gà càng đổ nhiều máu mù, con người càng hừng chí say sưa quăng, bắt, cá, cuộc.

Nền đá chạm thơ mộng Đế Thiên, vách đá cổ xứ Phật hiền lành Ấn Độ, đá chạm thực thể Mã Lai, Phi Luật Tân, Thái Lan, chỉ những gỗ chạm đượm màu Lão Trang đình Đình Bảng (Bắc Việt), đầu đầu cũng ghi những buổi đấu kê làm kỷ niệm, sánh đồng hàng với nghề đánh vật, con gà con kê mà hiển hách không kém anh hùng danh tướng cổ kim.

Chẳng nên lằm lộn con gà nòi, thuộc dòng võ sĩ, cùng với *gà chạ*, hoặc giả như:

- *Gà ác*: lông trắng xù, xương đen, thịt đen, bàn chơn năm ngón, chỉ biết đá trong nồi canh thuốc Bắc;

- *Gà cỏ*: tức là gà rừng nhỏ con; khi gọi *gà ri*, *gà che*, lâu ngày biến thành *gà tre* tưởng nó ở bụi tre, kỳ thật *gà che* do chữ Miên *Mon che* (gà rừng xứ Thổ);

- *Gà đồng*: chánh danh là con ếch;

- *Gà gô*: chánh thị da đa;

- *Gà hoa*: gà tơ không thiên;

- *Gà hồ*: giống đặc biệt của tổng Đông Hồ (Bắc Ninh);

- *Gà kiến*: gà nhỏ con, lông đỏ như màu cánh kiến;

- *Gà kim tiền*: cũng gọi *cắm kê*, là gà lông như lòng công, mà chân thấp;

- *Gà lôi*: ai ai cũng biết đó là con dindon xứ Hoa Kỳ;

- *Gà mờ*: người biết mập mờ, không rõ ắt (phải do “gà mù” chăng?)

- *Gà mở cửa mả*: người dẫn độn, không khác con gà dùng trong lễ mở cửa mả người chết, lễ rồi thả gà, nó đứng lừng khừng, không biết hướng mà chạy kiếm ăn;

- *Gà pha*: là gà nòi đã lai giống, giống đã pha rồi;

- *Gà ri*: đã nói rồi nơi gà cỏ; đây chỉ nhắc để gọi người dẹt con. (Đồ gà ri mà dám lấy Mèo cồ).

- *Gà rừng*: giống gà sanh sống trong rừng, con trống thích gáy buổi sáng sớm, làm tàn; con mái, hy sinh vì con, nuôi ấp đã giỏi, thêm trốn kẻ thù tài tình;

- *Gà sao*: là con gà Nhựt Bản, lông có đốm như sau: pintade;

- *Gà tô*: cũng gọi *gà cô*, gà to con, ngọc nghếch, ít lông.

Tùy địa phương, tùy sắc tố, gà nòi được tặng (trong nhiều tiếng lóng từ Bắc chí Nam, do người đồng nghệ chế biến đặt ra), nào là:

- Gà *bướm*: sắc lông lốm đốm, đẹp như con bướm;
- *bông*: sắc trắng lẫn đen, lộn trở như bông, hoa;
- *bông dâu*: một loại gà bông;
- *bông lau*: lông pha đốm như hoa lau;
- *bông trích*: gà bông, mỏng như mỏng chim trích;
- *bông nhận*: trắng nhiều;
- *chuối*: sắc pha như đọt chuối;

- *chocolat*: đỏ màu chocolat. Năm xưa ở Sóc Trăng, có gà như vậy, nhưng chủ nó không khứng dùng danh từ Pháp, nên gọi gà *Ngột Truật*, nhắc nhở tên tướng Phiên tóc râu đỏ hoe từng đôi địch đương đầu cùng danh tướng Nhạc Phi đời Tống;

Gà *điều*: lông đỏ sậm;

- *điều lau*: gà điều có bộ lông mã pha đốm trắng như bông cỏ lau;

- *hoe*: gà vàng có điểm đỏ hay trắng;

- *nhận*: gà sắc trắng phau, cằm vảy trắng xen kẽ đỏ, mỏ trắng, con mắt bạc. (Ai gọi tiếng ta nghèo? Tỷ như cũng thì *lông trắng*, nhưng phân ra: gà nhận, ngựa kim, chó cò, trâu cò, bạc tóc, bạc râu...)

- *lau*: cũng như gà bông lau.

- *mái lại*: gà trống lông mã to sợi như lông gà mái.

- *ó*: lông như lông chim ó. Cũng gọi gà *đỏ mái lại*.

- *ô*: lông tuyền đen.

- *ô mái lại*: lông đen, mã như mã gà mái ô.

- *xám*: lông màu xám, như tro.

- *xám ô*: vừa xám vừa ô.

- *xanh*: gà chân xanh

- *xanh lau*

- *vàng, điều ô vân vân*

có cặp chân xanh

Giống gà chân xanh, thường cặp mắt như mắt ếch; gà này có tiếng là lý lợm gan dạ nhứt. Có câu ví:

chân xanh mắt ếch, đá chết không chạy. Do giống gà ở Long Khánh (Tân Châu) có trước.

- Gà khác với *chân xanh* là gà *chân trắng, chân vàng* và gà *chân có lông* (gà xứ lạnh). Gà chân lông có lẽ lai gà gốc gà Tàu. Khi con gà chân lông đá hay thì hay độc địa. Nhưng phần nhiều đều dở, dở như Ba Tàu: nhát đòn, ưa chạy bậy; đăm gà kia đổ máu, rồi thấy máu chạy khan, vì sợ mắc nhọn mạng!

- *Gà cúp*: rất khác với gà có lông đuôi, là con gà cúp, chẳng có phao câu, cũng không có một sợi lông đuôi nào. (Gặp gà hay thì hay tuyệt, nhưng cũng ít người thích nuôi, vì mỗi khi cấp độ, đều chịu thua sút con gà kia; thậm chí vào trận nhứt là ngộ nước suy sút thì té lụi đụi, khó đứng vững, vì chưng thiếu mất một binh khí lợi hại (bộ lông đuôi) để chống đỡ lúc ngặt nghèo. Lúc ngặt nghèo có cây chổi cùn trong tay cũng chống cự được, huống chi là thiếu bộ lông đuôi trong thân con chiến kê. Gà cúp ngày nay ít thấy, vì ít người chịu nuôi, bợm nhậu là thù nhứt vì thiếu mất một món trong *nhị khoái*. (*Nhứt phao câu, nhì đầu cánh*).

- *Gà hóc*: nói về gà khi đá độ, mau mệt, thở không kịp.

- *Gà rù*: gà rút cổ kêu tiếng buồn buồn.

- *Gà nở*: không phải gà sắc lông đốm đốm như bông nở. Nở đây là bật vỡ ra, vì *gà nở là gà thua độ*, bao nhiêu vảy và lông tai đều hở hang ra, xem thấy là biết liền đó là con gà thua độ.

- *Gà niền*: con gà thua độ, đem về nuôi lại cho sung để gặt bán cho tay mơ hay gặt người nóng tính bắt gà ấy đá nữa thì mình cứ theo bên gà kia là ăn chắc. Gọi *gà niền* phải chăng là ý muốn nói vật ấy, gà ấy đã hư nứt, nay phải đánh đai niền mới tạm dùng được.

- *Gà rớt*: Cũng là gà thua, đã chạy một phen rồi, nhưng chạy đây là chạy tại sân nhà, thua con gà lớn vóc cao niền chớ chưa ra trận thử sức lần nào. Có khi cũng chưa từng chạy, nhưng vì trong mình không khỏe nên không hiểu chiến, không khác người đau, không ham gây gỗ, thuốc điếu, đàn bà, cũng đều chê! Cũng gọi *gà chạy mặt*; và có ý xem, *gà rớt và gà chạy mặt* tương hình như nhau: bộ tịch khúm núm, cánh treo tốp, mỗi lần gặp gà khác thì quạt quạt hai cánh muốn bắt bỏ và nhắc *bao giờ tôi cũng nhớ trận đòn năm xưa!* tiếng kêu cọt cọt bị ai!

- *Gà ăn vót, gà thua vót*: Gà đá chưa xong độ, ăn thua chưa kết thúc, nhưng hai chủ vì tiếc gà hay nên bắt lên không cho đá nữa. Gà này nuôi lại, đá lại độ khác còn được.

- *Gà ức độ*: Trái với gà rớt là gà ức độ, hai cánh xệ xệ, phùng xòe, miệng túc con túc mái phở lở, nhưng vô ích, vì chủ đốc lòng không cho gấn mái kia mà.

- *Gà công độ*: Cũng như gà ức độ, *công độ* là gà nuôi quá lâu mà chưa đựng độ, sức có thừa mà chưa có dịp dùng, thành thử sức ấy dồn lại trong mình làm cho khó chịu. Cũng khúm núm, đi không muốn nổi, nhưng khúm núm đây là chưa có dịp trở tài chớ chưa phải thua ai. Ta vẫn còn nói: *Lão này ứ hơi, như con gà công độ*, tuy cùng diễn nhưng nghĩa có khác.

<i>NAM NÓI</i>	<i>BẮC GỎI</i>
Gà đem ra trường, sắp cấp độ	Gà sắp ra sới (theo Ô. Lê Huy Oanh, Ánh Đèn Dấu, 1961)
Ổng chân gà, cẳng gà	Đôi khoản gà (n.t) (Theo tôi, nên viết "quản" như "quản bút" tương như vậy đúng hơn chẳng? VHS)
Gà sừng chùn	Gà bị lậu đề (n.t.)
Gà đá ra trường, còn đứng nơi mức thép, nơi mức ăn thua	Con chiến kê, hay con gà chiến, ra trận, còn đứng ngoài sới (n.t.)
Gà đá chùn trơn	Gà chọi đòn (n.t.)
Đá đòn	Đòn đấm. (n.t.) Tỷ dụ: đòn đấm là bấu mạnh vào khúc dưới cần hoặc vào lưng kẻ thù rồi đá thốc khoản vào ngực (như trên)
Sỏ, mé	Đòn mé là đứng bên tổng khoản vào mặt
Đá tạt	Đòn dọc là đứng trước địch thủ, đá vào cần hay vào mặt.
Khai vựa lúa, khai bồ lúa	Đòn hấu (mổ vào hấu, đá vào hấu, (n.t)
Xạ (đá hai chùn, mỏ không cần gà địch) Tỷ dụ : gà mới xáp độ, sức lực đôi bên còn dư, nên ham xạ như hai tên tương thép trên sân khấu thứ tài cao hạ	Đòn buồng

Điều cần biết là con gà, khi đá, không bao giờ biết đá một chân như bò (theo nghề võ, ngón ấy, ta gọi *dòn độc cước*), và luôn luôn tung hết cả hai chân, vừa cựa vừa móng, phóng tới, y như ngựa đá ra sau (võ gọi *dòn song phi*).

Gốc gác con gà chọi

Theo tôi tưởng, con gà chọi đã có từ đời Thượng Cổ. Á Châu, Ấn Độ, Đông Nam Á Châu, Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt, nơi nào, vùng nào miền nhiệt đới, đều có dấu chơn gà chọi. Gà chọi sanh ra, có lẽ do sự đúc nắn liên tiếp nhiều năm nhiều đời của giống gà thường: nơi nào thích *gà cựa* thì luyện cho con thú mọc cựa thêm dài để chém dữ đâm sâu, nơi khác ưa *gà đá đòn*, thì đúc gà lớn con, bay nhảy mặc dù chậm chạp, nhưng đá thật đau, đòn đồn như búa bổ. Đặc tính *truyền tử lưu tôn* của gà chọi là: ham chiến đấu, hình thù vạm vỡ, tài kiếm văn võ v.v....

Gà đòn, gà cựa. - Gà vùng Mã Lai, Cảo Miên, Thái Lan, lớn con nhưng đá chậm chạp; tuy vậy đòn nào chắc nịch đòn ấy: một đòn đá tỷ dụ vào cổ con gà của ta, thì đủ cho *con nòi Việt gian cần chạy chết*. May sao, “gà Miền Dưới” có cái sở đoản là chậm lụt quá, nếu thừa cơ gà Việt biết dùng cựa mau lẹ hơn thì cuộc thắng bại chưa biết về đằng nào.

Tùy địa phương, con gà nòi đã thay đổi hình thù. Tỷ dụ ở Trung Việt, đá gà là món tiêu khiển của người lam lũ, khi hết mùa lúa thóc, rảnh việc đồng áng, khi ấy mới bắt tay chơi gà. Vả chẳng tiền bạc ở ngoài ấy, không phải dễ kiếm, phải trầy vì tróc vảy mới kiếm ra, bởi rửa cho nên miền Trung thích chơi gà đòn, một độ dầu ăn dầu thua, cũng kéo dài trót mấy giờ đồng hồ, có khi từ sáng sớm cho đến tối mờ, cũng chưa xong một độ gà, và làm sao đôi bên cũng coi thật sướng con mắt. Vì miền Trung chuyên đá *gà không cựa*, danh gọi *gà đòn*, nên có ý xem, gà nòi Trung Việt cựa mọc chậm và mọc ngắn: nó *nín cựa* vậy.

Rủi thời con nào cựa mọc quá mau quá dài, thì cựa ấy cũng có khi bị cựa bứt, không cựa cũng bị cà đầu cho cựa chai đi, không lú được nhiều hoặc giả khi cựa vừa bằng hột bắp, thì chủ gà đã dùng móng tay mỗi ngày mỗi bấm, bấm thét cựa ấy tà đầu, vô phương lú được. Như đã nói, gà đòn đá lâu lơ lâu lác mới xong một độ, nhưt là khi hai con đều thắm mệ, thì thỉnh thoảng “trụ” này mới nắm đầu “choa” kia đá đấm vài cái rồi lét bết cựa lại nữa. Như đã nói, đá gà là thú phong lưu của hạng người biết quý trọng đồng tiền đồng bạc, dầu cho nay có đem ra phung phí vào cuộc đồ bác thì cũng muốn dây dưa kéo dài cho thêm khoái nhần.

Trong Nam, từ Tiền Giang xuống Hậu Giang đến miệt Cà Mau, mấy năm về trước, tiền rừng bạc biển, người dân có xu nhiều, cũng thay đổi cuộc giỡn tiền. Người Nam thích đá gà cựa, nên gà nào nấy cựa sắc lẹm như cặp “siêu đao”. Gà miền Nam, lông cách lông đuôi thật nhiều, nhờ đó, giỏi nghề bay nhảy, thêm sẵn cựa dài chuốt nhọn hoắt, nên chi may rủi nội trong một ngọn cựa, thì đủ con kia nằm một đồng, có khi vừa nháy mắt, đã đá xong một độ gà, và mỗi ngày cặp đá ba hay bốn độ là thường.

Từ Ấn Độ, Thái Lan, Mã Lai, đã có người lên đem giống gà hay giỏi qua đây cho nhảy với gà mái rừng, tuyển cái tài chịu đòn pha lại với cái nghề đá bay “bản xứ”, nên lâu đời ở Việt Nam có nhiều giống gà nòi rất khác nhau: gà Bình Định, Bà Rịa, Bà Điểm, Cao Lãnh, Kế Sách v.v... chung quy tuy là nhiều giống, nhưng ta có thể gộp lại làm hai thứ chánh thức là:

- Gà đòn.

- Gà cựa.

a) Gà đòn - Gà đòn vốn là gà chum trơn, không cựa, hoặc cựa mọc không dài, cựa vừa lú vậy thôi. Gà này lớn con, không

khác võ sĩ hạng nặng, có người đặt tên là *gà cù lự*. (Và cũng vì đó, ta có danh từ *thăng cù lự* để gọi những người vạm vỡ to xương). Gà cù lự có những đặc điểm sau đây:

- Lông thưa, tuy chưa hót mà đầu trơ cổ trụi; lông cứng, giòn, dễ gãy; đá xoắn vài lần, cù lự dả còi cọc, xem không *tốt mã* chút nào;

- Con mắt sâu hoắm, sâu lõm; da mí thật dày, tỏ ra tánh tình gan dạ nếu không nói là lỳ lợm;

- Cổ dài nhòng, không khác cánh tay nhà nghề của võ sĩ, để thò nắm đầu kẻ thù và để vói đánh những quả thối sơn;

- Chân to căng bự: mỗi khi chạy rượt mái, trên sân đất, tiếng giẫm đui đui tưởng chừng thặng sơn đá nã tróc đàn bà. Chơn to ấy để đá đòn thật rất và thật xót xa. Vì không cựa, phải có chơn căng lớn, nhưng cũng vì quá lớn, thành ra chậm chạp, đá không kịp cựa dậm. Đá gà cựa, ngồi xem tưởng nhớ đến tích người Lôi Đại Bàng trong *Kiền Long hạ Giang Nam*, thí võ cùng người Hồ Huệ Càn. Đại Bàng vóc to nhưng không đánh trúng tên tú tài học võ Thiếu Lâm Huệ Càn, thiện nghệ môn đá lên thêm mũi giày có giấu sẵn con dao nhọn làm ám khí. Trong truyện nói Đại Bàng về sau bị hạ, nhưng ngoài đời, khi gà đòn đá với gà cựa, gà cựa dậm chém nó như tử, chùng cơn bão táp lướt qua, gà đòn nắm được gà cựa, đánh một đòn cũng đủ mềm xương gàn lia cuống họng. Kể về gà đòn, có tiếng nhất là gà Bình Định, không kém đàn bà xứ ấy, dẫu chi cũng có một miếng võ thủ thân. Miền Bắc gà nòi ở đâu danh tiếng, tôi xin chịu dốt và cũng không muốn lòe đời bằng một sự nghiên cứu phớt qua. Trong Nam thì tôi biết có giống gà Bà Rịa rồi đến gà Bà Điểm, gà Hốc Môn, gà Cần Đước, gà Trảng Bàng, nhưng nếu hỏi khó tôi gà nào thật hay, tôi không trả lời vội và xin mời đến trường gà sẽ biết.

b) Gà cựa- Gà này chân nhỏ, có bộ võ học trò, nhưng đây là học trò có võ nghệ; thân hình liên lạc, toàn gân xương, không chút mỡ dư, thịt không bủng beo;

- Cựa dài, nhọn hoắt, sắc bén vô cùng. Gà cựa không khác kiếm khách, hiệp sĩ, võ sĩ, đi đâu cũng đá, tùy cặp phi kiếm, song đao. (Có khi con nòi già đập mái, vừa trên mình mái bước xuống, là “mụ dầm” giãy chết dưới chân, vì lúc hai đứa tơ lơ mơ, cặp cựa đã ghim thấu phổi mụ hồi nào không hay biết);

- Mặt thật lạnh, xinh tươi khả ái;

- Bụng dạ rất tốt, không ăn tham, được một hột lúa cũng túc mái túc con, tỏ ra mình là người anh cả trong sân, đủ sức dùm bọc.

(Tuy tôi không đá độ nào thật lớn tiền, nhưng thích gà từ thuở nhỏ. Tôi có một con, lén mua đến bảy đồng bạc (tiền năm 1915 lối đó), và thích ôm nó như ngày nay tôi giỡn ngọc thường ngày trên tay. Đến bây giờ nhớ con gà ấy tôi còn cảm tưởng êm đềm sung sướng như nhớ những anh hùng xuất sắc trong truyện Tàu).

- Gà nòi cựa miền Nam, lông lá phủ phê, luôn luôn tươi mát:

- Lông cổ (lông bờm) thật nhiều;

- Lông mã (lông trên lưng) phủ giáp hai bên hông dài lòng thông như áo giáp kép hát bội, xem rất xôm;

- Lông đuôi dài chấm đất, tỏ ra sự mạnh dạn dư sức, có khi phải hớt bớt cho khỏi lướt bượt. Gà nào lông đẹp, đuôi tốt, gọi “gà ấy có phụng vĩ”.

Gà cựa miền Nam, lông nhiều và chầy ngày bị lông phủ kín, nên “trắng da trắng thịt”, không như gà đồn, thịt da đỏ sẫm bởi lông ít lại thưa. Gà cựa phải hớt sạch lông, năng võ nghệ,

có chịu sương chịu nắng, lâu ngày mới sần đỏ và chắc da thịt.

Giống Cao Lành - Gà danh tiếng nhất, lối máy chục năm về trước, là giống gà Cao Lành, khi đó còn thuộc hạt Sa Đéc. Đây là giống gà các cụ đời xưa đời Thủ Khoa Huân, Cử Trị còn roi dấu lại. Hại thay, gà Cao Lành chỉ hay giỏi vào đời trước, rồi ngày càng lụn bại, nguyên do, theo tôi có lẽ vì:

a) Ta không biết tuyển giống theo khoa học, mắng cho gà nhà đập lẫn nhau nên lâu đời huyết thống kém suy, gà trở nên dôi trụy. Cái luật kiêng cử cưới vợ lấy chồng đồng máu huyết (*đồng huyết tộc*) là không nên, xem vậy mà quan hệ vô cùng.

b) Hai nữa là vì tài nghệ bí quyết, đòn độc, via tối, via sáng, khi xưa chỉ gà Cao Lành là thiện nghệ, thì nay các giống gà khác cũng học được, có lẽ còn hay giỏi hơn nữa mà chớ, bao nhiêu lối đá độc đều bị đòn kỹ phá hư thành thử gà Cao Lành nay ít thắng độ như trước...

Thiết tưởng, nếu những người chơi gà miệt Cao Lành không sớm đổi phương pháp, đem máu mới thay vào lẫn lẫn và gia tăng ngón độc thủ cho giống nhà thì sớm muộn gì gà này sẽ hư nòi đi mất, uổng lắm vậy.

Ngày nay miền Nam có nhiều giống mới nhập cảng, và mỗi địa phương gà có tài nghệ khác hẳn nhau:

Gà Bà Rịa, gốc từ Ấn Độ, Mã Lai: mái Bà Rịa có túp râu dưới cằm. Giống gà này thịt u, xương lớn, tuy chậm chạp, nhưng kể về gan dạ thì đứng số một:

- Đá chun trơn, hay vô cùng;

- Sức chịu đựng không chõ ché: nằm chết tại trận tiền chớ không biết chạy bao giờ;

- Đá tối ngày không thôi, khỏe thì đánh vài đòn, mệt thì đứng đó ai đánh đá bao nhiêu cũng hứng chịu không sợ gì cả.

Quả thật là “giống gà núi”, xứng danh *Thầy Rùa, Tướng Núi* chẳng sai.

Dữ làm sao đến mái Bà Rịa cũng không hiền. Đàn bà xứ ấy dùng đòn gánh bằng gỗ trắc có móc thau chắc chắn hai đầu, đi rừng gặp cọp không hề sợ. Mái nòi cũng vậy. Mặc dù giống yếu, gặp trống chạ muốn trèo là kháng cự ngay. Chừng nào đá không lại, khi ấy mới chịu nằm xuống, ai leo trèo gì mặc!

Gà Bà Điểm: thiện nghệ đá chum tròn, không biết dùng cựa, có cũng như không, nhưng đòn thật hay và thật độc. Cặp chum đá mạnh đến đôi giã cần cổ và mềm mình mấy con gà đối thủ như chơi. (Dường như không bền gan bằng giống Bà Rịa).

Tóm lại, các giống gà Bà Rịa, Bà Điểm, Bình Định hay Hóc Môn, Gò Vấp, có đặc điểm là gà ít lông, to xương, cổ dài, chân đá chậm nhưng chắc đòn, tiếng là gà *Cù lự*.

(Đá gà theo kiểu miền Đông, cũng lạ mắt: tôi từng gặp các chủ gà không dùng lông ép cũng không dùng bội để nhốt con gà chiến. Mỗi người trong túi có sẵn vài nọc tre, đi đến đâu muốn “cầm gà” thì cắm nọc xuống đất rồi lấy dây nhợ cột chân gà vào đó thì xong. Chừng nào cấp độ sẽ tháo gà ra, gọn thì gọn thật, nhưng như vậy có vẻ tạm bợ, không cung gà, chủ kê kém phong lưu, gà cũng không xứng danh chiến kê chút nào. Đối với hạng gà chung tròn, còn được, bằng với gà cựa cũng đối đãi cách này thì ắt có ngày cựa gãy không còn cái nào.

Khi đá, khi bông nước, miền Đông cũng khác. Ở đó, trước khi thả gà, đôi bên dùng chanh trái thoa khắp mình gà và thêm phun rượu trắng, để tỏ cho bên địch biết gà không có tẩm thuốc độc hay xạ chồn, v.v...)

Gà Cao Lanh - Đã nói rồi nơi đoạn trước. Tóm tắt lại thì gà này vừa hay, cựa nhạy, chém liên tu, nhưng bỏ gan, chém đâm

không xuê thì cuốn đuôi chạy tét. Xưa kia có giống của ông Cả Hiền, nhạc gia cố hữu Diệp Văn Kỳ là hay nhất nội vùng.

Gà Ké Sách (Sóc Trăng). - Pha hai giống dữ: lấy sức bền dai và giỏi chịu đòn (Bà Diễm, Bà Rịa) chung đúc với cái lanh lẹn, cựa nhạy của Cao Lãn. (Vài chục năm trước, có giống gà ông Hàm Cang (Trần Như Cang), con là cậu Ba Oai là nhất).

Ngày nay giống gà này đã mất nòi vì hai vị kể trên đã qua đời, nhưng miệt Ké Sách, Sóc Trăng còn thiếu gì giống gà dữ hơn nữa.

Gà Rạch Giá - Gần như gà Ké Sách về dòng máu. Xưa có gà ông Hội đồng Lộc và chiến nhất. (Giống này cũng không còn).

Gà Trà Vinh - Có giống gà họ Lâm Quang.

Gà Rạch Gầm (Mỹ Tho) - Có giống gà ông Chủ Trước.

Gà Bến Tre - Gà ông Hội đồng Hoài.

Gà Giá Ray (Bạc Liêu) - Gà ông Hội đồng Ngô Phong Điều.

Gà Phong Điền (Cần Thơ) - Gà ông Lê Thọ Tường.

Gà Gò Công - Gà của ông Phủ Khiêm và của ông Huyện Đậu.

Gà mái Gò Công đúc với trống *Đất Đỏ* danh tiếng một thời gian.

Gà Bà Diễm pha giống gà Cao Lãn, trở nên một giống gà vừa mạnh, vừa lẹ, vừa cựa, vừa đòn.

Gà Mả Lai pha nòi Việt Nam, được một giống gà cựa hay, đòn dữ, danh tiếng nhất thời...

*

* * *

Nòi là gà rặc giống, rặc nòi. quyết chiến, gan lì... Gà không rặc nòi, tỷ như lai gà Tàu, tốt mã tốt bộ, lẫm lẫm oai phong, nhưng khi xáp trận, đá thắng gà kia thì còn ở, nhược bằng gà nọ đá đau, chém đổ máu, thì la choát choát, chạy cụp đuôi, không khác người tay ngang đánh lộn, thấy máu là tối tăm mặt mày, không như võ sĩ chánh danh, dù đánh không lại cũng không bỏ cuộc vô cớ.

Gà gân, gà lông - Đã nói về gà đòn, gà cựa, tưởng nên nói luôn về gà gân, gà lông.

a) *Gà gân* (gà Kế Sách, Rạch Giá,...) khác gà Cù lự và gà Cao Lãnh, vì vóc mình ở giữa, không lớn quá cũng không bé quá, tuy không mau lẹ bằng gà lông, nhưng toàn thân gân guốc, dẻo dai, đòn thật chắc, đá tiếng gió nghe “Rẹt, Rẹt” y như tiếng bao tay võ sĩ đánh miếng nhà nghề.

b) *Gà lông* (Cao Lãnh, Rạch Gầm, v.v...) là gà lông nhiều, thịt ít, nhỏ xương, nhưng cựa thật bén, cựa chuốt rồi thấy đủ lạnh mình.

Gà lông lẹ làng, giỏi bay giỏi xạ, nhưng kém nước bền.

Gà lông có pha chút ít máu gà rừng, có tài đá “song phi”, hai cựa phóng tới tuyệt diệu như cặp phi đao của kiếm khách... Uống thay, nước chịu đựng không có, đâm gà kia nếu không hạ nó nằm chết, thì kinh tâm tán đờm, đến lượt gà kia thích lại vài mũi cựa thì đứng bết bát, hình thù như “bọn hút ăn đòn”, xấu hình xấu dạng. Gặp con hay thì xuất sắc, gặp con dở thì dở không chỗ nói.

CON HAY NHỜ MẸ GIỎI - Nói về gà, thì đây là câu nhựt tụng. Có câu ví: *Chó giống cha, gà giống mẹ*, và câu khác: *Gà bền tại mái*.

Vì lẽ ấy, mái nòi, ít ai chịu bán ra. Mỗi lần gà sanh con

trong bầu, lựa gà trống nuôi đã đành. Đến như gà mái, lúc còn tơ, cũng lựa rất kỹ: con nào tốt bộ thì *để giống*; còn lại bao nhiêu mái dư, thà nhắm mắt cho ai ăn nhậu làm gì thì làm, riêng chủ gà, không bán ra cũng không cho chác.

Lựa mái hay là một chuyện, nhưng cũng phải *kén trống tài* khác dòng máu, thì lựa sau đảm chắc là không thua cha mẹ: theo nguyên tắc thì: *trống hay cộng với mái hữu hạng, sanh con đó là gà dòng, gà giống*.

Gà trống để giống, phần nhiều là gà ăn độ, nay vì cao niên, không ra trận mạc nữa, để giữ đòn hay, tài đá giỏi, nên cho *cẩn mái*, hay *đổ mái*, *đúc mái*, *đạp mái*, lấy giống lại. Cũng có khi dùng trống còn tơ vào việc ấy là vì muốn có gấp giống gà để đá kịp mùa, trống tơ ấy cũng là gà dòng, đã biết tài sức rồi. Nhưng thường lệ người nuôi gà có phương pháp ít nóng tính, vẫn chờ trống được hai ba tuổi và kén mái sung sức đúng năm mới đổ, như vậy sanh con mới chắc được “nòi” y hệt tánh nết cha mẹ.

Như đã nói, phép đúc gà quan hệ lắm. Nếu trống và mái *đồng huyết tộc* thì con đẻ ra sau này lần hồi lụn bại kém sút cha mẹ thì có, chớ không hơn. Người biết chơi gà, phần nhiều không có học nhà trường, nhưng học giỏi ngoài đời, lấy kinh nghiệm làm căn bản, cứ xét ở chỗ đối với loài người, chỉ những dòng giống vua chúa Á Âu, nếu cưới gả quanh đi lộn lại cũng trong dòng họ, con cháu lấy con cô con dì, lần hồi sẽ sanh ra cháu con kém thông minh, không dần độn cũng tật nguyên, bệnh hoạn... Bởi lẽ ấy, các tay nuôi gà chọi hay giầu nhem gốc gác giống gà của mình dày công tuyển lựa, không mấy khi nói cho ai biết trống mái của mình nguyên ở đâu mà có.

Người chơi gà chuyên môn luôn luôn lấy kinh nghiệm làm gốc làm thầy, và bền chí không ai có. Tỷ như họ đã từng thua độ vì gà địch giỏi vừa tới và cự đâm nháp nháy, thì khi đúc gà để báo thù, họ sẽ tuyển giống có tài bay cao chém dữ, trị lại đòn

vía tối của địch thủ, biết đá bay, mỗi lần bay mỗi lần chém, biết dùng cựa lúc xạ, nạp, lanh lẹ cao tài hơn giống gà ăn độ năm xưa, thì át trả thù được chắc chắn rồi, tóm lại họ nhớ kỹ cho đến đời như con gà ăn độ năm giò miếng vía tối thì nay họ lựa giống gà biết móc biết khều đầu gà địch không cho chun vào nách và biết đá liên liên khiến con gà kia không kịp đỡ thì lấy gì trở ngón.

Thầy Rùa độn thổ vào cánh kẻ thù?- Nhưng nghề đá gà thiên hình vạn trạng, mình ẩn nhẫn *tâm sư học đạo*, thì bên kia cũng đề phòng tìm hiểu con gà tương lai của mình, họ *chạy một nhẹn thua hơi* hoài thì mình cũng khó trả thù, kịp đến ngày họ nhận lời chịu đá thì biết đâu chừng họ sẽ có phép cao hơn, và mình lại phải thua nữa mới tức cho.

ĐÁ GÀ DAO - Rồi cũng bởi đá gà cao trí hơn nhau ở chỗ bền chí dày công luyện đúc con gà nòi lâu lơ lâu lác, nên dân Sài Gòn quen tánh ăn xối ở thì, không chờ đợi được, bèn bắt chước phong tục Mã Lai *chơi gà dao*. Đá gà dao thì giống gà không cần thiết lắm, có khi gà ngoài chợ lựa con nào tốt bộ, may thời nó ghim một dao nhằm chỗ nhược thì hốt bạc như chơi, gà chạ ăn gà nòi là vậy. Có câu *May rủi một mũi cựa, hơn thua một cựa* là thế ấy. Đá gà dao là đá theo sự cầu may, một cuộc đánh bạc nhiều hơn một cuộc đấu trí, thi sức bền, sức giỏi chịu đựng, con nào chém trước được phần hơn, chủ nó chắc có tiền, con nào không biết chém, có sẵn dao không dùng kịp thời, sa cơ, chậm một đòn thì đã nằm một đồng bỏ thây trần tiền. Đá gà dao coi chưa mãn nhãn, có khi vừa giụi mắt thì gà mình đã thua. Chỉ tội nghiệp cho gà, không cần dòng giống, người đá gà thua mãi họ điên đầu mua gà chợ cấp độ đá liên liên, gặp “ông bà độ mạng”, gà tuy gà Tàu nhưng Tàu võ nghệ, vô trường đi nước tiên, hạ địch một dao, chủ thì lượm tiền, gà ngẫu nhiên lại lên chum “gà chiến”!

ĐỔ GIỐNG - Đổ giống thường lựa hai giống khác hẳn tánh tậ, trống gà gân, mái Bà Điểm, trống Cao Lãnh, mái Mã Lai, vân vân, cốt dung hòa hai thứ: đức tánh của mẹ cha thọ lãnh đủ thì gà sanh ra là gà có nghề, tức gà nòi vậy.

Đổ ai, dầu thân cách mấy, hỏi mượn mái hoặc nài mái lấy giống được bao giờ. Thà giết con gà *làm bồi ăn nhậu* mà vui lòng với bạn, chớ chẳng bao giờ chủ gà đành lòng cho *dời mái khỏi gốc*. (Tập Võ Thú Y số 7 năm 1950).

Một trứng nòi mất đi cũng đủ gây thành đám giặc nhỏ nữa là. Cũng trong Tập Võ Thú Y kể trên, có nhắc lại một giai thoại lý thú: “Có lần ông Bảy bị ăn cắp mất một trứng trong ổ gà đang ấp. Bình sanh ông Bảy rất điềm tĩnh, thế mà phen ấy ông đã lên cơn thịnh nộ, một hai đòi đuổi tên mai nghề tin cậy của ông, vì nó sanh dạ bất hương dám lên cắp một trứng bán đổi năm đồng bạc (thuở đó một chục mười trứng giá ngoài chợ là tám xu, là cùng). Sau đó, người chủ mưu ăn trộm trứng, liệu không êm, phải mang trứng đến trả cho ông Bảy và còn năn nỉ thiếu điều *thụt lưỡi*, công chuyện ắp cắp trứng dàn xếp mới xong”.

Vì sợ mái bị cắp trộm nên thường chủ gà chỉ lựa đủ số cần dùng, con nào tốt nhất trong bầy sẽ dành lại, kỳ dư phải hy sinh để tránh sự ăn cắp.

Người nuôi gà chính tông không ăn thịt gà nòi, một là dị đoan sợ xúi quẩy, hai là không nỡ và không đang tâm chút nào vì dầu sao gà nòi là khí cụ, đồ nghề sanh sống.

*

* *

LỰA TUYỂN GÀ

Từ lúc trong trứng nở ra đến khi trọng cây, gà nòi con cũng

không có sự săn sóc gì đặc biệt khác hơn cách nuôi gà nhà đẻ thịt. Nhưng gà tơ được mười bốn, mười lăm tháng là mở mùa được nuôi thúc để sau này đá độ. Sơ khởi, chủ bắt gà *xỏ thử*, tức cho hai con *thảo vài đường* trước cặp mắt lão luyện nhà nghề để xem võ nghệ dường bao. Hai con đây, một lão tướng, một tráng sĩ, một già một trẻ, gà tơ đá cùng gà có độ, để xem cách thức tay mơ chống trả, cự địch cùng gà có kinh nghiệm ra thế nào. Nhưng đây là cuộc *xỏ chơi thử sức*, nên phải bịt cựa đôi bên để tránh sự rủi ro: biết đâu chừng, trong lúc tranh phuông, lỡ một mũi thoi, cũng đủ hư một trong hai con gà quý giá. Và tuy gà tơ đá với gà già là tài sức dị đồng, một già một trẻ, nhưng trên trường chinh chiến tài không đọ tuổi, già kém trẻ cũng là thế gian thường sự.

Bịt cựa gà thì dùng lá chuối khô lột bên trong, ngoài dùng giẻ ràng rịt hay da mềm quấn nhiều lớp rồi lấy dây nhợ mện buộc rút thật chắc. Trong khi *xỏ*, lâu lâu cũng phải xem chừng lại sợ cựa lộ không thấy, chém bậy vào mắt vào mang tai gà thì khổ.

Tuy cùng bầy cùng mẹ cùng cha nhưng có con hay con kém, giỏi dở không đều. Khi tuyển chọn “*cử tử*” làm vậy, con nào tệ quá thì cho thêm sả ớt, bột cà ri đưa tiễn nó vào nồi cho rảnh chuyện; không ăn thịt thì thủ tiêu cách khác, lơ dềnh chủ lạ bắt về nuôi tìm hiểu ngón đá, nghiên cứu chỗ hay chỗ dở của giống gà thì cơ đồ bại lộ rồi.

Con nào xài được sẽ nhốt riêng, còn kiểm soát vài lần nữa rồi sẽ quyết định. Trong khi luyện tập và chờ đợi, chủ gà có một thú vui không có trong nghề khác là xúm nhau coi chơm coi vẩy từng con gà, tiên đoán hậu vận mỗi con sau này hay dở ra thế nào:

Chơm càng nhỏ chột càng quý.

Cựa phải đóng sát thới mới hay.

(Thớ là ngón chun phía sau). Cựa, thích cựa suôn sẻ, mũi phải quớt lên chút ít, thép thật nhiều và thật dẻo. Như vậy mới là cựa độc, cựa dữ. (Thép đây là lớp vỏ cựa, chất men xương, không phải lớp vỏ đóng ngoài lớp vỏ này). Cựa độc hơn nữa là cựa sấp (cựa lớp ngoài, dẻo như sấp). Còn cựa tầm thường là cựa vôi, có lớp vôi khô đóng ngoài, chuốt hoài cựa vẫn bởi rời, cựa này ít đâm. Trong cựa còn một khúc xương, (cũng như răng của ta có xương bên trong, men, ngà lớp ngoài), khi nào gà sút cựa, hoặc vì chuốt mỏng quá, hoặc vì duyên cớ khác, thì con gà ấy hết xài, không dùng đá độ được nữa (gọi là “ê cựa”).

*

* *

GÀ NÒI CÓ TÊN CHĂNG?

Trong tạp san *Ánh Đèn Dầu* số 1 năm 1961, ông Lê Huy Oanh viết về *Thú chơi gà chọi*, tôi xin phép tác giả cho tôi trích ra đây những tài liệu này:

1) *Con Tía Vía*: Gà này bộ mã màu đỏ tía, sở trường đòn vĩa. Đòn vĩa là “chuyên lườn vào nách gà địch, lòn đầu lên nắm cổ nắm vai, nắm lông trên lưng rồi đá thốc lên, đòn này có thể làm gãy cánh gà kia. Và công dụng đòn vĩa là làm tiêu thịt ngực và cạnh sườn, làm sả cánh gà địch. Bị vĩa thét, gà địch sẽ yếu sức hết gân hết cốt, đá không mạnh đòn nữa”. (Lê Huy Oanh).

Và tôi xin thêm: Có hai cách vĩa:

a) *vĩa sáng*, như ông Oanh đã nói:

b) *vĩa tối*, là chun vào mình gà kia, núp luôn dưới cánh, lùa da đùi, da nách non, kẹt cánh, mấy chỗ nhược đó, nắm chắc vừa đá vừa đâm, khi thấu phổi, khi lũng hông, khi xệ cánh. mỗi đòn như vậy là y như hốt tiền thồn vào túi chủ. V.H.S.

2) *Con Xám Bốn Kỳ* (có lẽ thắng bốn độ rồi);

3) *Con Cáp Tô Văn* (xem truyện Đường Chinh đông);

4) *Con Tiết Nhơn Quý*, tức là *Tía Vi* (Đường Chinh đông);

5) *Con Điện Quang*, ở Nghệ An, đem lên đá ở Hà Nội, sờ trường mé nhanh như chớp và có thể đánh thông luôn hàng chục đòn một lúc;

6) *Con Ó Năm Kỳ* (thắng năm kỳ);

7) *Con Xám Nhứt Nguyệt* (cựa một đen một trắng);

8) *Con Mơ Bốc Cát* (đi chum như bốc cát vãi tới);

9) *Con Tía Lì* (lầm lì).

Ông Lê Huy Oanh cho biết thêm, ngoài Bắc, có sới Cự Bá Chấm ở Ô Chợ Dừa là danh tiếng nhứt (Tài liệu trong *Ánh Đèn Dầu* số 1 năm 1961).

Trong Nam, gà hay không ít, cũng có tên riêng như gà ngoài Bắc, tên cũng tương tự làm vậy và phần nhiều mượn tên các danh tướng trong truyện Tàu mà đặt, nên không kể làm gì. Duy vài tên có vẻ bản xứ ngộ ngộ như *Xám Chủ On* (tên chủ gà), *Ô Xoài Cả Nả* (ai đến làng đó cũng đem về cả nả xách xoài), *Nhạn Durban* (gà nhạn của lục sự Durban), *Điều Phụng* (đẹp như phụng) v.v...

Ngoài ra, có một mớ tên rắc mùi Thổ: thắng độ, người Việt nài mua rồi để tên y mà gọi; rất thơ mộng:

- à *Snghiee chong khnai* (cựa đóng ngay vảy giáp);

- à *Khmau chac chru* (ô đâm sâu);

- à *Điều Chung Kra báy* (Điều chuồng trâu)...

(à đây là trợ từ, đồng nghĩa với “thằng”)

CẶNG GÀ

Ban nầy đã nói về cặng, nay xin tiếp. Cặng chia ra có:

- cặng vuông;

- - tròn;

- - nhỏ. Chân cặng nhỏ lại thích hơn chân to (cũng như roi, nhỏ sợi đánh rất đòn hơn to sợi).

Cặng nhỏ và eo khúc giữa: quý lắm và gà này hay lắm;

Cặng vảy khô như gà chết: đừng tưởng như vậy là xấu, trái lại, cặng khô khan như vậy, và vảy đóng thật sát, rờ nhám xam (như gà chết) quý lắm. Gà này đá đòn vừa đau vừa rất.

Cặng gà: ngoài Bắc, theo ông Lê Huynh Oanh trong *Ảnh Đền Dầu*, thì gọi là *khoản*. (Theo tôi tưởng nên viết “quản” như *quản bút*, trúng hơn).

Trong Nam, cặp cặng gà thì gọi là cặp cán (cán là cái chuôi để cầm: *cán gáo*.)

CỰA GÀ

Nhiều thứ:

- *song đao* (quốt mũi như đại đao);

- *song đao nghiêng*, cũng gọi *cựa cắt chéo* (cựa độc), mũi quốt và nghiêng ra phía sau chút ít;

- *siêu đao* (quốt ít hơn song đao, cựa này cũng độc lắm);

- *giao chỉ*, ngay chò và ngó nhau; khi nào vừa ngay vừa bỏ mũi ra trước thì là *cựa hứng gió*, ít chém, gần như vô dụng; cũng gọi *cựa ngó bàng quan*;

- *chỉ địa*, ngay và ngó xuống đất;

- *nhứt nguyệt*, một mũi đen, một mũi trắng, hoặc là cựa

phân nửa đen, phân nửa trắng (cựa dữ);

- *hom lạp*: cựa ngoéo ra sau hơi nhiều và cong như cặp sừng trâu; khi cựa ngó ra sau, hễ ít thì “cất chéo” (tốt), cong nhiều thì “hom lạp” (xấu);

- *cựa êm*: cựa đóng theo thới (sát ngón sau) và thuận một chiều, như vậy là êm. (Nghịch với *cựa êm* là *cựa hứng gió*, ngó bàng quan);

*

* *

VÂY GÀ

Vây đóng hai hàng tron. - vây đều, như vậy là tốt.

Vây án thiên phủ địa - Chia ra hai thứ:

án thiên : có vây lớn nằm sát dưới gối, trên những vây kia;

pủ địa : vây lớn nằm trên ba ngón dưới các vây kia;

Vây khai hậu - Vây này ở sau chân, khi vẩy ấy nứt thì gà vô dụng (không xài được);

Vây khai tiền - Vây này ở trước, nếu nó nứt về bên trong thì gà còn xài được; nếu vẩy nứt bên ngoài, thì gà hết xài;

Vây yển ngay ngón giữa - Vây này đóng ngay ngón giữa, lót nhỏ ở trong, quý lắm: ấy là *linh kê*;

Vây vắn - Vây liền một miếng, không có đường chính giữa;

Đâu đầu nhịn miệng - Từ đầu gối xuống, vây nhỏ đâu giáp lại thành một, ấy là “đâu đầu nhịn miệng” (gà này không xài được);

Vây dậm chậu - Vây nhỏ ở sát ngón chún trước (trước khi

dụng ngón) (gà này ít ăn độ lấm). Cũng gọi *Liên giáp ngoại*.

Vảy rọc chậu - Vảy cắt đứt ngay, sát chùn (có chỗ gọi *lọt chậu* nhưng gọi *rọc chậu* trúng hơn). Gà này thường gặp rũi ro, nhiều khi bị đâm đui mất v.v...

Ngậm thê - Vảy đóng đều nhưng có một vảy nhỏ chẻ hai là ngậm thê (gà này không tốt mấy);

Nát gôi - Vảy nát bẩy từ trên đầu gôi nát xuống xương xị không đều hàng. Nếu gà ngang thì vô dụng, còn về gà đòn vẫn xài được, và có nhiều con hay vô cùng (Trần Tư, 9-10-1960).

*

* *

Đến đây, nói cũng đã rất nhiều, mà không nhằm vào đâu, có người sẽ hỏi tôi như vậy. Và đây là bảng tóm tắt, so sánh tốt, xấu, trong hai cột sau này, trích trong *Tập Về Thú Y Xuân Nhâm Thìn* (Déc. 1951) tr.670, 671, 672:

LỰA TỪNG BỘ PHẬN CỦA GÀ

TỐT

1) Đầu

Đầu nhỏ, theo xuôi với cần cổ;

Mỏ nhỏ, ngắn và chắc;

Khóe miệng sâu, rộng;

Mông nhỏ (héo) hay vừa, mọc cao và ngay, hoặc bỏ ra phía trước, hoặc nghiêng sang một bên (bên trái thuận hơn);

Mí mắt mỏng;

Mắt sâu vừa, mắt thau, mắt bạc, mắt ếch, mắt sao, nhưng con người phải nhỏ, và dễ cảm kích (mở ra đóng lại dễ dàng);

Gò má cao, da mỏng, đỏ tươi;

2) Cổ hay cần cổ

Cổ dài và thon, tròn, khớp xương kín, cứng, liền lạc, ngay ngắn, xuôi từ đầu đến gốc cần chắc vững.

3) Thân mình

Mình dài đòn, sâu đạo, phao câu lớn, xương ghim khít, xương lườn dài ra sau, cứng và ngay thẳng. Cánh lớn và dài, bắp thịt ở cánh (*trái chanh*) lớn, nở nang, rõ ràng

XẤU

Đầu to, ngược lại cần cổ nhỏ hơn đầu;

Mỏ thô, dài, yếu;

Khóe miệng cạn, hẹp;

Mông lớn quá, “trập” xuống nhiều, che lấp mắt như loại mông dậu, mông trích phía sau có lỗ lớn;

Mí mắt dày;

Mắt sâu quá (chậm) hay lộ ra quá (nhát, thêm dễ bị bụi);

Mắt “óc cao” (mắt đỏ), mắt hột lựu, mắt lớn quá và tròn cũng quá lớn; Mắt đen thui;

Má hóp, da dày, không láng bóng.

Cổ ngắn quá, hay dài mà dẹp, chia ra từng khúc (cổ cò), xương thưa, cổ mềm yếu (lắc qua lắc lại dễ dàng).

Mình tròn “hột mít”, trệt lườn (lườn tam bản), phao câu nhỏ, mềm, lung lay, xương ghim hở nhiều, xương sườn cụt hay “vay” (gà thiếu xương khi còn nhỏ).

TỐT

Lông cánh dài và khít rậm.

Cánh chấp sát, tròn và dài tận phao câu (*cánh vô trai*).

Lông đuôi, lông bờm, lông mã nhiều, dài, cứng mà dẻo, nhỏ bản: lông thép, lông gân.

4) Đùi, cẳng, chân, cựa

Đùi lớn, dài, bắp thịt nở, cứng, đùi *phân ba* là đùi dài hơn cẳng hai phần ba (cẳng ngắn có một phần ba). Cẳng giò, cán hay "quản", từ gối đến *chậu chân* hay bàn chân là bộ phận cần thiết nhất của con gà chọi, không khác bốn chân của ngựa đua.

"Cán" tròn như tháp bút hay có ba góc rõ (cạnh thước), cặp cán xương thắt trên nở dưới ngắn hơn đùi, ngón chân dài nhưng khớp xương ngón lớn và rõ rệt, móng cũng dài, nhọn, bén.

Ngoài xương cẳng là lớp da mỏng có vảy, hình thức khác nhau:

- Vảy mỏng đều, hai hàng trơn hay ba hàng càng tốt. Vảy tốt nên biết (nhưng chẳng nên tin như vảy chém mắt, vảy ăn độ):

XẤU

Cánh cụt, nhỏ xương, ít thịt bắp "trái chanh" lép.

Lông cánh thưa ngắn. Cánh không chấp sát, cánh "áo tơ".

Lông đuôi, lông bờm cổ, lông mã thưa, cụt, hay dài mà mềm, lớn bản như lông gà Tàu, gà pha. Lông bời rời và bở, dễ nhỏ, dễ rụng.

Đùi nhỏ, cụt, thịt teo, mềm, đùi với cẳng (hay cán) gần bằng nhau (đùi phân đôi).

Đùi éch (ngay xuống với cẳng như cây cột).

"Cán" thô, to, cán thịt, trên to, dưới nhỏ, hay sườn duột (cán bánh cụng), bàn chân nhỏ, mấy ngón đều cụt, móng vắn. Chân "sinh" nhiều thịt, ít xương và gân.

Vảy to sậm và dày, không rõ ràng, không sáng sủa, vảy loạn hay có "giáp ngoại" và các hình vảy khác mà mấy nhà chơi gà đều chê là xấu, nhưng không cắt nghĩa được tại sao xấu, tại sao xui:

TỐT

a) *Vây Ân thiên*: một vây lớn nằm ngay dưới gối, trên những vây kia.

b) *Vây Phủ địa*: một vây lớn nằm trên ba ngón chân, dưới các vây kia.

c) *Liên giáp nội*: một vây lớn nếu đóng ngay ngang hàng cựa, hình hơi giống hàm rồng (?) thì gọi *hàm long* nếu giống miệng cạp (?) thì gọi *hổ khẩu*, nếu hình tròn như mặt trời thì gọi *nhật thần*...

d) *Huyền châm*: vây nhỏ xíu chen chính giữa các vây khác đóng ngang cựa.

e) *Gạc thập* hay *huyền cung*, hình như chữ “thập” hay chữ “thập” cong vô cựa.

f) *Khai vương* hay vây dính nhau hình chữ “vương”.

Cựa

Cựa nhiều thép, chột nhỏ, tròn.

Cựa đóng sát *thời* (ngón sau).

Cần nhất là *vọng cựa*, chiều cựa theo ngón sau xếp xuống, phía ngọn hơi cong lên, nghiêng từ gốc đến ngọn cựa, lối 10 hay 12 độ (degré) và dài lối 3 tới 4 phân là cựa “đáng sợ” hơn hết.

XẤU

1) *Gối nát*: vây loạn ở trước và sau gối.

2) *Rọc châu*: ở kê ngón sấp lên, có hai hàng vây hai bên, thành ở giữa có một đường nhỏ.

3) Các vây lớn hay dính với nhau mà ở hàng ngoài cựa đều gọi *liên giáp ngoại*.

Cựa không thép hay ít thép, nhiều phao.

Cựa *củ cải* to chột, đóng treo cao.

Cựa chuỗi xuống (chỉ địa), xóc lên gối (*chỉ thiên*), *hứng gió* hay *gài cửa* (xoay ngang), cựa *quẹt* ra phía sau và chúm đầu xuống, (Tài liệu trong *Tập Võ Thủ Y Xuân Nhâm Thìn*, 1951).

TẬP LUYỆN GÀ ĐỂ ĐEM RA TRẬN MẠC

Gà gần ngày ra độ, càng được luyện thúc tới. Mười lăm hôm trước ngày ra trường, lão sư kê đã lo *nhồi gà*. Cách *nhồi gà* là ôm con gà để trước mặt, lấy tay hữu bợ hai ngón dưới ức con gà, nâng nó lên, căng gà hồng mặt đất độ hai tấc, nhồi con gà nhẹ nhẹ, tập cho nó biết ý thủ thế trước, bồng lẹ làng vừa nhồi mạnh vừa rút tay ra: tự nhiên con gà mất thăng bằng và rơi xuống, sẽ chống căng và phải dùng hai gối chống chỏi thế nào để khỏi té. Đó là thế cách *nhồi gà*, tập cho gà mau cứng: cứng gối, cứng chân căng.

Cũng từ nửa tháng trước khi ra độ, gà được nuôi thúc. Ngoài số lúa thường nhứt, gà được ăn thịt bò tươi xắt vụn cỡ đầu ngón tay út (mỗi lần bốn năm cục) hoặc hột gà sống. Trứng tươi khẻ một đầu bằng mút dũa, kê sát vào mỏ thì sẽ thấy con nòi cắn đầu nút ngon lành cho đến khi sạch ráo mới thôi. Ô hay! Người lớn nút sữa bò hộp, vô si nhấm nhi hột gà để tắm bổ. Con gà chiến cũng đi một đường chứ gì?

Hai ba hôm nữa đến ngày xuất chinh, chủ nuôi trông nom cho gà từng ly từng tý, lo còn hơn mẹ lo cho gái về nhà chồng. Đang đêm đánh thót dậy, ra xem chừng gà: ăn lúa có bỏ dư lại không và lông lỗ tai còn đủ hay rụng khá nhiều? Trời khuya lạnh cách mấy cũng phải thức giấc đúng giờ, xách đèn rọi ra tuần con gà ngủ hay thức. Dầu gớm ghê cũng ráng, phải xem phần gà: khô, đặc sệt hay lỏng...

Kinh nghiệm dạy rằng: cứt gà còn lẫn lộn lúa hột là triệu chứng “me-xừ gà” ăn không tiêu. Gà rụng lông tai, bỏ ăn, đêm không ngủ, ỉa cứt còn lúa hột là gà không mạnh khỏe, cãi Thầy, ôm gà ra đá thì có môn “thua bỏ xừ”: mười độ mất tiền đủ mười! (Xin hỏi nhỏ: nuôi và săn sóc gà được như kể trên, còn cha mẹ mình đã dưỡng nuôi tới mức đó chưa?)

*

* *

SẮP ĐẶT CHO GÀ RA TRƯỜNG CHIẾN ĐẤU

Bữa ra trường, sáng sớm tinh sương là lão sư kê đến trại gà, bốn thân ôm từ con trống ra khỏi chuồng, vuốt ve mơn trớn, “nựng” đã đời rồi mới cho vào lồng ép. Phép nhốt gà vào lồng ép cũng có kỹ luật và rất mỹ thuật: phải bưng con gà đút ngược, để cho đuôi gà vào trước chớ nhà có điệu nghệ không bao giờ đút đầu gà vô trước vì có ý hiểu đưa đầu gà chun vô là mất thể thống con gà; và đút đuôi gà vô lồng trước thì khi vào lồng, con gà ngó mặt ra cửa xem oai nghi hơn, khi đến trường, đưa gà cho vào bội thì y như rước “cô dâu” mở cửa “thình” ra, chớ không bắt đi ngược mất thể thống và mất vẻ long trọng đi.

Sự kê quan sát kỹ lưỡng một lần chót trước khi đưa gà ra tranh đấu: tay vuốt mã gà, miệng tróc tróc kêu tên từng con một, hỏi han ân cần như vị tướng khuyến khích binh sĩ trước khi khai chiến:

- Con *Điều Phụng*, mày ráng cho Ba phen này một độ xuất sắc lừng danh xem sao?

- Còn con *Xanh Mã Lai*, khỏi dặn, mày nhớ làm cho tao một chiến công “xiết điện”, nội trong nước nhứt coi nào?

- Còn mày! *Hỏi Mã Thương Nhạn La Thành!* Tao khỏi dặn nhiều. Hãy nhớ kỹ cái đòn độc nhứt, một ngày bắt năm vua năm xưa xưa kia chớ?

Trên mỗi lồng ép đều có choàng một chiếc khăn vuông vải đỏ, khăn này luôn luôn phải che theo chiều nắng, không khéo con gà say ánh sáng hay ngộ cảm vì ngọn nắng chói ngay đầu ngay mắt mà nguy to!

Sư kê cũng có phận sự kiểm điểm lương thực của mấy trống. Phải nhớ mang nước ở nhà theo cho gà uống, e chừng không quen nước lạ, ngộ thời bị chanh nước, chói nước, thì còn gì công phu luyện tập?

Cơm ở nhà nấu để nguội, vắt sẵn hờ khi đựng độ sẽ có cho gà *ăn cầm hơi*. Trước khi gắp độ không gà nào được ăn lúa sáng bữa ra trường và chỉ được uống nước cầm chừng trừ bữa ăn: kinh nghiệm cho biết gà có hột lúa trong bọc điều, nếu chưa tiêu kịp, không khác võ sĩ ăn no, xáp trận, chúng đánh *coup d'estomac*, ói cơm mà báo! (bọc điều cũng gọi là bầu điều hay bầu lúa, và danh từ "Khui bỏ lúa, bầu lúa" là ám chỉ xúi con gà nhà đâm ngay bọc chứa đồ ăn của con gà địch. Ngón này độc thủ vô cùng, vì gà bị thương chỗ nào còn trông mong may vá, duy bầu điều bị khui rồi thì chủ gà chỉ chờ giờ phút xia tiền thua độ).

Đồ nghề lợi hại, dụng cụ tối cần của sư kê là chiếc khăn điều để bông nước, khách chơi gà xem trọng như lá cờ lệnh của một đạo binh, đó ai dám rớt, trừ phi lão sư kê, đi đâu cũng vắt lên vai, hãnh diện còn hơn kếp hát bội với mấy lá cờ xanh đỏ cắm sau lưng, và mỗi khi chiếc khăn rơi giữa trường hay trong vịnh nước là biểu hiệu chủ gà, sư kê, và chiến kê *đầu hàng vô điều kiện*! Không khác trên võ đài bọn làm nước quăng khăn nước lên đài để cứu chàng võ sĩ bị người đánh hơn đánh người!

Ngoài chiếc khăn lệnh, sư kê đới tùy một hộp thiếc nhỏ đựng đủ thập vật, từ cây kim, sợi chỉ may, dao con thiệt bén, kéo nhọn, vải sạch, miếng sành miếng chén (dành khi làm cựa) và còn bao nhiêu tế nhuyễn khác, đều là dụng cụ bí mật hờ khi gấp rút thì có sẵn: chuốt cạo mũi cựa cho thêm dữ, vá vết thương, may chỗ bị đâm, v.v...

Chiều nào gà nhà ăn độ, thì chủ tứ há hê, miệng cười toảng

hoạc: sư kê được thưởng, chỉ thẳng mào củ nghệ, mót nước tiểu cũng có tiền “xúp” phủ phê!

Chẳng may gà nhà thua độ thì trại gà lạng trang như có người đau kẻ chết. Thịnh thoảng nghe tiếng đồng hồ rên rĩ và tiếng thì thầm của chủ gà bàn bạc với lão sư kê: nếu không đỡ thừa đổ lỗi thì là trù liệu rút kinh nghiệm chờ khi trả hận.

*

* *

LỰA TUYỂN GÀ NHƯ THẾ NÀO?

Tôi có một tật lớn khó chữa, là viết văn như kể chuyện, bị rầy hoài mà cũng vậy, là không bao giờ trút bầu tâm sự ra hết một lần. Làm như thế theo tôi, nó chán ngấy như gặp một tô phở “bảy chục đồng” xộn xộn, nuốt khó trôi. Với phở thì tôi “xả hơi một tý”. Với câu chuyện tôi cũng ngắt nó ra, vừa bù tai thì tốp dợt dịp khác, tôi thừa thế nói lại, theo tôi làm như vậy, độc giả hay khách bàng quan, tuy không bằng lòng nhưng cũng phải ép dạ nghe nốt, khi nào liệu khách quá buồn ngủ vì lời nói quá nguôi nguôi, khi ấy tôi sẽ *ché xăng*, tôi chọc cho tức cười, khách tỉnh giấc cũng thứ tha đôi mớ. Gặp người khó tánh, bởi ăn lâu tiêu nên chậm nghe, tôi còn một câu thần chú xin “Tổ đái”, mẹ cho lúc nhỏ:

*Theo này là theo có duyên,
Ai lấy chồng theo, làm tiên ba đời!*

Tôi đọc lên, tuy chưa ai thành tiên, nhưng sau khi “nói chữ”, họ cũng bỏ qua luôn, thế là rồi chuyện...

Nay bí quyết nhà nghề đã khai thiệt, tôi xin trở lại:

CÁCH LỰA GÀ KỶ NHỨT

Gà trống vừa lứa, chủ bắt vô trại, rửa chân, coi vảy. Khám

xét từng con. Con nào liền da liền xương, không bịnh tật thì nuôi; con nào tẻ thì thịt thì chén. Ít khi bán ra, sợ kẻ thù chơi nghịch lén sai mua với ác tâm học đường thương đường kiếm rồi tìm đòn trệ lại thì chết ch.!!!

Con gà nòi, thịt rất ngọt ngon, nhưng bấy lâu tiếng đồn *trúng gà lộn ăn cùi, thịt gà nòi ăn nổi đơn* là ý muốn chừa món ngon cho bợn nhậu và muốn dung dưỡng một loại điều thú sanh sản ít. Nồi thịt nhiều, gà tơ thịt ngon theo thịt gà tơ, gà già thua độ, nghệ tẩm lâu ngày, da sần cón, thịt cứng giòn, trai trai còn răng đủ, nhai ngon lành, mát miệng, khi nấu cà ri, da giày giòn rụm, khi giả thịt rừng thịt thú xào lăn, ngon riết ngọt diên, ngày nay ngồi viết lại đây còn thêm nhều nước dãi. Có người không chút lương tâm, thua độ gà buổi trưa hực tiền, ôm con gà về, hiền thê giận lấy không nấu cơm, phần gà bị cự đâm bấy bá đầy mình, nếu làm thịt nhổ lông sạch, thấy vết bầm vết máu tím đen, ắt không tài nào nuốt vô khỏi cổ, lòng ác cảm đã lên cực độ, thêm tẩm gương đàn gà treo mờ không dọn cơm, bèn ra sau bếp, để nguyên con gà sống nhả vào cối giã gạo, (bộ đồ lòng lấy lên trước làm món nhậu lai rai), rồi lấy chày quét con gà vừa lông lá, xương thịt, máu ra đỏ cối, quét như rồi để y vậy cho vào trã lớn, bỏ ba hột gạo sót đít khạp, làm nên món ăn bất hủ: *gà nấu cháo cối!*, Ăn gà nấu cháo cối, không cần thịt, chỉ húp nước ngọt... Bụng sần đói là một điều kiện, tiền còn lại vừa đủ mua một xị đế đưa qua là ráo, *không đủ cay môi* là hai, mấy lời chua chát ban chiều văng vẳng bên tai là ba, húp cháo nóng đổ mồ hôi, nằm xuống ván gỗ, ca đủ nghe bài *Văn Thiên Tường*, tích *Bá Lý Hề* : *Từ chàng đi... thiệp chẻ cánh cửa háp gà... bụng sục sục sôi, định làm một mẻ, nhưng con buồn ngủ đến hồi nào không hay, chỉ nhớ mạy mạy câu chót bài ca:... Quãng ly, bước thẳng, nắm tay khóc với người tình chung* còn bao nhiêu: thua độ, vợ phụ, đều theo cháo cối... quên đi mất hết. Tuy vậy, ba đời chủ gà đã man đến thế, vẫn

cất đầu lên không nổi. Ai đời con vật trung thành, khi nó thắng độ làm giàu cho mình, sao không nhớ ơn? Chẳng may sa cơ thất thế nó gặp con khác cao tài hơn nó, tại mình cấp độ dở kém, một phần lỗi lớn sao không tự trách mình, lại trút tội hết vào con gà? Thua độ này ráng chịu, đi quét nó sao đành? Tôi xưa chỉ *ăn ké*, húp ba miếng cháo để nghe sự tích này mà nay cũng bị lặn dận lây.

Trở lại lựa gà, gà tơ lựa thật kỹ, xem toàn thể cho cân xứng, gọi *con gà đồng thân đồng thủ*, và hình dáng cho xinh (gà đẹp, ra trường, lẫm lẫm oai phong, đủ làm gà địch khiếp vía), đầu mặt lựa cho thật dữ⁽¹⁾, cần cổ liền lạc, xương không gãy lúc nhỏ, phao câu nở nang (gà mạnh mẽ và giỏi chịu đựng), lông cánh rậm ri tỏ ra tài bay đá dễ dàng, lông đuôi dài và nhiều (phụng vĩ đẹp), để khi đá nếu té sẽ nhờ đó đỡ lên, chân cẳng thật liền, từ khớp xương, ngón, móng không chút tật nguyên: con gà làm vậy, dẫu thua cũng mát bụng.

Gà lựa xong, day qua đoạn *hót tích hót tai*. Tích là hai miếng da lòng thông hai bên tai khi đỏ khi trắng dợt, với hai tai gà bốn miếng da phải sớm thí bỏ, không thì sau này chỉ để cho gà địch nắm cắn nơi đó, đánh thêm đau. Muốn hót nó cũng dung dị lắm. Thường chỉ lấy kẹp tre kẹp sát da cho tích tai rời ra ngoài, kẹp rồi dùng dao cạo bén rọc sát thân kẹp, cắt đứt da rồi thì lấy dầu dừa có trộn lọ nghe chảo mà thoa cho kỹ, thoa như vậy giấy lát thì máu thôi chảy, mỗi ngày mỗi thoa, vài ngày khô mặt, ít bữa lành trơn, con gà hết đau cuống họng, gáy như *ũ*. Khi nào gặp gà lai nhiều đời có cái mỏng lớn bản xòe ra như *chiếc quạt*, ấy là mỏng gà Tàu, thì cũng xén bớt mấy cái chia đó

1) Có khi gà mặt hiền lành lại để ăn độ vì chủ gà khác khinh thường. Ấy là gà ẩn tương. Thường tái ba lộ ra ngoài mặt có hại chứ không lợi mấy, vì người ta đã để phòng trước.

đi, o bế sửa lại thành mỏng dài và gọn, đặt tên là *mỏng lười búa*. Con khác mỏng như hoa sung, có con mỏng trệt như mỏng chim trích, mà vì dốt nên gọi *gà mỏng tích* cho đến nay còn dùng. Sau khi cất hốt, gà được thả ra sân cho mau sung sức rồi chủ lại bắt nhốt riêng mỗi con mỗi chuồng, cho ăn cho uống phủ phê, lúa thì đãi sào sạch trấu, nước lựa nước mưa lóng thật trong. Khi nào gà lành mạnh, da trơn tru, thắm đỏ, không còn tỳ tích, khi ấy sẽ lựa một ngày ráo trời bắt ra xổ thử, cốt để xem xét từ nét đá, nét chịu đòn, con gà khi đá có miếng nghề gì và đá càng về khuya có cử chỉ làm sao, nghiên cứu từng ly từng tý để ngày sau ra trường, nghiệm theo sức nó mà lựa gà chịu độ; một khi biết trước sở trường sở đoản của gà mình và của gà địch, *biết mình biết ta* làm vậy thì mười phần kể ăn hết tám chín, như tiền sẵn trong túi, trừ phi gặp chủ gà kia là tay tổ, cao tài cao tay ấ hơn thì ấy là bà cạ không độ mạng rồi!

Gà nào thật vừa ý sẽ nuôi thúc và chia ra làm ba chạn: *chạn nhứt* là gà cô thật lớn con, thường sắm để đá với gà người Thổ; *chạn nhì* là gà bực trung, để cấp độ lắm vì ai cũng thích nuôi, còn *chạn ba* là *gà bay*, *gà chim*, vì mền tài mà nuôi chớ ít khi gặp độ vì gà nhỏ con, không nhiều người đồng ý ham nuôi như mình.

Kỳ này con nào kém quá sẽ bị loại ra luôn.

Nếu chơi gà đòn, thì cứ thả vô chuồng nuôi thúc, rồi xổ dượt (duyet) làm vài ba kỳ, một đôi tháng là có thể đem ra trường đá xổ độ đầu với hạng gà mơ (chưa ăn độ) như nó.

Nếu chơi gà cựa, thì lựa lần đầu như vậy chưa đủ, vì lúc đó gà chưa đúng sức lắm, cựa chưa dài, chưa biết “vọng” “ngọn” ra sao. Chờ khi gà đúng tuổi, độ mười lăm, mười sáu tháng trở lên, cựa khá dài và đã nhọn, cựa đâm chém có “máu mủ”, khi ấy mới dám chắc gà cựa tốt hay xấu, gà thuộc “thú dữ” hay hạng

vừa vừa dễ xài.

*

* *

LỰA LẦN THỨ NHÌ

Kỳ thứ hai này lựa kỹ hơn và sẽ chia làm hai cấp:

a) *Lựa cấp nhứt*

Lựa về toàn thể con gà:

Thấy gà bông gà trên tay, tìm hiểu nặng nhẹ ra sao. Nặng vì to xương chắc thịt thì tốt. *Nặng* vì mập béo, thịt bệu da bủng, thì ắt không khá rồi. *Nhẹ* cũng có đôi ba đường nhẹ: *nhẹ lông*, gân cốt liền lạc không chút thịt dư, ấy là nhẹ tốt, gà đó tương lai nhiều; nhẹ vì gà thịt nhão, xương cốt chưa đúng sức nở nang, con gà bông lên tay, ọp ẹp đường chiếc máy thợ ráp siết ốc chưa chặt, chưa khít, gà ấy còn rời rạc và thừa lông: nhẹ như thế là gà nên loại luôn, đừng tiếc vì nuôi nó đem ra trường, thua uống tiền và đừng trách tôi không nói trước!

Lúc bông gà trên tay (danh từ chuyên môn gọi “vô tay”) sẽ biết con gà *sâu đạo* (tiếng lóng gọi “gà lườn tàu”) hay không *sâu đạo*. Gà nào lườn sâu như *lườn tàu*, ấy là gà quý tướng, tốt. Gà nào lườn cạn, (tục chê gà lườn như *lườn tam bản*) ấy là gà xấu, vô dụng.

Đồng một lúc cũng nghiệm xem cho biết cái *xương lườn* (tiếng lóng gọi *mở ác*) ngay hay cong và xem luôn *xương ghim* (ở dưới đất) khít khao hay hở hang. Theo sách tướng gà mà các sư kê truyền khẩu cho nhau hoặc giấu nhau như giấu nhựa thầu thì : *gà vạy lườn* (lườn cong, vạy) và *gà hở ghim* là hai hạng gà đồ bỏ, không xài được.

Coi lườn, khám xương ghim xong rồi, day qua xét về lông

và cánh. Sư kê ôm gà vào lòng, cho đầu gà trở vô kẹt nách, rồi lấy tay sè cánh nó, bóp nắn mần rờ kỹ càng.

Gà lúc nhỏ đã bị gãy xương cánh xương vai, nay tuy lành mạnh, nhưng gà ấy không nên dùng, e ra trường, bị đánh đá xương gãy trở lại. Gà nào mạnh mẽ và có hạng thì cặp cánh, lông thật dày, không một sợi dập gãy, bộ xương vai liền lạc. Con gà ấy ít khi chịu ai sè cánh nó xem chơi, nếu ta cố sè cho được thì nó nhảy nhót và tự kéo cánh lên cao để xếp lông lại, không khác một võ sĩ hữu danh không khứng cho ai kéo cánh tay xem bấp thịt. Khi chợp cánh, võ sĩ ưa cho kẻ thù đo ván; con gà khi bay lên là thích cựa vào con gà đối địch không sai. Những nào lông thưa thớt, dập gãy, là gà thiếu nuôi hoặc nuôi không kỹ lưỡng, hậu quả là nay dùng ép thì có ngày thua độ vậy.

Thăm khắp chỗ rồi, thấy gà thăm dò *phao câu* và cái *bình dầu* tức hai cục hạch nằm trên phao câu, (có khi cũng gọi *quả hoi*). Lão sư kê mần mò không sót chỗ nào. Có ý xem gà nào sung sức, mượt lông mượt cánh, là nhờ nó lấy mỡ khều quả hoi hình dầu cho chảy chất nước nhờn ra, rồi lấy dầu chà mạnh cho dính nhiều chất ấy, đoạn lấy dầu đó thoa xúc lông cổ, lông cánh, lông mã, thoa rồi thêm lấy mỡ nhàn kỹ từng sợi lông kéo từ góc dài ra ngọn cho chết hết mấy con mạt, vừa vuốt mấy sợi lông đuôi, không khác các cụ già vuốt chòm râu, hãnh diện hơn nữa, không khác các cô gái vườn sáng sớm lấy lược gỡ đầu, chải tỉ mỉ từ lọn tóc phết gót, không quên bôi chút ít dầu dừa mới thắng để tóc mây thêm mượt.

Bao giờ mưa thuận gió hòa

Trơn lông mượt cánh lại ra phụng hoàng.

(Ca dao)

Phao câu và bình dầu càng to lớn chừng nào càng tốt: đó là

những triệu chứng hay. Con gà *nở hậu tốt đuôi*, là gà có thừa sức khỏe. Lông đuôi mọc rậm và dài, sẽ giúp con gà có một thế thủ chắc chắn: khi đá, nhứt là lúc xạ, nạp, gà quất đuôi xuống đất lấy trớn, còn vào lúc suy sút, nhờ chùm đuôi làm cây chổi kín đỡ khỏi té, và nếu té dễ bề chổi dậy.

Nói đến đây lại nhớ con gà *cúp*, tức là gà không phao câu cũng không có lông đuôi. Trời sanh *hữu tật hữu tài*. Con gà cúp có miếng nghề riêng, khi đá luôn luôn thủ thế trước và không bao giờ để cho té. Trời ôi, nếu gà cúp té thì là té rui ro, chớ anh đó, cẩn thận và đi đòn kỹ còn hơn mấy anh cụt tay đánh vợ nữa kia. Ở đời đừng khi “cụt” mà lằm: cụt nắm được đầu, không buông tha và còn cái “khu lẳng” trớn, có nện chơi chơi mà đau điếng!

b) Lựu cáp nhì

Gà lựu thật kỹ, đầu đó vừa bụng hết rồi, thì thả ra sân, chờ xem tướng, cách đi cách đứng.

Cứ để tự nhiên lấy nó, thì gà mỗi con có một bộ đi bộ đứng phân biệt:

- Không kể lúc nhỏ, chưa sung sức, gà trống nòi khi gần trở mã, thường có bộ tịch kênh càng như trai tơ vừa dậy mẩy: cà khêu, cà tong. Đến khi nhỏ giò ra tướng: trai ra trai Đông sàng *thành như chi mỳ*, thì gà cũng *gà ra mã* phụng vĩ xuê xang; rặc giống “Bắc Ninh, Cao Lãnh”!

Luận về gà, khi ra mã, gà nòi phải có:

- Khi đứng, cần cổ cất cao và thẳng như chỉ thợ hồ;
- Bộ mặt sát khí, xem dữ tợn, có oai;
- Thân mình thì đứng làm hai cách;

a) *Đứng đòn cân*: mình gà ngang như cán cân lúc thăng

bằng;

b) *Đứng giọt mưa*: vai cất cao, ngực ưỡn, đuôi xuôi xuống, có thể giọt mưa trơn trượt, chảy không ướt lông.

Nội cách đứng và bộ đi đủ cho thấy gà giàu kinh nghiệm, tiên đoán con gà sẽ hay giỏi về miếng nghề nào, hoặc đó chỉ là con gà vô nghệ thuật, hoặc cũng có nghề nhưng chỉ “lục lục thường tài”.

Những gà có nghề là:

a) *Gà đi đường trên*, gọi tắt *gà đi trên*, biết đánh đòn ngọc, tức gà ấy khi đá đòn, chỉ nhắm vào bộ trên con gà địch mà đá; đòn hay cựa ngay mỏ, đầu, cổ, ngực, lưng, v.v...

b) Rất khác với gà đi trên là *gà chạy dưới*. Gà chạy dưới chuyên *đánh đòn trong* (đánh trong) và chỉ thích chun lòn phía dạ dưới gà địch, đội ngược cho té rồi xạ mạnh, hoặc thừa thế nắm đùi, ngực, bụng, đít gà kia mà đâm đá...

Gà nào *đứng và đi đòn cân* là gà chạy dưới, như tướng Dư Hồng, Dư Triệu, kếp *Thầy Rùa* trong tuồng hát bội, thích lườn lợt dưới dạ dưới đùi, bộ tướng lum khum, chỉ dùng *ám khí* cắn nách non, nắm đùi non, khi vĩa khi rút, đòn nôi hay chạy dưới, đòn nào đòn nấy đau thấu mây xanh, và ưa đâm ròng chỗ nhược: nách non, kẹt đùi, phổi, ngực lên tới bầu điều. Một khi *gà đánh phép lòn phía dưới* đụng độ với *gà thiện nghệ đi trên*, thì hai con đều trở tài nghệ, người không phải trong điệu xem cũng sững mắt. Nhưng khi hai gà đối địch đều dùng một phép, quen thói chạy dưới, thì nhứt là vào nước khuya, hai con thấm mệt, đua nhau con nào cũng giành chun dưới bụng con nọ, không ai nhượng bộ và ai cũng cùng đi nước lòn, nếu hai *Thầy Rùa* gặp nhau như thế, thì độ gà sẽ biến ra một trò bi hài kịch, khi té đùn cục, khi chum nhum níu kéo, con nào con nấy mặt đỏ gay, miệng thở mang phùng phùng, không khác hai “thù tầy” giành

xôi thịt, hay hai mục gánh nước cướp đoạt phong-tên!

Nếu gà *đứng đòn cân* là gà chạy dưới thì gà *đứng giọt mưa* là gà đánh đường trên: gà này đầu rất cao, mặt sáng sủa, thiện nghệ lựa đầu, cân cổ mà đánh đá; và phần nhiều gà đi đường trên đều là gà *hay*.

Đến đây xin mở một dấu ngoặc: Đoạn trước, tôi đã nói về *via tối, via sáng*, tưởng nên nói luôn các đòn lợi hại khác của gà nòi:

- *Gà đá lông* là con gà sở trường dùng mỏ nắm chặt một chỗ nào của gà địch rồi ghì chặt chỗ ấy làm thế vững, đoạn ra hết sức bình sanh: cánh bay, chân đá, cựa đâm, vừa bay vừa đá vừa đâm như vậy, miếng ấy gọi *đá lông*;

- *Quăng* hay là *xạ rơi*: không cần gà nọ, chỉ cánh bay lên, chân *xạ* tới, vừa chân vừa cựa *phóng* hết, *xạ* hết vào mình gà địch, không khác trận “vũ bão” của võ sĩ thiện nghệ “ban cho” kẻ đối phương.

- *Hồi mã thương*: Hồi mã thương là miếng võ sở trường của dòng họ La (trong truyện Thuyết Đường, có tiếng nhưt là La Nghệ, La Thành, La Thông,...) ra trận không ai địch nổi. Đây dùng để tả miếng đòn độc của con gà nòi có nghề. Hai gà xạ nạp, chèo kéo nhau đã đời rồi đến lượt một con rút đầu ra giải thua, bỏ chạy một vòng, gạt cho con gà kia rượt theo, rồi thừa cơ con kia vô ý, bèn ngừng chơn quay đầu lại, *vừa day vừa lấy thế đá tạt thật mạnh* vào bản cổ, vào đầu, mắt, gà kia nếu chịu không nổi thì thua ngay, bằng ránh gương, thì con gà thế lại gỡ miếng cũ làm nữa, cũng chạy nữa, dụ địch nữa, cốt ý con gà *đi miếng, đi thế* như vậy là dùng dịp vừa nghỉ mệt, vừa ra miếng độc hạ thủ con kia, có khi nó đá nhồi đến ba lần, gọi *hồi mã tam thương*, con gà địch dầu chịu nổi cũng giảm sức hoặc nao núng mà thua ngược lại.

- *Đá sỏ, đá mè, hoặc sỏ mè* là nắm, cắn *mé* (mép, môi) hay sỏ (mông) mà đá. Đòn này đau rất vô cùng; phần nhiều gà đi đường trên đều biết dùng thế này để làm suy giảm sức lực địch thủ.

- *Đá vai* là gà nắm, cắn vai gà địch mà đá. (Ngày nay trong tiếng Việt đã biết dùng động từ, nên thường nghe trong trường gà những câu gọn bâng *Vai nó đi con, ừ, vai nó nữa đi con* thay vì cắn vai và đá v.v...)

- *Đá lông yếm* là chun vào dạ dưới gà kia, bợ lông ngực mà đá tốc lên (tiếng lóng gọi đòn này là *đá bụng tơ*, lợi hại như ta tốc mùng tốc chiếu thì bao nhiêu vật trong mùng chiếu đều theo tay mà ngã đổ; hoặc hơn nữa như ta bụng tơ có đựng vật gì (nước, đậu, bắp...) mà trút xuống thì giống gì cũng đổ không còn).

*

* *

CÁCH ĐI CỦA GÀ

Trở lại cách đi, gà bước tới trước mỗi con có cách khác nhau: con bước dài, con bước ngắn, con chân sát mặt đất, con thì co chân thật cao rồi túm ngón bỏ tới và trước khi chấm đất mới xòe ngón ra: đó là con gà quý tướng, đúng như câu *bốc muối quăng ra hay chấm muối bỏ ra*.

Có con đi tới mà đầu cứng đờ không cựa cựa, còn có con lại trái hẳn: khi đi thì đầu mặc lắc lắc, tựa hồ muốn rảy cho rớt rơi giống gì dính trên mặt trên đầu mà mình ngó hoài nhưng không thấy. Con khác, khi nhốt nó trong lồng, rõ ràng chiếc lồng rộng rãi cao hơn nó nhiều nhưng gà vẫn né tránh y như sợ có vật gì sắp đụng vào thân thể mà gà không muốn. Những gà ấy đều có “ẩn tướng”, đó là thần kê, gà quý lắm.

Câu thành ngữ sau đây, rất được lưu truyền trong giới điệu nghệ, ai ai cũng thuộc nằm lòng, nhưng vì là truyền khẩu, nên mỗi nơi mỗi khác đôi chút:

Trong “Ánh đèn dầu” thấy viết:

Thứ nhứt bốc cát ném ra,

Thứ nhì lặc mặt, thứ ba né mình.

(Lê Duy Oanh, Ánh đèn dầu, năm 1961)

Ở trong Nam chúng tôi, câu ấy lại viết:

Thứ nhứt bốc muối bỏ ra,

Thứ nhì lặc mặt, thứ ba né lỏng.

(Câu trong Nam tả sát đề lăm, kinh nghiệm từng thấy trẻ con bốc muối, chấm muối cách nào. *Né lỏng* thêm nhiều nghĩa và rõ rệt hơn *né mình*). Nhưng câu này lại càng mạnh thêm lên bội phần nhờ câu dưới đây bổ trợ:

Nhứt thời chấm muối quăng ra,

Nhì thời lặc mặt, thứ ba né lỏng.

(Tác giả câu này kinh nghiệm thấy *chấm muối quăng ra* là khi bước chân tới, con gà giùm chum mấy ngón y như ta nắm trong tay vật gì (trái ổi hay nắm xôi vò) mà chấm nó vào đĩa muối, đĩa vừng. Còn *quăng ra* là phóng chân tới trước một cách mạnh dạn, hùng dũng).

Câu “né lỏng”, có chỗ cất nghĩa y như tôi đã nói, là gà sợ đụng lông đụng cánh vào lông tre nên né tránh...; Chỗ *khác*, người *khác* lại nói cách *khác* như vậy:

- “Né lỏng” là gà nhốt trong giỏ bội, trong lồng ép, khi thấy con lạ đứng ngoài, bất luận mái hay trống, thì nó rùn hai chân, xòe hai cánh, (làm như Thầy Rùa đang múa trên sân khấu), rồi

nó kè kè lông cánh bằng chân, tiếng nghe rẹt rẹt, hoặc sang bộ, đổi lại đi vòng tròn trong lông, như né tránh vật gì, miệng thì không ngớt hoặc *gù mái*, hoặc *kêu túc túc* như khiêu chiến địch thủ, oai phong lẫm lẫm. Nhưng nói gì thì nói, theo ý tôi, tôi hiểu:

- *Né lông* là như đã nói đoạn trên.

- Còn nếu nói như đoạn dưới thì không phải “né lông” nữa, đó là con gà trống “sùy” hay “xùy” như chim rôi!

Cũng trong *Ánh đèn dầu*, ông Lê Huy Oanh nhắc câu:

Đầu công, mình cóc, mắt hạt trai,

Đùi dài, khoản ngắn, chẳng sợ ai.

Câu này cũng mỗi chỗ mỗi khác. Tôi thì nghe làm vậy:

“Cổ công, mình cóc, cánh võ trai, cựa thái lái, chân ba hàng vẩy: đánh bảy ngày, chết chẳng chịu thua”.

Nhưng nếu hỏi tác giả là ai? Tôi xin thưa:

- *Không biết*, duy biết ngoài Bắc gọi *công cóc* thì trong Nam lại gọi là *con công cóc*!

Đó là những câu nhưt tụng, những hạng mê gà, mới học chơi, (tuy mới chớ cũng từng thua đến vợ bỏ cơm không cho ăn), những hạng ấy theo hỏi và năn nỉ ráo nước miếng, bọn sư kê mới truyền nghề cho nghe một ít. Phải là hạng nặng, hư hỏng từ nhỏ, đàng điếm phong lưu ném đủ, về già, gần chết, mới kể ra được một vài. Ôi! Không có nghề nào là xấu, là chẳng nên tìm biết. Tại sao nước người, sách tham khảo đầy đầy hiệu buôn, sợ e không tiền mua sắm? Còn tại sao nước mình, muốn học thì không sách chỉ dẫn, đợi phải giang hồ lạc phách, mới nghe lóm, học lóm đôi chút? Ngụy cho nên học hỏi trong xứ vậy thay!!!

Về gà quý tướng, người ta còn truyền tụng những con có tướng đặc biệt như sau này nữa:

- *Gà lưỡi rùa*: gà này lưỡi thụt xa trong đóc họng, nên có người đặt tên như *lưỡi con rùa*. Đó là *thần kê*, quý lắm, gà với gà coi vậy, khi biết được, tự nhiên chạy khan không dám đá lộn với gà *ẩn tướng*, không hiểu tại sao?

- *Gà cá sấu*: gà này tựa như không có lưỡi, vì lưỡi còn cụt ngắn hơn gà lưỡi rùa nữa, mới xem họng gà tưởng đó là một loại với họng cá sấu là giống không lưỡi. Gà cá sấu, miệng hôi thúi lắm, nhưng chính vì ẩn tướng như thế, nên *may độ* lắm, thắng nhiều trận một cách bất ngờ, nên tay chơi gà, khi biết thì ít dám chịu độ với gà cá sấu vậy.

- *Gà đá nước ròng*: gà này không có tướng gì quý, nhưng có tài lạ, là càng trở nên hay giỏi khi gặp giờ nước ròng. Người không tin dị đoan sẽ bêu môi chê tôi nói dóc, nhưng cho tôi hỏi người ấy có cất nghĩa được tại sao các người có bệnh suyễn, kéo đờm càng nhiều trong tuần trăng tròn, các trẻ con mắc bệnh *đen trắng*, lưỡi khuyết thêm tùy con trăng tròn khuyết, và hoa trái trong vườn, gặp nhụt thực, nguyệt thực đều chịu ảnh hưởng ít nhiều? Chủ gà này phải biết ý gà mình, phải cân con nước lựa giờ cho đá, nếu lựa được đá giây lát là đúng giờ nước ròng thì chắc ăn ngay, dẫu gặp gà nào tài ba hơn nó cách mấy, nếu gà ấy không *hạ* nó trước giờ nước ròng, thì lạ thay, khi nước dưới sông bắt đầu giụt, thì gà này lại bắt đầu ra miếng trở tài, thắng thế lại như chơi. Trong Nam, năm trước miệt Sóc Trăng có người có một con gà như vậy. Những người chưa biết mặt nó đều khinh khi nó là con gà "biệt hạng", xúm nhau giành đá chống lại nó, đến khi chịu độ, thả gà ra trường, nó nạp vài đòn, trở tài ra mới hay Tổ trác, để cho mình mắc mớp Thần kê!

- *Gà tử mị* (mị là ngủ): gà này khi ngủ, nằm xòe cánh, sải

chun ra như hình gà chết. Nó thật là *linh kê*, ăn may độ luôn luôn; nhiều độ tướng nó đã đi đời, chủ héo ruột chờ chung tiền, nào ngờ rốt cuộc nó làm cho gà kia suy lại, hai bên hòa thú hay nó thắng độ mới lạ kỳ cho!! Gọi linh kê là phải. Chính là “tử mi”, có người gọi “gà tử ngụy”, theo tôi không đúng vậy.

- *Gà voi*: gà này có hai sợi lông phao câu, cứng, tròn như lông voi, bình thường ít ai thấy, và như vậy mới đúng là “có ẩn tướng”: thường may độ lắm.

- *Gà song sanh*: hai con trong một trứng chun ra, nếu đó là trống, thì là quý kê, chủ trọng dụng vô cùng.

- *Gà ma*: năm xưa, trên Cao Lãnh, có một con gà ô dị kỳ tướng, chủ đặt tên là *con gà Ô Ma*, vừa có nghĩa là gà sặc ô, vừa chơi chữ, mượn tiếng Tây *Aux Mares* là đồn lính tập Lang sa mà đặt tên cho gà. Gà này đem vào trường cấp độ, khi để gần con nào nó biết sức nó đá không lại con ấy thì nó la *rót rót* liền miệng, co đầu rút cổ và nhảy dựng trên tay chủ, muốn bay ra khỏi trường. Ấy là nó báo tin trước: *Tôi đá không lại con đó, xin chủ đừng chịu độ!!!*. Chủ nó biết làm vậy thì cũng không ép nó làm gì! Nhược bằng khi cấp độ, nó đứng yên cho chủ so chân so cựa, thì y như nó nhấn thẳm: *Chịu độ đi! Để lát nữa tôi chém con gà này ngã nội trong nước nhứt cho chủ nó biết tài tôi!!!* Mà thiệt! Chủ cứ yên tâm, mặc dầu gà kia sức lớn vóc to hơn nó, miễn nó chịu đá là chắc ăn trong tay. Ra trường, nó vỗ cánh, lúc con hùng hùng củ củ, uy phong lắm liệt khác hơn ban nãy một mười một một, gà kia khiếp vía ngay, và khi nhập độ trong vài ba miếng xạ dầu, nó đã *thôi miên*, gà nọ không ra tài cùng nó được chút nào, và chỉ đứng đó chờ giờ nó dứt một mũi cựa là xong, gà kia gặp nó như gặp điều hâu, rấn hổ chứ không vừa. Về sau *Ô Ma* ế độ, nội vùng không ai dám đem gà đến cấp với nó, chủ mang xuống Long Xuyên, Cần Thơ cũng không gặp độ nào. Lỗi đầu năm 1931, lúc tôi còn làm phát ngân viên tại tòa

bố Sa Đéc, có việc lên Cao Lãnh phát tiền cho thợ thầy trên ấy, thì gặp ông Chủ quận T.V.M đang xử vụ kiện trộm con gà Ô Ma này. Chủ mất gà bắt được tại trận gà mình trong chuồng một tay chơi gà khét tiếng đã gần sạt nghiệp vì thua Ô Ma mãi nên sai trộm về cho bỏ ghét. Nào ngờ chuyện nhỏ xé ra to. Chủ mất gà khép kẻ trộm vào án quốc sự, người bị tố cáo ban đầu cương lý, sau xuống nước chịu đền một con gà **MỘT TRĂM ĐỒNG BẠC LỚN** (bạc 1931 mỗi đồng đáng 100đ. ngày nay) là quá sức tưởng tượng, người mất gà không khứng bãi nại, hai đảng giằng co nhau mãi, chủ quận không biết xử làm sao, dạy giam con Ô Ma chờ hậu cứu, ngờ đầu lính quận không tiền trà nước, đành để con lính kẻ chết trong trại giam, bỏ xác bách chiến trong lao tù. Uổng vậy thay!

- *Gà ngọc*: gà này khi gáy, nhưt là vào đêm, dường như thấy ánh sáng trong cuống họng, nên tục gọi gà có ngậm ngọc nên mới được vậy.

- *Gà túc*: khi ai rờ đến mình nó thì gà này kêu tiếng “túc túc” nghe rất giòn. Đó là gà quý tương vậy.

- *Gà Nhứt Nguyệt*: hai cửa một đen một trắng, hay là cửa trắng có vết đen. Tuy hay, nhưng tương quá lộ ra ngoài, khó thắng độ, vì khi có người chịu đá là họ có “phép” trị rồi, dẫu thắng cũng nhọc nhằn nhiều lắm.

Trong một độ, khi nửa chừng, tới nước bắt gà vô sữa, nếu gà mình *túc con* thì làm gì khi vô đá lại, nó cũng hạ dút con gà kia dễ dàng (nó báo tin trước, không khác cậu sĩ tử trúng tủ, huyết sáo mừng lòng), nhược bằng tiếng nó kêu bi thảm, là nó cũng báo tin sắp thất bại, biết trước làm vậy, nếu chủ khôn vong thì thà chịu *thua vớt* còn đỡ hơn, cãi nó, cứ để đá thêm thì càng thua đậm, ích gì? Con gà kêu, khi thì tỏ ra hùng lực còn thừa, khi thì báo tin khí suy lực tận, nghe tiếng gà, sư kê biết lẽ thắng bại là thế, chớ cũng không thần thông quảng đại gì!

Tuy gà có nhiều tướng, khi lộ ra cho thấy như mặt lạnh, cựa Nhứt Nguyệt, khi lại ẩn tàng, như lông voi, hai phao câu, v.v... rồi dõn lên mừng mình có linh kê, thần kê, đủ thứ, nhưng hã y khoan mừng vội. Trên đời, không có luật nào là bất di bất dịch, luật rồi cũng có ngoại lệ: nhiều gà không lác mặt, không né lông, nhưng nhờ chủ tinh khôn cấp khéo, “lấn hơn”, “gác hơn” dùng nọ hoặc vài phân lông, hoặc hơn chút cựa, khi vào độ, dẫu gà kia quý tướng thế nào rồi cuộc cũng chạy te với nó vì sức mạnh không bằng nó, đó là lẽ thường chớ nên quên. Cũng như chuyện xưa kể lại nghe chơi, trận đấu võ Carpentier đương đầu với Demsey thì tài nghệ Carpentier có thừa, nhưng sau rốt phải chịu thua Demsey vì người này to lớn và chịu đựng giỏi. Song lấy phần nhiều mà kể, thì con nào đúng một khoản trong các khoản kể trên thì đều là *hạng gà xài được*. Nếu có thua, sẽ đổ thừa mạng mình kém mạng lão kia, lão kia có thần tài giữ của, hoặc giả tuy gà mình đại tài nhưng đã hết thời, thua vì *vảy kỹ* (hay vì đàn bà). Nghề đá gà châu xưa là một nghệ thuật, nghệ thuật đấu trí *nhẫn nại*, đấu trí *nghe thấy*. Ngày nay, nghệ thuật tinh vi dường thế đã suy bại rất nhiều, vì người nay đem nghệ thuật ấy dõn trong phạm vi *cờ gian, bạc lận*, đánh bán rẻ và chôn sống con gà nòi trong *trường đồ bác* chớ không phải *đấu kê* nữa. Miệng mồm bọn đá gà đã lớn thêm rất độc địa, *khi thua bàn thờ cũng đổ* hướng gì đổ thừa *mắc phong long* là sự thường!

VÀI DANH TỪ CHUYÊN MÔN VỀ GÀ

- *Gà niên*: gà đá thua độ rồi, nay đem về nuôi lại, để sau đem trở ra trường phình người lạ mặt, nếu bắt bên “gà niên” đá chấp thì sẽ thua trước mắt. Gọi làm vậy vì gà thua thì vảy hỏ, lông tai rụng, trống rỗng, nên ví nó như “thùng bọng nứt niên”. Đoạn này tôi nói như trên e khó hiểu, nên xin giải thích thêm: Sở dĩ “gà niên” có người còn lắm, còn theo đá bên phe nó vì tuy

thua, nhưng gà phụng vĩ còn tốt ngoài việc vảy hờ, lông tai rụng (phải tay sành điệu, chuyên môn mới nhìn ra) ⁽¹⁾, kỳ dư bộn tay mơ vào trường gà, thấy gà *lấn cựa lấn lông*, thì a dua theo phe gà lớn ấy liền; thêm nữa khi cấp độ, có bọn *đá hàng xáo "làm hộp"*, khen dỗi với nhau, người ngoài nghe tiếng mất tiếng còn, nôn chí mà đá theo cơ mưu chúng sắp đặt là sự thường; đến khi thua độ mới hay mình mắc kế quân gian, thì sự đã rồi. Tuy vậy, một hai khi, gặp Tổ trác quân ấy, khiến con gà niền tức khỉ đá hay quá và con gà nọ chạy ngược lại cũng được lắm. Khi ấy người tay mơ thảng cười hả hả đắc chí bao nhiêu, thì bọn đá ngược "gà niền" méo mặt chửi thề bấy nhiêu, *chửi như chửi thua độ gà niền!* Có như vậy trường gà mới không thiếu người đến bỏ tiền mua may rủi vận mạng và cô hồn trường gà vẫn bịt mắt nào biết ai là ai?) ⁽²⁾

- *Gà chạy chậu*: gà có vảy hờ, hờ nơi vảy "chậu".

- *Gà chạy mặt*: con gà nòi coi vậy mà nhớ dai lắm. Khi còn nhỏ nếu nó đã thua con gà nào đó, ngày nay hai con đồng lớn, đem nuôi chỗ khác, tuy cách mặt hèn lâu, nhưng nếu cho đá lại, nội chừng vài nét đòn nạp xạ, thì nó nhớ mặt con kia lại được ngay, (có lẽ nó biết nhờ xem vảy xem chân gà nọ) và khi nhìn ra con gà thắng nó độ nọ rồi, thì tức khắc nó xếp giáp qui hàng, không khứng đá nữa, chẳng khác trong truyện Tàu, tướng thua gặp lại tướng thắng, thì già đời chịu thua, thấy mặt là chạy ngay, không dám đương cự, dẫu đỡ một đường thương, roi, cũng nhứt định không là không. Tuy vậy, người đời cũng có cách xí gạt cho tướng thua, gà thua đá lại. Đây là căn nguyên sự dùng mặt nạ thuở xưa, sự vẽ mặt của các tướng đời thượng cổ. Đối

(1) Bợn gian có cách lấy nghệ thoa bít tai, vảy, khó thấy hờ hay không.

(2) Gà niền, có nơi cũng gọi "gà nổ". Đừng lầm gà nổ là gà lông... lốm đốm như bông nổ, con "gà nổ" nói đây là gà hư, đã nổ bể rồi hở hang vảy, tai v.v... nên gọi "gà niền" ít lẫn lộn hơn.

với gà, nếu về mặt bất tiện, thì người đời có cách đơn sơ giản tiện hơn nữa là dùng lọ nghe chảo sôi mặt tèm lem, khi ấy hai con không nhìn ra nhau nữa, sẽ so tài như mới gặp, thắng bại bất phân. Bởi thế mới có câu “Gà nhà sôi mặt đá nhau” là vì vậy.

- *Gà rót*: gà rót là gà có bệnh trong mình. Nếu trên đời có người rót là người “thuốc điều cũng chê, rượu không thềm uống”, đờn bà ngon “dâng cơm tới miệng cũng không thềm nuốt” thì gà rót đứng đầu xanh tái mặt lại và kêu tiếng bi thương “rót rót”. Khi có bệnh, gà biết sức yếu nên không chịu đá bất cứ với gà nào. *Gặp mụ dâm Pỹ phân khị xức* (Dâng cơm nị ăn) cũng khước từ luôn. Và tượng trưng cho phái gà rót là con gà trống thiên!

Đôi khi gà rót vốn gà giống hữu danh, có khi người chủ tiếc tài, không nhịn được cũng nuôi thúc, tắm bổ và đem ra trường. Khi cấp độ không quên vớ van Bà Cậu:

- *Ung ai! Phù hộ! May rủi cho tôi xin một cựa ngay chỗ nuộc không dám xin nhiều...* Bởi chung gà rót là gà có hạng, nay trong bình *bất an* nên *rót*; xin đừng chọc giận, vì ngộ thời, *gà rót* nổi giận, nắm con kia giữ một giữ như ta giữ áo, con kia nắm một đồng, rồi hết *rót* luôn như Võ Tông qua trường, tay không đánh cạp chết, trong cơn say rượu và trong cữ rét. Được như vậy nên Bà Cậu vẫn linh. Bằng chẳng được cũng nên tha thứ vì gà kia đã xưng danh *Ta đây gà rót!* Thua là tại mình có cãi, chớ trách gà.

Có một cách tránh cho gà khỏi thua, không hở vảy, không trở nên gà vô dụng, gà niền, ấy là cách chịu thua trước khi tàn độ, *vớt lên, bồng gà lên và chịu thua vớt* ⁽¹⁾ trước khi gà chạy.

(1) Thua vớt còn được gọi là thua non, thu phân (từ 1 đến 9 phân)

Đá chưa ăn thua, chưa có kết quả mà ngưng độ bắt gà lên, thì con gà xem đó là một trận xô thủ, tuy bị đòn như tử nhưng chưa bại trận, nhuệ khí chưa mất. Hai con bắt về nuôi lại đều còn dùng được. Ngộ ra sau này bắt cặp cho đá nhau nữa thì cũng không ắt bên nào sẽ thắng vì hai con tài sức tương đồng. Đó là mảnh lối nhà nghề của các tay sành sỏi, tiếc từ con gà hay. Tuy vậy họ đã ngán lẫn nhau, ít khi cặp độ lại. Kinh nghiệm chỉ cho ta thấy các tay gà lão luyện tính hơn thiệt từ miếng đòn, từ chum đá, từ ly từ phân kỹ càng lắm, không như tay mơ, đá độ nào tàn độ nấy mới chịu nghe cho.

NHỮNG CHỖ NHƯỢC TRONG THÂN THỂ CON GÀ

- *Giao long*: khớp xương đầu che bộ óc, sát mí với mông gà. Chỗ nhược bực nhứt như ta có khớp xương mỏ ác. Một mũi cựa nhẹ cũng đủ làm cho con gà bị đâm giãy chết tức khắc.

- *Mắt cần*: mắt cần cổ gà, như mắt tre, mắt cá. Gà bị đâm mắt cần thì ọ xương cổ, không đá được, đứng quây mông mông, xem thê thảm.

- *Bầu điều*: gà bị đâm bầu điều, gập tay cho nước tài có thể vá víu kịp, gà khỏe lại, đá được, có thể ăn độ được nữa, nhưng về nhà thì chết vì bầu điều là túi gân chứa lúa, vết thương không lành.

- *Chữ tử*: chỗ ngay yết hầu gà, chỗ nhược.

- *Hang cua*: chỗ hõm cạnh cần cổ sát thân (như ta có hang cua sát cổ gần xương quai xanh "clavicule"). Cựa bị đâm vào hang cua, nếu cạn thì chưa sao, nếu sâu thì gà bị đâm giãy chết và máu trào ra họng miệng, vì trúng đầu lá phổi gà.

- *Mã ky*: chỗ người cỡi ngựa ngồi trên lưng ngựa. Đây là lưng gà. Cựa đâm sâu sẽ thấu phổi, y như đâm hang cua. Cựa đâm cạn còn sửa gà được, chưa phân thắng bại.

- *Mỏ rớt*: rớt mỏ. Bị gà địch đá đòn mạnh quá thêm trúng ngay mỏ đến rớt hoặc dính lòng thông, không khác võ sĩ bị đánh rách môi văng răng. Đòn này đau lắm. Gà dở thì phần thua trước mắt. Gặp gà hay, đến nước bắt vô o bể, hoặc chấp vá may sửa, hoặc để y “gà mất mỏ”, trở vô đá, gà mất mỏ đối chiến lược, không nắm chắc được, thì xạ trơn, hay dùng thế “đá tạt”, gà kia cũng chưa chắc thắng nó nổi.

- *Gãy cựa, khắc cựa*: đương khi đá, tự con gà làm cho hai cựa khắc nhau, đến gãy, gãy một cựa hay hai, đều là điềm bất thường, chịu thua vớt là xong!

Nơi đoạn này cũng nên nhắc hai danh từ thường dùng. Ấy là:

- *Nước nạp*: là nước đầu, vừa vô đá, hai gà thích nạp, khắc chun nhau, như hai tướng đấu võ trên sân khấu khắc binh khí, đề thương, đề roi thử sức nhau.

Gà được nước nạp: gà chỉ hay giỏi mấy đòn đầu.

Người này chỉ có nước nạp : người ấy chỉ hay buổi ban sơ, khi bắt tay vào việc, về lâu thì đỡ khệt.

Nạp là nộ vậ (như *nạp thái*).

- *Nước đứng*: đây không phải là con nước linh bình, không lớn không ròng. Nước đứng của gà là nước chịu đựng sức bền, sức đứng của gà.

NGHỆ THUẬT NUÔI GÀ NÒI

Muốn biết và hưởng tận *thú nuôi gà* phải chịu nhọc công với nó. Phải từng ôm nó vào lòng, tắm cho nó, cho ăn lúa dãi, cho uống nước mưa; quen tay rồi sau thấy vui vui, gà quen chủ, chủ quen gà; búng tay *tróc tróc* thì gà trả lời *cồ! cồ!*; hai đàn thích thú mau như cặp bài trùng, như “ương” tìm “âm”, như hai

giống khác nhau hít nhau lại, như kẻ chơi cờ ngoạn, có viên ngọc quý trên tay, hằng ngày nhởi giỡn giỡn này qua giờ nọ, không biết chán.

Từ tháng tám, tháng chín, trẻ lăm là đầu tháng mười ta, việc đồng áng đã hườn, người ruộng vườn mới bắt đầu nghĩ tới việc bắt gà nòi nhốt riêng vào chuồng, xong rồi như rảnh rang, bắt ra hớt lông: lông nách, lông đầu thì hớt sạch bóc, còn lông cổ thì chưa một túp sát cần: chỗ ấy là chỗ nhược, da non, phải có lông che kín, lại nữa chòm lông cổ khi gà xúc nộ thì phùng lên trợ oai, không có xem khó coi như ta không quen thấy anh Chà Chóp thiếu bộ râu rìa quai nón! Cũng cần cắt xén lông dạ dưới, chỉ chừa năm ba sợi cho dít; nơi đùi thì lấy gọn, chừa đủ mấy sợi cho gà đỡ lạnh, kỳ dư về non, ba sườn *làm cổ* sạch cho nghệ mau thấm, khi đá độ, cựa đâm vào là thấy ngay. Con gà nòi miệt Cao Lãnh, phụng vĩ lăm, lông đuôi quét đất, thì phải hớt bớt, tĩa thật khéo không cho biết đuôi bị cắt sửa. Chòm đuôi con gà là một binh khí lợi hại, phải dọn làm sao cho khi đá, con gà suy không đập đuôi của nó, và khi thấm mệt đứng gật gưỡng thì nhờ đó mà không té, tựa hồ gà có ba chân! Bộ lông mã, mọc từ lưng thông xuống che hai bên hông, lông dài thêm vẻ đẹp, nhưng lướt bướt quá thì mất gọn, cũng nên sửa bớt cho gói ghém con gà. Cắt hớt rồi, thoa rượu thuốc, rồi *vân*, rồi *chạy lông*, rồi *đi hơi*, rồi *om bóp*, rồi và rồi...

- “Vân” là danh từ Bắc, như “xổ gà” trong Nam, sẽ nói nơi đoạn sau.

- “Chạy lông” là nhốt con gà nòi trong hai chiếc bu (lồng), chiếc lồng lớn chụp bên ngoài, trong còn một bu khác nhỏ hơn, cốt làm sao cho hai gà, con trong con ngoài, *tương kiến bất tương đả*, vì hai lồng tre cách xa phân chia hai gà không cắn mổ nhau được. Con gà nuôi, để bên trong, bên ngoài thả con khác (cho hai con *đá bóng* nhau như ta cho cá thia thia đá

bóng), hai trống thấy nhau, phùng, trợn, gườm, liếc, kiếm chỗ hở túi bụi nhưng không làm gì nhau được, tức giận càn hông, đành lấy chân quào đất, trùng trợn, phùng xòe, nghinh nhau như hai tướng giặc ngoài sân khấu hay như hai kẻ thù muốn ăn tươi nuốt sống nhau hiểm vì chưa được dịp. Phép *chạy lông* phải xem chừng cho lắm, lơ dểnh nội một chút, hai gà mổ xói nhau, nan tre sẽ làm xé mặt, hư mỏ, rạch khoe, những vết này, dầu sơ sịa cũng rất khó lành và gà sẽ trở nên vô dụng.

- *Đi hơi* là khi xổ gà, lấy vải dày hoặc da mỏng bao mặt bịt mỏ gà chỉ chừa hai mắt, hai con mắt thấy nhau nhưng không mổ cắn gì được, chỉ xạ nạp chân không (cựa cũng bịt rồi), tập dượt gà như thế lâu ngày gà thêm kín hơi, sau ra giao phuông, sẽ bền sức, lâu mệt và không hốc.

- *Om gà* là lấy nồi đất đựng chút nước tiểu, pha thêm chút rượu thuốc, nấu sôi ninh rồi lấy vải bọc dồn đầy ngải cứu và nghệ củ giã nát, khi nghệ và ngải lên hơi nóng, sẽ lấy túi vải ấy, bóp sơ sơ cho nước tiểu nước rượu ra bớt, rồi dùng túi ấy để ép trên thương tích trên mình gà. Làm cách này chẳng những vết tích mau lành, thêm da xương thêm săn mau cứng chắc. Tục ví: *Chó liền da, gà liền xương* là có ý nói gà chó thương tích mau lành lắm.

- *Vắn gà, xổ gà*: Gà hớt lông, vô nghệ rồi, vài ngày sau, lựa bữa nào ráo trời, bắt gà xổ thử. Xổ đây không phải là bắt gà đè họng cho uống muối diêm hay dầu đu đủ tía, mà là tập cho hai gà đá nhau, dượt nhau thử. Ngoài Bắc, gọi *vắn gà* cũng thế. Lựa hai con đồng chạn đồng sức, lấy lá chuối khô, vải và da mềm, bịt cựa lại, rồi thả hai con cho đá nhau trên một bãi đất mềm, bãi cỏ chỉ cụt lúp xúp là tốt nhất. Như đã nói, phải bịt cựa gà, đừng cho hai con đâm chém nhau, vì đây là cuộc đá thử chớ không phải đá thiệt.

Tùy gà *cựa* hay gà *đòn*, tùy mỗi tay nuôi, mỗi người có cách thức gia truyền riêng, họ để cho hai con đá nhau một nước hay hai ba nước, mỗi nước độ mười phút, như võ sĩ đếm hiệp (round). Sau mỗi nước, cho gà nghỉ chừng ba phút. Liệu gà thấm mệt, chân bết bát đá không lên nổi, thì cho nghỉ luôn đợt phen khác xỏ nữa. Xỏ lâu quá hư gà mà chớ. Cần nhứt là xỏ có chừng độ, định kỳ mười ngày hay nửa tháng thì xỏ một lần, xem chừng vừa thì thôi, chớ xỏ quá nhiều lần, một là nuôi thức không kịp, hư gà, hai là xỏ thét gà quen tánh ra trường đá đến nước nào đó thì lòi thôi không muốn đá nữa là thua chết ch.!

Vỗ hen. Xỏ gà rồi phải nhớ *vỗ hen* cho nó. (Nếu không *vỗ hen*, trong họng gà nếu có trầy trụa chút ít, về sau những mụn trong cổ vẫn lành như thường nhưng đóng thành cục lờm chờm vướng nhứt đằm, con gà sẽ khò khè mãi đời). Cách *vỗ hen* là ôm con gà kẹp chặt bên hông, chân gà hổng đất, đoạn lấy tay nắm đầu gà, một ngón trở bết mỏ gà ra lớn, tay kia nắm một khăn sạch có thấm nước, bóp cho nước ấy chảy vào họng gà rồi ghì đầu gà trút xuống, bỏ khăn, lấy tay ấy vỗ vào họng gà bì bạch. Bao nhiêu nhứt, đằm, dãi, lông, cát trong họng đều nhều ra lòng thông. Liệu hết nhều là họng gà sạch sẽ thôi *vỗ*. *Vỗ hen* rồi, chụp khăn ướt khi nãy, bóp vào cổ gà một mớ nước sạch cho trơn cổ và cho nó thấm giọng trót thể. Trong Nam, *vỗ hen* rồi còn có tục lệ lấy một lá trầu tươi, không trầu thì thế lá ổi, vò nhầu nát, gói một cục muối ăn, cuốn lại cho vừa bằng ngón trở rồi nhét hết vào họng gà cho nó nuốt vào bọc điều, làm vậy định chừng cho sạch miệng sạch cổ, thêm lấy đó làm món thuốc ngừa độc đón gió. Xong rồi, tắm sạch cho gà, đem phơi nắng se dịu cho khô lông rồi thả vào chuồng cho nghỉ mệt.

Vô nghệ: Sau khi xỏ, tắm gà rồi, là *vô nghệ*, hay *bóp nghệ* cho gà. Gà tắm khô lông, thì chủ ôm vô trại, nơi đây đã có người chuyên môn coi về *vô nghệ*, ôm bóp gà bằng nghệ mài

săn. Nhắc đến *mài nghệ*, ai ai có từng chơi gà cũng ngán. Nếu ôm gà chơi là thích, thì phải từng mài nghệ, phải luôn luôn có bàn tay và ngón vàng nghệ mần mùa mới hãnh diện là tay chơi gà chiến! Công việc mài nghệ không cần lao lực nhiều, nhưng ngán ở chỗ nó hà rầm, liên miên, hoài hoài, nhọc cực vô số kể. Lấy nắp lu, nắp khạp, lật ngựa, lựa nắp mới thì bén hơn, mài mau ra hơn, rồi đổ vào đó một mớ nước có thêm trong đó một chất thuốc gia truyền, mỗi chủ kê có toa riêng, đem theo kè kè bên mình, và giấu nhau còn hơn sĩ tử giấu đề nghề bí mật với nhau, nhưng bình thường cũng lẫn quần mấy vị này: nửa phần nước lã, nửa phần rượu đế, thêm một chút muối bột, một chút phèn chua (phèn phi tán ra bột), có chỗ để thêm mớ nhấm *acide borique*, chỗ khác không sợ dơ và vẫn theo phương pháp cổ truyền lại dùng cả nước tiêu con trai, và một đồng củ nghệ, nghệ này vì để lâu năm nên khô cứng như đá, rồi cứ vùi đầu cắm cổ mài nghệ ấy, mài đến khi nào nước nghệ và thập vật đặc sệt sệt như bột hồ khuấy mới chịu thôi. Thế nên bất kỳ giờ nào, bước vào trại nuôi gà nòi là luôn luôn thấy một đứa trẻ hay một trẻ con ngồi mài nghệ, ngủ gà ngủ vịt, vì mệt mỏi thắm đờn lâu ngày, làm cái nghề bạc bẽo ấy, đồng lương lại rất bủn xỉn, nhưng vì quá ham gà thương gà, nên bất chấp đồng tiền không xứng đáng với công nhọc nhằn, miễn được ôm ấp con gà, ẵm bồng con gà danh tiếng là đủ hả hê sướng khoái. Các món trộn đều, nước nghệ mài đã được vừa ý thấy gà, thì anh vô nghệ ôm gà từ con thoa nghệ vào. Có anh lấy tay thoa, thì êm cho gà và được kỹ hơn. Anh khác thì dùng bàn chải hay cọ mịn, hay lông gà phết, hoặc miếng xơ dừa gọt mỏng, cọ nhẹ nhẹ vào da gà, cho nghệ bám dính vào, chà phết thật kỹ, những chỗ nào lông cất sát thì thoa đi thoa lại: mỏng, mặt, cổ, cánh, ba sườn, hông, dít, đùi non luôn về cặp chum vừa móng vừa cựa, thoa không chừa da non mẹ đẻ, thoa rồi ôm gà ra sân mát lấy bội đậy ngoài nắng dịu (nắng buổi sáng sớm hay nắng buổi mặt

trời sắp sửa đi ngủ). Anh nào dùng tay thoa là *nghệ không ăn tay*, đỡ cho anh ấy, anh nào dùng bàn chải hay cọ là bị *nghệ ăn tay* rồi, chớ không bao giờ các anh gớm con gà, chề dơ chề bẩn. Chừng nào *nghệ* rút khô da, khi ấy sẽ đem gà vào bóng mát, vào trại, chuồng. Gà thoa *nghệ*, da ban đầu trắng dợt rồi vàng sậm, rồi đỏ au như *nghệ* thúi, sần cứng như da thịt võ sĩ có sành tả (thần đả) ngải gông.

Cũng có người nuôi gà nòi theo khoa học, phương pháp mới ít dùng *nghệ*, bày dùng thuốc Tây: om bóp gà bằng rượu chối, dầu nóng *baume Benguê*, con gà nuôi kiểu này xem tươi rói như nàng ca vũ làm đẹp "*maquillage*" hóa trang ở mỹ viện đắt tiền, nhưng tuy có đẹp thật nhưng đẹp giả tạo, gà nuôi thuốc vô đá ít chập, bị vài đòn vài cựa, thì bao nhiêu cái gì *giỏi che giỏi dậy* đều lộ ra xem thật khó coi, không bằng con gà vô *nghệ*, tuy vậy mà bền và chịu đựng hay hơn. Có ý xem giữa phương pháp cựu và tân đầu đầu cũng có chỗ hay chỗ dở: bình nhứt, chợ đẹp hơn quê, trong mọi sự; nhưng chợ búa không điện thì buồn tanh, sao bằng một đêm trăng giữa làng? Ngoài ra, khi phấn sáp trôi đi, mờng, ngực, răng đều giả, nhứt là sáng sớm khi chưa điểm trang, ai đối ai?

Tắm *nghệ* cho gà rồi hai mươi bốn giờ sau phải nhớ tắm gà và xả *nghệ* cho nó. Phong tục trong Nam xả *nghệ* vào buổi sáng, chín, mười giờ để rồi chiều lối bốn giờ vô *nghệ* trở lại. Có người lại thích lựa giờ trưa nắng ráo để tắm gà với xác trà Huế hoặc nước lá ổi. Dùng xác trà, xác lá cọ chà khắp châu thân gà cho sạch *nghệ*, thả gà cho xả hơi, bay giỡn, rồi chiều vô *nghệ* như trước.

Tùy cách nuôi và tùy chỗ, cứ mỗi tuần khi bảy ngày, khi mười bữa hoặc nửa tháng thì xổ gà một kỳ, nếu xổ ít thì nuôi thúc nội bảy ngày, mười hôm, xổ khá bộn thì nuôi thêm đến

mười ngày, nửa tháng; khi nào liệu gà sung sức sẽ òm ra trường. Gà đòn phải nuôi mười lăm hôm mới lại nhin.

Sau mỗi bận xỏ gà, chớ nên quên vô nghệ trở lại. Quan niệm người xưa lấy nghệ làm thuốc săn da cứng gân cốt. Người Cam-bốt, người Việt đều dùng nghệ làm gộc: tẩm gà đá độ. Phong tục miền Nam còn dùng nghệ thoa cho đàn bà sau khi sanh sản, y như phương pháp nằm bếp lửa. Mặc dù nay đã văn minh nhiều nhưng tôi còn thấy thỉnh thoảng trở lại cổ tục này nơi chốn nhà quê trong những gia đình chất phác.

Cũng bắt đầu từ khi nuôi thú, cứ mỗi sáng sớm độ bốn năm giờ khuya, phải thức dậy cho gà uống nước. Uống nước đây không phải dung dị là mức nước đầy long, đầy gáo, để đổ cho gà muốn uống bao nhiêu thì uống. Phải chặt ống trúc có chùng độ làm đồ lường. Thường thì mỗi lần lường ba ống cho gà uống là vừa. Mỗi cỡ giữ y một số nước, thì về sau gà vào trường không khát cũng không mau thắm mệt. Xứ tôi, miệt Sóc Trăng, Bạc Liêu, lại có người quá lập dị, cho gà uống bằng ống lấy nanh cọp bọng làm ra. Nói đến đây, ắt có người cười tôi già lẫn thần khéo tin chuyện dị đoan. Tôi xin thưa: *muốn nói sao thì nói, tôi đâu dám cấm cản. Nhưng đường càng đi xa càng thêm thắm mệt. Khi ấy sẽ hiểu vì sao tôi muốn có “đức tin” cho thật nhiều, muốn được “sợ ma” y như hồi còn nhỏ.* Dầu chi, đây là bài nghiên cứu, tôi có quyền nói hết không chừa, tin cùng không là chuyện khác. Tôi đã dày công theo dõi năm chầy tháng lụn mới khám phá ra manh mối sự *bí mật nhà nghề* này. Phong tục ấy nguyên của người sơn cước lấy qua xứ Chùa Tháp, sau này người mình mới nhiễm theo. Những người ấy dầu sao còn gần thiên nhiên hơn mình. Họ còn giữ được tín ngưỡng, chất phác. Họ *vững* hơn ta về *tâm*, về *hồn*. Do đó họ hưởng nhiều hạnh phúc hơn ta. Khi ta lành mạnh, *bất chấp thánh thần*. Đến khi đau ốm hoạn nạn, mới biết ta là *con thuyền không bánh lái*,

muốn vái van thì *tin ngưỡng* không có mới tội cho! Chi bằng để mấy người này tin nơi *bắp trăm ngà, gác nai ung, tức sừng hươu nai không trở được tự nhiên và còi cọc, ung thúi lại, hoặc nanh sáu đặc, nanh heo rừng đặc* và nhứt là *nanh cạp bông*. Những con thú ấy phải là *bực chúa tể*:

- Voi là voi *cầm bầy* mới có *bắp trăm* trong ngà. *Bắp trăm* đây là một cây ngà nhỏ khác trở trong ngà lớn bao phía ngoài, phải chăng là *ngà mục ngà thúi* (như răng ta hư) nên tách ra thành khối riêng, ở giữa ngà nọ, rồi tạo hóa tô điểm thêm, vẽ vờ thêm lớp áo ngoài những hình kỳ dị, người nào từng thấy cũng chịu là không bàn tay khéo nào *nhơn tạo* lại được như thế: nào hình *sơn thủy*, nào hình nhánh cây *chùm gỏi*, v.v... rất là dị mục. Con voi *cầm bầy, làm chúa đoàn* vẫn già lắm, đi đâu đều có hai con voi hộ vệ, khi đứng lại thì hai hộ vệ này chun lòn dưới cặp ngà đỡ lên cho cho khỏi nặng đầu voi lớn. Một đôi khi, voi già cỡ ấy mới có *bắp trăm* ngà. Những voi kia phục tùng như quân sĩ vâng lệnh tướng soái. *Bắp trăm* ngà, tìm được, đối với người sơn cước và người Cam-bốt, còn trọng hơn kim cương bảo ngọc. Dem theo trong mình, tà mỵ khó ám hại bản thân; để giữ nhà thì trong êm ngoài ấm.

- *Heo rừng* cũng vậy. Phải là "heo lãn chai", cao niên và hết biết sợ súng đạn, vì thân mình dính chai không biết bao nhiêu lớp dày, quen ăn rễ cây, nanh mọc chơm chớm, cạp thấy cũng kiêng nể, heo lãn chai ấy con nào nanh xấu thì tự nó mỗi lần ăn, nó mài nanh khuyết lằn, và nanh ấy chẳng ra gì; con nào nanh tốt họa may sẽ có *nanh đặc*. Xưa có người thợ rừng gặp giữa sơn lâm một khuỷnh đất cháy thành than, trong có xác một con heo lớn nám đen, và nơi miệng còn đủ một cặp nanh rất dài, bèn cạy hàm lấy về để trong nhà làm vật lạ. Sau đó, trong xóm bị hỏa tai, bao nhiêu nhà đều ra tro, duy nhà anh thợ rừng an toàn vô sự, chẳng chút hư hao. Người láng giềng bàn tán không thôi, sau định chắc vì nhờ trong nhà có cặp *nanh heo*

đặc che chở, từ ấy, đua nhau kiếm để trong nhà!

- Loại sáu dưới nước cũng vậy, phần nhiều nanh đặc; những con quá già, xứng danh *Lão Ngạc*, đôi khi có cặp *nanh bông*, sáu ấy ban đêm lội dưới sông, y như có cặp đèn rọi chỉ đường, vì người xưa tin rằng hồn ma uổng tử theo chờ đèn mạng. Năm trước, tại Sóc Trăng có một ông già Thổ chuyên nghề bán vải và chăn Nam Vang, quanh năm ông lội bộ từ Sóc lên Châu Đốc mua tơ lụa, cánh kiến, đi đi về về không khi nào bị trộm cướp, mát mát, ốm đau. Hỏi ông, ông nhe hai hàm răng sún, trật hông cho xem một *dao giắt lưng*, cán vàng lườm, ông cắt nghĩa nhờ *bửu bối* ấy, nguyên *nanh sáu bông*, (ông gọi *Cầm-bệt Sniết*) mà bình an vô vạ. (Tiếng Cam-bốt, *cầm bệt* là dao; *sniết* là giắt).

- Cũng như đối với loại hươu nai, mỗi năm mỗi thay cặp gạc. Gạc tơ măng là *lộc nhung*. Gạc già là *lộc giác*. Khi nào con thú, lúc thay nhung, gặp tranh đấu hay chuyện gì, nhưng ra không tốt và cần cộc, dùn cục lại, ung lại, nổi u nắn thêm, con nai trở nên hung dữ, tranh làm *nai chúa cầm bầy*, về sau người nào gặp được *gạc nai ung* của nó thì hiệu nghiệm cũng y như *nanh heo đặc*, hoặc các ngà hay sừng biến thể dị thường.

- Nhưng quý nhất đối với các tay chơi gà có tánh *lập dị* là họ tìm cho ra thứ *nanh cạp bông* của con *thần hổ*. Nanh loài hổ báo luôn luôn là *nanh đặc*, mọc chơm chớm hai khóe hàm hạ, con ác thú dùng nanh này mà phanh xương xé thịt con mồi, y như ta có dới tùy cặp kiếm thật sắc bén. Thịnh thoảng nơi con hổ già cô độc, có con, *nanh trở nên bông*, nanh ấy, thầy pháp, thầy bùa gặp được thì dùng lậm kèn, thổi lên sẽ trị được tà ma quỷ mỵ, tróc quái trừ tinh. Nhưng sung sướng nhưt là anh chơi gà lập dị, nuôi thơ mộng đặt và hết hy vọng vào sự cho gà nòi của anh uống nước trong nanh cạp bông. Anh lấy *nanh cạp*

bong làm lường đong nước, trong lòng tin chắc 3 bó 1 giạ rằng như thế thì con gà của anh, nhờ uy phong con hổ chuyển sang, sẽ dưng mãnh nơi trường đấu kê không thua chì cạp khải. Ngay thơ thay tâm hồn anh chàng chơi gà lập dị! Tôi hết sức tin với anh, tin hết mình! Nhưng khi nói ra đây, tôi chắc chỉ mua tiếng cười hỉnh mũi của các bạn trẻ trung ngạo nghệ. Cười đi, hãy cười cho đã với tuổi hăng hái, và sẽ thôi cười như tôi khi đến tuổi này, và khi ấy sẽ như tôi muốn được nuôi thơ mộng như anh chàng chơi gà lập dị!!!

Nay trở lại *thú chơi gà*, khi cho nó uống nước rồi, thì đem nó ra *quần sương*. Quần sương và thả lỏng con gà giữa sân, muốn đi đâu mặc ý, để nó hưởng cái mát mẻ của một buổi bưng tung sương sa gió lạnh. Nhưng kỵ nhất là không cho gà gặp mái, và sợ nhất là e gà nhảy vướng vào vướng gai hư cựa hư chum. Ép buộc con nòi ăn toàn đồ bổ mà không cho gần mái, lâu ngày có con đứng trân, rạn như đàn bà chuyển bụng, và đànng sau tròn lòi ra một trứng nhỏ bằng trứng gà ác, ngoài cũng có vỏ bọc đànng hoàng, trong chứa một chất trắng nhớt nhớt, hay là tinh khí tụ thành?

Con gà ấy, giới chuyên môn gọi *gà nóng độ*, và vì nuôi thúc mãi mà không gặp độ, nên nó không khác võ sĩ giữ đúng phương pháp, kiên cữ đàn bà đến *bị ứ hơi*, lâu ngày trở nên bứt rứt, quạu quọ mất tự nhiên. Đối với gà, muốn cho nó bớt *nóng* thì phải xả bớt nghệ, hoặc chỉ cho thoa nước nghệ củ mài trong nước lã là được.

Phương pháp *thả gà* hay *quần gà* là cốt để tập luyện chân cẳng cho nó. Luôn luôn phải đặt người trông nom, sợ mái sẽ lợi dụng thủ vai tuồng *đào Hồ ly dụ Tiết Giao* trong truyện Phản Đường, đến khi gặp độ, gà đứng hai chum run như chum ông già tắm nước lạnh buổi sáng thì hơi ôi đã trễ!

Trước khi thả gà ra sân, nên ngâm chút rượu trắng phun sương sương vào thân mình, đầu, cổ, cho máu chạy mau điều hòa.

Ban chiều, mặt trời gần đi ngủ, nắng dịu, cũng phơi gà ra nắng chiều ấy cho quen nắng (năm giờ thả, sáu giờ bắt vô chuồng). Mỗi sáng và chiều, sau khi quần sương quần nắng, xong rồi thì cho gà ăn. Ăn có cỡ đúng:

- Sáng từ tám đến mười giờ;

- Chiều lúc mặt trời vừa lặn.

Con gà teo là gà nuôi thúc, cho ăn cách mấy, nhưng vẫn ốm, và không sung sức: phải truy ra căn bệnh, nuôi cho đến khi nào thấy gà sung mới đem đá độ được.

Sau khi cho ăn tối, lại còn bắt gà *dầm cẳng*. Để con gà nhúng chơn vào một cái chậu đựng nước thuốc, mực nước cho lên đến đầu gối. Làm như vậy cho chân cẳng gà thêm mạnh. Nước ấy có pha thuốc gồm nước tiểu, rượu trắng, muối ăn, phèn chua, thuốc rê và một món thuốc mua nơi tiệm Tàu nhưng sư kê vẫn giấu nghề không cho biết.

Lúa nước cho gà

1) Như tôi đã nói rồi, lúa cho gà ăn phải đãi gút cho thật sạch, lựa lúa bỏ đem ra để trong nước, sào đi sào lại đôi ba phen gạn lấy lúa không còn một vỏ trấu hay hạt lép. Phần ăn của gà rất điều độ, như đã nói, dùng bằng ống trúc cho biết chừng mực. Lúc nhỏ tôi mê gà đến bỏ ăn bỏ học, theo sát bên đít một ông sư kê gốc người Miên. Ông dạy tôi những nét thơ mộng trong *thú chơi gà* và *truyền nhiệm* cho tôi thói khinh tiền, chỉ ham những gì mình không khám phá nổi như nanh bông, nanh đặc, vân vân, tuy vẫn biết đó là dị đoan nhưng là

một thứ dị đoan cần thiết cho linh hồn đã từng đau khổ...

2) Nuôi theo phương pháp tân thời, khoa học, thì chủ gà không tin chuyện mê tín dị đoan như vậy nữa. Người chơi gà có học thức cho gà ăn thêm thuốc tiêu sau bữa ăn và thuốc ấy nhà thuốc Tây nào cũng có bán. Con gà ăn no nê, chủ bắt nhét thêm vào họng một viên thuốc cho gà khỏi no hơi, không sinh bụng và không ỉa chảy. (Chưa chắc ông ta nuôi thân mình chu đáo bằng gà và ông lo lắng cho cha mẹ mỗi ngày có liều thuốc nhuận trường được như gà).

Thóc lúa cho gà ăn, thường đựng trong gáo dừa hay mẻ tiện trong cây mềm, như vậy gà không hư mỏ. Chừng nào thấy gà ăn vừa no (đầy điều) thì rút mẻ ra, chớ không cho ăn hà rắm. Đúng giờ lấy cho ăn lại nữa.

Nước uống thì đựng trong vại lớn, tránh không dùng tô chén vì chệ nhỏ, lóc chóc, rửi gà đập, gãy cựa đi. Nước uống dơ hay có chút cát bụi là được thay liền. Ngoài số nước uống có đong lường thì luôn luôn để sẵn nước cho gà muốn uống có đong lường thì luôn luôn để sẵn nước cho gà muốn uống khi nào cũng có, như vậy gà sẽ không hóc cũng không đứng mệt hả hơi lúc đá độ. Ngoài lúa và nước, người ta còn phụ cho gà ăn thêm salade, rau, cỏ, những thức ăn tẩm bổ, nhưng ăn chút ít thôi (thịt bò xắt nhỏ, cá tươi, tôm tép, bụ cào, châu chấu,...) Tối trước khi đi ngủ, người ta ép gà uống nước thêm một lần nữa cho đồ ăn trong bọc dễ tiêu hóa, và làm như vậy, các tay chơi gà ý định làm cho gà được *ở cần*, khi gặp độ không hóc nước. Mấy năm về trước, nhưn sâm rẻ tiền, có người quá cưng gà, dám mua về tẩm bổ con kê bằng thứ thuốc quý ấy, nay họ vẫn dùng nước cam thảo thay thế cũng hiệu nghiệm lắm. Ngoài Bắc, nghe nói gà ăn toàn thóc mẩy, kèm trông đồ trứng gà, thịt lợn, thịt bò, rau tươi. Cũng có người tẩm bổ gà bằng cao hổ cốt, cao ban long;

không có thuốc bổ nào chủ gà từ Nam chí Bắc không đem ra dùng đối với con vật sở thích.

Tập gà ăn có cỡ có độ lượng là khi còn ở nhà ở trại. Khi ôm ra trường lại phải đem hờ theo một trẻ nhỏ tin cậy, giao canh chừng kỹ càng kéo gà ăn hột lúa hột thóc hay bất cứ vật gì rơi rớt lượm đặng tại sân trường, không khéo thừa dịp ấy kẻ ác tâm sẽ lén đầu độc đánh thuốc gà phe mình mà khôn. Thuốc gà, nghe nói họ dùng hột lúa, hột gạo hay hột cơm mới xem y hệt những thức ăn mình thường thấy hằng ngày, nào dè đầu lúa, gạo hay cơm ấy họ đã ngấm tẩm chất độc, gà nào ăn phải, chỉ vài hột thôi, giây lát sẽ sinh hơi, bầu điều no cứng, chủ không để ý, ôm ra cấp độ, con gà bình sẽ thua không kịp xìa tiền.

Có người chỉ nghe đồn huyền chưa chi đã quá sợ phao rằng đưa thuốc gà vào viên nhỏ lén chôn dưới đất, nhưng thuốc này có ma lực hay mùi mê hoặc đến đến đổi chôn sâu cách mấy, con gà như có gì quyến rũ, cũng moi móc lên được, ăn đặng báo cô báo đời. Lại nghe nói thuốc ấy, nguyên là móng chim ó mài ra rồi trộn chung với nước đem tẩm hột lúa. Kẻ khác bắt con nhện hùm, nặn lấy nước độc của nó mà ướp hột lúa. Kẻ khác dùng xạ lấy trong dái chồn. (Ồi! Cờ gian, bạc lận! Nhưng gian lận hơn cả, có lẽ là bọm đá gà).

1) Nuôi gà có dùng ám khí trợ lực

Đồng tiền quả thật không có mùi! Vì nó mà bất luận ác đức đến đâu cũng có người dám làm. Con gà gian trước khi đưa ra trường, chủ lén lấy mỡ chồn đèn thoa vào hai bên hông, trong cánh, hoặc thoa “xạ dái chồn”. Khi xấp trận, gà đối phương mê đá, nào biết ắt giáp gì, vừa định dùng phép “Dư Hồng” toan độn vào nách non vừa tối, nhưng chưa chun sát nách gà nó đã đánh mùi chồn, ngửi được hơi đó rồi, ba hồn chín vía cũng bay lên

trời, gà đôi phương lật đật rút đầu ra, miệng la “choác choác”, cánh bay, chơn chạy, cẳng không bén đất.

Gặp những cảnh ngộ làm vậy, chủ gà địch phải cho tỉnh táo, ôm gà mình lên, phân chứng cùng bàng quan, xin cho đôi bên dùng rượu tẩy độc, phun sương rượu để cả hai con rồi thả cho đá lại. Tức nhiên, mùi rượu nồng bán vị chôn, con linh kê ban nãy giựt mình chạy khan, nay tỉnh hồn, biết mình bị gạt lớp, càng thêm đổ quạu, phen này không chạy nữa, bèn nắm đầu gà địch, động cho mấy cú búa bổ: *cho mây giò tài cậy hơi dái chôn!*

2) Cựa gà tẩm độc rắn hổ, hay độc được khác

Ngón này độc ác không chỗ nói, vì dùng đến có thể làm chết người bồng nước bên gà bị đâm. Thuốc độc, nọc rắn sẽ do vết đâm thấm vào máu, con gà giãy chết, không thì cũng quay mòng mòng vì say thuốc, và như vậy là thấy thua trước mắt. Nếu khi ấy, người bồng nước nóng ruột ôm gà lên rồi lấy miệng nút máu, rùi trong miệng có mụn lở hay chỉ một lỗ sâu răng chưa trám, bao nhiêu ấy cũng đủ bị lây độc, chết không kịp trởi.

Những mảnh khóa này, nay tôi nhắc lại làm giai thoại nghe chơi rồi bỏ qua, chớ hiện nay không dám đem ra dùng nữa, dùng thì ngòi tù có ngày, không nói nội lương tâm cắn rứt cũng đã khó chịu. Nhưng cũng nên có để khuyên những ai ham đá gà gian mau chừa tánh xấu. Mặc dù trong trường đấu kê là chỗ không nhắc đến những gì là nhơn nghĩa đạo đức, và nơi đây đã từng thấy những ngón “ám nội, sát nhơn” cũng chỉ vì đồng tiền. Có nhiều bí mật nhà nghề, đến đôi cha con ruột cũng chưa chắc khững dạy nhau.

Còn một phương pháp khác, ác độc không thua dùng nọc rắn tẩm cựa, thêm được kín đáo vô cùng, nhưng tôi cũng chỉ

nghe nói chớ không mắt thấy, đồn rằng xưa kia ở miệt Sóc Trăng, trong sóc thỏ, có một nhà nọ chuyên nuôi gà dữ. Khi mái ấp, y bắt vài con rắn hổ nhốt dưới lu khạp rồi trên mới đặt ổ gà. Thường ngày, rắn đói bò trong lu khạp tìm đường thoát thân và khè hơi phun nọc độc lên. Mái nào đỡ hơi đã bỏ ổ chạy trốn chớ không dám ấp. Nhưng gặp mái nòi chánh lông và giống dữ, thì vẫn ấp như không. Mà cũng ngộ là trời không khi nào để cho giống dữ sanh nhiều nên khiến cho hoặc trứng bị rắn phà hơi độc đều ung thúi hết, hoặc không nở sai, nhưng khi nở được trống nào thì trống ấy là linh kê không gà nào địch lại, cựa của nó đâm chết mười con như một.

Đã nói gà đá bị cựa đâm, lúc bông nước nếu không nút ra hết máu độc, về sau chỗ bị đâm sẽ lở loét làm mủ, gọi gà bị ké. Châu xưa, gà bị ké thì phải mổ, dùng bén rọc miệng, nạo sạch mủ, máu đen và nhét bông gòn có tẩm thuốc sát trùng, ít ngày sẽ lành. Ngày nay thêm có thuốc chích ngừa đốn nên gà ít bị ké. Các tay sành đều biết dùng từ dagénan đến péricilline và nhiều loại thuốc mới khử độc đều được đem ra dùng cho gà.

GÀ ĐÁ RỜI PHẢI SĂN SÓC CÁCH NÀO

Trong Nam, lệ thường gà đá thua đều bỏ.

Trừ phi con nào từng ăn độ, nay tuy vẫn đá hay nhưng rủi ro bị đâm đùi mất hoặc bị đâm chỗ nhược không đứng vững được thì người chủ gà bông ra gọi xin thua vớt, để đem về nuôi lại.

Dẫu ăn độ hay thua vớt, gà phải được săn sóc ngay khi vừa đá độ xong.

1) Vỗ hen, như đã nói rồi nơi đoạn “xổ gà”;

2) Vạch cánh, vạch lông tìm các vết thương, xức thuốc, may

vá lại kỹ (xức teinture d'iode, dầu xăng, dầu đón gió “Nhị Thiên Đường”, bột dagénan hay bột Riou, gần đây biết xài pénicilline). Chích luôn hai, ba ngày 100.000 U để phòng gà có thương tích nhiều, khỏi bị ké. Lâm thời, mỡ ké, xức alcool iodé vài ngày, vết mỡ khô mặt, sẽ xức pommade à la pénicilline;

3) Gà đá độ về, bị thương tích, ngoài việc xức thuốc và chích thuốc như đã nói, phải được nhốt riêng một nơi nào kín đáo, ít ồn ào, vừa cao ráo và phải *cất nước*, trong vài ba hôm đầu chỉ cho ăn cơm nóng, ướm hột, hay ăn tám cám trộn đặc (nước thật ít), chừng nào thấy gà lại nhín, không bị ké, khi ấy sẽ cho uống nước dần dần cho đến khi bình phục hẳn.

Sau khi ấy, nuôi thúc lại, tắm bổ thêm, khi nào gà sung sức, các vết thương thật lành, sẽ đem ra xổ thử. Nếu gà còn đòn hay cựa dữ, còn hy vọng nhiều, sẽ được nuôi kỹ chờ đá độ cuối mùa hay dưỡng qua mùa sau. Luôn luôn gà ăn độ thì cứng lắm, ai mua bao nhiêu cũng không bán, không đành rời. Không tiền thì chịu hay sẽ vay hỏi bạc ngày bạc tháng mà đá độ chứ không bán thì không^(*).

CÁCH CÁP GÀ VÀ ĐÁ ĐỘ

Trong *Tập Võ Thú Y*, số Tết năm 1951, ông Nguyễn Văn Để, thú y sĩ, có viết một bài rất lý thú và rành rẽ về gà chọi. Trong bài, ông ghi *trường gà*, Trung và Nam vẫn dùng một danh từ chung. Theo ông, trường gà, ngoài Bắc lại gọi là “xói”.

Còn trong bài khảo cứu về gà chọi đăng trong tạp *Ánh đèn dầu*, năm 1961, ông Lê Huy Oanh lại gọi trường gà là *sới*. Cả hai danh từ, tôi tra tự điển, khôn gặp và không biết danh từ nào đúng.

Về gà đem ra trường để đá, việc lựa gà cho đá với nhau, trong Nam gọi là “*cáp gà*”. Cáp gà tức là xem xét, so sánh, cân

(*) Không bán thì không : đúng ra phải là bán thì không (BT)

nhắc so đo từng lông, thịt, cựa, xương, đủ cả, lựa cho hai gà, vừa *chạn*, phải bù qua chế lại làm sao, và hai chủ gà thỏa thuận cùng nhau được là một vấn đề rất là phiền phức, lâu lắc lâu lơ: bên này bằng lòng thì bên kia chạy, trở lại ưng đá bên này lại thôi, vắn quay xay lúa như vậy mãi để chọc tức nhau, để hơn nhau gác nhau chút lông, chút cựa, ấy đó là *nghệ thuật cáp gà*.

Chạy mặt lại còn phân biệt có thứ gọi *chạy hơi*, tức là đã gác người ta rồi, đã bằng lòng trong thâm tâm rồi, nhưng còn nhử địch, giả bộ chạy không dám đá để chọc cho bên kia nóng lòng nhận lời gáp sau này không thối thác được.

Khi nào đôi bên không điều gì bắt buộc nữa, khi ấy sẽ qua việc *làm số* để biết độ gà ấy đá mấy trăm mấy ngàn tiền độ.

Nguyên tắc thuở giờ là hai gà *đồng chạn* thì đá được rồi. Nhưng xét ra ít khi gà đứng nhau vừa *chạn* vừa *cựa*.

Phần nhiều, cáp gà là thói hủ lậu của bợm gian từ xưa để lại, gọi *cáp gà cao*, *thấp* hay chăng là ở chỗ khéo nhìn được hay quá nóng tính làm càn đá càn.

Thử xem một chủ gà thua từ sáng đến giờ nào đó đã hai hay ba độ, nay nóng lòng muốn mau gỡ gạc, khi cáp độ kế, làm gì cũng muốn mau chóng để kịp giờ đá trước khi trời sập tối biết ăn biết thua, kéo gà quáng mạnh bất tiện.

Trái lại, đằng nọ có ăn rồi, có tiền bỏ túi rồi, thì nay lại giả bộ *chần chờ*, muốn thôi không đá nữa, cho nên *chín hấu mại hơi* ⁽¹⁾ cố ý lẩn đằng kia làm sao cho gà mình lẩn lông lẩn cựa chắc ăn mới nghe cho.

Những khi trặc trở làm vậy, quan tòa là chủ trường sẽ xin

(1) Xưa có một thứ bài của người Triều Châu ưa chơi, gọi *Bài cào hấu* (cửu hảo hay là "cào hấu"). Phép đánh các tay con, khi bài chia rồi thấy bài không liến, thì hô lên

đôi bên châm chế, để hai đảng bù qua sốt lại cho vừa phải, để đi đến độ gà chót, không thì phải hẹn qua ngày sau, đảng nào cũng thiệt chủ thua không gỡ gạc mà chủ gà cũng mất tiền xâu tiền hồ.

Châm chế là con gà cao, gác chút vai, phải cấp nhện kém hơi cựa, hoặc thiếu chút mạnh đối với con gà thấp, nếu thấp thì cho dư chút cựa, lấn chút thịt. Đại phàm nhỏ con thì gác cựa, to lớn thì chịu sút vai sút cựa, như vậy hai đảng *bất phân thắng bại* mới nhận lời. Xưa tôi có người anh cô cậu, dùng phương thế khác, rõ ra rất là thâm sâu. Bình nhựt anh ở tại giường hút, nằm nghe đờn nghe ca, để cho thân tớn cấp gà thế, trong khi ấy, anh có đôi ba “bộ hạ” sai chạy vô chạy ra thăm chừng và mách tin cho anh biết cấp gà đã đi đến đâu. Cấp xong, anh sẽ ra xem lại, khi nào liệu gác hơn người anh mới ưng cho đá, không thì anh chạy hơi mãi để chọc tức đảng nọ... Nhưng rốt lại, anh vẫn sặt nghiệp vì gà, vì nha phiến, vì mặc dầu gà anh lớn con nhưng kém tài biết sao??? Và nếu gian hùng như thế mà làm giàu thì thiên đạo bất công còn gì?

Đôi bên không còn gì nói, thỏa thuận hay không, một phần lớn còn do nơi bọn đá *hàng xáo* làm mù làm nhọt, đốc lối bàn tán và khi đã thuận hết ba bề bốn bên thì khi ấy mới *làm số*.

Tỷ như chủ kê, chắc gà mình sẽ thắng, xin đá Năm ngàn.

Bọn hàng xáo ké vô... Năm ngàn.

Thế là độ gà ấy, tiền độ là... Mười ngàn.

Khi bên A cho biết gà mình đá mười ngàn đồng, nếu chủ gà

Mại (Không), nếu có thêm hai người đồng hồ như mình thì xoa bài chia lếp khác. Trong khi ấy, người cầm bài tốt không chịu sẽ “xin đá li” và nếu thua sẽ chung tiền gấp hai. Nên tuy bài tốt sẵn mà còn “mại hơi” để dụ địch. Danh từ này nay đã ít nghe dùng. Ba bốn mươi năm trước, rất là thông dụng. Tỷ như cô gái, cha mẹ kêu cho hay sẽ gả cho trai nào đó mà cô còn vùng vằng chưa ưng, thì sẽ nghe bà mẹ nhieéc: “chịu thì chịu phúc, lại còn “*chín hấu mại hơi*”!

bên B chắc ăn, sẽ bao số tức là một mình ôm hết, thì bọn hàng xáo bên B sẽ *bơ mớ*. Nhưng nếu chủ gà B yếu sức, xin đá riêng ba ngàn, thì còn lại bảy ngàn, do bọn hàng xáo kêu làm số riêng, chờ đủ tiền sẽ đá.

Nói về người đá gà hàng xáo, nãy giờ quên giới thiệu: *hàng xáo*, nguyên là tiếng nói riêng về chỗ làm nghề xay lúa giã gạo để bán. *Giếng hàng xáo* là giếng của các người xay, giã ấy làm ra. Sau này, tiếng *hàng xáo* có nghĩa là ghé qua, tạm vậy, như nói *đá gà hàng xáo* nghĩa là chịu ít nhiều mà chơi ghé ngoài. (Tự điển Huỳnh Tịnh Của).

Ngày nay, người đá gà hàng xáo ít ham đá trong số, vì xét ra đá có số thì phải chịu tiền xâu tiền hồ. Ngày nay bọn họ quá qui quyết, ưng *đá ngoài*, đá riêng với nhau, để trốn tiền xâu mà chớ, thêm còn *đẽ lợi qua lợi lại*. Và lợi qua lợi lại ai khéo thì làm gì cũng có lời. Tỷ như trong một độ gà, họ đá bên A mười đồng. Đá được giấy lát, họ bắt bên B *mười đồng ăn bảy* (thua thì thua bảy đồng, ăn thì ăn đủ mười đồng), và một lát sau họ bắt qua bắt lại, tùy lúc gà thắng gà suy, họ khéo lợi làm vậy thì rớt cuộc, trong số, hai chủ kê ăn thua ngay thẳng, còn ngoài vòng, bọn hàng xáo, ai giỏi lợi, bên gà nào thắng họ cũng có tiền. Và cách đá như thế, họ gọi là *đá chạy gạo* (để kiếm tiền chút ít mua gạo ăn). Bọn hàng xáo này tỏ ra người nào cũng cao trí, biết tính toán mau lẹ, tiếc thay người mình chỉ biết đem tài *đá hàng xáo* và không nghĩ đến việc lớn hơn như kinh doanh nghề nghiệp, thương mãi v.v... (1)

Bọn làm xáo làm nghề không vốn, ít thua, trừ khi bị *tổ*

(1) Đá hàng xáo cũng gọi *đá kê* vì phép đánh bài, người chơi chánh thức đặt tự tiền là bao, nay mình đứng ngoài vòng, phải lòng xin đánh theo, thì đặt số tiền của mình *ghè theo* đó gọi *ăn kê*. Thường nghe: "Cho tôi ăn kê năm đồng, nghĩa cho tôi đá theo bên anh năm đồng" (tiền này khỏi xâu) V.H.S.

trác. Người chơi gà biết dư, nhưng không có bọn hàng xáo thì trường gà sẽ bớt náo nhiệt và sẽ kém vui đi. Bởi vậy vẫn vui để cho họ làm nghề *ngồi không chia của* này. Người hàng xáo cười người nuôi gà, tốn công tốn của. Người chơi gà cười người hàng xáo, không có cái khoá bằng ảm con gà trên tay. Không biết ai đại hơn ai, duy biết đứa nhỏ chơi điều, tuy vốn tiền mua dây mua nợ, nhưng vẫn thích hơn đứng ngoài ngó chúng chạy rong theo con điều giấy. Và anh hàng xáo khi *tổ đãi*, được nhiều tiền, làm gì cũng *sấm một con nòi với người ta*. Tôi nói đến đây đủ biết ai đại hơn ai rồi.

Tiền độ, tiền cá, đôi bên phải sòng phẳng, danh dự các tay chơi gà ở chỗ đó. Nhất là tiền độ phải góp đủ trước khi thả gà, giao trọn cho chủ trường thầu nhận, gọi *chấp ngành thầu* (ngân đầu) và chịu đủ trách nhiệm về mất mát. Sau này, bên nào thắng, sẽ đến tay chủ trường lãnh tiền độ. Trong số đó, sẽ trừất ra một phần gọi chụ *tiền xâu, tiền hồ* ⁽¹⁾

Lệ thường, hoặc tùy mỗi trường gà địa phương có thay đổi chút ít thì:

-
- (1) Viết đến đây, tôi xin chép một câu xưa học được tại "Đại Thế Giới" kéo lâu ngày quên mất. Ấy là danh từ "Hố giấy mộng mị" và "đánh xám phần". Cuối năm 1946, tôi vừa ở Sóc Trăng chạy lên đây, chưa làm việc và hằng ngày mãi đến lâu sau, vẫn còn vớ ra nơi Đại Thế Giới để tiêu sấu. Cho đến ngày chỗ này đóng cửa, tôi và hai anh bạn nữa mỗi ngày hùn mỗi người một trăm bạc, ba người ba trăm đồng, giao cho anh Th. chực me đi thuận chén, đánh hết ba trăm ba cửa, chưa một cửa cho chủ cái. Nếu me ra chén cửa chủ, thì ba trăm bị vừa hết, đành về bộ nhịn đói. Nhưng thường thường vẫn trúng, họ vừa hai cửa, mất hai trăm, họ chung cửa trúng và vốn và lời (100+300: 400) thế là ba anh em lời mỗi người ba mươi đồng. Và tùy chung tiền nhiều ít mà mỗi ngày mỗi chạy gạo làm vậy làm kẻ sanh nhai, tha hồ nhậu nhẹt, ở không và thả rong tán dóc. Kể này, giới "cá kèo" gọi "đánh xám phần" hoặc nói theo tiếng lóng nhà nghề, thì gọi "đánh điệu hố giấy mộng mị" (tôi cũng không hiểu vì sao họ lại đặt danh từ này). Có điều tôi biết là nếu đặt ít thì dễ trúng, đặt nhiều lại không trúng nữa, hay là "Cờ bạc có Tổ coi chừng"? Và lại, kể này chỉ dùng cầm thực, và chạy gạo, không nên y lại vào đó mà sat nghiệp và chết có ngày. V.H.S..

- Xâu 10%, trong ấy lại chia ra:

a) Chủ trường gà... 2,5%.

b) Thơ ký biên chép, làm sổ 2,5%.

(Vì thế, nên chủ trường hay kiêm nhiệm vai làm sổ để một mình lãnh trọn 5%).

c) Chủ con gà ăn độ ... 2,5%

d) Người cho nước gà ... 2,5%

Trong mỗi độ, nếu mình thua thì thua đủ một trăm đồng, nếu thắng thì chịu xâu 10%, còn lại chín chục. Giới hàng xáo, danh từ *phóng ăn năm*⁽¹⁾ nghĩa là nếu thắng thì ăn 5 phần 10, bằng thua thì chung đủ 10. Đánh cá lên xuống từ ăn tám đến ăn hai, ăn một. Đá hàng xáo lanh lợi, không khi nào theo hẳn một bên gà, và luôn luôn họ lợi qua lợi lại, làm gì cũng chắc có tiền *chạy gạo*. Dầu có thua, thì *lợi giới* cũng thua ít ít, không thua nặng.

Và khi nào họ *dần* là họ đã làm toán trúng, trong hai gà, con nào thắng họ cũng có tiền...

Dần bảo kê là ăn chắc trong tay, như có bảo đảm, bảo kê vậy.

(1) Thường thì người đá hàng xáo không có nuôi gà. Họ quen đánh cá với nhau, riêng biệt ngoài số gà, danh từ *phóng ăn năm* cũng nói *chấp ăn năm, quăng ăn năm*, người kia ưng thì nói *Tôi bắt năm chục của anh* nghĩa là *anh phóng ăn 50% tôi nhận bắt 50\$ (ăn thì ăn đủ 50\$ thua thì thua 25\$, v.v...)* *Quăng hai chục ăn hai, nghĩa là thua thì mất đủ 20\$, nếu thắng thì đàng kia chung lại 4\$ (0,20 của 20\$).*

VÀI ĐIỀU LỆ TRONG TRƯỜNG GÀ

Điều lệ này không nhứt định, và vẫn có đổi thay chút ít tùy từng địa phương. Chủ trường nào kỹ, vẫn cho biên chép và đăng bảng rõ ràng, để tránh sự đôi chối. Đồng một lúc với sự làm sổ, thì sư kê đôi bên lo việc “cho nước gà” tức đóng vai tuồng “soigneur” của hai con gà đá độ. Hai đảng sửa soạn chu đáo cho gà nhà trước khi độ sức thử tài: chuốt cựa cho thật nhọn, thật bén; cho gà uống nước, cho gà ăn sơ sơ ba hột cơm *dần bụng*, phun nước cho mát da, phun rượu cho săn thịt, không quên cắt xén chút lông đuôi *làm phép cho tổ trợ oai*, các việc quen tay từ đời nào và vẫn làm mau mau lẹ lẹ để kịp thả quần gà trước khi tới giờ lên nhang. Gà thả ra trường, mặc tình cho giới đá hàng xáo *quãng bắt* não nhiệt. Thể lệ là:

1) Khi nhang lên rồi, hai đảng thả gà, nắm đuôi chờ nghe hô “thả!” thì buông ra, hai con gườm nhau, ngó trợn trợn xem từ hàng vẩy, như hai tướng ra trận nhăm xem diện mạo lẫn nhau. Khi nào hai con nhẩy đá, “xạ” nhau một xạ, là bắt đầu kể ăn thua. Tục gọi *buông đuôi ăn trót*. (Mặc dầu xạ nạp có một đòn, nếu có gà nào không đá bỏ chạy là kể thua, chung tiền, không đổ thừa được).

2) Lời giao đá đến có con chạy hay bị thương (đâm cựa hay đòn trơn) nằm chết tại chỗ, không đứng được, thì kể là con gà chạy hay nằm chết là gà thua: *kỳ tẩu kỳ tử*.

3) Tuy không chạy cũng chưa chết, nhưng nằm lý chịu đòn không đánh trả lại mà cũng không cắn được gà địch, tức là kể thua. Muốn tránh sự cãi vã nên phạm lệ gà nằm lý thì được phép bắt ra ba phen cho sửa gà lại ba lần, nếu mỗi lần thả vô gà đứng không nổi và nằm lại nữa và cũng không cắn không mổ, thì xử gà *nằm ấy thua*.

NƯỚC, NHANG

Đánh võ Anh, mỗi hiệp đánh là một *round*, từ hai phút (hạng mơ) đến ba phút (hạng nhà nghề).

Đá gà thì có cách đo thời khắc bằng *nước* hay *nhang* tùy chỗ.

1) *Đo giờ bằng nhang*. Lấy cây *nhang* chum đở, tiệm thường bán, đo bề dài độ ba lóng tay, rồi lấy giấy hay vật gì bịt nó lại để khi cháy tới chỗ bịt thì nhang tắt. Khúc nhang ấy đốt lên là ra lệnh đôi bên thả gà. Khi nào nhang thôi cháy, thường thường chỗ bịt có treo một đồng xu làm hiệu, cháy tới đó thì đồng xu rớt vào chậu nước để phía dưới. Xu rớt là hiệu lệnh chấm dứt *nhang thứ nhứt*. Đôi bên bắt gà ra o bế, nếu gà bị thương thì may vá chỗ thương tích, gà mệt thì thì ôm thổi, sang hơi bằng miệng mỗi qua họng gà, gà bị cựa đâm thì nút cựa lấy máu độc ra, đại phàm làm gì được thì làm, đôi bên đều thỏa thuận cùng nhau như vậy. Trong khi nghỉ xả hơi cho nước, cũng đốt một cây nhang khác gọi *nhang nghỉ* dài độ hai phân, cháy độ bốn phút là tắt. *Nhang nghỉ* tắt là bắt đầu đốt *nhang nước nhì* cho gà đá lại. Một độ gà đá mấy nhang thì nói gà đá *ăn nhang thứ hai, thứ ba* hay *ăn nhang nhứt*, v.v... Trước khi thả gà, đôi bên đã o bế cựa và thường hay lấy tay kỳ mài xuống đất rồi lấy đất ấy thoa vào mũi cựa có ý làm cho nó nhám lại để đâm không trơn trượt.

2) *Đo giờ bằng nước*. Khi nào không dùng nhang làm mực thước thì dùng nước thay nhang, gọi gà đá nước nhứt, nước nhì hay nước ba, v.v... Nước ấy đựng trong *lon* và từ lon chảy ra chậu, vìm. Ngoài Bắc, không dùng lon đựng nước, và có cách đo giờ bằng *hồ*. Hồ tức là hiệp vậy, và tục này xưa hơn tục dùng lon. Mỗi hồ độ mười đến mười lăm phút, và cũng đếm: *hồ đầu, hồ nhứt* v.v.. (Tỷ dụ: qua hồ thứ tám, Tía Vía được uống chút

mật gấu và được chữa cẩn thận nên Tía Via tinh táo hơn”. Lê Huy Oanh, *Ánh đèn dầu*, năm 1961).

Trong Nam, có chỗ thì dùng lon sữa bò đục một lỗ nhỏ dưới đáy rồi thả cái lon ấy vào chậu nước, tự nhiên nước chun vào lon, khi lon đầy nước và chìm xuống đáy chậu, thì kể *lon ấy là lon nước nhứt*, ngoài Bắc gọi “Hỗ thứ nhứt” thì cũng thế. Chỗ khác gọi “nhang nhứt” lại cũng thế.

Riêng tại miệt Sóc Trăng có khác một chút. Trường gà xứ tôi lại kỹ thêm chút nữa, và thích xài vừa nhang đốt vừa lon nước dùng một lúc, một lượt. Như vậy mức trung bình thời gian thêm có chứng cứ và tránh được sự cãi cộ lôi thôi. Nhưng lon đây lại mức đầy nước rồi treo lên cao cho chảy xuống, dưới có sẵn một chậu hay vại để hứng, rùi dây đứt thì có nhang làm chứng, bằng nhang “tất bất tử” thì kể lon nước làm bằng có để canh độ gà. (Trừ phi giữa độ nếu có cò lính lại thì bỏ mẹ đời cái lon nước, mạnh ai nấy chạy, không nói nữa). Và cũng quên nói lon nước đây dùng lon nào cũng được, lon bơ, lon sữa bò không, đều tốt cả, rõ là xứ tôi người chất phác giản dị không đâu bằng. Thêm nữa, tục xài *hỗ cát*, *hỗ nước* để canh giờ đã không biết từ lâu, nên tạm dùng lon cũng tiện vậy, thêm được tiếng là rất “bình dân”.

TRƯỜNG HỢP BẤT THƯỜNG

Phép đá gà, con nào chết tại chỗ thì kể con ấy thua. Con nào đang đá bỏ chạy, bắt vô không đá thì cũng kể thua. Nhưng lâu lâu gặp nhiều trường hợp, chủ trường và chủ kê đều nhân mặt không biết xử làm sao và những lúc ấy giận mình sẵn tiền mà không biết trạng sư nào, luật gia nào có đủ tài để giải quyết giùm những *ca* rắc rối làm vậy, dầu phải tốn bao nhiêu cũng ráng hùn lại mà đừng cho các ông *ăn* không tiếc.

- Trường hợp hai con đều bị cựa, đều nằm dưới đất. Cho bắt ra sửa, lời giao đem vô con nào còn mổ cắn được là thắng. Nhưng hai “trự” đều không mổ không cắn, mà xin huê thì chủ kê không chịu huê. Làm sao bây giờ?

- Con gà con vậy mà tinh khôn không vừa. Con A bị đòn đau quá, toan chạy, đâm bậy một cựa, thoát dứt nước, bắt vô sửa... Nước sau, thả gà, con A thấy con B suy sút thì không chạy nữa, lại hăng đá đến B phải thua ngược lại, nghĩ coi có tức chẳng?

1) *Gặp cảnh ngộ gà rút*: Gà rút là gà vì sợ hay sao đó nên không chịu đá. Nếu nhử mãi không được, gà không đá lại, thì có lẽ *được xin nhang rút*, hay “nước rút” cũng thế. Trong lúc nhang rút còn cháy, con gà rút bỏ chạy thì con gà kia không được ăn tiền độ. Và độ gà xử hòa, hay cũng gọi *đôi bên huê thủ hay hòa thủ*. Trừ phi trong nhang rút gà chịu đá, sau lại qua nhang khác, thì bỏ chạy: như vậy không phải rút và kể thua.

2) *Trường hợp độ gà đá về chiều gần tối*: Nếu thấy trời sắp tối, thì phải liệu giao kết trước, hẹn dứt trước *giờ quáng gà*. Tỷ như giao đá tới đúng mấy giờ, tỷ dụ như đá đến bảy giờ tối chẳng hạn, đúng bảy giờ nếu hai gà chưa phân thắng bại, thì đôi bên bồng gà ra, huê thủ. (Tôi đã từng thấy một lần nọ, đá đến tối mò mà chưa phân thắng thua, vì hai chủ đều có thua trước hay nóng gỡ gạc, nên đồng hè ráng đá thêm cho đến kết quả. Chủ trường chiều chuộng mua lòng, nên sai thấp hai cây đèn manchon bùng ra, trong trường sáng trưng, các tay đá hàng xáo bu đông nget, thế mà hai chiến kê đứng ngủ ngon lành, không hăng hái như chủ muốn chút nào, và rốt cuộc đành bồng gà ra, ứng huê thủ!).

Gần đây, vì ham ăn thua nhiều độ, nên có nơi bày đá đèn, như ta đá cầu hay đánh vợt ban đêm. Nhưng với người thì dễ: khi ham thì mấy giờ khuya cũng thể thao được. Còn đối với con

thú, đến giờ ấy là giờ vô chuồng, nó quen tánh từ tạo thiên lập địa, nên nay, dầu có đèn thấp mấy ngọn, sáng đến bực nào, nó vẫn buồn ngủ và không quyết chiến như lúc ban ngày, cố đá thì khách cũng buồn ngủ theo gà, nên không bao lâu thì dẹp cái *mốt đá gà về đêm*.

CHO NƯỚC GÀ

Không có nghề gì mà “dơ bẩn” hơn và “ghê gớm” hơn là nghề *cho nước, bồng nước, làm nước* gà nòi. Vì ham mê mà quên dơ sạch, vì nóng ruột thương tiền và thương con vật mà làm những việc về sau nhớ lại tự mình nhờm gớm lấy mình! Khi gà bị cựa, máu ra toe toét, lật đật ôm gà lên, kê môi ép miệng sát vào da gà, chỗ bị cựa, mà nút máu. Có khi phun máu ấy ra để rảnh miệng nút lại nữa. Có khi vì quá lo hay vì gì đó, lại nuốt luôn máu ấy mà không hay biết! Dầu sao trong khi mê trận, muốn cứu con gà, nên nào kể gì dơ sạch, mấy lời thầy dạy trong lớp về khoa vệ sinh cũng bất chấp nốt, (mà chắc gì các tay cho nước gà được ăn học chu đáo như ai?) nên nút làm nhiều lần, sao khỏi nuốt máu ấy vào bao tử! Tiền thù lao thì chỉ có 2,5% có thấm tháp vào đầu, thế mà khi khác gà mệt, muốn gà mau khỏe, lại phùng má ngậm hết vừa đầu vừa mỏ con gà rồi thổi hơi thở mình vào phổi nó. Thổi vô thì chớ, lại đến lượt nút hơi gà ra cho nó mau khỏe, tiếp hơi làm vậy khác nào *đi xin vi trùng của gà để nhập vào phổi vào họng của mình?*

Ngoài vấn đề dơ sạch ấy ra, người làm nước gà không phải vô nghề thuật. Giỏi lắm chớ, nhưng mai một nào ai biết tài cho? Những khi gà rụng lông cánh nhiều thì phải *tiếp lông cánh*, may kèm lông cánh khác cho nó, nếu may dở thì làm sao chịu nổi lời chỉ trích của bọn đá hàng xáo luôn và chủ kê? Nhưng may khéo cũng bị lời nguyên rủa của bên địch, phải chăng là nghề làm nước gà bạc bèo không nghề nào bì kịp? Lại

như khi mò rưng, phải biết buộc mó giả: buộc không được khéo thì chú rây, mà buộc khéo cũng không ai thương công, một khi gà thua độ! Tài người cho nước gà, tuy vẫn tay ngang, nhưng về may vá thít da, có những chỉ ông bác sĩ chuyên môn khoa giải phẫu trong dương đường, cũng khâu bầu điều, cấp kỳ chăm mí mắt, cột cựa, buộc mỏ, thắp lông cánh, may lườn, v.v... toàn là những việc khó khăn phải làm cho xong kịp trong một thời kỳ ngắn ngủi.

- Ngoài Bắc, theo nhiều người nói lại, có ông Tạ Duy Hiến, chủ gánh xiệc năm xưa, là người cho nước gà không ai giỏi bằng:

- Trong Nam, ở đâu tôi không rành, chớ ở miệt Sóc Trăng yêu quý của tôi, lối hai mươi ngoài năm trước, có ông Năm, không biết tên họ thiệt, nơi trại gà ông Chủ On, là nghề riêng ăn dút, đến đổi người đồng thời tặng ông chơi là *Biển Thuộc tái sanh* trong môn sửa gà, từ chết tại trường bắt ra cho nước trở vô gượng lại, trả thù chém chết gà kia rồi mới chết theo!

Thử nhắc lại một cuộc cho nước gà đặc biệt.- Dân Xoài cả nả⁽¹⁾ có tiếng là cho nước gà thiện nghệ (họ nói rẻ rẻ là "làm

(1) "Xoài cả nả" là tên xưa của làng *Đại Tâm*, tỉnh *Ba Xuyên*, khi trước rất được trọng dụng, ngày nay ít dùng và ít ai biết. Nguyên gốc mượn trong tiếng Miên *Xoai Chrum*, ta Việt hóa trở nên *Tài Sum*, người Tàu lai Việt lại dịch nên "Xoài cả nả" lấy ý rằng làng ấy buổi xưa là một rừng xoài, người nào đến đó, khi trở về nhà, đều mang về một giỏ xách (nả) xoài cho con cháu thường thức. Phong tục cổ thời, người đi đường đều mang theo cái nả đương bằng tre, để đựng thập vật, từ áo quần, trầu thuốc, đến thức ăn, v.v... Từ danh từ *Xoai Chrum* sau dịch âm thành "Tài Sum". Gần đây, làng *Tài Sum* sáp nhập với làng *Trà Tâm* kế cận, biến nên làng *Đại Tâm*, vì chữ *Tài* sau đổi thành chữ *Đại*, và *Trà Tâm* sót lại chữ *Tâm*. Ngày nay, trong làng còn nhiều con cháu người Minh Hương, cha Tàu mẹ Miên (tiếng lóng chề và khinh rẻ, gọi *Đấu gà đit vịt*, nhưng tiếng thông thường gọi *con cháu khách*) và nhờ vậy, còn người hiểu gốc tích hai chữ *Đại Tâm*. Một ngày gần đây, bao nhiêu người lai đều Việt hóa tất cả, thì làng "Đại Tâm" sẽ trở nên làng Việt chính cống, và tha hồ các học giả cắt nghĩa nọ kia. Làng *Trà Tâm* do Miên tự *Xà Tim* (trước dịch *Trà Tim*) mà có. Người trong làng *Đại Tâm* nay đều đặt tên theo Việt. *Ngọc Kim* thay vì tên xưa "Yự Cẩm", v.v..

nước giỏi”).

Có một độ gà năm trước, nay còn được nhắc nhở:

Hai chủ gà, một người tên Xừ, một người tên *Ba Khâm*.

Nửa độ, gà Xừ đâm gà Ba Khâm dui mắt cả hai con.

Nhưng gà Ba Khâm vẫn còn sức mạnh và đâm lại gà Xừ rớt mỏ và lũng lườn rất nặng. Lấy theo con mắt nhà nghề mà xét đoán thì hai con gà đều bị thương rất nặng:

1) Gà Ba Khâm không còn thấy đường, nhưng sức mạnh có dư; nhưng không thấy đường rồi biết làm sao đá độ?

2) Gà Xừ bị đâm toét hàm hạ, mỏ rơi lòng thông, dáng bộ đau đớn lắm, nhưng vì can đảm nên gà như không đau, duy vì mũi cựa đâm nơi lườn điều nước chảy ướt lông, rơi có giọt, hai vết thương đều nguy hiểm, và trăm người như một đều chăm gà Ba Khâm sẽ thắng và lo sợ giùm cho gà Xừ. Nhưng theo phép đá gà thưở nay, hễ *sa lông hở mỏ* thì có lời giao khi bắt gà ra cho nước rồi đem trở vô cho đá lại, thì được phép *ráp hai gà, ngực kê ngực, đầu kê đầu* cho nó biết mà tái chiến. Nhược bằng có con nào không đá nữa thì cũng cứ để vậy chờ gà kia dứt độ được thì đảng này chịu thua. Kê ra lời giao ước này đều lợi cho đôi bên, vì gà Ba Khâm dui mắt, cần dụng gà địch mới biết mổ cắn được và đá được; còn gà Xừ, rớt mỏ, cũng phải xáp dụng gà kia mới đá được... Ngoài giới hàng xóm, bọn theo Xừ, kể chắc thua trong tay... bọn đá theo gà Ba Khâm, hy vọng còn nhiều, vì gà còn sức... May cho Xừ là lon nước đá độ vừa hết, đồng xu nháng rớt xuống chậu, hai đảng được phép bắt gà ra o bế lại:

- Gà Ba Khâm, sửa rồi, cũng như chưa sửa, vì hai mắt lũng tròn, tài nào thay tròn khác được? Mạnh trong lông, trong cánh, trong đùi, trong cựa, trong lúc này trở nên vô dụng.

- Trong lúc ấy, nhờ khéo tay cho nước, biết may vá *tài tình* nên điều thôi chảy nước, gà khỏe nhiều, và nhờ chăm chút phải cách nên mỏ dính lại, gà Xừ tỉnh lại coi khác hơn khi chưa sửa. Lúc thả quần, gà Xừ biết kêu con *Túc! Túc!*, mọi người đều rộ lên phóng bắt, trường gà náo nhiệt bội phần.

Độ gà tiếp tục: hai con vừa kê sát nhau, gà Xừ thân biết mỏ đau không dùng được, nên trở miếng tài, nhẩy đá chỉ một đòn xạ, hai cửa đâm lút cần cổ con gà không thấy đường của Ba Khâm, khiến gà đui nằm cho một đồng. Gà Xừ cứu chủ: độ này Xừ ăn hai ngàn đồng bạc (2.000\$) là *Bà Cậu độ mạng*, ăn may vậy!!!

Chung tiền rồi, quét dọn trường bày đá độ khác.

Về nhà, không ngớt bàn tán. Các sư kê xúm nhau nghị luận không thôi: rõ ràng gà Ba Khâm *chun xanh, mắt ếch* nên đá chết không chạy... ⁽¹⁾ và gà Xừ thì có vậy may ủng hộ, nên bất ngờ tự giải nguy lúc giờ chót! Độ gà này làm cho người dị đoan càng dị đoan thêm và không ai nhắc thủ tài cho nước của em tôi là Trầm Tư (gọi là Xừ) đã cho tôi những tài liệu cũ kỹ này.

THỬ KỂ LẠI VÀI TAY KỲ CỰU CHƠI GÀ XỪ SÓC TRĂNG VÀ MIỆT BA THẮT (BASSAC)

Kể các tay kỳ cựu trong giới đá gà nòi thì, trước năm 1930, tại vùng Sóc Trăng, có những ông:

- Trần On, tục danh Chủ On (hương chủ làng Nhâm Lăng xưa) là người cố cựu tỉnh Sóc Trăng, công tử, con quan Đàng

(1) Đúng với câu "Chun xanh mắt ếch, đá chết không chạy" rất được truyền tụng trong giới đá gà.

Cự, bao nhiêu đất cát châu thành Khánh Hưng ngày nay phần lớn do sản nghiệp tổ phụ để lại, nhưng lần hồi ông đã mãi ra cung cấp cho thú phong lưu ông thích: *Nuôi gà nòi*. Thật vậy, ông chơi gà khét tiếng, ai đến gần nhà ông đã tưởng vào một trại gà khổng lồ, tiếng gà gáy điếc tai, chen với tiếng mái cục tác. Quanh năm, trong vườn của ông, kể luôn gà mái đẻ, gà con, gà tơ, gà ấp, không dưới trăm đầu, và bao giờ, canh nào, giờ nào cũng nghe tiếng gà không túc con cũng kêu mái, hoặc gáy hoặc thách đố khiêu chiếu *cà tóc! cà tóc!* vang rân. Đến mùa gà, nhà ông, trống đúng sức không dưới đôi ba chục trống, con nằm dưới bội, con nhốt trong lồng, con thả ngoài sân, con đang vào nghề... Ông người rất hào phóng, thường lối xóm rất kính nể, nên cũng không có ai nuôi gà chạ gà che, vì sợ lai giống hư gà ông chủ.

- Tiếp tay và bạn tri kỷ của ông Chủ là ông Năm tôi vừa nhắc nơi đoạn trước, đến nay tôi vẫn không biết tên họ cho đúng mà ghi để đời. Nay ông đã tận tụy cùng chủ và theo bạn nói gót xuống *âm ty* để chơi gà không sợ bắt bớ, thì tưởng không nên nói nhiều, duy biết sanh tiền, ông là người Đảng Ngoài, vào Nam từ nhỏ, sanh nhai bằng nghề nuôi gà, cho nước gà, lấy trại gà làm nhà ở, không vợ không con, am hiểu chữ Nho, nói chuyện duyên dáng, phong lưu rất mực, và nói đến nghệ thuật nuôi gà thì thuở ấy nội vùng Sóc Trăng, Bạc Liêu: *nghề riêng ăn đứt*.

- Một ông kỳ cựu nữa, nay cũng đã qui tiên, sanh thời nhà không dư dả gì, nhưng được cái là phong lưu, hơn xa các chú phú hộ *Rít Chứa Ngô Công Kẹo* khác, ấy là ông giáo Tông, thâm nho. Ông ở đây phố trệt sau nhà tôi, trong *tổng đường* vốn vẹn kê giữa căn một bàn thờ Tổ Tiên, ngay bàn thờ lót bộ ván ba thô sơ nhưng bóng chói vì chủ lau chùi mãi mãi, trên ván luôn luôn có bày mâm đèn ống hút: mâm trặc lạng ô, đèn

pha lê sạch bóng, thêm ống hút trúc Hạ Châu đen huyền, kế bên có khay trà cần xa cừ và hai bộ chén “Hạ âm” kiểu Bắc, có đủ chén tống, chén quân, thêm một bình tích bé tý hơn da đỏ, nay tôi nhớ lại đó là bình “Mạnh Thần”. Ông dạy cho tôi biết và thường ngâm nho nhỏ đủ hai bác cháu nghe rằng:

- Này! *Nguyệt bạch thủy trung thanh*

(Ký hiệu *Dật Tâm*)

là câu chữ đề trên bình tích. Và chăng bác xem tướng cháu sau này hậu vận khá hơn bác nhiều. Vậy cháu hãy ráng mà luôn luôn giữ cho được *thủy trung thanh* cháu nhé! Lại nữa, hai chữ *Dật Tâm* (Lòng người đi ẩn) bác tạm dịch làm vậy cho cháu hiểu và nghe cũng được được, cháu hãy nhớ để làm châm ngôn cho đời thêm trong sạch nghe cháu nhé!! Riêng phần bác đây, một đời lưu lạc, lang bạt kỳ hồ, bác không ân hận, vì trong bộ chén trà của ông thân của bác để lại, há chẳng có câu “tiền định”:

“Minh nguyệt *tòng* giang ảnh,

“Thanh tuyền thạch thượng lưu”

sau này cháu sẽ hiểu nghĩa của nó”. Tôi vâng vâng dạ dạ lúc đó, kỳ thật nào biết gì, duy trong lòng thích ông nuôi gà nuôi cá hợp ý tôi, nên ngày chúa nhật nào, làm bài vở xong là cũng phải lại châu hầu bác giáo Tòng. Tôi mê nhưt là hai bên vách ván, bác sắp hàng ngay thẳng làm bốn từng dài, những chai trắng “cất họng” sẵn để nuôi cá thia thia, dưới ván và trước nhà, nhà hếp cũng như hàng ba thì la liệt những bệi gà để chừa đủ đường đi và chừa đủ rộng cho mấy con nòi không sợ mé gì được, nay nhớ lại mại mại cũng trên mười trống không ít.

Những tay chơi gà xưa phần nhiều nay đã qui tiên, tôi còn

nhớ được tên là:

- ông *Bếp Chọt*, ở đường đi xuống rạp hát Trần Sân, nhà ông rất nghèo, cá nuôi trong lu, mái, khi đá mới hớt ra; gà thì nuôi chỉ một con, nhưng đó là con gà chiến, ai mua nài bao nhiêu cũng không bán, khi nào con gà ấy có thể nào, ông sẽ sắm con khác thế và cũng chỉ nuôi lấy một trống mà thôi.

- ông *Bếp Bồn*, sở trường lúc lắc bông vụ, đá gà, đá cá, gác cu, gài bẫy chim. Cũng nuôi một trống, mà con trống này cụt đuôi, lông đỏ nên gọi *Điền Cúp*. Tôi lúc nhỏ, thích quá theo nài *Mười đồng*, ông không khứng để, duy cho phép mỗi lần đến nhà ông, được ôm gà “nặng” cái chót vĩ không phao câu!

- ông *Bếp Sanh*, bông nước giỏi, mất từ lâu.

- ông *Chủ Tông*, trùng tên với ông trước gốc ở Bãi Xàu, hiện còn mạnh giỏi, ở đâu trên Sài Gòn, tôi không gặp, sở trường nhất là cây tranh, ông đòn tuyệt diệu, nghề gà cá cũng không nhường ai bước nào.

- *Đội Hương*, tục danh *Đội Cá*, chạy lên Sài Gòn từ năm 1947.

- *Tư Long*, ưa trà ưa rượu, nấu bếp tài tình, nhưng không ăn thịt gà. Ông nói: *thịt con cháu, nó nuôi mình mình đâu nỡ ăn.*

- Ở làng Tài Sum nay là Đại Tâm, chục năm trước có anh Hứa Siêu, nghề sửa gà nay còn nhắc đời; qua nghề hớt cá thia thia thì anh là thầy của tôi lúc đó, và vốn là anh con nhà cậu của tôi. (Tôi gì nay không nhắc lại?)

- Cũng ở Đại Tâm, còn Trâm Tư, tục danh “Xừ”, vẫn theo dõi nghề gà không bỏ. Đá gà khắp lục tỉnh, đến trường Sài Gòn cũng nghe danh. Cha xưa là võ sĩ phái Thiếu Lâm, truyền nghề

lại, có nhiều toa thuốc gia truyền dạy luyện gân cốt và sửa chữa té, lợi, gãy xương... “Xử” áp dụng qua nghề “cho nước gà” và thỉnh thoảng cũng hành nghề cứu dân độ thế. Làng Đại Tâm xưa có ông *Tám Thao*, lại là thầy của Xử, cắp gà, ai cũng chạy mặt.

- Quận Kế Sách, có cậu Ba Oai (nay đã mất), nuôi gà dũ không ai có.

- Thân phụ Ba Oai, là ông hàm Trần Như Cang, đã từ trần, thuộc hạng đá gà làm độ bạc ngàn sắp lên mới cho làm cựa.

- Làng Hòa Tú (Sóc Trăng) có anh hương chủ Trần Đắc Lợi, tục danh *Chủ Lý*, tôi từng nhắc nhiều lần trên sách báo, vừa thất lộc, có tánh kỳ khôi cắp gà trên mâm hút, gác đủ mọi điều mới khứng cho làm số! (Nhưng rốt cuộc vẫn thua *tróc đít*, vì quên rằng người nào chịu độ với anh là đã có con gà hơn gà của anh mới chịu sút trước vài phân!!!)

- Hòa Tú còn Út Hậu và anh Diệp Quang Ph. (hai người còn mạnh giỏi). Hai người nuôi gà nghề, phải độ mới đá chớ không hấp tấp.

- Quận Phú Lộc, xưa có ông chủ quận phong lưu tài tử, họ Đỗ, giỏi nghề gà, tuyệt diệu nghề *đánh trống chầu*, đi ô tô tự lái xe để khi gặp *cờ tây* thì cán chết rồi thường tiền đem về đánh chén. Ông vừa mất tuổi gần chín mươi. Ông họ Đỗ, không tiện xưng danh.

- Quận Phú Lộc, còn một ông, *trạng sư họ Trần*, cũng rất ham chơi gà, những khi rảnh việc; nhưng chơi theo hạng tài tử phong lưu, cốt nghiên cứu trau dồi sự hiểu biết, thích xem gà đá sau ly rượu Martell-Soda có nước đá, giữa quê vợ, nhiều hơn là thích giỡn tiền.

- Ở Bạc Liêu, trước kia có ông Hội đồng *Khâm* và ông Hội đồng *Ngô Phong Điều*, nay còn roi giống gà nòi danh tiếng.

- Ở Xẻo Gừa, tỉnh Sóc Trăng, có bà *Chín Minh*, tuổi trên tám mươi, luôn luôn có mặt tại trường gà, bữa nào như bữa nấy. Nuôi và đá, ăn thua lớn, chớ không đá xạo.

- Gần đây, học trò bà *Chín Minh*, còn sót lại ông *Chín Gia*, trên chín chục tuổi đầu, vẫn còn chống gậy theo gà. Nhà ông ở Xóm Tà Lay đường Bó Thảo đi vô trong nữa, khi đi qua khỏi chùa Bưng Cốc hỏi danh ông, trẻ nhỏ chần trầu đều biết.

- Về các tay chơi gà hữu danh, nếu đếm nữa cũng chẳng làm sao đủ và không khỏi sự thiếu sót. Châu thành Sóc Trăng, nơi khách điếm "Bungalow" xưa là chỗ của thực dân đến tá túc tạm; vào năm 1959, tôi có việc về xứ, đi ngang chốn này nghe tiếng gà gáy, hỏi ra người lãnh thầu coi sóc nhà này năm ấy vốn là địch thủ độ gà *ăn phần độ* giữa Xứ và ông, đã nói đoạn trước, đích thị ông Ba Khâm.

CHỖ NUÔI GÀ

Tôi viết bài *Thú chơi gà* này đã khá dài, mà thú thật tôi không biết xếp đặt (mà cũng không muốn xếp đặt) cho có thứ tự. Sau này có người đọc sẽ dạy khôn tôi (như ai đó phê bình quyển *Sài Gòn năm xưa* trong báo Văn Đàn), rằng tôi có tánh xô bồ viết lách không thứ lớp. Tôi không cãi, và xin thưa tôi viết làm vậy đã quen rồi, nay muốn chừa cũng không sao chừa được (mà cũng không muốn chừa làm chi). Sở dĩ tôi viết là để chép ra đây những cái dại, cái sai lầm của tôi, họa may các bạn trẻ biết mà tránh trước là đủ tôi mừng lòng. Tôi vốn không *tranh lèo giựt dài* gì mà hồng gò bó trong một sự *câu thúc văn chương*. Thiết tưởng một cây mía, róc sạch vỏ rồi, có người bảo tôi ăn, thì tùy thích tôi muốn lựa ăn phần nào trước phần nào

sau thì *trời kệ* tôi chớ? Bằng không cho tôi ăn, nhưng bảo tôi dọn mía ra mời khách, thì cũng mặc tôi dọn, *gốc, ngọn, giữa*, gì hồ lớn cũng không quan hệ chi, miễn sao những lông mía ấy phải sạch, phải vui mắt là đủ phận sự của tôi, còn mía ấy ngọt cùng chẳng là tùy cái dộc giọng của khách chớ? Tôi viết văn cũng vậy. Tôi nhớ đâu viết đó, hứng lúc nào thì viết lúc ấy, cũng không phải viết *bài nghiên cứu* để xin thăng quan tấn tước hòng theo dõi một sự gè bó cho một óc. Đã là thú phong lưu, đã là thường đàm, đã là viết chơi, đã muốn tỏ cho người thấy *cái gàn* của mình tội gì mà phải tuân theo một phương pháp? (Như vậy thì hết phong lưu rồi còn gì?) Lại nữa, cái gàn mà viết ra cho có *trật tự* thì đâu còn về gàn? Theo tôi miễn sao *gàn* ấy chỉ *hư một thân* này và không láy về sau đến nhưn quần xã hội, thì được rồi. Người nào muốn đọc bài nghiên cứu có phương pháp, tôi xin mời xếp sách, thà đừng đọc bài tôi viết còn hơn. Tôi nói hả hơi rồi, nay trở lại vấn đề *chỗ nuôi gà*, tôi xin viết tiếp:

Trong Nam có hai cách nuôi: nuôi bằng chuồng và nuôi bằng bội.

Chuồng gà nòi làm rất giản dị: trên một khu đất bằng phẳng và khô ráo (gà ướt căng mau sanh bệnh mà chết), người ta làm cỏ sạch mặt đất, bồi lại những chỗ trũng, lượm ra những gạch sỏi lụn vụn, tránh cho gà đừng đạp hư chùn hư móng, rồi dựng nhà lên, cột tre vách lá, cốt lầy khoảng khoát mát mẻ, không cốt ở sự lâu bền. Nhà ấy trong chia ra làm nhiều chuồng dựng sát vách tả hữu và đầu mặt nhau, mỗi chuồng ngang 1 th 50, bề sâu lối 2 th, mặt ngó vào khoảng giữa làm lối đi, lối 2 th, bề ngang, dài theo lòng căn nhà, vách ngăn giữa các chuồng phải che thật kỹ thật kín, không thì gà hai bên vách vì ghét tiếng gáy, sẽ xoi vách hư mờ hư dầu hết xài. Về hai vách ngó ra ngõ đi ở giữa và trên nắp chuồng thì làm bằng *phèn dương mặt*

cáo, tre, trúc đều được, chỉ cần khoảng thoáng. Cũng có khi người ta cất nhà chòi dài một nóc (nuôi gà một dãy), chòi ấy rẻ tiền hơn, thêm sáng sủa, và cũng chia ô, độ 1,50 x 2m. Trong mỗi chuồng, để cho gà khỏi nằm dưới đất, người ta làm sẵn một cây tre cỡ cườm tay dài độ sáu tấc, gắn trên hai đầu cột tre cắm xuống đất cách mặt đất hai tấc bề cao hình chữ “U” động ngược, để tối gà có chỗ ngủ cao ráo. Muốn nuôi bao nhiêu trống thì chọn bao nhiêu chuồng. Tôi từng thấy miệt Cần Thơ và ở Bạc Liêu, có người nuôi đến trên trăm, cả đôi trăm trống trong một trại lớn rộng và lựa toàn gà cựa gà chiến có ăn độ rồi. Trại ấy cũng vừa là nơi tá túc của thầy gà ở đậu, người cho nước gà và các trẻ lon con mài nghề.

Nếu nuôi năm ba trống *làm kiếng* (cảnh) cho vui mắt, cho ra vẻ “tay biết chơi gà”, thì khỏi cần làm chuồng chi cho tốn kém, duy nuôi chung trong nhà, khi dưới ván ngựa, hoặc nơi sau nhà bếp, nhà cầu, khi ngoài hàng ba chái tư, nuôi bằng cách nhốt gà trong bội, vừa gọn, ít choán chỗ, thêm rất tiện; muốn dời chỗ nào cũng dễ.

Cái giỏ lớn bằng tre trúc đan khéo để nhốt gà nòi ấy, trong Nam chúng tôi gọi là cái *lồng úp* hay *bội tre*.

Tôi thấy trong sách báo thì ngoài Bắc lại gọi đó là *cái lò*. Tôi có tra tự điển Đào Văn Tập lại thấy cất nghĩa “lò” là đồ đan hình vại để đựng hàng hóa. Tỷ dụ *một lò cau*.

Nơi miền Trung, lại thấy ghi trên Tập Võ Thú Y rằng giỏ ấy, người Trung gọi *cái oai*. Nhưng danh từ này, tôi cố tra nhiều tự điển mà không gặp.

Trở lại phong tục đi đá gà trong Nam, các tay gà thuở trước thường ngồi xe kiếng, trong xe, vài người ngồi ôm trum trum hay bồng trên tay một con gà, con lồng bội thì thế nào cũng

kiếm cách để úp trên mũi xe hay làm sao thì làm, nếu anh đánh xe không biết đem lật ngựa treo sau thùng xe thì họ giận và la lối còn hơn ai cắt cổ họ, vì với tánh dị đoan sẵn có, ấy là điềm bất tường : *thua lật gọng, thua chồng bỏ lật bội*. Sau này có ô tô mũi kiếng, họ càng thích vì đi được xa đường, thêm rộng rãi có chỗ xếp bội, (để trên mũi xe), thêm khỏe con gà. Nhưng gọng nhưt như đã nói rồi là cách các tay chơi gà vùng Sài Gòn cầm chum con kê miệt Hóc Môn, Bà Điểm: chỉ tốn mỗi con một khúc dây nhợ và đoạn tre làm nọc, gà của họ, toàn là *cù lự*, không mảnh mai và kén phở như các *cây chầy, lão mạo* Cao Lãnh hoặc Sóc Trăng!

ĐÁ GÀ VÀ TRƯỜNG GÀ

Đặt hai con gà nơi giữa trường, đặng so sánh cao thấp, nặng nhẹ, cựa đồng, chạn xứng hay không, các việc ấy, trong Nam chúng tôi gọi *cáp gà, cáp độ* gà.

Cũng công việc ấy, ngoài Bắc gọi là *ghép gà*.

Trong Nam, tính số tiền đậu lại để đặt cuộc thì gọi *làm số, kêu số*.

Còn trường gà trong này có hai thứ khác nhau chút ít:

a) Tùy địa phương, có xứ thì thích *đá trong bồ*. Bồ là một vòng tròn kết bằng lá buông, có cốt tre cho chắc, bề kính tâm có chỗ hai thước tây, chỗ khác rộng hơn đến ba thước là cùng, cao độ bốn tấc, năm tấc (0,40 đến 0 m 50), chung quanh có để ghé đầu hay xây bệ cây ví tròn làm chỗ ngồi. Giữa bồ, dưới đất nện láng trơn, có gạch sâu ba đường ráp thành chữ công "I" để làm mức lần cho đôi bên đặt gà của mình trước khi thả ra đá độ.

Làm cựa, làm số rồi, hai người cho nước gà ôm gà vào bồ,

ngồi chồm hồm đầu mặt nhau, ngay chiều chữ *công*. Khi lên nhang dâng hoàng, đong lon nước treo lên tử tế, ông chủ trường, là tướng quân giám trận, nghiêm nghị hô: *THÁ*. Được lệnh ấy, hai người cho nước gà, một tay nắm chòm lông cổ, một tay nắm đuôi gà, hai người có cử chỉ như *người máy y* hết nhau, đồng nhử nhử cho hai gà đầu mỏ ngó nhau, thấy nhau rồi đồng một lượt *thả gà* đúng như luật cổ truyền dạy là *buông tay ăn thua*. Tuy tục lệ là vậy, nhưng lúc trước, còn nhiều tay gian hùng quen theo thói cũ, mỗi lần thả gà, lại giả đồ làm như muốn cho gà thật thấy nhau rõ ràng, nên tiếp tay xô con gà mình tới trước cho đụng con gà đối thủ, rồi thừa dịp dùng ngón tay trở có móng chuốt nhọn hoắt (ám trợ) đâm lên bầu điều con gà kia; không ai thấy thì thôi, bằng có thấy và cần nhãn, sẽ khúm núm lột khăn xin lỗi như là lỡ tay chớ không có ý cố tình! Thật là *cờ gian bạc lận*, nhứt là *đấu kê thì gian trá, gian hùng không chỗ nói!!*, lời tục ví không sai.

b) Tuy chỗ khác lại không đá bồ, mặc cho hai con kê sau này say trận xê xích chút ít cũng châm chế, duy làm gì cũng có gạch lằn mức chữ *công* “I” để làm chuẩn thẳng khi ráp đá. Trường gà đây là một cuộc đất dọn thật kỹ, nện dẽ khắt, bằng phẳng còn hơn mặt ván gỗ, chung quanh có chỗ cũng sắp ghé ngổ, có chỗ *xinh xái*⁽¹⁾ không có ghé cũng không sao, (duy phải có một cái nóc che mưa che nắng các cha mới chịu). Đến khi xáp đá, thì cũng y thể lệ như trường gà có ví bồ. Có chỗ vẽ chữ *công* hơi *hượt* ra, lằn giữa dài thêm một chút “I”, làm như vậy

(1) Danh từ “xinh xái” người miền Nam mượn của giới Trung Hoa. Tôi có ý hỏi nhưng không ai biết viết chữ Hán hai chữ ấy ra sao.

Có lẽ là mượn trong bạch thoại chạng? Thú thật tôi vì dốt chữ Nho, nên không dám lên mặt tài khôn thấy đời, duy biết nghĩa của hai chữ ấy là “tha thứ”, “xí xóa”, “bỏ qua cho” v.v... Tỳ dụ: đi tắc xi, kim đồng hồ chỉ 11 đ 50, trả 11 đ miệng nói, “xinh xái nhè” rồi đi luôn hay vào tiệm khách mua món gì, trả bớt năm hào bảy cắc rồi nói “xinh xái mà!” thì cũng êm chuyện!

có ý tránh và ngừa ngón gian hùng xô gà và đâm gà địch bằng móng tay chuốt nhọn.

SO SÁNH THÚ CHƠI GÀ VỚI CÁC THÚ GIẢI TRÍ KHÁC VÀ THUẬT LẠI MÂY ĐỘ GÀ XUẤT SẮC TÔI ĐÃ TỪNG MẮT THẤY

Trước hết tôi xin nói vài lời về *thú chơi gà chọi*, hay nôm na dễ dãi như tôi quen nói theo giọng miền Nam của ông bà chúng tôi, là *thú đá gà*. Tục ví không lầm: *Trăm hay không bằng may độ*. Bởi càng ngày càng tách xa chính nghĩa câu tục ngữ ấy, nên người đời nay đá gà không cần *tài hay cá nhân* cũng không quan tâm đến *tài chiến đấu của con thần điêu*, và chỉ chú trọng nhiều về vận đỏ, như là ý y nhiều vào mãnh lực kim tiền. *Đa kim ngân* thì phần gác phần thắng nắm chắc trong tay: đá thua độ nào, qua độ kế cứ tung vãi quăng ra nữa, quăng bắt *phóng bắt tươi hột sen*, sau rút dẫu không toàn thắng, thì cũng vớt vát được mớ nhấm, và không hề hấn gì cả! Lâu ngày sanh chứng tật ý y coi rẻ một thú phong lưu cổ thời đáng được nâng cao vì thuần túy Việt Nam, như Tây Ban Nha có *đấu bò*, Anh quốc có *đua ngựa*, thêm đá gà không gì *thể thao* bằng. Dầu ăn dẫu thua, đá rồi một độ gà hay chơi trọn ngày, về nhà có kém gì môn bơi lội tại hồ, đánh vợt tại sân, tôi không kể một *thú* khác mệt không vừa thêm không dám rỉ hơi cùng má bù trễ là thú ăn trái ấm ngoài Nước Ngọt! Nào như buổi trước, tiền bạc kiếm không dễ gì, đồng bạc giá trị còn cao, đá một độ gà *coi trước coi sau* hao tâm hao lực không nhỏ? Tôi đã nói: châu xưa đá gà là một nghệ thuật, một nghệ thuật tinh vi như đánh cờ phân biệt có cao thấp, và tôi mạn phép ví với hai thứ bài cao siêu kén nghệ thuật như đời là bài *bài thín cầu* và *bài chim*, gọi “má tước” hay *mà chược* cũng thì hấn!

Chánh quyền nay không cho chơi bài *thín cầu* vì có người

dùng cây bài này đánh theo hai lối riêng gọi *bài cầu* và *ngầu hâm*, trong hai thứ ấy, người chơi *thử thời vận* nhiều hơn *đấu tài, đấu trí*. Bài chim cũng vậy: sau này có lệnh không cho chơi, vì phép bài đổi ra thêm thất quá nhiều “hoa” (bông), may rủi nhiều hơn cao thấp. Trước chỉ có bốn hoa:

Fá: hoa, được nó thì thêm điểm;

Yunn: nguyên, ráp bộ vận với một hạng bài để tăng điểm;

Hỷ: vui, như trên;

Hạp: hợp, nt

Lúc bài chim chơi với bốn hoa làm vậy, thì mới thấy tài cao hạ, rõ là một cuộc đấu trí, giải trí thanh cao. Lần lần, người chơi bày thêm bông hoa mãi, đến chót đến mười sáu cây hoa, bày nhiều thứ kỳ dị quá tối tân, như: bốn cây *tài wong* (đại vương) từ đệ nhất đến đệ tứ vương; chưa đủ, còn thêm hai cây “hoa” tai hại nhất là:

hoa Tổng Trưởng: quyền khuynh thiên hạ!

hoa Nguyên Tử: quyền tàn phá thế giới!

Không cần bài tốt xấu, đang chờ hay chưa, miễn hái hoa gặp cây *Tổng Trưởng* hay *Nguyên Tử* thì hạ bài hô *mình* (ăn bá vận), có chỗ cho phép người có một trong hai cây đó vét sạch túi những bốn người ngồi trong sòng, hỏi như thế mà không bị bắt bớ và không có lệnh cấm chơi sao được? Nhắc lại khi mới bày, nghe dường trong thời kỳ giặc Hồng Tú Toàn bên Trung Hoa, thì bài chim thật là một môn giải trí lành mạnh. Người chơi hiệp làm tay tư ngồi vây chung quanh một bàn vuông, tập lấy tay xoa bài rồi xếp thành hai lớp dài và vuông vắn, gọi *xây thành*, đoạn bắt cái và gấp bài về mình, mỗi người mười ba cây

(trừ phi chủ cái mười bốn, dặng lát nữa xuất bài ra), mỗi người dựng bài lên trước mặt *đã là một cái khoái*, vì cây bài rất khéo, làm nửa tre nửa xương trắng xinh, chạm bông vẽ chữ ngộ ngộ, cầm *đã* mát tay thêm nhìn không măn nhãn. Đó rồi, tùy nơi tài của mình một phần, phần khác tùy nơi *vận* hên xui chút ít, từ mười ba con bài rời rạc, toàn là *rác*, mình khéo đánh, khéo độ làm sao mà chuyển bài rời rạc ấy thành bài liền lạc, thế là mình được phép nuôi hy vọng: chờ *tới*, chờ *ăn tiền*. Mấy ai trong đời hoàn toàn hạnh phúc? Bài chim là bài làm cho người sầu khổ có chỗ an ủi chút nào; bài chim là bài làm cho người đắc chí bớt đi một gì là kiêu hãnh, (như lúc thua...); trời hời trời, không cho chơi bài chim, tôi thấy đường như mất đi một thứ gì không tốn tiền mấy mà có thể làm cho tôi bớt khổ... Chứ hiện nay, tôi không được chơi bài chim, mà đường lên thánh lên thần còn xa như cũ, ích gì???

Bài chim giải trí vô song. Nhưng cũng đánh mạnh không kém, cũng làm ồn không thua, cũng tiêu biểu cho *trí "trẻ con"* của người lớn, ham cái gì cho thật kêu, thật nổ lớn (pháo, tiếng vỗ tay...), thật giòn (keo, gân sụn, tiếng cười của mỹ nhân...), ấy là *bài thín cầu !!!*. Thật vậy: không ai từng biết chơi "nó" nay nhắc "nó" mà không mê không tiếc! Trừ phi ông Cò hay lính tráng bắt gặp "bất tử", hay có lệnh chánh quyền quá hăm he nên không dám, chớ ai ai đã biết "nó" vẫn còn ước ao gặp lại "nó" một ngày nào!!! Nếu ngày nay, cho phép *chơi cờ tướng*, và cờ tướng còn thêm được cho đánh công khai có nước cam ngọt giải lao, có treo giải thưởng và được đăng báo nhắc đời, thì tại sao không cho chơi luôn những nào *thín cầu thuần túy*, *bài chim chính cống*, và *đá gà theo lệ lối cổ truyền ???* Tiếc thay: bàn cờ và con cờ, nay còn là vì chúng nó tốt số, có quới nhân ủng hộ! Thảo nào cờ tướng không sống đời? Đồng thời, mỗi tuần nhứt, hội và trường đua đua ngựa *chơi thả cửa* thêm được

giúp xe “ô tô buýt” để các tay tuyết phích đi cho kịp thời đừng đánh sót độ nào! Ô hô! Còn ông tổ *Thín Cầu* và ông tổ *Bài Chim* ở đâu? Sao nữ không minh oan cho những thú phong lưu lành mạnh như chúng nó??? Hai ông tổ ơi! Đời đã khổ! Cho chúng tôi một chút gì vui vui cho đỡ khổ với nào!

Bài thín cầu, theo tôi, là một thứ bài *lạ đời nhứt trên thế gian* này. Ai đi đánh nó rồi một *vận*, một *chến*, ngày sau, tháng sau, năm sau, khi gặp nhau còn nhớ đủ mà nhắc đi nhắc lại, cãi vã với nhau mãi, không khác nước đi, nước chiếu trong bàn cờ tướng giữa các kỳ tử vua cờ. Tôi có thể nói không lầm là *mỗi bàn thín cầu đúng là một bài toán khoa học*. Và một đời người, nếu đánh thín cầu, thì sẽ không bao giờ gặp lại hai lần, những toán ấy, đủ hiểu thín cầu cao siêu và triết lý đến bực nào! Ấy! Nó hay là vì vậy! Và nhiều người còn hoài vọng nó, mặc dầu tuổi già, mặc dầu đau lưng, cũng là vì vậy! Ở đây, xin lỗi, tôi không dư công dư giờ làm quảng cáo ngu dại cho những thứ đồ bác có hại cho đồng bào. Nhưng để tìm hiểu những thú phong lưu cựu thời, tôi xin cất nghĩa cái hay của thín cầu cho những người chưa vọc nó: ai đã từng chơi *cắt tê trâu* thì mau biết chơi thín cầu lắm. (Cắt tê trâu là một thứ bài, ấ do tiếng *écarté, jeu d'écarté* của Pháp mà ta *thêm mắm thêm muối* cho nó trở nên một thứ giải trí hoàn toàn Việt Nam). Còn *thín cầu* là hai tiếng của người dân Quảng Đông dùng để gọi một thứ bài chơi “quốc túy” của họ trong ấy hai cây bài lớn nút và quan trọng hơn cả là: cây “*Thín*”: thiên: trời, và cây “*Cầu*”: cửu: chín (9 nút).

Chơi cắt tê trâu đã là một thú mê, đến các tay túc cầu ôm vận mạng nước nhà ra xứ ngoài biểu diễn mà còn lén chơi, không giữ sức khỏe, can ngăn thế mấy cũng bứt đi chớ không chừa tiết. Người chơi cắt tê trâu, sau này bước qua chơi thín cầu, sẽ mê nó bằng mười và sẽ không thích chơi cắt tê nữa! Mà đã là chơi bài Quảng, không hiểu tại sao, khi chơi lại ít ai dùng

giọng Nam mà gọi tên cây bài, và phải gọi nó ngay theo giọng Quảng mới thú vị cho, không khác khi ta ăn *mì khô* của Trung Quốc, thì phải nêm bằng giấm đỏ (hồng chu) của Tàu chứ không dùng chanh chua hoặc giấm ta bao giờ.

Mỗi khi chơi cắt tê trâu, ta lấy một bộ bài cào năm mươi hailá đem ra chia:

- Nếu chơi *bốn tay (tay tư)* thì mỗi tay có sáu lá, vị chi còn lại dưới trường: $52 - (6 \times 4) = 28$ lá bài trường;

- Nếu chơi *sáu tay (tay sáu)*, thì cũng còn lại:

$52 - (6 \times 6) = 16$ lá bài dưới trường. Và như vậy, (điều này quan trọng lắm), bài lên tay không đủ, tất nhiên về sau, bài toán chưa khoa học lắm, và còn một phần nào tùy sự may rủi vận mạng. Không như bài thín cầu: trọn bộ bài có cả thảy ba mươi hai lá, khi chia thì chia hết trọn ba mươi hai cây bài ấy cho bốn người chơi, mỗi người thủ tám câu, tức là trọn bộ đều lên tay hết, sau này cao thấp là tùy ở chỗ *doán bài* đã ra thứ nào, còn sót lại thứ nào chưa ra, v.v... Đến khi gần rớt một ván, bài toán *thắng hay bại* gom lại ở chỗ *ba tay con* chia nhau *đón bắt* cho được nước bài giấu của *lão chon* (tay cái) (ai bắt được thì người đó thắng, ăn cuộc, còn để cho cái nó thắng, nó *ca chon*, nó có quyền ăn đúp, ăn trip (bội nhị, bội tam) thì còn nước *chết cha cửa tử!* Bên cắt tê, phải bắt *mò chừng* khi trúng ít, khi trật nhiều, vì *cây bài giấu* chen trong bốn nước: hai đỏ (cơ, rô), hai đen (chuôn, phích); vì vậy tôi nói cắt tê không mấy khoa học, và chỉ chia nội hai nước *văn = màn*h và *uū, vō = mụ* ⁽¹⁾. Lại

(1) Nói thì nghe dễ ợt, nhưng vào sông mới biết dở hay! Lấy một tỷ dụ cụ thể là như tôi này giờ cắt nghĩa nghe "được đến", ai cũng tưởng tôi hay lắm, tẻ ra thuở nay, thú thật, từ biết chơi thín cầu đến giờ, *thua nhiều hơn thắng*, nhưng nếu cho phép chơi lại, mặc dầu sao, cũng chơi, cũng thua và cũng vui chịu!!! V.H.S.

thêm mỗi cây bài thín cầu, suy ra đều có ý nghĩa của nó, và cuộc chơi găm lại thì rất là cao siêu: mỗi ván là một bài toán *thiên văn* trong ấy, người chơi có thể nói là: *thế thiên hành đạo* (thay trời làm đạo) chớ không vừa.

Như đã nói, ba mươi hai cây bài thín cầu, chia ra có:

Số Bài văn = mệnh phải

Số Bài võ = mệnh trái

2 Thín = thiên ráp nhau với 2 Cầu = cứu, trở nên “xây thín cầu”

2 Tỳ (địa)... 2 Bạt (Bát), trở nên “xây tỳ bạt”

2 Dành (nhơn.... 2 Xách (Thất = bảy) trở nên “xây dành xách”

2 Ngò (nga, con ngỗng) - - 2 Ợng (Ngũ = năm) “xây ngò ợng”

2 Mùi phải (mùi là mai) (đủ cặp gọi “song mùi”)

2 Xường xám (song tam) (đủ cặp gọi là “túi xường xám” (túi là đôi)

2 Pẩn tãng (cây bài vẽ bốn nút) “túi pẩn tãng”

2 Pặc thầu (vẽ chín nút trắng) “túi pặc thầu” (đôi bạch đầu)

2 Hồng thầu (bốn đỏ, sáu trắng) “túi hồng thầu” (đôi hồng đầu)

2 Yêu lục (1 nút đỏ, 6 trắng) “túi yêu lục”

2 Yêu ợng (1 nút đỏ, 5 trắng) “túi yêu ợng”

1 Lục cứng “Lục công” (ông Sáu), cây bài này thuộc phe “văn” cũng như những cây mùi, xường xám, pẩn tãng...

1 cây “sám cấy” (phe võ) sám = ba; cấy = con gà con (kê tử).

Suy ra người chế ra bài thín cầu rất cao thâm. Trong ý vừa lấy đó làm cuộc giải trí, vừa dạy đạo lý, thiên văn; tỷ như:

- Thín = thiên là trời, thì “trời có chín tầng” (thín cầu) và tùy văn nhiều thì gọi *xám màn thín cầu* (2 thiên, 1 cứu), khi khác *vũ đa số* (1 thiên, 2 cứu) thì gọi *xám mục thín cầu*.

- Tỷ = địa, là đất, thì đất có tám cõi, tám lớp; và cũng tùy số bài, khi gọi *xám màn tỷ bát* hay *xám mục tỷ bát*.

- Dành = nhơn, là người, thì người có bảy tình v.v...

- Ngò = nga, con ngỗng trời, thì loài chim có năm đức, vân vân. Đầu đầu đều ăn khớp và có ý nghĩa rõ ràng. Trào phúng nhứt là ngụ ý ngạo đời trong bài toán cây *sám cây* và cây *lục cúng*. Trong bộ thín cầu, bài nào cũng có cặp, duy *lục cúng* đại diện phe đàn ông (Ông Sáu) và *sám cây* đại diện phe đàn bà (Cô Ba) là lẻ loi. Khi nào trên tay mình gặp đủ hai ông⁶⁷ và khi mình *xuất* hai cây ấy ra được, thì ba tay nọ chung tiền cho mình sốt dẻo, hình như đậu tiền mừng hai ông bà *sum họp* và *xuất hiện* phải thời, phải lúc. Bằng như đến lượt *chung*, *bắt*, người chung cây *sám cây*, mà *tới* thì ăn tiền sắp hai, bằng như bị người khác *bắt* thì bị đền tội chung gồm cho các tay kia, y như ngụ ý:

- Chung *sám cây* không bị bắt, các tay kia bị phạt tội *bắt lục* để cho con gà con: *cây chầy* hoành hành!

- Chung *sám cây* mà bị *lục cúng* bắt được, thì người cầm cây *sám cây* bị phạt, vì tội để cho cô Ba phải lột tay dê xồm Già Sáu!

- Nhưng ông Tổ thín cầu có tiếng là tánh tình rất dễ dãi, là vì cuộc chung bắt, nếu có nhân chứng là những cây bài khác *xia vào*, thì khỏi chuyện phạt vạ, vì đã có nhân chứng đó thì cuộc

sinh dị tâm kia tuyệt nhiên không có phạt và ai cho được? (Tỷ dụ như *lục cúng* bắt được *sám cây* rõ ràng, nhưng một người khác bắt *cây bài ụng*, thì ụng đây làm nhân chứng, nên miễn phạt. Hoặc giả như *lục cúng* bắt được *sám cây*, nhưng có người bắt *cây Thất* hay *cây Bát* thì cũng không có sự phạt và vì *lục cúng* thua hai *cây bài* kia và hai *cây* kia đã là nhân chứng đó!

Trong giới bài bạc, môn nào cũng có sự gian hùng: bông vụ, lúc lắc thì tráo hột (khi dịch thủ đồ thì dùng hột thiệt, đến lượt mình thì dùng hột có thêm chì, muốn mặt nào, hột ra mặt nấy; có bài cào, bài phé thì *cây bài* làm dấu sẵn trước, vân vân. Đánh bài chim, khi trước, tại chợ Sóc Trăng, có một người Quảng Đông tên Hòa, sau này chúng bạn biết *tài* nên đặt tên là *Phi Châu Hòa* (Phi Tẩu Hòa), ngụ ý người Hòa trong sòng bài chim, có mãnh lực phi thường, *giỏi bay giỏi chạy* trước hơn ai hết. Một bữa kia, hứng chí Hòa trở *tài* bí mật cho riêng tôi xem. Tay của Hòa *nhám* cho đến *đôi* *cây bài* chim lớn và dày đến bực ấy, nhưng Hòa có phép *ổ*, *giấu* nó dễ dàng trong lòng bàn tay, không ai thấy được. Ví bằng ai biết, nắm tay Hòa lật lên xem, thì tức khắc Hòa chuyển *gân làm phép* thế nào mà *cây bài* ấy biết *chạy trốn* qua bên kia, y như có treo dây rút, thật là *tài* tình. Khi tôi bảo Hòa làm *ciné au ralenti* diễn tẩn tuồng *chậm chậm* thử coi, thì rõ ràng *cây bài* trên tay Hòa, biết thu hình và xoay tròn theo ý muốn của Hòa và dính liền trên tay không khác có thoa keo vậy. Lại nữa, khi Hòa đánh ra một *cây bài*, thì Hòa làm thế nào mà cùng một lúc ấy, Hòa đã *thu hồi* về cho mình một *cây lựa* sẵn trên trường theo mắt Hòa đã *chăm trước*. Biết bay biết chạy giỏi như Hòa, ai ai cũng định trong trí rằng Hòa đánh *dâu* thắng đó. Thế mà trời bất dung gian, cái *tật* của Hòa vì *giỏi đoán trước*, biết *bài* của kẻ khác cầm trên tay, vừa thấy người đó *chờ* thì Hòa lật *đặt phỏng trước* nên chỉ ăn thua nhỏ

nhỏ, chỉ lượm lòng tong cá chột, đến khi người khác, đánh thật tình, một khi tới được thì tới lớn, đại toàn thịnh và ăn Hòa sạch túi, ăn tróc dít! Vậy mới là Thiên đạo chí công cho chó! Nghĩ cho trời đất sắp đặt như vậy cũng vừa, và có như vậy cho nên tay mơ vẫn dám ngồi sòng cùng tay tổ và có tổ đãi, cũng dám làm sạch túi các choa nhà nghề, báo hại lắm khi các choa lợi bộ đã đời, cũng như ai! Vui miệng nói thét lạc đề, nay xin trở lại thú đá gà.

Lúc tôi còn học trường tỉnh, không ai mê gà nòi bằng. Mê làm sao đến gần tột bực, thậm chí các tay chơi nghề đều biết mặt thẳng nhỏ ở đường Đại Ngãi và thầy đều lắc đầu thương hại cho tôi! Họ không thấy tôi đá độ nào, nhưng mỗi tuần họ vẫn kiếm tôi để mượn phê bình những độ cũ, vì tôi nói có kinh có truyện làm chứng. Sở dĩ tôi lậm vì gà nòi, cũng vì tôi bị truyện Tàu hành xác. Tính coi, sống đời này mà óc tri tôi gửi hết vào buổi Mạt Tùy sang Khai Đường. Bởi tôi sống chung không được với các hảo hán Ngõa Cang Trại, nên tôi đành dậm từ đồng từ các, đủ bảy đồng, mười đồng thì tôi sắm nào con ô Uất Trì mặt sắt, nào con Nhận La Thành thiện nghệ đòn hồi mã thương. Nhưng có lẽ đây cũng là tiền định, con gà tôi thích nhất, đến khi đi học Sài Gòn mới chịu xa nhau là con Xám tro Tôn Hùng Tín! Con gà này dở khệt, hay nói chí phải, từ nuôi đến chia tay, nó chưa đá độ nào, nhưng trong trí tôi lúc ấy lại định ninh nó là hồn Hùng Tín đầu thai, bởi tánh ưa che chở trong sân, thêm mặt mét mét không phải Hùng Tín thiệt thì ít nữa đó là Vương Hồng thị giả. Nhưng cũng may đời cho tôi, là còn biết: khi nào bài làm rồi hay học thuộc nằm lòng rồi, thì tôi mới ôm gà giỡn hớt. Dầu vậy thân phụ tôi không ưa ra mặt, ngặt vì thấy con học chẳng kém ai nên không nở rầy nhiều. Bằng đi một dạo, tôi lên học Sài Gòn và làm chúc ngôn giao hết gà nòi cho Cậu tôi trong làng Tài Sum. Kế tôi thi ra trường,

đi làm việc *ăn cơm Lục Tinh*, và mấy năm đổi về Sa Đéc tôi *hư* lại như cũ! Chúa nhựt nào tôi đều có mặt tại trường gà Đình Tân Qui. Cái làng này cũng ngộ: tự cổ chí kim, huê lợi cung cấp cho ông Thần làng là do tiền xâu của cái trường gà đặt dưới mái nhà sau của vị thần sở tại. Mấy năm tôi ở Sa Đéc, nóc đình hư nhiều (hư thiệt hay hư giả đây?) hương chức làm đơn xin tiền tu bổ, không biết *cha* nào bày cho ông Tham biện dạy làng tạm lập đờ trường gà cho đến khi nào có đủ tiền sửa chữa đình thần sẽ đẹp. Ông Tây tưởng vậy là khôn, không dè dā trúng kế những thằng dân đen ngu ngốc! Và từ ấy, chúng tôi đá gà *thả cửa* trước mui lão Cò già quạ quọ. Không ai đại mà làm số *ăn thua lớn* để bị quở, dẹp trường gà. Phúc bầm mỗi tuần lên quan, là chúng tôi chơi nho nhỏ, *không hại gì cho phong hóa*, nóc đình vẫn dột, tiền xâu thì chưa đủ... Chơi đi! Sướng quá!

Nay tôi xin kể lại những độ gà và những nơi đá gà tôi đã thấy tận mắt:

Tôi thanh minh một lần nữa rằng tôi không hề khoe mình thông thạo nghề chơi gà hơn ai. Nhưng cái *vây may* của tôi đã được dự kiến, tuy ít độ, nhưng độ nào cũng diễn hình, *nấy lừa*. Nhờ khéo giữ những số nhựt ký từ thuở nhỏ, nên nay xin thuật lại, không với ý tuyên dương một thói xấu lỗi thời, nhưng đối với khoa nhân chủng học, tôi nguyện ghi dấu một giai đoạn *mắt thấy* về mục *dấu kẻ đặc chủng truyện ký* từ năm 1924 đến năm 1938 gần đây.

1924: Năm ấy, vì *học ăn chơi* mà, với hai mươi tuổi đầu, da mặt tôi xanh lè xanh lét... Dượng tôi đã tặc lưỡi than: “Thằng S. mình đặt tên cho nó, lót chữ *Hồng*, chớ chi biết vậy, cho nó chữ *Tái* có khi trúng hơn chăng?”

Lê Phục sinh, nghỉ được hai ngày rưỡi, chiều thứ bảy, anh

em Trường Máy (nay là trường Cao Thắng) và dinh Thượng Thơ rủ nhau thuê xe ông Phán Qu. xuống Rạch Gầm coi đá gà. Xe ông Phán cho mượn giá rất biết điều, cứ tính mỗi cây số ngàn là một cắc bạc, ai muốn chạy đâu thì chạy, miễn xăng nhất mình chịu, ông theo chơi cũng thú, và mỗi lít xăng lúc đó chỉ độ hai cắc tư, hai cắc rưỡi là cùng. Tháng nào anh em cũng sạch túi, nhứt là tôi, hết đi săn nai rừng Biên Hòa, thì đi ăn nem với mì trên Thủ Đức, không tắm suối Xuân Trường thì đi Mỹ ⁽¹⁾ ăn mì; quên nói, lúc đó trong xứ yên tịnh, lấy đêm làm ngày, muốn đi đâu cũng chờ ban đêm cho thêm mát mẻ. Chiều ấy chúng tôi đã có mặt tại Sầm Giang (Rạch Gầm), nhưng đầu hôm, mấy anh biết đờn ngựa nghê, còn bày trở lại Mỹ Tho tìm ca nhi. Rạch Gầm là xứ người tài tử. Biết đàn kìm, ai cũng hiểu dây Tố Lan tự dây bày trước. Khê, Trạch sanh ở nơi này, và nơi này cũng là chỗ nhau rún và nơi phát tích quan Tả Quân Lê Văn Duyệt. Năm 1924, tiếng đồn ở đây có cô Sáu Ngọc ca độc chiếc không ai bì, nhưng chúng tôi không gặp mặt. Đêm sau, tôi chưa nhật, chúng tôi hân hạnh được nghe giọng cô Tư Bốn hát chấp điệu pha phách, nghệ thuật già dặn xứng danh là hạng thầy giới hát bội, cùng với cô Năm Chung, đều từ trần, đến nay chưa có người nào đứng tới mắt cá hai cô. Riêng giới đấu kê, ở đây cũng hơn miền lục tỉnh. Ông chủ trường gà, danh gọi ông chủ Trước có bày lệ sẵn. Che gà ở xa mới đến, phải sai người báo danh và số chiến kê; sẽ tùy theo số gà mà đối đãi:

- Ghe ít gà, thì chủ ghe tùy tiện, lên nhà xin nước ngọt và chút ít vật cần dùng tha hồ;

- Ghe mười trống được chủ nhà sai cân thịt, cá đem tận ghe tự mình nấu nướng lấy;

(1) Mỹ: Mỹ Tho

- *Ghe trên hai mươi trống*, thì đặc biệt có cá thịt dâ dành, thêm chủ thuyền được rước lên nhà, ăn cơm chú, mỗi ngày nấu bát trân, uống khai vị Martell-Perrier, nằm giường Hồng Kông, và nếu là bạn của Phù Dung, thì mặc tình đi máy về khói! Từ ngày khai trường đến hôm đóng cửa, mỗi bữa luân phiên ngả bò tơ và quay heo sữa, tiệc yến linh đình còn hơn đám hội. Ban đầu tôi tưởng do hảo tâm, sau mới biết ông Mạnh Thường Quân này thật là tay đao để. Ông biết dư dêm hôm tịch mạch giữa một cô thôn, sao tránh được nỗi buồn của người tử chiến. Ông bày nhiều trò giải muộn: khi thì đờn ca (lúc ấy cái lương vừa ra đời), khi lại nói thơ *có ra bộ* (nguồn gốc hát cải lương), khi nói tuồng (hát bội chập). Những khi trong nhà có các ông bá hộ túc Nho, ông bày kể Tam Quốc. Đêm thứ bảy, bài đờn ca sớm, các ông thượng khách nằm vây bàn đèn nghe một ông Cai quê ở Trà Vinh (dường như đây là cố tiên sinh Thái Hữu V. nhưng tôi không quả quyết lắm). Tôi nằm ghé ván nhì, nín thở nghe ông nhắc lại đoạn *Gia Cát Lượng thiết chiến quân nho*, ông ngồi xếp bằng, tay vuốt râu bạc, chậm rãi ông nói có lớp lang thứ tự duyên dáng vô cùng. Mỗi nhân vật: Trương Chiêu, Lục Tích, ông thuộc nằm lòng từ câu nói; trước ông kể câu ấy bằng Hán văn, đọc lên có hẳn chấn êm tai, sau ông ngọt ngào dịch nôm, kể nữa ông thay lời Khổng Minh trả lời xuôi rọt, thật là ngọt lịm và linh động không tả được, khách bàn quan gồm nhiều tay văn vật, nằm im thín thít, ai ai cũng phục tài, còn khói nói, riêng tôi, tôi chỉ ước ao được xách giày, miễn ông truyền nghề, thì ắt mai sau khỏi lo nhịn đói!... Nhưng dần dần hay, hát dần giỏi, kể truyện dần tài cách mấy, diễn mãi, cũng nhàm chán. Mạnh Thường Quân của ta thâm ý ở chỗ đó, và đợi khách tỏ vẻ hết muốn nghe, ông bèn mời mọc xè qua ván kế nhà trong, đã sẵn một sòng me lớn hay một chiếu bài mặc tình sát phạt. Ô hay! Gặp đời thái bình, dư tiền dư của, ban ngày họ đá gà chém nhau bằng cự còn chưa đủ, phải đợi đến tối qua trận giỡn tiền,

họ đem hết binh thư chiến lược ra làm cho đổ máu dồ mù nhau thêm họ mới vừa lòng! Và ai đấy? Xin thưa đó là các người có máu mặt thời 1924 vậy! Và lại các tay ngồi sòng đều bực *hố kha*, dẫu sạt nghiệp, cũng không một tiếng than, tiền xâu tiền hồ, kình nhau ném vung xem ai vãi sượng! Mạnh Thường Quân của ta nghĩ có đại đâu, và mì cháo, thịt heo tươi phân phát nào có nghĩa gì? Hôm ấy, chính ông mặc áo nút ngọc thạch, râu trắng, kính gọng vàng, để móng tay dài, chẳng là ông nhà giàu số một xứ Gò Công, ông Hàm Khiêm, còn vị mặc tussor nói cười giòn giã là cậu Lâm Quang Vĩnh đi Tây mới về, ông đeo kính gọng nickel, bộ tịch “thầy thuốc Bắc” là bác Nguyễn T.Th. chủ bút Nam Trung nhật báo, v.v... Và có khi để tranh thủ với thời gian, họ đem gà ra cáp giữa ban đêm, làm sổ sách sẵn, sáng ngày cứ theo thứ tự đem gà ra đá, cho nên mỗi ngày đếm trên sáu bảy độ là thường. Bữa chúa nhật 20-4-1924 đá sáu độ. Tôi “ké” cả thầy bốn độ, ăn một thua ba:

- Độ đầu thua sáu đồng bạc (6\$00).
- Độ nhì, ăn 11 đ
- Độ ba thua 5 đ
- Độ tư thua 8 đ

Tính bổ đồng, rốt cuộc tôi thâm vốn 8 đồng, nhưng vui nhộn...

Một tháng sau, có tin trường gà Rạch Gầm đẹp, chủ trường bị kêu án tù, mặc dầu chạy chọt, tốn tiền trạng sư không kể, đáng kể là viên lục sự Tây có máu cờ bạc, ông Durban, vận động đến bên Pháp nhưng không được gì. (Ông D. này, nuôi ngựa đua, ham đá gà. Trại gà của ông lợp thiếc Cao Bằng đẹp nhất, nhưng gà ông đều thua ráo, vì rõ lại^(*) nóc thiếc quá nóng,

(*) lại : đúng ra phải là tại (Bt)

nên gà bỏ hơi, sau ông dẹp, thay nóc lá. Ông tuyền gà bằng cách mua lên những con ăn độ ông thấy trước mắt. Về sau, ông đổi lên Sài gòn, làm lớn, công danh như điều gặp gió, ngờ đâu ông thâm thùng bạc công, đến đem xử đại hình, và sạt nghiệp!).

1932. Năm này tôi làm việc tại tòa bố Sa Đéc, trong nha thơ thời, vì năm rồi tôi lãnh được một phần gia tài của một ân nhân, bà Phủ An, để lại. Tội dạn ăn chơi hơi và hết sợ dị nghị. Trong năm, tôi viếng hai trường gà, cái nào cũng có vẻ đặc sắc riêng, tôi dám nói là “có một không hai”:

TRƯỜNG GÀ XÀ NO- Chúa nhựt, 21 tháng hai dl. 1932, tôi và anh em toà bố tháp tùng xe anh ký Khôn về Cần Thơ, luôn dịp lên Xà No đá gà nơi trường của ông Lê Thọ T... Về qui mô và trật tự, trường gà này còn đồ sộ hơn trường năm 1924 tại Rạch Gầm nữa. Chủ trường là một tay thạo đời, giao thiệp rất rộng, cò bót biết tiếng ông xưa làm thông ngôn Pháp đình, nên kể như “bô”. Bình sanh ông rất hào hiệp, xem tiền bạc như nước, ăn ở rất ngọt, nên càng được sự ủng hộ kín đáo của đám em út. Ghe thuyền đậu có nơi, mỗi tỉnh đem gà đến đều chiếm mỗi khu riêng biệt, và mỗi nơi đều có sân cỏ tươi xanh để thả quần nhiều gà một lượt, không sợ đụng chạm. Còn xung quanh trường thì la liệt quán xá bán mì cháo, rượu và đồ dần bụng xem còn náo nhiệt hơn một buổi chợ phiên các tỉnh nhỏ; và từ sáng đến tối, chỉ nghe tiếng ồn ào bọn đá hàng xáo xen với tiếng máy hát (lúc ấy chưa có radio). Chánh quyền dường như nhắm mắt, gần cho phép chơi công khai.

Trọn ngày 21, tôi chứng kiến đủ năm độ:

- Độ gà xám khai trương, tôi thua 10 đồng;
- Độ gà chơm xanh, tôi lại thua 20đ. nữa;
- Độ gà anh Tám Kỳ, đem từ Sa Đéc qua, tôi ké theo thua

8 đ;

- Độ gà xám của anh Tám Kỳ, tôi thua 70đ.;
- Độ gà điều của Mười Biểu, tôi đã hết tiền nên không dự.

Trong năm độ, có hai độ chót là lạ lùng nhưt, tôi xin thuật kỹ để nghe chơi:

ĐỘ GÀ XÁM TÁM KỶ: Từ sớm đến giờ đó, tính ra tôi theo ba độ, thua đủ ba, nhót túi hết $10 + 20 + 8 = 38$ đ, nên tính gỡ. Sờ dĩ tôi theo anh em đi đá gà hôm nay, một lẽ vì ham *thoát gia đình*, ném mùi Cần Thơ một chuyên, lẽ khác là nắm chắc trong tay, cuộc viễn du này không tốn tiền, vì ý y tài con xám của anh Tám, anh cho hay đã cầm cố vuông nhà lấy một ngàn bạc để nhưt quyết *xe lạng* (đá trút túi) vào con này, nên tội gì mình không *xe lạng* theo ành? Nhưng sờ túi, *anh Hai đã vắng* (hết tiền). Nhớ lại, đêm rồi, lớp mượn phòng, lớp cơm Tây, lớp em Hai, lớp *tặng* em để lên mặt *công tử phong lưu*, lớp thua ba *chén thín cầu*, lớp vừa thua ba độ gà, đếm đi đếm lại chỉ còn hai chục *tỳ*, đành hỏi mượn anh Hai Khôn, ành đưa năm chục, gộp hết xin biên số *S. đá bảy chục đồng* - (70 \$). Bụng muốn *chêm* thêm nữa để dư dả đem về *chung sơ* với vợ nhà, nhưng rồi lại thôi, vì hỏi mượn bạn lạ còn gì sĩ diện. Gà xám Tám Kỳ làm cựa chưa xong, nên chưa đem vô trường. Trong khi ấy, con gà *Nhạn Long Xuyên* cựa làm rồi nên được thả vào trước, quần chún quần căng. Mẹ ôi! Nhạn, mày đẹp quá! Ban này, mình không để ý, thêm chủ nó cố tình che đậy, nên mình không thấy rõ cặp *quần* gà này. Nay lau sạch lớp nghệ dày, con Nhạn đứng túc con, bày hai chún vẩy trắng phau thêm viên da đỏ tươi như sơn Tàu xem thật quý tương. Chừng tôi liếc thấy cặp cựa lại càng hết hồn thêm nữa, vì rõ là cặp siêu đao nhà nghề của tay thiện chiến. Đang trầm trở cái *phụng vĩ* con Nhạn Long Xuyên, thì con Xám Sa Đéc được bông vô; vừa đến trường, thả xuống.

Xám ta thấy gà địch, ngọc đầu lên cao, liếc cặp mắt sao, miệng kêu *Cà tót! Cà tót!* Ó hay, rõ là kỳ *phùng địch thủ, tướng ngô lương tài*. Không bên nào kém bên nào, mình cũng vững lòng thêm một mớ. Trong trường nín lặng, nhang nước được tuần dò lại một lần chót, rồi nhang lên, nước múc, chủ trường tăng háng lấy giọng, kể hô to “Thả gà!” Trời ôi! Tội lều quá? Mảng giàn trò nói kéo dài cho đầy đủ chớ độ gà không đến một phút, sáu chục giây không hơn không kém! Hai gà so vảy, đứng thủ thế, hai chum rùn xuống lấy bộ, hai đầu sát mặt đất, hai cặp mắt thôi miên nhau, như hai tướng dữ ngoài trận tiền. Xám Sa Đéc mãi tìm chỗ hở, chưa chi Nhạn Long Xuyên xạ trước. Xám hứng đòn, hai con chum rớt xuống đất, lại xạ nữa. Xám Sa Đéc cả thấy là bốn đòn, chưa làm được gì... mà thân đã bị ghim hai cựa, mà cựa nào cũng là *cựa tử*. Nhạn Long Xuyên hay quá! Trong *xạ nhi*: Nhạn đâm Xám vào nách non một cựa thấu phổi. Xám vừa soi vảy địch, vừa bị máu trào lên họng nghẹt thở, nên *khẹt khẹt* hai tiếng nhỏ, mỗi lần rảy một chút máu tươi điểm sân đất vừa dạng dóm. Đòn xạ thứ ba, Xám đỡ nổi, qua đòn thứ tư, cựa Nhạn đâm trúng gần chỗ *Giao long* (tức khớp xương trên đầu), tuy chưa thấu óc và tuy Xám không chết liền tại chỗ, nhưng mũi thương này đủ làm tê liệt đầu cổ, Xám đau đớn quá chịu không thấu, vụt bỏ chạy khan. Hai bên vào ôm gà coi lại rồi một độ, - chưa tàn diếu thuốc, con Nhạn tươi rói như lúc chưa ra trận, còn tội nghiệp con Xám, máu miệng nhều, đầu cổ thâm đen thấy thảm thương. Thôi rồi còn gì bầy chục bạc của tôi, mà nào có nghĩa gì đối với bạc ngàn anh em chung dậu từ Sa Đéc và mối hy vọng nuôi nấng tràn trề mấy tuần nay tại tỉnh nhà? Rồi phải vậy mà hết chuyện hay sao? Anh em xem giờ quá Ngọ, tiền thì hết, gà thua tức tối, thêm trống bụng reo vang, bèn kéo ra quán bên hè bảo dọn cơm ăn sơ ba hột. Cơm chưa dọn, kể nghe tiếng ồn ào, chạy ra thăm tin tức thì trời đất ôi! Con Xám ban này bị thích hai cựa chí tử, nay tỉnh hồn đang cầm gan cho

mấy năm ế độ tan ra gió trường Xà No, bỗng có con gà nhà ai dám léo hánh gần bên bội chọc tức, Xám giận tức bội nhảy ra nắm đầu gà nọ *tốc* một cái, gà kia giãy đành đạch chờ chết! Sương chưa? Sao hôi này mà không làm một cái như vậy giùm tao với con Nhạn Long Xuyên? Sương chưa? Rồi tiền đâu chủ mà đền mạng cho người ta bây giờ? Năn nỉ ỷ ôi cách mấy cũng không được. Một hai chủ gà chết oan đòi bắt con Xám thế mạng. Còn đảng này nhứt quyết anh Tám Kỳ đòi đem Xám về đồ trống... Mãi giằng quay xay lúa, tôi đứng nhai bánh mì không, đủ no, may sao chủ trường biết điều, chen ra giải hòa, xú cho anh Tám ôm gà về, còn đảng kia, muốn bao nhiêu, ông sẵn lòng gánh chịu. Nói vậy thì con Xám lát nữa sẽ theo anh em chúng tôi về Sa Đéc, làm nghề mới: *dạp mái* cho chủ lấy giống! Mà biết gà có qua khỏi vết thương thấu phổi kia chẳng? Nghĩ mà thương anh Tám, chủ gà như vậy mới thật chu đáo, biết xét công gà hơn ai: tiền cầm cố nhà cửa, vì Xám thua sạch mà không giận Xám! Về đây, vợ réo con la, mà không lo, để lo sấm hầu non vợ béo cho con Xám an hưởng ngày tàn sau cơn chiến bại! Người mê gà đâu có lạ đời như anh!

Xét độ gà Xám, thua là tại phe Sa Đéc quá cậy tài gà nhà, quên rằng gà ấy đem lên đem xuống trường Xà No đã mấy bận thì cái danh *Ế độ* của nó ai lại không biết, nay có người dám đưa gà ra nghinh chiến hay nhận thách, thì ít nữa gà của họ phải bực nào họ mới dám chớ? Ô hay! Lẽ thường khinh địch là thua chắc vậy. Cái câu *Biết mình biết ta* của Tôn Võ Tử chớ nên khinh thường!

Cơm nước no nê, bụng nặng nặng mà túi nhẹ re, tôi đành trở vô trường gà chờ xe anh Hai Khôn đến đưa về nhà. Để giết thì giờ, không gì hơn là ngồi xem một độ gà xế trưa giải muộn. Tương xem chơi qua buổi, ngờ đâu lại mục kiến một độ gà hy hữu, bao nhiêu ấy đủ đến bù số bạc tung ra trong hai bữa rày.

Theo tôi, đây là một độ gà điển hình mà tôi từng quan sát kỹ từ đầu chí cuối: Làm số hai ngàn đồng.

Gà điều đá Gà Ô. Hai con đều hay, trò tài xem sướng mắt. Gân dứt nước nhì, Ô hò chạy, miệng tuy chưa la, nhưng quýnh quý, dợm nhảy bỏ Ô phóng mình lên, ngật nổi lớp đầu người của nhóm hàng xáo đen nghệt không chỗ trống, gà bay không đủ sức cao, đành rơi xuống... Lúc rơi, khiến sao một chun Ô lại mắc kẹt vào vách bờ, ác nghiệt như là chiếc cựa thêm đâm sâu vào kê nẹp tre dính cứng không sao rút ra. Con điều rượt con Ô đến đó thấy Ô vướng trên cao, không phương với đánh, bèn đứng dưới chực sẵn. Ngờ đâu ông Tô gà bữa ấy chơi trác bèn gà thắng, con điều. Lúc Ô vùng vẫy thì với chiếc cựa còn lại không vướng bờ, Ô múa loạn đả lung tung, không ý gì khác hơn làm như vậy họa may chun kia sút, dễ tìm đường thoát thân. Đâu dè điều đến giờ tận số: điều xáp lại gần bờ, góc đầu lên nhìn trôn trôn con Ô, mải ngó chăm chỉ quên phứt mũi cựa chuốt bén của Ô đang hý hoáy, điều nhè ngay đó mà đưa yết hầu mình vào. Ô loay hoay thế nào, một ngọn cựa vô tình thọc ngay bản họng con điều và rọc một cái thật mạnh, khiến con điều, thắng chưa kịp mừng, bỗng nằm giãy giụa dưới chơn gà thua, con Ô, cái mới tức tối cho chớ! Lạ lùng chưa? Hai bên chủ gà mặc sức la lối om sòm, nhưng mạnh ai nấy la, nào ai nghe được giống gì. Ké nước dứt... Hai bên lật dật bỗng gà ra sữa, trường gà náo nhiệt đến tột bực. Bên Ô nhảy nhót cảm ơn Bà Cậu lảng xãng. Bên điều ai ai cũng méo mặt không bằng ngón tay tréo: con điều mềm xèo trên tay, còn sữa nổi gì cho được? Hết nước sữa, chủ trường lên nhang mới và múc lon nước Ba. Ôm gà vô thả. Con Ô linh tánh thấy con điều nằm, biết rằng đã chết, bỗng nhiên hết sợ, dẹp chuyện thua chạy, và cứ đầu con điều cắn, đá. Điều không cục cựa. Thế là phán độ: điều thua, Ô thắng. Bồng gà ra,

chồng tiên độ: bên Ô mừng như có người trong thân *chết đi sống lại*. Bên điều, chủ gà đứng giữa trường với xác con điều trên tay, nghẹn ngào nói không ra tiếng, lờ khóc, lờ cười, tức giận tràn hông: gà thua, tiền kẻ như bỏ túi không dè túi lủng, xui đâu xui đến bực này!

Tàn độ gà kỳ cục, cũng đến giờ thôi đá, anh em ùn ùn kéo qua sân banh xem trận túc cầu giữa Sa Đéc và Cần Thơ. Nhưng hồn ở đó mà trí vẫn đâu đâu, anh em nhao nhao bàn tán không ngớt. Kẻ nói: *chủ gà Ô có có hồn độ mạng*. Người khác nói: *Nó có ông Thần Tài giữ của*. Kẻ khác bàn: “Hay là chủ gà Điều ác đức, nên ông Tổ có mắt không tha”.

Bàn bàn luận luận không thôi, kết cuộc ai nấy đều lấy làm lạ cho một độ gà *chuyển bại thành thắng*, vì sự bất ngờ. Có kẻ đổ thừa chê trường gà này làm bồ làm vi bằng lá, nên mới xảy ra sự *kỳ cục* như trên: *thua làng nhách!* Biết vậy, họ chêm thêm, *thà đá mức thép chữ Công mà không có cái nạn gà thua bị kẹt cựa, đâm gà thắng chết ngay cán cuộc!!!*

Coi đá banh rồi lên xe về Sa Đéc, tám giờ tối xe đưa về tới nhà; tôi ních một tô cơm nguội ngon lành, kể chun vô mừng, quên cả mì cháo.

TRƯỜNG GÀ HY HỮU TRONG DINH TOÀN QUYỀN PHÁP: Cũng năm 1932, vừa nghi được ít lâu, đến *chúa nhật lễ lá* (dimanche des rameaux) (20 Mars 1932) tôi bậc rạc đối quan trên, xin phép lên Sài Gòn có việc, mà kỳ thật là lên đi đá gà! Mà không đi sao được, vì biết đời nào được đá gà công khai nơi chỗ này, tôi muốn nói *dinh Toàn Quyền*, tức là *Phủ Tổng Thống* ngày nay! Để thỏa mãn tánh hiếu kỳ của khách chơi kén chọn, năm ấy, ông Huyện Cửa, hội trưởng các hội phước thiện danh gọi chung là AMAS, có sáng kiến xin *mượn* sân có dinh Toàn

Quyền mà bày chợ phiên, viện cố làm như vậy đỡ tốn sở phí rào giậu, may ra dư nhiều thì các hội có thêm tiền làm việc phước. Trong chương trình có nghĩ đến mọi cuộc vui, dạ yến, khiêu vũ, tài xiu, nhứt là gà đá tự do, và đánh võ đài. Các tay gà tứ xứ đọc báo, náo nức từ tháng nay và đã tề tựu gần đủ mặt không khác buổi Giang Đô khảo võ đời Đường. Tăng sáng chúa nhứt, tôi thả mấy vòng chợ Bến Thành đã mỗi tề cặp giò, đợi mười một giờ, mua giấy vào dinh Toàn Quyền, hưởng cái thú lập dị ăn cơm trong vòng rào vị chúa tể thời đó, *tiểu tiện* và đá gà trong chỗ kín cổng cao tường mà thuở nay mình đi ngang không dám ngó vào! Trời đá quá ngộ, mà sao người mộ điệu lẻ tẻ, mình cũng lầy lẹm sao không thấy một tay chiếng nào. Nhưng thôi đã đến đây thì cứ biết ăn chơi, đừng tìm hiểu *tha cầu biệt sự*! Độ nhứt, ghi sổ mình đá hai chục đồng. Kiếm ghế vừa ngồi chưa nóng đít, bỗng thấy một thằng biện Tây lù lù đi lại, trên tay cầm một gân bò dậu oặt. Rồi thằng thứ hai, da đen. Kế thằng thứ ba, bụng tròn như thùng nước lèo! Kế thằng thứ tư, rồi thứ năm. Mẹ ôi! Chúng nó muốn gì đây cà? Vụt chóc, một thằng, có lẽ là đoàn trưởng, la lên: "*Ce n' est pas autorisé! Arrêtez les!*" (Không cho phép chơi! Hãy bắt chúng nó.) Tôi không đợi nghe hết câu, vừa dứt tiếng "*autorisé*", thì tôi đã nháy thót một cái *rột* khỏi vòng, tôi đi luôn một hơi ra cửa, nói *chạy* có lẽ đúng hơn, thoát khỏi dinh Toàn Quyền rồi mới yên tâm, định trong bụng trời còn sớm mà về nhà mình ở đậu thì chi cho khỏi chúng bạn cười, bèn chun tót vào sân đá banh, ngồi xem một trận túc cầu vô vị. Tôi nói *chữ trong bụng* dù nghe, vừa tức giận, vừa ngao ngán: *Đ.m., mất hai chục, không túc! Túc sao nói cho chơi mà còn đánh roi gân bò.* Trận cầu mới nửa chừng, bỗng thấy có người đứng dưới giàn, vừa ngoắt vừa ra dấu bảo xuống nói chuyện. Nhìn kỹ đó là anh Lương Cư Cường, cố giao, khi nay làm biện biên sổ gà, chức nghiệp trợ

bút từ Đuốc Nhà Nam của Dương Ba Dương Văn Giáo! Cường trả hai chục bạc, cất nghĩa “trường gà có sự trực trặc, vì sao giờ chót có hội bảo trợ súc vật (société de protection des animaux) can thiệp với chính quyền xin cấm đá gà, cho rằng dã man. Nay ông Huyện đã điều đình xong với nhà chức trách, êm rồi, mời mai lại chơi.” Tôi mừng quá, thộp hai chục bạc bỏ túi, hẹn cầm hừng, rồi giấu nhem ngót ba chục năm, nín luôn cho đến nay mới khai ra.

1938. Qua năm này, ngày chúa nhật 27 tháng hai dl., tôi còn đáo lại Sa Đéc dự kermesse, đá gà ăn một độ mười đồng, đủ tiền xe khứ hồi Sóc Trăng-Sa Đéc.

Tôi nêu ra đây những chuyện vặt vãnh, không sợ người trách mình ba hoa, vì thâm ý muốn cho thấy mấy chục năm về trước, đời sống dễ dãi, vạn vật rẻ rẻ và tiền bạc không nhiều, không rời rộng như đời bây giờ. Tóm lại, thuở ấy, Sa Đéc, Long Xuyên, Chợ Mới, Rạch Giá, Sóc Trăng, Kế Sách, dẫu dẫu cũng có lập trường gà, nhưng không chỗ nào bị được trường gà Rạch Gầm, lối 1923-1924 và trường gà Xà No nơi sau này vẫn tiếp tục đá let xet cho đến năm đảo chánh 1945 mới dẹp.

Mấy độ gà tôi vừa kể cũng chưa hết sự lạ sự hay. Nhưng hơi dẫu mà nói! Đại khái còn nào là:

1) Gà thắng, ế độ, về sau đem về phải trá hình xấu xí, nhìn không ra, để gạt lớp tay mơ;

2) Gà ăn độ, gọi chỗ khác nuôi cho lạc dẫu;

3) Gà thua, gà niên, gọi nuôi, o bế lại, chừng tốt mã, sẽ ôm con gà thắng độ giả hình tèm lem đến cấp.

Người nào ham bắt bên gà tốt, sẽ thua ngay (tốt mã rã đám).

4) Cũng có khi nhờ nuôi kỹ, gà thua sung sức, đá ăn gà thắng nó khi xưa, cũng không chừng. (phản độ)

5) Gà thắng độ, nhuộm lông, từ điều thành ô, từ nhận thành đốm, bông lau, không nhìn được;

6) Gà thua, gởi chủ trường nuôi, nếu lão chủ trường a ý với bọm chủ gà, thì chết choa mấy thằng hớp tớp!

KẾT LUẬN: Tôi viết quá dài dòng, quý vị xem ắt mệt, mà đâu cần đề. *Thú chơi gà chơi*, không biết bàn đến bao lâu cho thấu đáo. Cũng khó tránh sự sơ sót, nhưt là có nhiều chỗ lặp đi lặp lại, thà chịu tiếng hàm hồ lẫn thẩn, còn hơn vấn tấ đến không ai hiểu mình. Mà bí quyết nhà nghề của hạng chơi gà, khi người ấy là Việt Nam, thì dễ gì khám phá?

Sách chép đời Trần, nghề đá gà đã đi đến mức cao, bọm điểm dàng gian lận, không phải là không có. Trong bài hịch Hưng Đạo Vương răn tướng sĩ, đã có những câu điển hình:

“....

“....

“*Hết cò bạc, vui chơi gà chơi,*

“*Thôi rượu chè, lại mãi hát hay.*

Xa thêm một đỗi:

“*Cựa gà sắc khôn dâm giáp giặc,*

“*Mẹ bạc gian khó đạt mưu quân.*

(bản dịch Phan Kế Bính)

Cứ theo tác giả Nguyễn Triệu Luật, trong tập ngoại sử thuộc về Chúa Trịnh Khải (Xuất bản Bốn Phương, 1954), thì: vì phụ vương là Trịnh Sâm không ưa và luôn luôn nghi kỵ, nên

Khải đã mượn sân chơi gà làm nơi hội hiệp với mưu sĩ, bộ hạ, mà bàn luận mưu đồ đại sự. Trong tác phẩm này, có ghi tên các con gà nòi của chúa Khải rất kêu:

- Con Ó Mã Nhi
- Độc Long (hay là gà này dui một mắt?)
- Độc Cước (gãy mất một cựa)
- Hoa Mơ
- Chiến Tam Anh (nhớ đến chàng Lữ Bố)
- Nhất Dạ Thắng

và nghe ngộ ngộ lạ tai, là con gà của Vĩnh Vô. (Tuởng Vĩnh Vô là gì, té ra đó là tiếng lái “Bồ” (chồng của người vú nuôi) biến thành “Vô”).

Bình là biệt hiệu “xấu háy” của Khải, vì Khải, lúc ấu thơ, hay làm xấu trong quần. Bình biến thành *Vĩnh*.

Vô Vĩnh, nói lái, nội lộn ngược, là *Vĩnh Vô*, ngộ chưa?

Cũng do quyển ấy, thầy dạy học của Khải là Hân quận công Nguyễn Phương Đĩnh, chức đến A Bảo, sống lối năm 1780 (niên hiệu Cảnh Hưng thứ 41), cũng thích chơi gà.

Vào đời Hậu Lê, trong Nam loạn lạc. Thiếu thời, Tả quân Lê Văn Duyệt ở Rạch Gầm, có tiếng là cấp gà mười độ không thua độ nào.

Mấy năm còn Pháp, mặc dù cấm ngặt, nhưng chỉ cấm trong giấy tờ. Đồng quê, dân lén lút chơi, ở trên nhắm mắt.

Thầy thông, thầy ký, một ông Phủ quá cố thanh bạch, lúc làm việc tại Sóc Trăng, cụ Đồ Kiệt Triệu, ông quản xếp, thầy

đội, chú cai, thầy đều biết chơi gà nòi. Không thì chúa nhựt ngày lễ, cũng thả lại đó: mê gà thật cũng có, mê gà biết nói, mê gái cũng có, mê ống vớ kéo không tốn tiền cũng có, chủ trường nào lại chẳng thăm xin các vị ấy đặt chơn đến viếng, không chi cũng có sự che chở cảm thông. Quên nói, trường Xà No tại tỉnh Cần Thơ, châu xưa có hai lão thanh tra trường tỉnh, lão Tây Vaux và lão Perrnot, không phải phận sự thanh tra trường gà, nhưng vẫn chà lét nơi này để kiểm chác: lave, Mạc-tên! Có lần Perrenot nghe một người đá hàng xáo "*phóng một trăm đồng ăn năm!*" lão hỏi thăm đàng hoàng, rồi thịnh nộ: "*Bộ mặt nói máy ông chơi gà ở đây "muốn ăn gian" mày hả? Tao không thèm cho mày chấp! Tao bắt một trăm đồng mày phóng, nhưng ăn thua đủ với mày!*" Cả trường cười rộ, vì ông Tây có nét say ngộ nghĩnh, dốt đá gà mà làm mặt lạnh. Dè đâu tiền của Tây nuốt không vô, nên anh hàng xáo rút cuộc thua một trăm đồng, ghen ngào, vì gà phản độ, *ăn thua đủ với Tây*, mà đá không lại nó!

Gia Định ngày 24 tháng Bảy dl. 1961.

*

* *

Sau đây, xin phụ lục vài bài thơ xưa về gà nòi:

Bài thơ *Đá gà* của ông Cai tổng LÊ QUANG CHIẾU ở Cần Thơ, làm hai câu trước, còn sáu câu sau của ông ĐỖ NHƯ TÂM tiếp.

So do rày đã khỏi ngoài lòng,

Gặp cuộc, ai mà chẳng ngóng trông!

Một trận dóc đèn ơn tấm mấn,

Hai người đứng nệ nhấm xương lòng.

Rủi may sắn có người hương khói,

Khuya sớm cho cam kẻ ẩm bông.

Lừng lẫy lầy danh trong mấy nước.

Làm sao nạm đức giữ cho ròng.

*(Quốc Âm thi hiệp tuyển của Lê Quang Chiêu,
1903, tr.80)*

Bài thơ *Đá gà* của Cai tổng CHIẾU làm:

Cũng là đồng loại khéo kinh gan.

Đá gọi làm chi chẳng ngõ ngang.

Ồ cây thế cao đâm lá vít,

Tía toan lòn tháp chèm cho tan.

Via vai nghĩ cũng vại thau nước,

Mé sỏ chãng vì ít tác nhang.

Trong thếp hầy còn khua lỗ miệng,

Ngoài vòng bạc xĩa giữa bàng quan.

(Quốc âm thi hiệp tuyển, tr.80)

Sách in nhà Claude et Cie.

Hai bài đều nhiều ký thác, xin đọc và tìm hiểu lấy.

Sau rớt, tôi mạn phép ông bạn quý, Nguyễn Văn Kính, trích trong tập riêng *thân bút* ra đây một bài thi của một nhà từng làm quốc sự, năm 1916, họa thi “Gà nòi” tại Cao Lãnh, mà

bị “đi hầu tòa” vì cả nhóm thi gia bị khép vào tội “kiêu ngoại” con gà tượng trưng quốc hiệu “Coq Gaulois”!

Bài thi ấy như vậy:

*Đêm khuya canh vắng tối đen mò,
Cát tiếng kêu người gáy ó ó!
Rơi máu trường trung lòng chẳng núng,
Bầm mình chiến hậu tiếng không ô!
Giống nòi dóc giữ danh tròn vẹn,
Cựa sắt chi nài phận quả cô.
Một độ ăn thua trời đất biết,
On nhà miễn đáp cái công phu.*

(Làm tại Cao Lãnh, năm 1916)

Tác giả bài thi này là một vị lão thành, ái quốc, từng Đông du theo Đức Cường Để, vào tù ra khám *tiêu đầu lạn gạch* lúc thiếu thời cũng vì mấy chữ *độc lập quốc gia*, nay tôi không tiện chỉ danh, ai muốn biết xin hỏi ông Đốc Nguyễn tiên sanh trường Trung học Phan Thanh Giản, Cần Thơ thì rõ. Nực cười những kẻ thuở ấy nịnh Tây muốn lập công, mà nói không ra cơ! Bài thi, mỗi hàng mỗi gởi gắm, sao không đọc kỹ và không thấy rõ, thấy làm chi *con gà gô-loa*, nên Tòa xét phi lý, không đủ bằng cứ buộc tội nên *huê!*

THÚ CHƠI CÁ THIA THIA

*Thia thia đá bóng trong keo,
Ham vui trước mặt, quên nghèo sau lưng.*

*Ao sâu cá lội khoe màu,
Đố ai biết mồi: bả trấu, thia thia?
V.H.S.*

*Thua thì thua mẹ thua cha,
Cá sinh một lứa, ai mà thua ai!
(Đại Nam Quốc Âm Tự Vị,
Huỳnh Tịnh Của)*

Cá Thia Thia ⁽¹⁾

Đại Nam Quốc Âm Tự Vị HUỲNH TỊNH CỬA giải thích:

THIA THIA là thứ cá dất bụng, nhỏ con mà có nhiều sắc, đến khi nó đá nhau thì giương vì sè đuôi, coi xinh lắm.

(Đ.N.Q.A.T.V. quyển II, in năm 1896, trang 391).

Bạn thân tôi, ông LÊ NGỌC TRỤ, có nói với tôi rằng:

Có thứ cá, chữ gọi “Thu thi”. Và nhà học giả khiêm tốn họ LÊ phân vân chẳng biết danh từ *thia thia* có phải do hai chữ “Thu thi” đọc trại chằng?

Thú thật, thân thể tôi béo hơn anh NGỌC TRỤ, có lẽ cũng vì tôi ít dẫn đo như thế! Chuyện đâu còn đó, nay xin góp chút hiểu biết riêng về vài giống cá *thia thia* miền Nam. Chuyện địa phương, chỗ nhau rún nói ra họa may không ai nói gì, chớ tôi rất sợ các ông làm tàng, giỏi nghề ngồi không moi móc.

Đá cá thia thia vừa là một thú vui của trẻ thơ, mà cũng vừa của người lớn, những ai có máu me cờ bạc:

- Bạn nhỏ đá cá chơi, không ăn tiền, cũng không có tiền mà ăn, cốt tranh nhau giữa nhóm *hỷ mũi chưa sạch*: con cá may dở vì hớt tại đồng *mấy thằng đánh giặc thua*, không như con cá tao hay lắm, vì gốc nó ở trên Hòa Hưng, còn phảng phất vong hồn *tụi đánh giặc chống Tây* đời trước!

- Bọn già thì bất chấp điển tích, họ nghĩ rẻ rẻ: lấy đó làm nghề sanh nhai, “*chạy gao*”, kiếm tiền nhậu nhẹt, hút xách.

(1) Bài này đã đăng rồi kynchút trong báo Tự Do, Xuân Canh Tý (1960). Nay có thêm nhiều chỗ. V.H.S.

chơi bởi... Đối với họ, mùa hạn, thì chơi gà. Mùa ứot, gà đổ lông, thì day qua đá cá: có thể thoi. Chừng nào cá cũ, thì bắt qua mùa gà. Trái đất cứ xoay, người dân Việt quê, chỉ biết gà, cá cá...

Hồi còn mài đưng quần trường tỉnh xứ Sóc Trăng yêu nhớ, một trang một lứa nay còn sống sót ở đất Sài Gòn, đếm số còn thua số răng trên hai hàm lão già bảy chục, (không kể răng do các bác sĩ nha y trồng, nhìn không ra), lúc thiếu thời ấy, chúng tôi không gì bằng ngày lễ nghỉ xả hơi hay ngày chúa nhựt, sau khi bài vở đầu êm vào đó:

Rô lem (problème) làm rồi, *con bò té sông răng ke* (composition française) vừa làm rồi; chia *quet bờ* (verbe): rồi mà chưa, để sáng coi lại còn dư chán: *anh đi xúc tép về rang* (indicatif présent) chưa mà rồi, vì dễ ợt, mai sáng chép vô tập còn kịp; bài học thuộc lòng, cũng như lâu lâu, ngật nổi đọc lên như kéc mẹ chớ nhiều câu không hiểu nghĩa, nhưng dám chắc trong lớp cũng bí lù như mình, tóm lại *đâu êm vào đó*, chừng ấy chúng tôi bèn rú nhau, mỗi đứa cụ bị một rổ con hay một mủng trệt, kèm thêm một chai nhỏ, thứ chai dầu thơm *Cô Ba* của mẹ hay chị đựng dầu dừa hay giấm chua, sẽ lén lấy, mượn đờ hay ăn cắp cũng vậy, đem súc sạch và chứa sẵn nửa phần nước trong, đồ nghề đại khái rổ và chai cặp nách sẵn sàng thì hè nhau kéo ra đồng ruộng chia tay hớt cá.

Không phải bất cứ đồng nào cũng có cá hay.

Phải rành đôi chút mới chắc ăn kiểu *ba bó một giạ*.

Chung quanh thành phố Sóc Trăng, năm ấy (lối 1914-1915) tôi biết có:

1) *Đồng Lộ Nghe*, ở phía sau trại lính Ma tà. Gần đầm ruộng này có nhà thợ rèn ở nhiều, than bụi tro lò đổ xuống

nước ruộng, lâu ngày nước đen ngòm: thia thia đồng này có màu đen đúa chắc da chắc thịt như con cháu tướng Uất Trì đời Đường, vảy da như trui, thoát trong lò nấu đồng thổi sắt, nên định ninh cá đồng này *mình đồng gan sắt*, răng cứng như thép khóa chắc trong hàm như trong họng kềm: *cá đồng này không chạy mất cá đồng nào!* Thảm nỗi, đồng ở gần trại lính Ma tà, mà con cháu Ma tà dữ quá, hễ chúng nó gặp bọn tôi lên bờ cá đồng Lộ Nghe thì bọn nó đánh chúng tôi chạy bò lê bò càng, không biết đường về.

2) *Đồng Hàng Tràm*, gọi cá chùa Phật vì nơi đây có chùa thờ đức Di Đà. Nhờ lá tràm tích đọng lâu năm, nhuộm nước đỏ au, lá tràm vãi chăng là vị thuốc đón gió giữa phong, nên cá vùng này mình như tẩm thuốc, bắt được con nào bỏ vô chai, ít giờ sau quen nước quen cái, cá phùng mang sậm màu, vảy xanh ửng hồng, đuôi đỏ chớp sao, chặm bặm như các tổ sư Bồ Đề, hay nói cách khác, như thầy bùa, thầy ngải giỏi nghề *gông chém không đứt* hay có học *xàng tả*, *xìn tả* (thần đả). Năm xưa, nơi đây tôi hút được một con cá nai, lớn bằng ngón tay út, lưu lại nhiều năm quá nên quá cỡ, không cấp độ gặp cá nào bằng nó, tôi để đá bóng chơi và đặt chiến danh là *Ngũ Lang hòa thượng!* để nhớ thành tích ông tướng *thầy chùa* trong tuồng *Mộc Quê Anh dăng cây*. Con cá nai này, khi tôi hút được, bỏ vào chai không lọt, phải gửi qua chai khác, đủ biết nó lớn con đến bực nào!

3) Một đồng khác là *đồng Linh کیا* (Long tử Càng), ở phía chùa Phật, sau nhà máy Quách Xên. Tuy mang danh đẹp là *cá xóm Rông con*, nhưng thia thia đồng này không anh hùng chút nào, vì ở xóm chệch rẫy, bưng dứ vì quen tiêu thụ những đồ thừa của bọn này gửi trong đám ruộng bên nhà.

4) Một đồng khác nữa, rất xa xăm đời với cặp giò trẻ thơ của chúng tôi buổi đó, là đồng *Bắc Tà Kỳ* (tên thô). Đây là ruộng phụ ấm của ông cậu họ Trần, nguyên con quan Đàng Cựu, xưa kia ngôi trấn xứ Ba Thắc (srock Passac, tức Sóc Trăng). Cả vùng này nổi danh một thuở, bèn gan không đâu có, nhưng ít ai kiếm được lắm. Chủ ruộng là nhà đá cá lớn, dạy tá điền canh chừng nghiêm mật, không ai hớt lén được. Đặc sắc trong vùng có thứ cá kỳ sơn, tức kỳ trên lưng có chấm một điểm sơn; đây là giống cá xiêm lai biệt dạng của chủ ruộng đúc nắn lâu đời: cắn quạu, bèn gan bực nhứt. Ông Trần, ông cậu của tôi, xưa có một con, ăn trọn mùa, không chạy độ nào, danh còn nhắc: cá *Triệu Tử*.

5) Tệ nhứt là cá đồng *Thầy Tám*, trên đường đi Cấn Thơ. Thầy Tám nguyên là pháp sư, chuyên chữa bệnh bằng phù chú. Thầy ma chết chôn sau am, cá sanh vùng này lệt đệt không khác những con bệnh đau ma do thầy Tám chữa chạy: chưa đá, chưa cắn ai một miếng nào, đã xếp đuôi xếp giáp, chạy cuốn cờ! Nguyên sở ruộng Thầy Tám là cuộc đất gò, nước cạn. Thảo nào cá thiếu nước không nơi dụng võ, ngấn hơi và nhát gan là lẽ cố nhiên. Tôi nói nước ít nên cá nhát gan, vì kinh nghiệm dạy rằng con cá ở nước sâu quen nín hơi, lâu lâu mới lên dớp bóng một lần, nhờ đó mà chịu đựng hay, bền hơn cá ở nước cạn.

6) Đồng lác, đồng cỏ năn, ở phía sau nhà thương tỉnh, dọc theo đường đi xuống Bang Long (tục gọi quận Giếng Nước). Cả vùng này dở hơi, vì sanh trưởng trong lác, trong năn, trong cỏ, nên không có chi đặc sắc (thuở ấy chưa có anh hùng Rừng Sác, nước mặn). Tuy vậy đừng quen chê sớm mà lắm to có ngày, vì may thời *tổ đài*, hớt được cá kinh niên, thứ cá trốn ẩn lâu năm gần nhà xác, hình như còn oan hồn uông tử vấn vương, hoặc nữa hớt được những cá lẻ loi sống chung lộn nhiều năm trong bọng trong hang rắn dữ, ngày ngày từng hớp nước có nọc con ác

xà phun ra, cá quen hơi rần nên không hảy hấn, chực khi đụng độ với cá lạ đồng, thì khác nào con xà niên ngậm ngải đối chọi với phàm phu, có thể nói *bách chiến bách thắng*. Tôi đã nói phải là có *đổ đãi* mới bắt được thứ cá dữ này. Khoan vội tin lời tôi, ham thọc tay vào hang rần, có ngày bỏ mạng!

Về việc này, tôi đã từng ngộ trận, một phen tổn tới già, nay nhắc lại nghe chơi mà còn rờn tóc gáy: Bữa ấy, trời mưa rì rả, tại đồng Hàng Tràm, mặt trời vừa xế bóng, tôi đặt rổ xuống nước, vừa lấy chơn dậm dậm xung quanh rổ rồi rút rổ lên, nghe như được một vật gì nặng nặng. Rổ lên vừa khỏi mặt nước. Mẹ cha ôi! Một con rần hồ lên nước đen mun, nằm khoanh tròn chặt rổ. Khi nói, tôi vừa thấy rần, ba hồn bảy vía lên mây, lẹ như chớp, tôi quăng rổ té bật ngựa ra sau, không kể áo quần ướt vấy, mặt cắt không còn chút máu. Ủy hà! Chút xíu nữa, không còn sống mà viết bài này! Quên nói, rần đánh cái *tôm*, buông mình xuống nước, phẳng phẳng lủ bụi trốn theo đường, rần cút mất tự thuở nào!

Các anh em bạn theo tôi bữa đó đều chạy té đùn cục trong ruộng sinh, báo hại *thìa thìa quỳên bi* đâu chẳng thấy, duy nhất một phen vỡ mặt hú hồn.

Một lần khác cũng tại đồng Hàng Tràm này, tôi lại bị trâu dữ rượt, chạy bò càng, ve thúng quăng mất, may sao còn giữ được hồn. Con trâu này tôi nhớ rõ, sừng của nó, không biết vì sao không dựng quớt lên mà vẫn nằm lòng thông hai bên đầu, có lẽ nếu nó húc cũng không hại gì lắm, nhưng nói giỏi, sao hồi đó không ở lại mà thử sức với nó! Tổn đi một đạo rồi chứng nào tật nấy, tôi cũng mon men ra đồng xúc cá, vì thuở ấy, thú thật, chúng tôi tiền bạc một đồng một chữ cũng chẳng có dính lưng, cho nên chỉ biết những thú vui không tốn tiền; mà theo tôi còn vui nào bằng ngày chúa nhật đi hớt cá thìa thìa để được nhắm

nhi củ kiệu chua nhai nghe giòn rụm, bây giờ nhắc lại còn chảy nước miếng!

Độ xưa, một nhà chơi cá ở chợ Sóc Trăng, có một con cá kỳ quặc, ông ta lượm nó ngoài đồng, ở sẵn trong một bình vôi sành mẻ miệng, bỏ gần bên gò mả loạn. Ông rinh luôn như vậy đem về nuôi, để y con cá ấy trong bình vôi của nó quen ở, trừ khi nào xách ra trường cấp độ, khi ấy ông mới vớt nó ra đọi ra thố đường hoàng. Con cá này có thể nói là lạ lắm, vì thắng không biết bao nhiêu độ, về sau không ai dám đem cá đối thủ với bất cứ cá nào của chủ nó, báo hại ông ta vì một con cá linh, thắng độ hoài, mà chủ không tiền hút! Tôi sau này, vì đi học trường lớn, cũng mất tích con cá ở bình vôi gò mả hoang này.

XÚC, BẮT, HỚT CÁ THIA THIA

Muốn có được cá để chơi, phải có chút ít kinh nghiệm. Kinh nghiệm này không có trường nào chuyên môn dạy. Thuở đó, dẫu là con ông Thông đứng bàn ông Chánh, hay con Thầy kỹ Kho bạc, muốn có cá chơi, phải lén cha lén mẹ, phải lo lót xin thọ giáo với các tay rành nghề, mà không ai khác hơn là bọn bộ hạ dưới tay cha mẹ chúng, bọn trẻ chăn trâu giữ bò, cắt cỏ ngựa, mục đồng, bọn ở đợ. Dạy không lấy tiền công tiền Tố, cao thượng vậy thay. Duy phải chiều lòng, dẹp bỏ bộ tịch *cậu*, dày công tâng hót thì họ mới truyền nghề. Một trang một lứa với tôi năm đó có con ông Huyện Kim, con Thầy Thông Tây, toàn là tay *công tử*, con các người có máu mặt đương thời. Trối kệ, phải xuống nước nhỏ, dẹp chức *Ấm* vào ngăn kéo, tôn họ làm "Su", làm *Mồ Tố*, họ mới đoái hoài. Quên nữa, và phải trốn học, theo họ ra ngoài đồng ruộng, đối với họ một khúc bánh mì thì họ cho leo lưng bò cỡi thử một chặp, hoặc dâng cho họ *đồng xu* mẹ cho để dành ăn bánh, thì họ cho phép lợi xuống ruộng sinh,

bước lồm bồm theo họ mà hót cá thia thia hay là bắt ốc! Trồn trường cũng vì muốn biết cỡi bò, bỏ lớp, hoang phế việc học hành, cũng vì ba con cá xanh xanh đỏ đỏ! Thầy dạy chúng tôi hót cá là anh Tý Bò. Anh chăn bò, *giữ bò từ lên sáu*. Cứ mỗi sáng, cho ăn ba miếng cơm nguội no nê, chú đẩy tở già bông Tý đặt trên lưng bò, đeo thêm chai nước mưa, và mo cơm vắt... Ra đồng, trọn ngày hết ngời đến nằm, Tý ở trên lưng thú, nắng mưa phú có cao xanh thương xót, một cái nón rách, một chiếc áo tơi, con nhà nghèo có ông Trời nuôi, Tý mạnh lành, da đỏ sậm, có cần gì hứng gió Long Hải, tắm nắng Vũng Tàu? Chiều lùa bò về, chú tở già ẵm Tý xuống cho Tý xả hơi, cơm nước, ngủ nghê, ngày ngày y một kiểu như thế cho đến tuổi Tý lên xuống bò mình ên được. Mà cái tuổi ấy không xa, mới ngộ chưa, vì cỡi bò được ít lâu, Tý đã dạy được con bò cầm bầy tên là *Cành Tết*, biết nằm xuống, mỗi khi Tý cần dùng không muốn ở mãi trên lưng nó: bò nằm rồi, Tý bắn lùi như tôm, dít đi trước, chân đụng đất bình yên vô sự, nào cần ai bông ẵm? Khi lên, Tý dạy *Cành Tết* nằm nữa, Tý trèo, có khó hơn khi xuống một tý, trèo như kiểu *thần lằn ôm cột đình*, nhưng rồi cũng trèo lên lưng bò được, chớ không sao! Tý giấu nhem chú tở già việc này, để hưởng tận cảnh: *cực thì có cực, nhưng khổ thì không khổ*. Ai ở đợ ra sao không biết, chớ Tý không bao giờ bị chủ rầy la, một bầu trời nước bao la, mặc sức nghêu ngao hò hát! Sạm da vì nắng, sần thịt vì mưa, không hề sổ mũi gió máy bậy bạ, không bao giờ biết nhức đầu là gì, lên mười tuổi, Tý vỗ ngực xưng *Chúa tể Đồng Trường Đua, ngô chánh thị Tý Bò thị già!!!*

Không chuyện gì xảy ra ngoài đồng ruộng mà Tý Bò không thạo: gò nào có rùa vàng, rùa nắp ở; hề thấy dấu cỏ dẫu đất ra làm sao là Tý biết có con vật ẩn núp dưới bụi dế hay gốc lức, v.v... Vì vậy mà Tý Bò mỗi ngày mỗi lục lạo, lục còn hơn học trò lớp nhứt khuấy rây quyển tự vị lúc dịch *version* Tây! Con rắn

làm hang như thế nào, và con rắn ấy là loại rắn gì, Tỷ Bò biết đủ. Tỷ Bò quả quyết thuốc *không xa*, và thường thường có giống cỏ nào mọc gần miệng hang, thì cỏ ấy là món thuốc thần trừ nọc con độc xà kia vậy. Tỷ Bò cam đoan đêm nào trăng sáng là rắn ra trứng mỡ, *giòn trắng*, chầy ngày lẫn lộn trứng đũa trên đám cỏ, sao sao cũng chầy dài, nhều nước miếng thấm cọng cây cỏ lá, tấm già chất độc, chất này nhờ gọi sương chan nắng nhiều ngày mà dịu dần, biến nên môn *thuốc ngừa* (kiểu này y như kiểu thuốc ngừa do viện Pasteur bào chế!). Tỷ Bò dốt mà sao nghiệm được việc này, lạ thật ! Mai sau người nào nếu bị rắn cắn, cứ nhớ tìm hang nó và bứt một mớ cỏ mọc nơi miệng hang, lớp đem về nấu nước uống, lớp nhai cấp kỳ nuốt nước và lấy xác đắp lên chỗ bị cắn, là có cơ thoát khỏi nạn nghèo! (Tỷ Bò chúc ngôn).

Nghe làm vậy thì hay làm vậy, chớ tôi chưa dám truyền bá, đem phương này bày vẽ cho ai thí nghiệm bao giờ. Nay viết ra đây cũng không bảo kê hiệu quả. Tóm lại, chồn đèn, chuột đồng, kỳ đà, rắn mối, rùa vàng, cá bông, các con sinh vật ở ruộng, nhứt cử nhứt động là Tỷ Bò hay biết từ đường đi nước bước. Sau này, mặc dầu tôi đỗ bằng trung học, *lên mặt* trở về làng, nhưng đối với môn vạn vật học và môn địa dư tỉnh nhà, tôi vẫn như thỏ còn bé thơ, thua anh Tỷ Bò xa lắc! Miền Nam, từ cửa *Vàm Tấn* (Đại Ngãi) cho đến sông Ông Đốc (Cà Mau), không một khúc quanh nào mà Tỷ Bò không biết tên, không một xẻo cỏ nào mà Tỷ Bò chưa từng đặt chơn đến đó. Giờ nào nước lớn, nước ròng, nước đứng, Tỷ Bò thuộc nằm lòng. (Nhờ vậy mà muốn đi đây đi đó, Tỷ Bò không cần chèo chống. Một lá buồm rách, một cơn gió thuận, một chuyến nước xuôi, Tỷ Bò thả ghe vô ruộng. Công việc xong xả, Tỷ Bò chờ con nước, thả ghe về nhà, không tốn công chèo, còn hay hơn đời nay, sắm

máy thế chèo mà có khi máy trục trục, đã tốn tiền thêm mất công linh chờ đợi). (Không nói đến cái nạn mọi việc đều máy móc thay thế, sau này tằm vóc, bắp thịt đàn bà Việt sẽ kém thua bây giờ vì còn thể thao chèo bơi gì nữa đâu?) Nói quá xa đề, nhắc lại đối với Tỷ Bò, tuy vô học, nhưng con thú nào kêu la làm sao..., chỗ nào đào xuống là bắt được rắn hổ, chỗ nào đốt cỏ già hơi là có rùa mập bò ra, v.v..., tắt lại, địa lý, địa dư vùng đồng Ba Thắc (Sóc Trăng), Tỷ Bò xem rẻ như thò tay vào túi lấy đồ.

Hôm nào chúng tôi được theo sau lưng Tỷ Bò ra đồng, thì há hê bữa ấy: không cháo rùa cũng rắn xào, lươn um, hoặc cá lóc mập ú bó đất sét nướng trui vào lửa rơm, ăn nội cái *filet* chấm muối hạt, *nóng hổi, vừa thổi vừa ăn*, đến nay còn thêm. Chúng tôi hùn tiền sắm gần đủ nồi σ, chảo, đũa, gỏi kỹ miếu Ông Tà, đũa rất ít dùng; vì chúng tôi kinh nghiệm ăn *bốc tay* sướng và ngon nhất! Chúng tôi không mê Tỷ Bò không được! Tỷ Bò rất khác tôi. Tôi thì, học toi cơm, học thuộc tên tổng tên làng làu như cháo lỏng, đọc như kéc mẹ, tên thảo mộc, tên chất khoáng hay ngũ kim, tôi kể giòn hơn đặt rau rang bắp, thế mà nếu ai hỏi vặn: làng ấy ở đâu, chất ấy biến thể ra gì, tôi sẽ ú ớ như đứa cầm ăn ớt: học mà không hành, tôi kém Tỷ Bò hằng mấy dặm! Biết mà thiếu kinh nghiệm, ra trường đời, tôi chỉ là thằng hủ nho Tây đại chi vô dụng!!!

Anh Tỷ Bò dạy tôi phương pháp hớt cá thia thia.

Anh dặn: “Khi để chơn xuống ruộng sâu, thì phải nhớ không còn là con cưng của cha mẹ tại nhà nữa. Muốn không nhèo thì ở nhà. Đến đây, phải biết hòa mình cùng Trời Đất: tập bước cho khéo chân, cá không giựt mình, mới có mà bắt. Lựa gốc rạ, gốc lức mục, giẫm căng lên đó thì khỏi sợ sa lầy, khỏi ướng nước bùn. Dấu đĩa trâu lớn bằng ngón chơn cái nó đeo bắp vế

non, và dẫu đĩa trâu hẹ đĩa mền mỏng như lá lúa bò lúc nhúc, lòng thông trên bắp chuối, thì trời kệ nó! Dẫu vắt rừng cần, máu ra ướt đở chân, háng, thì cần răng để vạy! Tập chịu, thét rồi quen! Đó là thường sự! Muốn làm dân ruộng thì phải tập cho quen lần: tập cần răng nín khóc, đau thế mấy cũng không được la! Rên la không ích gì, và chỉ làm bối rối người lớn, thêm làm cho cá tôm hoảng chui trốn mất, mà lỡ cơ hội tốt. Tập lâu ngày thì hết sợ; rồi thét đi sẽ dần dần, sẽ thấy vui thú. Cần nhưt là miễn sao đừng để đĩa con, vắt mền chui vào hậu môn, vào lỗ chỗ nhức, thì thầy chợ cũng khoanh tay mà Tỷ Bò cũng vô phương tiếp cứu! Học bao nhiêu đó trước đã, rồi Tỷ sẽ dạy thêm". Tôi nhớ lại hồi nhỏ, nhõng nhẽo với mẹ có tiếng, mẹ vừa lấy cán chổi lông gà phui sớ sớ ngoài quần, chưa chi đã la còn hơn bị ong bầu đốt dít! Bây giờ phải mẹ ba con cá thia thia xanh xanh đỏ đỏ, anh Tỷ Bò "phán" ra câu nào là dạ răng rắc, xem còn hơn câu kinh nhật tụng, tuân theo rằm rắp, không dám cãi nửa lời! (Nay mẹ đã mất, cha cũng đã mất, con nhớ lại ăn năn không nghe cha mẹ bằng nghe Tỷ Bò).

Tỷ Bò dạy tôi phải cho có gan, thì tôi làm gan! Tỷ Bò dạy tôi bặm môi thì tôi cắn môi đến dập máu! Anh dạy tôi túm, vo ống quần cho sát bẹn sát háng, tôi làm coi cũng gọn bâng; bây giờ tôi viết bài này, nhớ lại việc cách trên năm mươi năm, tôi mới hiểu và thương mẹ tôi, mỗi lần lấy áo quần ra giặt, đâm đâm muốn biết sao *đưa con ăn cá, mẹ lừa xương* y phục lại bèo nhèo đến thế! (Mẹ! Mẹ ôi! Giá thử con cũng nghe huấn từ của cha mẹ bằng như con đã nghe lời anh Tỷ Bò!)

Tâm trí của tôi lúc đi hớt cá, không lo đĩa chun hậu môn, thú thật tuổi ấy tôi cũng chưa biết đó là một tai nạn lớn và sẽ làm khổ cho cha mẹ đến bực nào, tâm trí tôi mắng lo và chăm chú ngó theo bờ mấu, ngó dài mặt nước bọc theo lúc, để, ô rô, rau dừa. Chỗ nào có bọt nổi trắng trắng hay vàng vàng (trắng

khi nào ruộng toàn nước mưa, vàng khi nào nước có lộn chất phèn chất sắt do dưới đất hòa lên, hay có lá mục...): bọ ấu là bọ cá thia thia, rõ đích thị hấn đây rồi! Con mắt thông thạo của Tỷ Bò, dòm thoáng qua là biết ngay, không do dự một giây một khắc! Đối với tôi thì cóc cần, bọ gì cũng mặc! Khi ấy hãy đưa rổ vào cho lẹ, vừa đẩy rổ tới trước vừa thọc sâu xuống và cũng vừa hứng lần lên, ba việc: đưa đẩy, thọc sâu, hứng lên, phải làm nhanh lẹ vén khéo, cùng khi ấy hai chơn lại phải giậm giậm thật đều, thật kỹ giáp vòng chỗ mình đang đứng, cốt làm sao cho con cá, dẫu muốn thoát thân ra bụi rậm thì cũng vì *địa vông* của mình bố trí quá khít khao, và nhờ sự *tấn công ba mặt* của mình quá chặt chẽ, đành vô phương thoái bộ và đành rút lui về bọ, mặc tình bắt tha! Mỗi lần nâng rổ lên, nếu khéo tay và thông thạo thì gặp bọ chín mười lần, làm sao cũng phải hốt được vài ba con cá.

Cá giẫy lách chách trong lòng rổ mà lòng mình cũng rung lên thành thạch, còn sung sướng hơn đánh bài tứ sắc *tới quan!* Nhưng cũng khoan vội mừng sớm và hãy đợi cho cá lọt vào chai đem theo, xem đi xem lại kỹ càng rồi sẽ mừng không vội. Nếu hấn là con cá trống thì mặc sức mừng vui! Bất ngờ hốt trúng con cá thia thia mái, thì nên phóng sanh phúc cho rảnh nợ đời, hoặc giả bắt được thứ cá sọc dưa, cá bã trầu thì mừng hột một phen và cũng nên mở nút chai trút ngược cá xuống ruộng mà làm doan làm phúc cho nó nhờ! Để thì giờ xúc con cá khác còn hay hơn!

Cá bã trầu, mình đẹp, vảy xanh lè, coi tốt mã ghê, thoáng qua tưởng mình thộp được con cá Xiêm, mừng quýnh, không dè đó là thứ cá bã trầu, đồ vô dụng, được nhiều kho mè tồ thì đã tanh thêm xương nhiều thịt ít, ăn không ngon, bằng để nuôi chơi trong chai trong keo, thì chỉ phá đám, tốn công nuôi, cá bã trầu trứng giỡn cũng không biết dừng nói chi đá độ: bã trầu chỉ

giỏi tài nuốt cung quăng (1) ăn bao nhiêu cũng chẳng biết no! Những mảnh lới hay như: giỏi phùng xòe, biết múa kỳ tên, khoe kỳ dưới, quạt đuôi, giương vẫy, phùng mang đảo nước để khoe tài cùng địch thủ, những biệt tài của thia thia làm vậy, thì bã trầu dốt đặc, không biết lấy một món nhỏ nào, nuôi nó ích gì?

Đi hút thia thia, nếu hút được cá thì mừng, dầu cá ấy bé tí teo cũng khoái, bằng không hút được mà một phen tấm nắng, đũa giỡn ngoài đồng cũng rất là sung sướng hả hê! Tệ lắm cũng học thêm một thú vui sẵn đã. Có buổi xách rổ xách chai ra đi, nửa chừng gặp mưa dai, áo quần ướt loì nhoi mà bọt cá cũng bị mưa gió đánh rã tan, vô phương nhìn biết. Những buổi ấy đành gác chuyện hút cá và đổi qua thú vui khác. Những buổi ấy kéo nhau vô rẫy mua bắp mía nhai gặm cho phỉ tình bụng đói mà ít xu, giàu hơn nữa thì hè nhau kiếm lều quán chui vào, góp mỗi đứa chút ít, đậu tiền lại mua khô mực, tôm khô, củ kiệu chua, răng trẻ tơ mới lớn nên nhai ngon lành giòn rụm, đã không biết ê răng là gì, thêm nhai mãi say máu ngà, không biết chừng nào mới đã thềm. Tong nhóm nếu có vài ba chú bác cầm đầu, mấy chú ngồi đụt mưa đánh chén khê khê, rượu công xỉ ực nghe trốc trốc, mình khỏi tốn tiền mà cũng được hầu tàn; râu khô mực ăn nhín nhín, cắn củ kiệu chua chua; sau này tiệc yến cơm Tây cơm Tàu, lợm giọng, nhớ tiếc tuổi ấu thơ nuốt sắt cũng ngon!

Cá hút được rồi, đem về nhà đổ ra thau, chậu, tuyển lựa theo cỡ, cỡ trung trung gọi là cá lữa, dễ cấp chạn, cá này sẽ nuôi thục và cho ăn kỹ lưỡng, ban đêm tập quần đên cho thêm

(1) *Quăng*: Larves de moustique. Nay quen gọi con quăng, con lăng quăng, không ai nói con *cung quăng*. Tên này chỉ thấy trong tự vị Huỳnh Tịnh của và Génibrel. Xưa đã thấy con gì hình như cây cung mà biết quăng mình tới trước, nên đặt tên làm vậy chăng? Xin hỏi các bậc cao kiến. V.H.S.

dạn, ban ngày đặt chỗ nhiều ánh sáng cho cá quen mắt, độ chừng một tuần, mười bữa từ khi hót, là có thể đem ra trường cấp độ thử tài. Cá để lâu ngày bỏ hơi, đá nửa chừng chưa phân ăn thua, vọt bỏ chạy, cá ấy gọi cá *nững*.

Cá nào nhỏ con quá hoặc tàn tật rách rưới, thì loại ra, tha hồ tặng các cậu bé láng giềng *mỏ ác chưa cứng*, hay con cháu trong nhà muốn đem làm gì thì mặc! Con nào hùng dũng khỏe xinh, quen gọi cá này *phụng vĩ* khá, con kia *ít tốt mã* hơn, y như nói về gà nòi, những cá nhiều hy vọng ấy, sẽ lựa nuôi riêng từng chai một, nếu còn thừa dư dả quá, hết chai đựng, thì sẽ bán hoặc nhường cho bạn tác lấy tiền mua sắm dụng cụ đồ nghề thêm. Nói đến đồ nghề thì nên kể keo, chai cất miệng để nuôi cá và vọt để xúc cá sang sớt ve này qua thố hay ve khác.

Vọt thường thì cạn làm bằng tre, trúc. Có người vẽ duyên lấy đũa mun chuốt và bịt bạc khéo léo. Cầu kỳ nhất là anh chàng sắm vọt cán ngà, lâu năm lên nước đỏ au, giắt trên mái tóc hoa râm kê bên lược đôi mắt có điểm đồng thò óng ánh. Cán thì làm vậy, nhưng vọt nào cũng may bằng vải, xuyên, lựa thưa để dễ xúc lăng quăng, có khi sắm chiếc vọt dày bằng vải, lựa kín, để sang sớt cá, mỗi khi thay nước hoặc đổi chai đổi chậu. Ngày nay trong Chợ Lớn mới có bày bán khắp nơi những chai keo rộng miệng, nguyên là hũ kẹo ngọt, chai dầu thơm hay chai thuốc Tây bị sa thải. Đó là những đồ đựng cá xứng đáng, vừa đồng một cỡ thêm trắng bóc xinh xinh. Lúc tôi còn nhỏ, chưa có thứ chai keo rẻ tiền ấy, và các nhà nuôi cá có hạng, mỗi người lựa chai đựng cá theo sở thích và theo túi tiền của mình.

Họ sợ nhất là đồ nội hóa sản xuất trong Chợ Lớn, chai này hình dáng đã thô, thêm vật liệu nấu lọc không kỹ mấy; hành thử chai keo nội hóa đã lấm giòn, mau bể, thêm nhiều liếm sao lốm đốm, nhiều bọt khó coi. Những nhà phong lưu họ

rất chịu khó, kén cho được thứ chai keo Hạ Châu (Singapore) hoặc chai sản xuất nơi Hồng Kông hay bên Âu Châu càng quý, thứ keo này trong như đồ pha lê, gõ kêu bon bon, đã bền thêm đẹp mắt, không chút bọt. Những nhà ít tiền nhưng giàu óc mỹ thuật lại tự chế riêng một bộ môn đặc biệt, hoặc toàn thứ chai dầu “ô liu” trắng hay chai nước suối trong xanh, hoặc chai rượu Peppermint khi cắt bỏ khúc đầu thì eo ngắn như trái bầu hồ lô, nên họ càng thêm thích. Những chai *cắt họng* này, không cắt cuống họng mình, thêm được rẻ tiền, dễ súc rửa, và nhờ rộng miệng, nên dễ thọc vọt cho cá ăn hay xúc cá ra ngoài. Trên miệng chai, thường họ cà cho lứt, bứt bén, không đứt tay và cắt giấy carton làm nắp, vừa nhẹ nhàng vừa thêm vẻ đẹp. Nhưng mấy con thần lẩn tinh ma thường cạy nắp giấy bắt trộm cá, nên nhà nào từng bị nạn thần lẩn, đổi chiến lược, lấy “ngồi móc” khê tròn tròn như trái trám làm nắp đậy, tuy làm vậy không mất cá, nhưng lại hay mất nắp, vì trẻ con ranh mãnh, lén ăn cắp miếng gạch khê tròn sẵn đem chơi “mức cò” thì còn gì hơn! Thuở ấy, đặc biệt nhứt ở chợ Sóc Trăng là bộ nắp chai rất đều đặn và cho phép tôi lấy những nôi dốt mới của cha tôi để dành nấu vàng làm nắp chai cá. Thứ dốt này hình như cái chén chung uống trà, miệng rộng dít túm, nên bất kỳ chai nào cỡ nào cũng đậy vừa: một khi đặt lên miệng chai, thì chai và nắp (dốt) ăn khớp nhau liền bon, tuy nói “ăn rập” nhưng còn thừa lỗ hở để giữ cho thoáng khí chui vào. Nắp dốt, mỗi lần gỡ, phải lấy tay cạy cho khéo mới lấy ra được, thần lẩn dầu tài ba cách mấy gặp nắp dốt cũng vô phương làm hỡn. Quên nói, đậy kín quá, thì cá ngột hơi “*xí lặc léo*”, còn đậy hở thì thần lẩn chực hỡ nào sẽ không bỏ qua cơ hội tốt!

Nói đến cắt chai cũng cả một nghệ thuật: người nào khéo tay thì cắt trám chai như một, ăn đứt y nhau. Kẻ nào vụng về, cắt không đều tay, chai nứt không ngay đường, khi mé sứt, khi

méo mó, trông bớt xinh. Biết mình không đủ tài, thà chịu nói thiệt và mượn bạn quen trong giới thợ bạc, sẵn lò, sẵn có hoa tay, thợ kim hoàn làm gì mà chẳng khéo! Vòng sắt miệng chai thường dùng là một niền sắt hay thép, lớn cỡ ngón tay út, uốn tròn theo ni tắc nhứt định, cái vòng này lại uốn cho dư ra một khúc dài kéo ngay làm cán để nắm dễ cầm, mới xem giống hình “dấu hỏi” to tướng. Muốn cắt chai thì đặt vòng này vào lửa đốt cho sắt đỏ, sẽ lấy nùi giẻ bao chỗ cán cầm cho đừng nóng tay, đoạn tròng chiếc nòng vào họng chai, vừa đề mạnh vừa xoay tròn cái chai cho thật đều tay, đừng chình lịch. Chai sẽ hút sức nóng của chiếc vòng (hay nòng), liệu nóng đúng sức thì rút nòng ra, và rảy nước lạnh ngay lần muốn cắt: tự nhiên chai đương nóng, gặp lạnh của nước, phản ứng trở mình nghe một tiếng “rắc”; coi lại họng nứt lia khỏi thân chai ngon lành. Bây giờ chỉ còn lấy khúc sắt bỏ ra, rồi lấy một miếng chai bể cả sơ vòng miệng chai bể mà *trị* miệng chai, *vật gì trị vật nấy*, chai tuy vậy mà cứng lắm, lấy giữa thép mà mài càng thêm báo đời, đã hư giữa thêm miệng chai, khó coi lắm. Khéo tay và có kinh nghiệm thì cắt mười chai không hư một, mỗi lần cắt thì lần dứt tiện khéo không thua cắt bằng hột thủy xoàn của thợ cắt kính: không răn, không nứt. Tay mơ chưa thạo nghề, cắt chục chai hao gần phân nửa, đổ thừa đủ thứ, cũng vì họng chai cắt không đều, sượng sần, mó tới là đổ máu đứt tay! Mỗi chai đựng một con cá, hai chai, mấy chai để kề nhau đồng một hàng dài thì làm ngăn giấy chận giữa cho cá đôi bên không thấy nhau. Khi nào muốn quần cá, hoặc muốn cho cá đá bóng xem chơi thì rút ngăn giấy ra: vừa thấy nhau, cá nuôi sung sức sẽ phùng xòe trứng giỡn, trương vị quạt đuôi, xanh xanh đỏ đỏ, xem thật là ngoạn mục. Nước trong chai để rộng cá, không nên để nhiều lắm mà cũng không nên để ít lắm. Để nhiều, nước kề họng chai thì bắc cầu cho thần lẫn, thừa dịp câu trộm cá thêm dễ! Để ít

thì con cá cạn nước không bền sức bằng cá nuôi nước sâu. Một điều nên nhớ kỹ là khi nào súc chai, vì dơ bợn, thì thế nào cũng phải dành lại một phần chai nước cũ, có làm vậy, con cá khỏi lạ chai lạ nước. Không biết việc ấy, khi thay nước, nhè thay mới tất cả, tưởng rằng thêm sạch cá càng mạnh thêm, ngờ đâu chỉ làm cá mất sức, nếu sau này đã thua, ấy là lỗi tại nơi mình chưa đi sâu vào nghề! (Không khác một người mẹ, bắt con tắm hoài, như vậy tưởng rằng thêm sạch, không dè dứa nhỏ tắm nhiều lần trúng nước có ngày!)

Nói đến thần lẩn, phải phục cái trí tinh ma của loài vật này. Tôi học khôn được điều này cũng nhờ một kinh nghiệm khá đau lòng khi còn thơ ấu. Thuở đó, tôi có nuôi một con cá thia thia đã từng ăn nhiều độ. Mỗi khi tan học về tới nhà, làm thế nào tôi cũng phải ghé triển lại kệ cá, chào sơ nó - sau khi trình thưa cùng cha mẹ - xong rồi tôi mới lo thu xếp cặp sách và lo việc cơm nước. Nói cho dễ hiểu, con cá này là “nhân vật thứ ba trong nhà”, sau cha và mẹ! Đủ biết tôi cưng nó đến bậc nào. Cá ấy, tôi nuôi riêng trong một chai keo bự. Một buổi sáng nọ, cá tôi mất dạng, keo còn nước trong khe, mặt phẳng lạng tờ. Nhớ lại, đêm rồi, tôi có xê cái nắp keo qua một bên cho cá có nhiều thoáng khí, rồi sơ ý quên đặt lại trước khi đi ngủ. Sơ sót nội bao nhiêu ấy mà sáng nay án hận thì đã trễ rồi! Dòm trên dòm dưới, ngó trước trông sau, kẹt thóc vùng ấy bị tôi *thám hiểm* không sót chỗ nào, thậm chí tôi đời xóc hết đồng than *cây thông* của Ba tôi dành để làm mẻ thối vàng, nhưng vô ích, con cá vẫn biệt vô tăm dạng! Thôi rồi! Chắc chắn là cá cũng đã bị thần lẩn câu... *Thần lẩn ơi! Nhĩ ngã vô thù! Bây giờ mày ở tề làm vậy, chớ trách tao nhè!* Từ bữa ấy, tôi oán thần lẩn tận xương tủy, gặp đâu giết đó, không dung tha con nào! Tôi điên rồ cho đến đôi mấy khi trong trường thầy dạy học ôn những bài ám đọc, thì tôi mượn cơ ấy mà *bố rập*, bắt thần lẩn nhốt đây

hộp bánh “Petit beurre”, để chi? Để mỗi khi học thuộc một bài cổ văn thì đưa ra một *trụ* cho lên đoạn đầu dài, trăm thủ, vừa trà thù xưa, vừa đánh dấu một bài đã thuộc! Tôi cũng lập tâm tìm xem kẻ thù *cá cá* bằng cách nào... Nhờ công theo dõi, một hôm “kẻ cắp bà già gặp nhau!” Hôm ấy, tôi mục kích một trận bắt sống cá thia thia do thần lần tổ chức!

Trưa hôm ấy, tiết trời oi ả. Tôi đánh mình trần, ngồi làm bài học nơi bộ ván gỗ nhà sau. Tôi đặt ghế lùn sát đầu ván, chân thọc dưới gầm, ngồi day mặt vô vách. Trên vách gạch trắng là kệ tôi nuôi cá, một hàng chai keo trong treo, giăng thẳng bon, xem rất ngoạn mục. Đứng đầu hàng là một chai keo bự, mẹ tôi dùng nuôi con giấm thuở nay, nhưng mùa này, sắp thi tiểu học, mẹ chiều ý con, nên cho tôi mượn để rộng con cá ăn độ này, và để tôi phấn khởi ráng học. Đây là một con xiêm trống đở *thứ thiệt*, to bằng ngón cái, vóc cụt đòn, vảy đỏ au như sao diêm, kỳ trên kỳ dưới đỏ, kỳ trên nhọn lều như ngọn bút son, kỳ dưới thẳng đứng như lá cờ *soái lĩnh*, còn cái đuôi thì tròn vo như quạt lửa! (Cá xiêm thiệt thì càng ngắn đòn càng quý, kinh nghiệm cho ta biết cá xiêm đúc với cá mái ta thì mỗi đời mỗi dài đòn ra, đến đời thứ ba thứ tư, thì đã *lai biệt dạng*, ngó gần y con cá ta không khác mấy. Phần nhiều những cá bán ở Chợ Cũ Sài Gòn, luôn trong Chợ Lớn và tại Chợ Bà Chiểu, đều là cá xiêm lai một hai đời, thường họ đúc cha xiêm đỏ, lai mẹ cá xanh, hay ngược lại cha cá xanh, mẹ cá đỏ, để có cá con khi vảy xanh, kỳ và đuôi đỏ, khi thì vảy ứng đỏ, kỳ và đuôi trở xanh, loại cá lai làm vảy cấn dữ nhưng bờ hơi, nhà nuôi cá chuyên môn có thể tùy ý muốn mà đúc cá với nguyên tắc giấu nhẹm và dung hòa giống cá đở *bền nhưng răng lứt*, với cá xiêm xanh *răng bén, cấn dữ, nhưng không có nước bền*). Trở lại con cá của tôi: trong keo lớn, tôi thả con cá xiêm bự, định khi nào con cá mái đến lứa trứng già, tôi sẽ đổ chung keo, cho cá trống

ép cá mái đúc lúa mới, hễ thi đậu bằng tiểu học xong thì cha mẹ tôi sẽ để tôi mặc tình nuôi cá cho phi tình trước khi lên học trường lớn. Vì cá trống thuộc giống đỏ, nên tôi đã lựa sẵn *vợ nó* là con xiêm mái xanh, (để sau này tôi có giống cá cha đỏ mẹ xanh, vừa bền như cha, thêm hỗn dữ như mẹ). Con xiêm trống này, có một không hai, vì đó là cá do một thủy thủ đi tàu chạy đường Sài Gòn - Bangkok lén giấu trong ống tre giống *cá ngư* trong hoàng thành vua Xiêm chơi, vì kính trọng Ba tôi lắm, nên chuyển tay đem về Sóc Trăng, Ba tôi quý hơn vàng: con cá này nước lợi xem đủ oai, thêm miệng quai xách, mắt thụt (không sợ cá khác cắn nhảm), vẩy đều đều óng ánh như lửa sáng, kỳ trên thật nhọn như cây bút lông chấm son dựng đứng, kỳ dưới đỏ chói khi xếp như lá cờ lệnh, khi xòe tươi như cờ hiệu nhà Vương!

Thần lẫn quen mừng cũ, tôi giết đã nhiều, thế mà hần còn đây, hay thật! (Chuyến này chết m. mày rồi!) Thần lẫn quen mừng cũ, thấy nắp keo đây không kín thì ăn quen, mon men toan đột nhập vào trong, định bẻ bắt cá tươi *xực* (thực) như kỳ trước! Tôi ngồi chỗ bộ ván, thấy con thần lẫn ngán giùm cho cá, nó vóc to và mập, trắng đỏ như *thằng Lê dương* năm ấy: có lẽ sức mạnh nó không vừa: nếu khỏe như *linh đầu đỏ* và tinh anh có thừa, thì chua cha, ghê quá, không biết con xiêm bự của mình làm lại nó không? Khi ấy, tôi ngưng làm bài học, và định trong trí sẽ can thiệp cứu cá cho kịp thời. Thần lẫn, vốn tánh dè dặt sẵn, (ba mươi đời quân gian thường kỹ cang, nên càng thêm lợi hại), thần lẫn làm như *Lê Huê khán trận*, ngó trước xem sau, (hát ba câu Nam rồi!) thì bò lẩn dứt đầu vào miệng keo, không khác hùm dữ vào chuồng trâu...

Đàng này tôi ngồi mà nôn quỳnh, không dám nhúc nhích cục kịch, gần như nín thở, hờm sẵn chờ dịp sẽ tiếp cứu và ám trợ con cá cang.

Thần lẩn bò nhẹ nhẹ như tên du kích lảnh nghề, mắt lườm lườm ngó riết con cá đang ở dưới đáy keo, thông thả xê xích từ phân tử ly, rình xem nhứt cử nhứt động của con vật sắp làm mỗi ngon cho mình. Tôi nín thở, phập phồng lo sợ cho cá. Bỗng thần lẩn quay đầu trở lên, lú chót mũi khỏi miệng keo, bốn chân hít cứng vào cổ keo thủ thế như thầy nghề võ, cặp mắt ngoáy trở xuống liếc theo từng mỗi hành động con thủy vật. Nắm được thế thủ vững chắc rồi, thần lẩn bèn ra miếng độc. Nó thò đuôi rà mặt nước, lay động nhẹ nhẹ giả như chót đuôi là con quăng đang trở mình biến hình con muỗi, hoặc như con ruồi sa cơ vừa té xuống nước, đang giãy tử, chi vậy? Xin thưa: ấy là kế dụ địch của thần lẩn, để nhử thia thia hồ cơ sẽ ra tay. Nếu khi ấy thia thia không khéo để phòng, trôi lên đớp nước, hoặc ơ hồ hoặc vô tình tưởng chừng chót đuôi kia là quăng, là muỗi, trần mình định tấp, khi cá vừa tằm đòn thì thần lẩn, lẹ như chớp, sẽ phóng mình xuống mặt nước và dùng đầu làm củ chùy đập mạnh vào đầu cá. Tự nhiên người có thủ thế vẫn đánh chắc ăn người không để phòng, và miếng đòn độc đánh đầu (coup de tête) mười phần lợi hại của con vật bốn chân sẽ ăn đứt cái sơ hở của con vật có vảy: cá giãy tê tê, thần lẩn ngoạm cá vào hàm y như cá sấu nuốt người, thần lẩn lộn ra khỏi keo, đèo xác cá ra ngoài ăn tươi ngon lành: mọi việc xảy ra lẹ như chớp và diễn mau hơn công việc của tôi đang dài dòng văn tự như lúc này.

Nhưng đó chỉ là ước định mà thôi. Dè đâu phen này, thần lẩn quả tận số, khiến nên gặp con cá xiêm đỏ *Hoàng gia Thái Lan* thủ đoạn phi thường. Cá xiêm lộn lên gần đụng mặt nước, nghiên cứu hành động thần lẩn (mà hấn chưa hay), và khi biết rõ ác tâm kẻ thù, cá bèn tiên hạ thủ. Thay vì đứng ngẩn ngơ chờ chết, cá xiêm lộn vòng sát ve keo, núp mình dưới bọt không cho thần lẩn thấy bóng. Thần lẩn qờ đuôi sà sà mặt nước, hèn lâu không thấy cá lên đớp mỗi, thần lẩn định chừng cá chưa

thấy rõ, nên trụt mình xuống một chút, thọc đuôi xuống nước sâu hơn ban nãy một tít, dè dặt chính lúc thần lặn đổi bộ, cá xiêm cao tài chụp phóng mình lên lẹ như chớp, nhắm ngay cạnh đuôi non của con vật bốn cẳng ngoạm cá hai hàm răng bén như hai họng kèm thép già! Thần lặn không kịp đề phòng, hoảng hồn như bị thiên lôi đánh, buông thổng rơi xuống nước, lộn bấn loạn như tên trộm bị rượt nà té sông, mặc tình *Xiêm Hoàng gia* từ đằng xa phóng vào mình thần lặn, lựa những nách non, bụng bở mà cắn miếng nào đích đáng miếng nấy. Xiêm cắn chưa đầy ba miếng, thần lặn đã xụi lơ nằm bất ngựa, vì răng xiêm bén như lưỡi dao, thêm xiêm biết lựa những chỗ nhược mà tra những đòn độc thủ và hiểm ác. Thần lặn *tử công mạng cùi xác* bất ngựa trôi lều bều trong keo. Cá thia thia xiêm biết con vật kia chỉ còn là cái xác chết, bèn ung dung trằm xuống đáy nằm ngủ nghỉ mệt, oai nghi như một tướng soái vừa lập một chiến công bất hủ, đang đứng thờ đốc, tuy mình chưa giải giáp!

Tôi cười đắc thắng, giữa cá và tôi, không biết ai mừng hơn ai! Thù kia đã trả, từ ấy trở nên khoan dung và bạn tốt của thần lặn, vì dẫu sao ơn chàng trị muỗi lằng, xưa thầy dạy chó khá quên! Tôi lấy vợt vớt xác thần lặn, làm ma gói ghém trong một vỏ hộp quẹt *Bến Thủy*, chôn chung mồ với đám đồng chủng vô danh, tử nạn vì trả nợ oan thế cho hấn lóng trước. Tôi không quên thay nước cho con cá xiêm *Hoàng gia* vô địch, trong lòng há hê: thù kia đã trả ít nhiều, dẫu cho bài Pháp văn, bởi mãi theo dõi giặc *cá xiêm đánh với thần lặn*, nên kém luyện, dẫu mai này thấy vì đó, bắt phạt cũng không sao!

CÓ MẤY THỨ CÁ THIA THIA?

Tôi không dám đi sâu vào đề, vì quá bao la, nói không bao giờ hết. Tôi xin đóng khung nói riêng về những cá tỉnh nhà,

hạt Sóc Trăng, và vài giống cá đặc biệt miền Hậu Giang, có ghe chờ bán tại chợ Ba Xuyên mấy chục năm về trước. Theo tôi, mỗi vùng, mỗi dòng nước đều có giống cá địa phương, khác nhau đôi chút. Thường con nhà nông ban đầu hớt về cho con cháu chơi, sau bày ra đá *ăn tiền*, năm ba cắc bạc một độ là nhiều, lâu ngày lan tràn, các tay đồ bác lại dùng làm nghề sanh nhai thay thế cho gà nòi, vào mùa mưa, đổ lòng, không đá được. Mỗi xóm, mỗi thôn kình nhau đi kiếm đồng cá lạ mà hớt, về nhà rảnh rang tụ nhau ngày nghỉ, đá chơi kiếm tiền trà bánh. Phải lên đến vùng Sài Gòn, Gia Định, đến Chợ Lớn, Bà Hom, Bến Lức, mới thấy chơi cá xiêm, đá lâu, ăn thua nhiều tiền, vì vùng này *văn minh* sớm, có người đi tàu qua Hạ Châu, Thái Lan, đem giống lạ về. Miền Lục Tỉnh, ty hiêm cá xiêm ít, khó kiếm, nên không đủ họ chơi, thêm mỗi độ đá lâu hoắc, có khi cù nhầy trọn cả ngày mà chưa ăn thua, trề hết công ăn chuyện làm; nên họ thích đá cá *địa phương*: *lẹt xet vừa thả vô, thì đã xong một độ*, đá liền liền nhiều độ, vừa vui, vừa thích hạp tâm tánh người miền quê *cái gì cũng ham sốt dẻo, xấp thời* (nói chí đáng, dẫu cho cò lính có đến, thì cũng đã có chơi sơ vài độ, nay dẹp chạy không tiếc!!!).

Đại để có những giống cá này:

1) Ca ta, cá thia thia ta

Đây là loại cá đồng, cá cỏ mà tôi đã nói rồi nơi đoạn trước. Nghiệm ra, gần dứt mùa mưa, thì cá thia thia “xuống sắc”, trở nên bùng beo, không hiếu chiến nữa, và chỉ lo gậy giống. Linh tánh bảo vậy. Có ý xem, trừ phi rộng trong keo, chai thì thôi; chớ cá nuôi trong bồn, trong chậu, vào tháng ấy, đêm khuya có mù sương xuống, thì cá “nhảy bồn” tìm đường trốn... Nó trốn hay lẩn: mùa hạn, khô khan, nó chui vào kẽ đất, lỗ chum trâu giậm, (có khi mục đồng gập cả bầy ồm tong ồm teo trong một lỗ

sâu, trên có cỏ chút ít rậm đủ che khuất, giữa vùng đồng khô cỏ cháy), nó trốn thế nào không biết, nhưng trời vừa sa mưa ít đám, ruộng vừa có nước lấp xấp, khoảng tháng tư, tháng năm ta, thì thia thia ở đâu không biết, ra mặt, đã mập tròn, vừa đúng lứa hớt về đá đò.

2) Cá thia thia ở ao hồ

Thường gọi cá hồ, ở những ao tù, bưng sây, nước ruộng không tràn vào được. Cũng gọi cá giếng. Nghiệm ra cá hồ bền hơn cá cỏ, cá đồng, (có thể ví cá cỏ là cá không nuôi, còn cá hồ là cá được nuôi riêng biệt), vì ở riêng biệt nên quen nước, giỏi chịu đựng hơn, và người chơi cá chuyên môn đã biết từ lâu, nên chơi cá mãi mùa: đầu mùa đá cá đồng, giữa mùa hớt cá ao, cá hồ, cá giếng, tiếp chơi nữa!

3) Cá rạch, cá nước

Mới nghe, lầm tưởng đó là cá ở rạch, cá ở dưới nước! Suy nghĩ kỹ thì cá nào không ở dưới nước, ở sông rạch? Nước đây là nước đục trong bưng biền Rạch Giá, và rạch đây là Rạch Giá nói tắt mà thôi! Chầu xưa, những người đi bán đuông chà là có đem theo mớ cá thia thia, ốm tong teo nhưng bèn và bền không chỗ nói. Sau rùng rùng dạn họ mùa sau đem thật nhiều, vì giống cá này dễ lấm với cá ta, và đá hay, không con cá cỏ cá đồng nào thắng nó được. Hỏi hớt ở đâu, những người ấy nói bắt ở rừng sác, nước đen dừ nước, ở nước, ở Rạch, vì đó mà cá này mang tên cá nước, cá rạch tùy địa phương gọi nó. Lối năm 1915, tại chợ Sóc Trăng, một con thia thia đồng giá từ năm xu đến một cắc bạc là cùng, thì cá nước bán mỗi con một đồng bạc, hai đồng bạc như chơi, tùy theo lúc cá hút và tùy xấu tốt. Nói phải có chỗ hẳn: cá nước toàn không phải đều hay giỏi cả, vì họ xúc nhiều chỗ nhiều nơi khác nhau, chỗ hay chỗ dở là thường sự, người chơi cá lành nghề, không sợ tốn tiền, phải mua mớ

rồi lựa tuyển lại, mới chắc ăn. Tồi hơn nữa là mình phải biết cháo chan người bán và tin cậy nơi lòng ngay thật, biết thủ tín của họ. Mà thường các cha bán *cá nước* học một sách với các mẹ *bán mật ong!* Trong ghe họ đem nhiều thứ cá, ai hỏi thứ nào họ cũng có, duy họ dành thứ thiệt bển, thiệt *gắt* cho những ai biết điều và họ kính mến nhiều mùa rồi!

Những người già kinh nghiệm còn xét biết về *cá nước* tuy hay, nhưng có chỗ yếu của nó, nên họ có khi cũng dám đương đầu, cho cá ta của họ đối địch cùng *cá nước* và có khi cũng nắm phần thắng trong tay, vì họ nghiệm ra *cá nước* đến mùa, đến tháng nào, thì có *nước chảy* của nó. Tức là như tôi đã nói, loại cá rừng, cá không nuôi, linh tánh dạy đến độ nào, là thôi hiếu chiến để lo gây giống. Cho nên ai biết được chỗ yếu ấy, lựa cá đồng giỏi chịu đựng, đứng lâu hơn nó thì ăn tiền chủ nó được rồi! Một độ cá đồng đá với *cá nước* năm xưa tôi thấy trước mắt ở Bãi Xàu: cá nước cắn bển như dao, cắn cá đồng xiềng liếng, ai có mặt tại đó đều chắc cá đồng sẽ thua, nên không dám quăng bắt, té ra đá được nửa giờ, cá nước đang thắng, bỗng nhẹ nhẹ rút lui, và *di êm* vì đã tới *nước chảy* của nó. Con thì chịu đựng ba mươi phút, con chịu nổi một tiếng đồng hồ, ai giỏi bền hơn là thắng nó vậy! Nhưng nói nghe thì dễ, đến ngộ trận mới biết tài, vì cá nước ở trong rừng nước đục, rặng bển, cắn dữ, cắn như *mưa sa bão táp*, cá đồng con nào lồi thôi không để gì chịu nổi với nó!

Quên nói, cá Rạch, đem về tỉnh lạ, phải xả nước mưa, tập cho nó quen mới đá được. Thêm nữa, cá này là *chiến sĩ bung biền*, quen sự cực khổ. Nuôi nửa tháng, hai mươi ngày, thì tài nghề còn đủ. Nếu kéo dài, nuôi tháng này qua tháng kia, thì *cá nước*, *cá Rạch* sẽ quen mùi chợ búa (như ta quen mùi bơ, sữa) mà bủng beo hại chủ có ngày! Quá hạn, đừng tiếc, phải thí nó

xuông ao hồ mà sấm lớp mới, chắc tay hơn. Cá đồng, đá ăn độ, nuôi lại trong nước có pha đất sét, cá lành mạnh, còn dùng được qua độ khác, cũng như con trâu đồng nhà, quen ăn cỏ xấu, quen uống nước mặn, tuy không mập mạnh, nhưng dẻo dai, giỏi tài chịu đựng; cá nước, đá một độ rồi, thì không dùng được nữa, nếu dùng sẽ *phân độ*, sẽ bỏ chạy khi đến *nước chạy* (cũng như dừng tin con trâu Xiêm, Lèo, lớn con nhưng kén ăn, kén cỏ, kén nước ngọt, ăn cho no, cho bụng bự mà làm việc dở như *Hạch*, vì không quen phong thổ!).

4) Cá thia thia lai, cá lai

Nhà chơi cá, muốn được giống cá hay, phải tự mình lựa cá giống và tự xem lấy mình việc ép cá hay đúc cá ấy. Ban đầu ai ai cũng tưởng hề lai giống xiêm nhiều là hay là giỏi. Sau này kinh nghiệm dạy cho biết *lai xiêm* cũng nhiều thứ, và rất nhiều *giống lai* tốt mã, nhưng dở khệt; thua một độ còn chưa tin *cá dở*, thua chồng thêm hai ba độ liên tiếp, chừng biết tài chàng thì túi tiền đã nhẹ, (chàng đây là con cá thia thia lai chớ không phải anh chồng lai thua cá ngựa, tuy cả hai đều có thể làm sạt nghiệp người nuôi!) Tạo hóa thật chí công! Nếu khi đúc, để rặc Xiêm, thì đem cặp với cá ta, ai ai đều chạy mặt, thì hóa ra công lao cực khổ không dùng vào đâu, như câu tục ngữ thường nghe chẳng hóa ra *đổ dầu cù lao*, vô ích! Vì đó nên những tay chơi cá tập đúc cá *mình ên*. Nhưng không hiểu sao: mùa này cá đục giống A, đúc với cá mái là cá ta, giống B, sanh ra một bầy cá lai: cắn dữ, chịu đòn hay, chú nhờ nó kiếm tiền bộn bộn! Qua năm sau, quen mừng cũ, làm bài toán năm rồi: *lấy A cộng với B*, thì chuyện này, gặp *Tổ trác*, cá bầy đều *bớ*, hại thua thấy m. thấy ch.! (Lâu ngày mới biết có người chơi cá *ám hại*, lên đúc cá một sắc, nhưng giống *dở*, ban đêm đem trút xuống ao nhà, báo hại lắm tưởng giống hay, hốt lên nuôi, đem đá thì luôn luôn đụng độ với lão tinh ma nọ, và lần nào cũng thua sạch túi, ban

sơ tin chắc tại nuôi không nên cá hư, hư con này còn con khác, sau lâu ngày biết được kẻ độc, thì đã muộn, học khôn đất tiền).

Như đã biết, cá lai cũng có bầy hay, bầy dở, bầy lai gần, gọi lai một đời hay hai đời, và lai xa, gọi *lai biệt dạng*. Người có biệt tài, khéo ở chỗ đúc mà khi cấp cá, người ta không biết cá mình là cá lai, hoặc thấy *lai phảng phất* chút ít, kể như cá hồ, nên chịu độ, đến khi thả vô keo đá mới thấy lai rõ rệt, mà phép *thả cá vô keo* rồi thì kể chịu độ, phải để đá đến ăn thua, chớ không bắt ra được. Phép đúc cá, phải làm sao cho người ta biết cá mình không phải cá lai xiêm, thì mới dễ kiếm độ; chớ ở trường, khi cấp cá ngoài thố nhỏ, khi thấy cá lai rõ rệt thì ít ai khứng đá với mình, cũng có khi họ thấy lai mà dám đá là khi nào họ từng thấy trong bầy cá lai của người đó đã đá trước một hai con mà không dữ, hình thể cá đã xấu hoặc hư rồi, hoặc *cá lai non* nên họ không sợ. Cũng vì lầm tưởng như vậy, nên đã có người *tương kế tựu kế*, đúc và nuôi đến hai bầy: khác nhau ở chỗ mẹ cha khác giống, nhưng giống nhau ở chỗ cùng màu, cùng sắc, để dễ gạt lớp người thực thà, tuần này họ đem cá dở ra đá, rồi tuần sau họ mang cá hay đến gỡ độ, đá lớn hơn, những ai quá tham không kịp xét nét, sẽ thua họ mà không ngờ đã lâm kế độc *ly miêu hoán chúa!*

Phàm cá cũng như gà, *gan ruột* giống mẹ. Muốn đồ, phải lựa chọn cá mái cho thật dữ, nhưng *cá trống* phần nhiều lựa *trống Rạch* (Rạch Giá). *Trống cỏ*, *trống hồ* đã từng ăn độ *anh hùng*, và lựa từ nết đá, nét chịu đòn, đến hình thể, v.v.. các tay chơi chưa lão luyện, ai ai lúc đồ cá, cũng ham cá sau này sẽ giỏi chịu đòn, cắn dữ, biết đánh *dòn hồi mã thương*, biết chơi *cú dờ tét*, tức biết quay mình dùng đầu đánh trái lại đầu con cá kia chưa đề phòng, biết đòn *câu nước hàm trên*, *câu nước hàm dưới*, tức cắn ngay hàm (trên hay dưới) của con cá nọ, ngậm

chắc và trĩ xác con nọ xuống tận đáy, vừa lấy thế đó mà nghỉ mệt, xả hơi, vừa thi tài *giỏi nín hơi*, con nào không quen, không đủ sức chịu đựng, nín hơi lâu không nổi, sẽ giựt hàm chịu thua và chạy luôn có cờ! Nhưng những nhà lão luyện, kinh nghiệm có thừa, lại thích đúc cá thật bén, cắn dữ bội phần, để con cá kia bị cắn, bị đòn, rất quá thì chạy ngay; chớ những miếng *hỏi mả thương, đầu hàm, bỏ chạy dụ địch* đều có chút phần nguy hiểm, vì trong khi *chạy dụ địch* nếu có một bóng lạ, một tiếng động thình lình, cá chạy luôn cũng chưa biết chừng, nguy hiểm là vì vậy, nên họ không thích lắm.

Khỏi nói, về cá mái, cá đẻ giống luôn luôn là cá *lựa gắt củ kiệu*, không chõ chề, và trứng phải thật già. Trứng chưa già, ép ra thì cá non hao nhiều, mớ nào sống cũng không bền, không khác người ta đẻ thiếu tháng. Trong lúc mái còn non trứng, phải để cặp bên cá trống, mỗi ngày, cho ăn đầy đủ và mỗi bữa cho đá bóng cho cá sung sức, trứng mau già. Khi nào thấy con mái lòi, đầu chìm xuống, khúc đuôi chổng vồng lên, bụng no tròn, ở hai bên hông "*sọc dưa*" vàng đen rõ rệt và một trứng lòi ra dưới bụng, ấy là trứng đã già, cá đã đúng lứa ép, không nên để lâu nữa. Trứng già mà không cho trống ép thì con mái cũng chết; đừng tưởng như người, ép xác bắt ở như vậy thú tiết mà lắm!

Muốn ép cá, trước hết phải cho hai con cá trống cá mái ăn lãng quăng cho thật no, như vậy lát nữa cá không ăn trứng của mái đẻ ra. Mà phải để hai con riêng ra mà cho ăn, vì không biết ý, nhốt chung hai con rồi thả lãng quăng vào, cá trống mắng mừng gặp mụ đằm, nào có lo ăn, luật thiên nhiên chớ này, người và loài vật, thiên tánh như nhau rồi đó! Phải sắm sẵn một cái thùng cây thật rộng, thứ thùng rượu chát cũ thì hay lắm: xài thùng cây thì sau này cá con không mòn răng và được *bén* vì cá lúc nhỏ, thích rà miệng sát mặt lu mái, thùng, khi

thở, khi kiếm ăn. Bằng không sẵn thùng thì dùng *lu mái dầm* hoặc khạp rộng miệng cũng tốt vậy. Đoạn lấy vợt hớt và thả nhẹ nhẹ trống và mái chung nhau. Nên lựa đầu mùa mưa là mùa cá sanh sản và lựa một ngày vẫn vũ chuyển mưa lớn là ngày cá có thiên tính biết thời buổi như vậy hạp chò sự gây giống. Tốt hơn là ép cá vào đêm, là đúng với luật thiên nhiên hơn. Cũng đừng ham ép ban ngày, rồi kêu hết con cái nội nhà bu lại mà xem trò gây giống vì làm ồn ào có khi cá *mất hứng*, vả lại tuy rằng loài vật, chớ xem dường không muốn *đóng kịch* ấy cho người xem bao giờ. Chớ quên kiếm vài tai bèo thả trước, để gây cảnh *thiên nhiên* cá thêm dạn dĩ. Đã nói cái bồn để ép cá phải rộng miệng, để sang sót cá nhỏ và dễ cho ăn; nước phải thật nhiều cho cá thêm thơ thới. Khi nào cá trống ép khá nhiều lần, thì nên nhớ mau hớt cá mẹ ra, nếu không thì cá mẹ sẽ ăn trứng của nó lại, không khác heo mẹ xơi con và gà mái mổ trứng của nó vậy. Luật thiên nhiên, luật *thừa trừ*, luật *tồn tại* của Tạo hóa mà ly. Cá trống thì khác. Tôi kinh nghiệm thấy trong giống cá, con trống có tình *cốt nhục* nhiều hơn con mái, và giàu lòng hy sinh hơn, bằng chứng là từ ngày ép mái, cá trống không khi nào dám ăn con quăng, thà nhịn đói chịu ốm tong teo hơn là *ăn lấm* con mình, tức những cá mền lơ thơ lúc nhúc rất dễ lẫn lộn với con quăng bé tí hơn. Đến đây ta có thể triết lý chút chơi rằng *tình là lụy* và *càng đau đón lấm, càng thương nhau nhiều. Không đau, không khổ, chưa phải là chơn ái tình*. Đến loài vô tri vô giác, nhỏ như thia thia mà cũng không thoát khỏi luật thông thường ấy. Thoạt đầu, lúc tạo thiên lập địa, có lẽ *trước bất cóc rồi sau mới nên vợ nên chồng* (luật này người da đen miền Sóc Trăng, thỉnh thoảng còn áp dụng. Họ uống rượu say mềm rồi đang đêm luân phiên và chia nhau vô xóm *vác gái* chạy vào bụi rậm giao nàng lại chàng trai bị *đàng gái không khùng giả con muốn làm gì thì làm*. Tục này đời

Pháp thuộc, tòa kêu án rất nặng, nhưng đối với họ, họ bất chấp, vì họ hiểu rằng vợ chồng *kiểu* này ăn đời ở kiếp với nhau hơn vợ chồng lách nhau với sự ưng thuận *mua bằng tiền* hay *ưng vì thế lực*.) Thấp hơn một bậc là loài thú bốn chân: con ngựa khi gấn cái, vừa cười nhả răng, vừa đưa hông cho *cái* thử sức! Giỏi chịu đựng, chịu ăn đòn năm ba đá vào hông mà chịu nổi, vẫn còn cường lực, thì *tôi sẽ trao thân gởi phận, muốn phủ tôi thì phủ* nhược bằng chịu đòn không thấu thì *hừi bao nhiêu đó cũng đủ rồi! đồ bất tài bất lực! Đi đi là vừa!* Trở lại thia thia, trống mái gặp nhau, nhứt là khi mái ấy là *mái cá Xiêm*, thì chưa chắc cá mái chịu trống liền, khi thấy mặt cá trống là cá ta, cá đồng, cá hồ, cá ao! Dẫu trống ấy là *“cá Rạch”* đi nữa thì cũng *dĩ hà nhứt thể!* Phải *thử sức với nhau một phen cái đã!*

Mái phùng mang, giương vị, quạt đuôi, cắn lại trống, quyết so tài cao thấp, khác nào thưở nọ, trước khi nên đôi giai ngẫu, nữ tướng Phan Lê Huệ đã ba lần bảy lượt tử chiến cùng Đại Đường tiểu nguyên súy Tiết Đình San!

Một đàn, cá trống, khi biết được đối thủ của mình hôm nay là thuộc phái yếu, phái đẹp, thì ôi thôi! còn mừng nào hơn? Trống quên mất những thói vũ phu ngang tàng bình nhứt. Trống, như *mèo thấy mỡ*, mừng ra nét mặt, phùng xòe quỳnh quýu, lóng cồng như trai tơ gặp gái, lớp khoe giáp kỳ, lớp khoe y mào, trống giỡn múa trước mái như *công tử trong tuồng Tàu gheo đàn bà!* Giỡn đã rồi bỗng nhớ lại thiên chức lớn lao, bèn bỏ đó lên làm bọt cho thêm dày, để sau này bọt ấy sẽ là cái ổ ấp áp của mớ trứng cá khi lọt bụng cá mẹ, và khi được cá cha gắp từ trứng rơi rớt đem gởi đó cho đến lúc hóa sanh cá con. Làm bọt xong rồi, vụt nhớ lại mình thưở nay là võ sĩ, chiến sĩ, *cũng nên thừa dịp trở ít đường cho con mẹ này biết mặt!* Trống quần thảo vài vòng, như thầm nói: *Xem này! Có phải đây đủ sức lấp bằng*

sông bể? Xem này! nào vết thẹo những chiến công oanh liệt năm xưa!!

Trống mừng, không dè mái cũng không phải cá thường! Thia thia mái vốn là cá Xiêm rặc: bấy lâu biết mình là dựa hoàng cung quen được nịnh bợ, thêm sẵn tánh ít biết phục thiện, *chứng nào sẽ hay*, bây giờ gặp trai nó đón, ít nữa cũng làm làm sao cho trai nó biết tay! Mái không nhin, mái phùng mang quạt đuôi quyết thi tài cao hạ!

Trống thoát xem cử chỉ của mái, biết *con mẹ này xem thường oai mẽ! Đây đã vẫn hoa đường mật mà đó chẳng xiêu lòng! A! Muốn vậy thì cho vậy! Đây còn cách khác.*

Trống thay chiến lược, áp đảo mái thẳng tay, uốn cong mình cho mái biết trống muốn gì, và cắn thật đau vào mình mái cho đến khi cá kia *cam phận mái*, xếp giáp qui hàng, đứng trơ một chỗ, mất lao chao vì đã thuận tính nết!

Phần trứng già ột ệt, phần phận mái mà mấy lăm hơi, xiêm mái *chịu cho ép*, lội lờ dờ một chỗ. Cá trống ta, khi ấy mình uốn tròn lại, bắt từ đầu con mái, vấn tròn như cuốn chiếu, con trống cắn đuôi khoanh mình ép mạnh mình cá mái và lần lần *vượt* ra sau. Mỗi lần như vậy, trứng cá từ từ trong bụng mái lợt dợt rớt ra và chìm xuống đáy chậu: luôn dịp trứng ấy đã thọ tinh! Hai con thú, mình run lẩy bẩy rơi lần xuống đáy, tê lê mê, chừng đụng đáy mới giật mình, lội lên đập nước lấy hơi khỏe và tái diễn trò thiên nhiên gây giống kiếp kiếp đời đời. Cá mẹ sạch trứng thì thôi chịu trống, phải vớt ra, không thì cá mẹ sẽ ăn trứng của mình: để giữ đúng luật thừa trừ, hay chỉ vì *nhẹ dạ*, nào ai vô đây mà biết? Cá trống được giữ lại trong bồn; bồn cũng thêm bèo cho mát nước, và để cá con khi nở sẽ theo rễ bèo chui đục hoặc ăn rong ăn chất bở bám theo. Cá trống làm phận sự *cha* chưa đáo lểm. Trống từ khi mái được vớt ra, bèn lặn

xuống đáy bồn, dùng môi ngậm nhẹ từng trứng một đem lên gắn vào bọt. Trống liêu chừng trứng nhiều mà bọt mỏng, thì lại ra công phun nước miếng làm bọt thêm cho đủ sức chịu đựng mới trứng dính thành *vê* cho đến đủ ngày đủ tháng, trứng nở ra cá con. Cá con lúc đầu nhỏ xíu, chỉ thấy dạng đen đen, rồi lớn dần dần thấy nhúc nhích bé như đầu mũi kim, ít ngày sau mấy đầu mũi kim ấy *trọng cây* gần bằng lăng quăng mền. Như đã nói, cá trống *mê con*, nhịn ăn và hy sinh như vậy suốt những ngày ở gần bầy con nhỏ bé, dẫu tìm cách nào cho ăn, cá trống vẫn từ, không động lăng quăng vì sợ làm lẫn đám con thơ! Khi nào muốn dưỡng con trống thì phải đợi bầy cá con được *trọng* rồi, khi ấy vớt cá cha ra thả vào bồn, chậu khác, có pha đất sét cho nước đục, cá mau lấy sức lại.

Bầy cá con, lúc nở, chưa lội được, và vẫn xẹt ngang trên mặt nước. Vài bữa sau, đã lội được và lần lần biết lội mạnh. Độ nửa tháng, đã thấy chúng nó biết ăn lăng quăng nhỏ hơn nó. Tuy vậy phải nuôi thêm tại bồn đôi ba trắng, cá con thật mạnh mới dám đem ra hằm nhà thả nuôi tự nhiên, đợi mùa sau hớt lên, đã được rồi. Thả sớm, cá con non sức, e làm mối cho cá lớn khác và nhái, ếch, v.v... Cá lớn vừa lứa cũng phải canh phòng, hết sợ bị con vật khác ăn thịt thì sợ kẻ trộm lén xúc về nuôi và lén thay cá khác đổ vào hồ, mạ tròng đen, báo hại thua tiền thêm tức trí. Những người ở chợ, ở phố, ít bề thế, không sẵn ao hồ, nuôi cá luôn trong lu khạp tại nhà cũng được; nhưng kinh nghiệm dạy rằng nuôi cá thia thia đá độ, thì cá hằm, cá ao răng bén và mau lớn, mạnh mẽ hơn cá nuôi khạp. Thêm nữa, cá nuôi một cha một mẹ, lứa thả ao hồ nhờ ở ngoài thiên nhiên, hòa mình cùng vũ trụ, nên màu sắc gần giống cá ta hơn cá nuôi nhà trong lu khạp. Những cá này còn giữ y sắc cha mẹ, tốt mã thì có, nhưng bờ hơi. Vì lẽ ấy, nếu sẵn ao hồ thì họ thả cá ngay, mặc dầu mất trộm và hao hớt nhiều. Trừ phi cá đúc ấy là cá

thia thia Tàu hay cá phươn *Hạ Châu* (cũng đúc y một cách với cá thia thia ta) thì vẫn thích nuôi tại nhà, trong lu mái lớn, vừa khỏi trộm đạo, vừa vui mắt, vừa giữ y màu sắc của cá cha cá mẹ lấy giống. Nên nhớ lu khạp dùng rộng cá ép cá, phải lựa chỗ nào yên tĩnh mà để, chêm chum cho vững, nước đừng lao xao, và không nên dòm ngó thường trong lúc cá nở, vì luật tạo hóa muốn như vậy.

Theo chỗ tôi biết, mấy năm trước, tại Sóc Trăng nghề cờ bạc thịnh hành, quanh năm không tứ sắc thì đá gà, đá cá, đánh vố, bài cào. Đám *lóc cóc ken* đầu mùa hớt cá cỏ, đá ăn thua nhỏ nhỏ, giữa mùa bắt cá hồ, cá lai cho đá, tiền độ trọng hơn, còn cá *Rạch* thì chơi sau rớt, đợi cho bọn đi rừng lấy sáp, đốn đường chà là, đem về mới có mà chơi. Cá *Rạch* hay cá *nước* vừa tàn, thì bắt qua gà nòi, đá gà cựa trước rồi tiếp qua gà tơ, gà đòn: quanh năm mãn mùa, các tay đồ bác đều bắt cái này, sang cái nọ, không hở, không rảnh, hỏi ấy là thú phong lưu hay là nợ đời, tôi xin miễn trả lời! Vì tôi là một thằng hư, một con ngựa chứng, không già tay ấn, không giỏi kèm cương thì *đám rào* là bản tánh thích tự thuở nay!

Tôi già chuyện mà quên nói một điều này: là cách ép cá trong khạp trước rồi thả xuống hầm sau, tốn công săn sóc rất nhiều. Cái hầm để thả cá, phải đáng tin cậy mới chắc ăn; nếu hầm quá linh lăng, ngập nước hay nước vô nước ra đều được, thì không nên thả, mất cá mà chớ, thêm làm sao kiểm soát cá ấy vốn cá của mình đúc hay cá khác họ tráo vào đây? Đã có người chơi sành nghề, có sáng kiến mướn ruộng bỏ hoang, lên bờ mẩu vũng chãi, thả thêm bè tai lớn, nhứt là môn ngựa và dứa gai, đoạn lựa vài chục cá mái *Xiêm*, thả chung với ít chục cá trống *Rạch* đã biết tài vì từng ấn độ rồi. Nếu ruộng ấy gần nhà, xem chừng kỹ càng thì cá tha hồ bắt cặp, sanh sản, mình khỏi lo khỏi nhọc, tới mùa xách rổ ra xúc, lựa con nào vừa ý thì nuôi,

con nào còn non ngày tháng thì trút lại ruộng hoang, sướng quá!

Sóc Trăng và Bãi Xàu liên lạc nhau bằng đường lộ và đường thủy, cách nhau lối năm cây số ngàn. Cá thia thia không đá được chợ này thì đưa qua chợ kế. Mỗi năm, những nhà chuyên môn chia ra nhiều xóm: xóm Hóc Kiến (Phúc Kiến), xóm Chành Lúa, xóm Trại Hòm, xóm Khánh Hưng, xóm Giáo Tòng, kể không hết, chia nhau lựa đồng đúc cá, nhà bực trung đúc vài ba lứa, nhà có bê thể đúc cả chục hoặc vài chục bầy. Tới mùa xúc lên tuyển tuyển lựa lựa. Bầy nào bằng bụng thì nuôi để dành đá, dư lại cho người chở đi bán: điền Hòa Tú, xóm Tài Sum, hoặc lên trên Kế Sách, Đại Ngãi, hoặc trao đổi lẫn nhau, giữa người tri kỹ. Xem kỹ lại, cá do một chủ, có bầy hay, bầy kém, nhưng dầu kém là kém cá nhứt hảo hạng của nhà, gấ*t như củ kiệu, củ tỏi Rạch Giá, Hải Nam*, chớ bì với cá đồng, cá khác vẫn hơn một bực. Mặc dầu nuôi xa lạ, nuôi lẫn lộn nhiều bầy chung một ao một đám ruộng, nhưng đến chừng bắt lên tuyển lựa cũng dễ phân biệt, vì bầy trước bầy sau, khác cha khác mẹ, thì hình sắc cỡ chạn cũng khác, thêm kỳ vi dài vẫn cũng không giống nhau. Không kể cá bệnh và cá có tật lúc nhỏ, thì cá một bầy, tài sức vẫn y nhau: một con hay thì hay hết cả bầy, một con dở thì có môn đổ bỏ cả đám!

Con cá lai, người người đều thích nuôi, vì nó có nhiều đặc sắc mà cá ta, cá đồng không có: cá lai ăn độ rồi chưa hư, răng còn bén, thì nuôi đá hoài, miễn trước khi cấp, phải xét kỹ những vết thương cũ đã lành hẳn chưa. Nếu chỗ thương còn non, cá khác cắn trúng nhằm thì cá chạy vì quá đau chớ đừng trách cá dở. Cá lai đá sớm lắm cũng không nên, vì lối tháng sáu bắt đầu tháng bảy, cá lai mới cứng vảy cứng răng và không chạy bậy. Chớ nên quên: cá hay gà cũng vậy, dầu hay cách mấy, không đúng mùa của nó thì nó mất hay và ưa chạy bậy: cá

thì *ê vảy*, gà thì *thay lông* là hai lúc *dại ky*^(*), cần cho nghỉ ngơi, không nên đá độ.

CÁCH LỰA CÁ

1) Thế nào gọi rằng *cá tốt*? Con cá tốt thì phải cho *phụng vỹ*, đuôi, kỳ lành lẽ, mình mấy không tỳ tích, vảy lớn và đều, không chộp mí, miệng thật rộng, vành môi *quai xách*, cổ lớn đều, không đứt khúc đứt đánh, nhứt là cặp mắt phải sát da đầu, vì mắt lộ, trong khi đá bị cá địch cần nhằm, nổ mắt và đui thì khôn. Cá tốt phải lựa khúc hậu cho dày, như vậy thì cá mạnh, lợi giỏi, có nước bền; không may bị cần hậu thì cũng khá hơn những con bấp hậu mỏng quá, chưa chi bị vài miếng cần, rớt vảy, tróc da, lòi thịt, gân thấu xương, ngó thấu bên kia, ghê quá!

2) Thế nào là cá tệ? Con nào mình mấy có vết sẹo, tỳ tích, đuôi không lành, kỳ rách, miệng có tật, môi mỏng cần không mạnh miệng, lớn đầu mà eo cổ, ốm, bấp hậu mảnh mai, thân hình không cân xứng, ấy là cá bỏ đi, đừng tiếc, đá thua uống tiền!

CÁCH THỨC CÁP CÁ

Cáp cá mỗi nơi mỗi khác. Có nơi *cáp theo bè mặt*. Ấy là cáp theo *kiểu trẻ con thường dùng*: để hai con cá trong hai chai keo, xích lại gần nhau cho hai con thấy và đá bóng, khi ấy nhắm chừng định hai con bằng nhau, hai đàng ưng ý đồng lòng là mức cá thả vô keo của trường là độ cá bắt đầu.

Như vậy thì dễ quá và thô sơ quá, đâu còn gì là phô trương tài lạnh mắt, biết coi cá lạ! Có nhiều giống gọi cá *không áo không quần*, thân toàn thịt xương, cụt đòn như cá Xiêm, gọn ghẽ như các tay võ sĩ lạnh nghề, *cáp bè mặt* gặp thứ cá đó thì

(*) *dại ky* : có lẽ phải là *dại ky (ki)* (Bt)

lầm chết đi còn gì?

Bởi vậy, nên nhiều chỗ như miệt Sóc Trăng, thích cá cá dựng sẵn trong thố nhỏ. Sau này khan hiếm thứ thố này vì nạn chiến tranh Hoa-Nhật, tàu không qua được, họ đổi lại dùng thứ tách Tây uống cà phê, dựng cá cũng xong việc. Cá kiểu này, cá không cần đá bóng. Con cá coi bề gáy, có thể nói *cá cá theo bề đúng* vậy. Hai đàng đem vài con cá dựng trong thố giở nắp xích lại gần và độ nhau. Ở trên dòm xuống thấy hai đầu gần bằng nhau, cổ bằng cổ, bề dài và bắp hậu gần như nhau, thế là được. Chỉ còn thỏa thuận về số tiền là đá nhau được rồi! Nhưng dễ gì có chạn vừa triển nhau bao giờ? Con này dư đuôi, con nọ lớn đầu, phải bù qua sót lại, *châm chế*, thông cảm nhau thì độ mới thành: đầu bằng nhau, mà con này thiếu chút cổ nhưng dư chút gáy tức bề dày, thì *chế* phút đi cho rồi mới là tay hảo hớn chứ! Khi nào gặp tay khó, chạy hơi hoài không chịu đá, thì gọi *độ đá mắc*, *độ cá không rẻ như mọi lần* vân vân. Nhưng cũng có nhiều khi thấy cá nhỏ dám đá với cá lớn hơn nó, thì cũng có duyên do: cá nhỏ đang độ hay, đúng thời tiết; cá tuy lớn, nhưng *bảy đó* đã được thấy đá rồi, *không đáng sợ*, cá mình nhỏ nhưng vảy già giặn, mặt sáng, miệng dữ hơn thì *cứ làm càn* để thử thời vận, ai há sợ ai? Nhưng cũng đừng lý luận dài dòng: có khi bên cá nhỏ chịu độ vì *cáp xô* chớ không vì lý do chi khác! Thú đá cá, đá mắc, đá rẻ là ở chỗ đó! Nhưng cũng không nên ý lại mà cho cá mình đá với cá lớn hơn, gắt hơn, trừ khi nào thấy cá đối phương đã ló mòi hư, vảy dộp, chủ nó không để ý, cá ốm thiếu sức lực, cá cũ xuống sắc mà chủ chưa hay, v.v... Đá gà, đá cá, hay dở do người cá có *thần nhãn* cùng chăng, và hay dở ở nội chỗ đó: với tay sành điệu, thiếu chút đỉnh, họ xem thương. Tuy vậy, đã dám xách cá ra trường, cũng phải có chút ít kinh nghiệm. Dòm con cá của người khác, phải biết đó là thứ cá gì cỏ, hồ, lai, Rạch? Lại nữa phải biết cá của địch thủ đang độ sung sức, đang

gặp mùa *hên*, cũ hay mới, hư rồi hay sắp hư, như vậy mới dám chắc không bị thua lặn. Mà khoan khoe tài: thế thường cờ gian, bạc lặn; qua nghề đá cá thì mảnh lối xảo trá không thua nghề đá gà gian. Họ có ác ý thiên hình vạn trạng: ngó chằng chằng từng giây từng phút, nhưng rồi họ cũng qua mặt như chơi! Không biết họ có học khoa *vật lý quang học* hồi nào, nhưng bọm gian thường để cá của họ trong thố sâu chứa nước được nhiều khiến cho cá ở dưới sâu xem ba chớp bốn sáng tưởng rằng cá nhỏ! Họ khéo lựa thố có cái hông phình ra vừa đủ làm cho ánh sáng chiếu vào lưng cá, khiến cho mình ngộ nhận thấy con cá bé đi, chịu miếng đá, đến chừng thả hai con vào keo, cá họ lớn hơn cá mình thì việc đã rồi.

Tục lệ cá cược Sóc Trăng, hai bên được phép dùng mỗi người một cọng lông gà tước bớt còn chừa nội đầu chót một chút lông, lấy đó làm cây chổi quét nhẹ trên mình cá của đối thủ đểm xem xét kỹ: đuôi, kỳ, mang, gáy ra thế nào, v.v...; mình tình thật thì dùng lông gà thường. Dè đầu bên họ, họ lập tâm sẵn, nên đã tẩm cọng lông gà của họ vào một chất độc, tỳ như nước lá môn ngựa chẳng hạn, khiến cho con cá của họ, nhờ nuôi trong nước độc (nước lá môn) ấy lâu ngày nên quen đi, đến con cá của mình, chưa từng quen thứ nước đó, nay bị quét sơ ít lông gà tẩm thuốc, đã ngứa ngáy sần mình, chọt thả vào keo đá độ, họ lấy vợt xúc cá của họ, họ xúc luôn mớ nước ngựa pha vào keo thì tức nhiên cá họ quen nước làm gì cũng gác, cũng nắm chắc phần thắng hơn cá mình lạ nước, chưa gặp môn ngựa nào. Đây chỉ là một mảnh khéo nhỏ, còn ngón gian trong trường cá không sao tả xiết, người thức thời và biết khôn, duy dùng mó tay vào nghề chơi cá và đá cá mới khỏi bị thua trí thua tiền.

THỂ LỆ ĐÁ CÁ

Theo phép chơi cá, tuy không có trường dạy luật lệ, nhưng

theo thói quen thành tục, lấy đó làm chuẩn thẳng, thì chịu đá hay không là khi nào cá của mình còn ngoài thố cáp, chưa thả vào *keo trường*. Cá còn ngoài thố, thì mình là chủ cá, có trọn quyền *chạy, không đá*, hay là *ung thuận*, cho hai con đá nhau. Một khi cá thả vô *keo trường* thì như ván đóng đinh, phải để cho hai con đá đến ăn thua, chớ không bên nào được bắt cá ra, dẫu bên đối phương cá và cá lai *rạt* hay *lai máy* đời cũng phải cắn răng mà chịu. Vì vậy khi cáp cá, phải cẩn thận từ ly từ phân, phải luyện cặp mắt biết *cá lai, cá Rạch* từ trong thố, chớ dùng dọi thả cá vô keo, kêu Trời vô ích!

Điều lệ khác cần biết là khi thả cá vô keo, khởi sự ăn thua là khi nào hai con đều cắn nhau *miếng vay miếng trả*, mỗi con cắn một miếng là bắt đầu *thành độ*. Nếu thả vô keo, hai con phùng xòe, con A cắn con B, B chưa cắn miếng nào, thoát A bỏ chạy, thì độ cá kể *huê*, vì B chưa cắn, chưa thành độ.

Đây là thể lệ chánh, ở đâu cũng vậy, còn những *chi tiết nhỏ nhặt khác thì sẵn chủ trường vừa là “cố vấn”* vừa là quan tòa, sẽ giải quyết tùy sự thông cảm của đôi bên. Một điều nên nói nữa là chủ trường, ở tại trường cá, lệnh và quyền, lớn hơn ông Cò tại bót cảnh sát; và ở trường cá không có luật *chống án!*

MỘT ĐỘ CÁ ĐIỂN HÌNH

Lúc nãy, tôi có nói về những mảnh khóe gian lận của bọn đá cá chạy gạo, chuyên gạt lớp, phỉnh phờ, đến em cháu cũng không buông tha. Nói thì nói vậy, chớ thỉnh thoảng ông Tổ nghề đá cá cũng sửa lưng đồ đệ một cách bất ngờ cho chúng nó bớt khinh lờn oai Tổ! Lối năm 1938, tôi còn từng sự tại tỉnh nhà Sóc Trăng để dề bề *thần tình mộ khan*. Ở xứ đá cá nên tạt cù khó chữa, chúa nhựt nào cũng có mặt tôi tại trường, mà

trường cá vốn không xa lạ, vì chủ nhà anh Nguyễn Trinh T., mặc dầu nay gương vỡ, chớ chúc *anh vợ trước* không mất! Một buổi gần trưa chúa nhứt tôi xách nả tre có đựng mười cái thố sành mỗi thố là một con cá chiến. Từ sáng sớm họ đã đá xong vài ba độ, trường đang nóng tiết, kẻ ăn cười người thua, luồng điện bắt đầu muốn xẹt lửa. Chú Bảy Minh đem cá từ Bãi Xàu qua cấp độ. Khiến cá tôi gặp cá chú. Lúc còn trong thố, rõ ràng cá tôi lẩn cá chú, một mười một tám. Đồi bên bằng lòng ưng đá, tiền độ là năm chục bạc, phần tôi *bao* phân nửa, hai mươi lăm đồng, còn lại chia kẻ năm người ba cho vui. Bên chú Bảy, chú bao số, chú muốn *ăn một mình trọn gói*, không cho bọn thua từ sớm *ké vào chút ít* gọi là gỡ gạc vớt vát ít nhiều.

Cá thả vô keo, anh T. chủ trường, nhắc lấy lẽ rằng: *giao hai con cần qua cần lại mới bắt đầu ăn thua nhé!* Cá của tôi, dạn sẵn, nên phùng xòe trước, *xem cũng có gió quá chừng!* Tôi đang khoái chí, bỗng nghe cả trường cười ồ lên gần vỡ toang óc nhà! Cá chú Bảy khởi sự xòe đuôi, giương vị, phùng mang, trợn trừng trợn trạc, thì mẹ ôi! Cá chú Bảy như *cha*, lớn bằng ngón cái, còn con cá của tôi, không khác con của con cá kia, vừa bằng ngón út, mà cũng múa múa phùng phùng xem mắc cỡ và nhục nhã cho tôi chưa?

Bởi họ thiện nghệ nên họ khôn hơn mình! Lúc nãy, cá còn trong thố, họ dùng lông gà nhận chìm con cá họ xuống sát đáy, lại thêm lấy lông gà quét túm vi kỳ con cá, nên mình thấy nhỏ xíu! Bấy giờ được thả vào keo rộng, cá nở nang bành trướng đúng sức nên to gấp hai ban nãy! Thôi rồi! Cái thua nắm chắc về phần mình rồi! Tôi ngòi đó mà chỉ trông mau dứt độ để về nhà sớm sớm, tránh những cặp mắt ngạo nghễ của bọn hàng xáo khó chịu. Chú Bảy, không nói gì, chỉ rung rung mấy sợi sợi râu mép *kiểu Charlot*, thắm hân hoan nhưng còn ngại, nếu cười ra mặt e tôi đổ quạu không chung tiền thì uống lắm! Nhóm

bàng quan nãy giờ thấy cá chú Bẫy *kê ăn chắc* nên phóng bắt om xòm. Ban đầu còn kiêng dè, họ phóng mười đồng ăn bẫy. Về sau bắt kể, họ quăng ăn năm, ăn tư, nghe là thêm tức giận. Riêng tôi, tôi ói gan, nhưng đã bước vào nghề, phải học chữ *nhẫn*, nên cắn răng mà chịu. Duy, nói chí đáng, mấy người đá theo phe tôi, một là nóng ruột sắp mất tiền oan uổng, hai là thấy tôi mắc mớ nên bênh vực, bọn đồng sở chửi thề liên miêng, nào *đá không ngay thật*, nào *ăn gian sẽ thua mặt có ngày!*

Trong keo, hai con cá đã *trao đổi găng tay*, cắn nhau mỗi con một miếng cắn: thế là bắt đầu ăn thua thực sự. Cá của tôi vẫn quạt đuôi, phùng xòe, lo lôi, lo tìm chỗ nhược mà hạ thủ. Cũng trong lúc ấy, ngờ đâu cá chú bẫy lại không lo nghinh chiến; để liền thoảng, đảo bên này rồi đảo bên kia, lội tung tăng theo cá tôi, hết lội sau rồi bọc ra trước mặt, giương kỳ, xòe đuôi, khoe mã, giáp. Bồng lẹ như chớp nhoáng: con cá của tôi, thừa lúc cá chú Bẫy uốn mình trước mặt khoe bộ vẫy óng ánh như sao, nó bỗng phóng hết mình tới trước, cắn một miếng thật mạnh vào bụng bở, mạnh cho đến đổi bọt nước văng tung tóe và nghe rõ ràng một tiếng *bóc rung rinh* mặt nước hồi lâu. Rồi một sự bất ngờ diễn ra mau như điện chớp. Cá chú Bẫy bị một vết đau quá, giựt mình chạy khan, xé đuôi cuốn giáp, hát bài *tấu mã* luôn, không còn gan dạ nào trở đầu nghênh chiến! Mà có gì lạ đâu: chẳng qua từ khi thả chung vào keo, cá chú Bẫy thấy cá tôi sặt rắn, trên mình có vằn có vện, lầm tưởng đó là cá *mái* nên sẵn lòng trở ngón ba mươi lăm! Bất thần nay bị cắn mạnh *như trời đánh, búa đổ*, bèn kinh tâm tán đờm, ù chạy luôn, quên chuyện đấu tranh!

Từ bại trước mắt, chuyển ra thắng một cách bất ngờ, tôi thò vợt múc cá ra, chia tay lãnh hai mươi lăm đồng bạc ngon lành, trong khi chú Bẫy, bây giờ mới nhìn bà con, lầm bầm:

Đồng tiền của ông cháu lớn quá! Tự hậu, tôi không dám đương đầu với ông nữa! Ai coi! Cá tôi lớn mười, đá với cá ông không bằng phân nửa của nó; tiền kể như bỏ túi, tội gì cá lớn trở tật, trúng mả làm chi hại tôi thua vô có vô căn! Hoặc tôi hết thời nên Tổ trác? Hoặc ông cháu có thần tài giữ của chi đây? Thật báo tôi quá, và tự hậu tôi không đá với ông nữa đâu!

Thật vậy! Chú Bảy từ ấy không hề cáp đá với tôi, mà tôi cũng giải nghệ từ đây vì biết rõ trong trường đấu kê đá cá, ngư ngơ như tôi làm vậy mà không sớm rút lui thì chỉ đưa đầu gối cho chúng đột!

CÓ MẤY THỨ CÁ ĐỂ NUÔI CHƠI?

Nay xin kể theo chỗ tôi biết, một vài thứ cá thường thấy:

1) *Cá thia thia cỏ, ao, hồ*: tùy tên đồng nội, tên địa phương mà gọi, như tại Sóc Trăng, có cá đồng Lộ Nghe, đồng Hàng Tràm, giồng Lành Kia (Long Tử Giang), v.v...

2) *Cá nước, cá Rạch* (ở Rạch Giá, rừng U Minh): Như đã nói, cá loại này hay lắm, răng bén cắn dữ, giỏi chịu đòn, không chạy hạy, trừ phi hết mùa cá xuống nước. Xiêm lai lơ mơ cũng cự không lại nó. Người đi hớt cam go, lội rừng mấy ngày ròng rã, cá trốn trong bọng dừa nước, chung với rắn, đĩa, trong bưng biển có tiếng là đầy cộp, sáu, thú dữ... Ngày xưa cá đồng hạng tốt, bán một hai gấc bạc mỗi con, thì cá Rạch, gặp mùa hút và cho xổ thử thấy tãi trước mắt thì ba đồng bạc mỗi con cá tốt, cũng có người dám mua. Cá nước duy bất tiện một điều là dễ nhìn ra, và chỉ cáp độ với cá nước khác chỗ hớt, còn cá cỏ, cá đồng, không ai dám đá với loại cá nước, cá Rạch này.

3) *Cá Xiêm, rặt*, gọi cá Xiêm thiệt chia ra cá có kỳ và đuôi đỏ lòm, cá Xiêm đỏ: bền nhưng ít bén; cá Xiêm xanh thì kỳ và

đuôi xanh lè xanh lét, cần dữ, mạnh, lẹ, nhưng ít bền; cá *Xiêm đen* vảy đen huyền, như cục xiên xáo, vừa đẹp, vừa hay, nhưng ít thấy bán; cá *sáp* mình trắng, để chưng chơi, không ai nuôi đá, đủ biết tài nghệ tầm thường nên không ai chuộng.

4) Cá *Xiêm lai một đời*, còn dữ như thứ thiệt. Thấy dễ biết, vì càng lai thì thân mình con cái càng dài đòn thêm.

5) Cá *Xiêm lai biệt dạng*, riêng gọi cá *đúc*; người sành nghề dòm qua dễ biết vì cơ ta, đuôi, kỳ màu không sáng như cá lai.

Năm giống cá vừa kể là cá thia thia đá độ. Đặc biệt nhất là cá *Xiêm* của các ông hoàng chơi riêng trong hoàng cung. Người dân thường làm gì có được? Cái con tôi nói trong chuyện *thia thia đại chiến thần lần* vì cỡ lớn quá, không gặp độ nên cũng không biết tài hấn. Lại nữa, lão thủy thủ tặng cho Ba tôi, nói làm vậy, mà đủ tin chãng? Nước *Xiêm*, nước *Cam Bốt* là hai nước tu theo đạo phật, cấm sát sanh. Thế mà người *Xiêm* và người *Khơme* thích chơi cá hơn ai hết. Thậm chí, thầy sãi thấy đá cá cũng dừng chơn đứng xem! Có người phàn nàn: Ông đã tu hành, sao lại ưa xem sát phật? E trái với lòng từ bi của Phật tử chãng?!

Trả lời: Việc tu hành là khác. Đây là hai con cá nó đá lộn. Tự nó cắn nhau thì tôi coi! Tôi có xúi giục bao giờ mà tội với lỗi???

Ngoài các giống cá *vô sĩ*, biết trống mái thư hùng, biết cắn xé giết hại nhau, tranh đấu giữa đồng loại làm trò chơi cho thế gian vui mắt, lại có thứ cá *văn sĩ*, y mao lướt bướt, xúng xính trong những bộ áo may trừ hao nên rộng xùng xình thấy dễ tức cười, tôi muốn nói những cá nuôi trong bể cạn, trong bồn thủy tinh để làm kiếng chưng chơi. Ấy là:

a) *Cá phươn* (poisson de paradis), gần giống thia thia nhưng thân mình dài hơn, thêm đuôi kỳ dài nhằng, nếu dễ vậy mà cần lộn với con cá khác thì nội bao nhiêu quần áo đủ thua, tự nhiên học trò khăn áo chỉnh tề đánh lộn khó hơn những thằng mình trần đóng khổ!

b) *Cá bút chì* (poissons-crayons), (Nannostomes) lội dựng đứng đầu trở lên trên, đuôi ở dưới, nên đặt cá bút chì là vì vậy.

c) *Cá giống chiếc lá khô* (Monochire). Cá này kỳ giữa và đuôi trong khe, còn giáp thân mình trở đốm rằn trắng xen rằn đỏ hoặc sậm đen, mới trông tưởng đó là chiếc lá khô, hay cục đá rong rêu. Chuyên môn nằm dưới đáy bồn, ăn cá nhỏ li ti, không ăn cá thì nuốt những chất dơ của các con khác tiết ra, làm cho bồn được sạch sẽ. Hay là tạo hóa sắm mớ monochire này thay thế các chóa đổ thùng chầu xư?

d) *Cá xanh dương* (màu bleu de Prusse) có lần đỡ dài theo mình như *vải may pyjama*, trông rất đẹp. Sách tả cá sáu bảy phần bẻ dài, nhưng cá bán tại Sài Gòn không dài hơn ba bốn phần, tại giống đẹt hay vì ham bán sớm nên cá nhỏ? Danh gọi *macropode*, còn tại hải học viện *Museum de Berlin*, cũng gọi *Tel Matherina Ladigesii*...

e) *Cá Taxotes Jaculatores* của xứ Bornéo, không biết ta gọi cá gì?

f) *Cá Scalaires*, tức cá sọc dưa, mình giống cá chim, có sọc đen sọc trắng, trông rất đẹp. Người Tàu có tánh hiếu kỳ tùy theo màu sắc đặt tên khá ngộ : *Hắc thần tiên* (hắc xanh xính), *Mỹ châu Bạch thần tiên* (Pạc xanh xính), v.v...

g) *Cá Carbus de Suatra*: đỏ vàng đen.

h) *Cá Tricogaster*, có hai dải dưới dài giáp đuôi.

i) Cá *Rasbora*, xanh đỏ đen.

j) Cá *Danio Rerio*, sọc dưa sặt rằn theo chiều dài như pyjama màu xanh vàng.

k) Cá *Tetra Déon* giống một thứ với cá *macropode* tả nơi số d).

l) Cá *Mollinésie* toàn đen.

m) Cá *Girardinus Guppy*, đuôi đủ màu như móng trời.

n) Cá *Hemi Grammus*, mình xám, mắt và cạnh đuôi điểm đỏ.

o) Cá mình trong ngăn dòm thấu xương, bên này thấy qua bên kia.

Trong Chợ Lớn, trước đây, đường Đồng Khánh (nay đã đẹp) vừa qua khỏi đại cao lâu *Thoại Quỳnh Lâm*, có một nhà chuyên bán cá ngoại quốc, tự đặt tên Tàu, nhiều tên ngộ nghĩnh:

Quán ấy tên là *Thủy tộc quán NHÀ LẠC*, bán những cá:

- Xanh xương (Ấu Châu)

- Cùn (Ba Tư)

- BỐ LÔ (Amazone)

- Hùng liên tán (Amazone)

- Tín cón cùn (Nam Âu châu)

Châu trước tôi thấy ở đây một bồn đựng vài con cá lớn cỡ bàn tay, hình thù là cá chim, nhưng có sọc ngũ sắc y như mặt vằn vện *tướng núi Hát Bội*, hỏi giá, nói năm ngàn đồng mỗi con! Không biết mua về có được làm *Hắc thần tiên chãng*? Chưa

chỉ tốn nửa tháng lương mà còn thêm hồi hộp sợ cá chết thì đi đời năm ghim chớ không ít!

Ngoài những cá mới, cá lạ nói trên đây, thì có một thứ thia thia kỳ Tàu, danh gọi *Kim ngư*, Tây gọi *Telescope de Chine* chia ra nhiều giống:

1) Giống cá mình vàng khè, không có kỳ trên, lưng lớn như lưng cá ông, tên gọi cá Ông Thọ. Khi cá đứng sức lớn, thì trước mũi mọc thêm một mớ thịt dư lòng thông như lông công hát bộ.

2) Giống cá vàng y như cá Ông Thọ, nhưng cá này có kỳ trên. Thường lội dưới nước tha thướt như công tử hát bội du xuân! Kim ngư mắt lồi như mắt cá thòi lòi là quý nhất, danh gọi *Đôn nhơn*.

3) Một thứ kim ngư khác, mắt lồi thêm lật ngửa dòm trời, vì đó tên đặt *long nhơn gương thiên*.

4) Cũng Kim ngư, nhưng mắt như có bọc nước, lại gọi cá *thủy bao nhơn*.

5) Kim ngư tuyến đen là *hắc mẫu đơn*.

6) Cá tuyến trắng, lớn lên vảy chớp như bạc; còn kỳ đuôi cũng trắng phếu, thêm dài lê thê, trông đẹp như *bạch tỷ công tử* trong buồng Tàu hay anh chàng văn sĩ *bạch tỷ bạch mao*.

7) Kim ngư nửa vàng nửa trắng là cá *dính dương*.

8) Kim ngư nuôi lâu năm, đầu có mọc chóp mao, lúc lội vừa đớp nước vừa phun ra bọt tròn tròn, người Trung Hoa đặt tên là *sư tử hý cầu* để câu khách sộp, bán không dưới đôi ba trăm bạc. Đủ cặp giá còn mắc hơn nữa! Nhưng mua về, cá già mau mệt, và khó nuôi. Không vậy người bán cá dương làm chi thứ *sư tử*

hý cầu mỗi lần ăn lăng quăng còn hơn xe Huê Kỳ hoặc như voi uống nước!

Trừ những thia thia nuôi để đá, phải cho ăn lăng quăng tẩy sạch chất dơ và đếm từ con một, có độ lượng thì cá không hư sớm, ngoài ra nuôi kim ngư và những cá để chưng chơi thì có thể cho ăn thêm với lăng quăng, chút ít rau cải, như rau muống tươi để nguyên lá, xà lách, ruột bánh mì, bột cho cá ăn, và lăng quăng hóa học, đỏ đỏ, bé ly ty, có người bán kim ngư Chợ Cũ Sài Gòn và trong Chợ Lớn, đều có bày bán rất nhiều. Nhiều người cho rằng ruột bánh mì, cá ăn thường sinh bụng và chết. Tôi kinh nghiệm sáng sớm thả vài miếng bánh mì trong bể cạn, cá thia thia Tàu tôi nuôi hàng trăm con, chưa chết con nào. Đến chiều xế bóng, tôi mới thả lăng quăng sạch cho cá ăn thêm. Nếu lăng quăng mua về, để vậy cho ăn, tôi để ý thấy có thể vì đó mà cá chết, bởi lăng quăng này họ xúc trong mương rãnh Đô thành với đủ thứ chất dơ; phải rộng nó trong thau chậu cho có đủ ngày giờ nó nhả những chất độc ra, sau khi ấy sẽ cho ăn cá thì không bao giờ cá sanh bệnh. Còn lăng quăng hóa học, thì được vệ sanh hơn nữa, vì thứ này rộng trừ đến bao lâu cũn không thành muỗi.

KẾT LUẬN

Thú đá cá đi đôi với thú đá gà, vẫn là hai môn giải trí của người đồng ruộng. Muốn dưỡng thú chơi ấy thì nói đó là những cuộc vui lành mạnh của những người củi lục chất phác.

Không thương, muốn bỏ thì thiếu gì tội lỗi, lựa là tôi, không ai khảo, mà phải khai ra?

Riêng tôi, tôi xin có bao nhiêu, nói biết:

Trong Gia Định, có tích đời xưa, một thằg mê gà nòi, mê

cá thia thia thia cho đến đôi, gà bị phang cùi đòn chết cồng; vợ chạy án, mẹ ruột ra chịu tội mà thằng con bất hiếu đành vác dao xắt chuỗi rượt mẹ chạy ra sân giữa cơn mưa, bỗng một tiếng sét đánh xuống, thằng con chết đứng, nay còn tích : *Trời trông thằng nghịch nhi.*

Tôi thì chưa mê gà mê cá đến bực đó. Nhưng tôi có tiếng là mê sách, mê chơi đồ cổ ngoạn. Ai nói sao thì nói, chớ tôi nghĩ làm vậy: trong đời thiếu chi người mê ôm gái cùng nhau khiêu vũ, mê ôm ống vớ đi mây về gió, mê ôm ba cây bài (văn văn, võ võ) “mành mành mù mù”, thì tôi há chẳng ôm ngọc, ôm cảo thơm? Rồi thỉnh thoảng, tôi nhớ những phong lưu cổ thời, cũng cho tôi ôm gà ra tắm, ôm keo cá ra thay nước, há chẳng được sao? Nếu tôi làm được thì người khác cũng được. Gọi để xả hơi đôi chút.

Gia Định, cự đường Rừng Sác, nay là Nguyễn Thiện Thuật, nhà số 5. Ngày 22 tháng 6 Tân Sửu (3 Aout 1961)

PHẦN THỨ NĂM
ĐỂ THAY CHO LỜI “HẬU TỰ”

**BÀN VỀ XÃ HỘI
LOÀI SÂU BỌ
VÀ THÚ ĐÁ ĐẾ**

Người Việt Nam, trước khi biết cấp sách đi học, đã biết *đá* *đế*. Lốp nay, mua tại chợ, muốn *đế* *mọi*, *đế* *lửa*, đều có. Lốp tôi, phải chịu khó ra đồng, kiếm lấy. Ngày nay văn minh lấy tờ giấy bạc thay chỗ hôi công khó. Sướng nhỉ. Cái cũng tùy! Tùy tôi, tôi lại muốn tự mình tìm ra. Như vậy mới có cái thú: bắt con *đế* *mọi* này, đen như cục than hầm, tại Đồng Tập Trận. Phải chăng còn vấn vương chút hồn cựu chiến sĩ chống Tây năm xưa?

Còn con *đế* *lửa*, râu hoe, mình như cục lửa, tôi *xí* *được* tại mười tám thôn Vườn Trầu, bữa đi Học Môn với mẹ. Rõ ràng ban đêm nó gáy như tiếng kèn thúc giục đứng dậy chống xâm lăng!

Hai con *đế*, hai đoạn lịch sử! Thêm không tốn tiền. Lại được hai bữa tẩm nắng.

Con tôi chơi mà bắt tôi suy nghĩ. Thấy nó chơi mà tội. Vô hộp quẹt cây, chẳng bây giờ là khó kiếm. Nó moi nó lục, nó tịch thu của mẹ nó, mở hộp giấy đựng thuốc chích. Té ra đời nào có phương tiện đời ấy, và những hộp sành, vuông vuông, có đục lỗ *hỏi* *vấn* *tai* *vị* đời Đạo Quang đựng *đế*, thì cũng thế! Các tay chơi *đế* cuối đời Mãn Thanh, có hộp sành, mỹ thuật nhưng bộn bề. Cha mẹ tôi làm nghề thợ bạc, nên cho con đựng *đế* trong vỏ quẹt. Thằng Hồng Bảo, nay nó chơi *đế* trong hộp thuốc chích cùng vừa!

Chuyện người, muốn viết cho hay, thật khó! Cố viết, chỉ dụng dạm, méch lòng. Thảo nào xưa Bồ Tùng Linh ham nói chuyện ma. Nhà Thanh còn tại ngôi, dân Mãn có tục cạo đầu góc bím, chừa đuôi sam. Bồ tiên sanh hạ bút viết: *Bây chôn say rượu, hiện nguyên hình, lộ đuôi dài thườn thượt!* Lọt khỏi mắt

nhà cầm quyền, tiên sanh sung sướng hơn cưới hầu non: nhà văn thời kỳ chuyên chế, gan không nhỏ, ham nói, có khi sướng miệng, rụng đầu không hay!

Bao nhiêu chuyện vợ ma chung tình với người sống, chôn báo nghĩa, hồ ly thủ tiết nuôi con, há chẳng tác giả nói giấu mí: người với người không ra gì, eòn thua thú vật, loài hồ mị, xác ma khô...

Ngày còn tụng văn Pháp, từng xem sách nghiên cứu về sâu bọ của nhà côn trùng học J.H.Fabre (1823-1915). Chuyện đế mèn, ve ve, con ông, cái kiến... Bài nhập đề “Un peuple extraordinaire” (Một dân tộc phi thường), tôi nhớ mãi mãi: *Có kẻ đi xa về, thuật rằng quần đảo Polynésie, thổ dân có tục banh môi cho trót ra thật to, nong vào vành môi một vỏ ốc, miếng gỗ hoặc khúc ngà: nong môi càng to, vẻ đẹp càng tăng. Bộ lạc khác xuyên chân lỗ mũi để đeo vào một xương cá. Thổ dân nữa xoi trái tai đeo xương, đeo đồng, đeo chì. Tai thông gần chấm vai và cực kỳ quý tướng: tai đức Phật Cổ Đàm!*

Hãy khoan cười sớm: mỹ nhân da trắng, khoe tối văn minh, bặm môi chịu đau cho người xỏ tai để đeo kim kim cương. Trên châu, kim cương, hạt xoàn, vừa bằng đầu mút đũa, một gia tài không đổi. Anh chồng tân thời nhẹ túi chạy không đủ tiền mua sắm, nên trái tai bà vợ không chấm vai như tai các vị mạng phụ thuở xưa. Chỉ có thể thôi.

Lưu manh thời cổ hãnh diện vì khúc xương cá đâm ngang sống mũi. Lưu manh thời tân, không chịu đau được, đành cam chữa râu ngạnh trê, để râu cá chốt, hớt râu cứt chó kiểu “hề Charlot”.

Xưa đàn ông, muốn có bộ mặt dữ dằn của ông tướng “lắm lắm oai phong”, bèn xăm mặt vẽ vân vân. Giống Sénégalais nay còn gạch mặt cho kẻ địch khiếp. Ngày nay phải đẹp hết sự nạn bất cóc: trước đây còn bó chân, banh môi, ép ngực, cũng vì ghê nạn bị kẻ chiến thắng chửi, dất về xứ họ. Nay muốn được dòm giở và yêu, bèn thoa môi, giặm má, và đeo “ngực độn”!

Làm gì thì làm. Hãy coi lại, còn thua xa loài côn trùng: con kim quít, áo của nó là một bộ vũ y xanh lam, hỏi áo nylon các cô có dám bì màu sắc sỡ ấy không? con bọ hung còn ai trên đời làm nghề đê tiện hơn hẳn? Bộ giáp vàng lộng lẫy của bọ hung ỏi cứt, công tử tử phú chưa có áo nào tốt bằng.

Tôi đạp xe đi làm, thường thấy anh đánh xe thổ mộ chợ Bà Chiểu, tay nắm cương, mắt ngủ gà. Anh không cấm cản ngựa già vừa chạy cà rịch cà tang, vừa gieo rắc trên đường tráng nhựa những ổ xanh xanh nóng nóng, lọt từ sau cạnh đuôi lọt ra. Cặp bò xe chở mĩa từ Thủ xướng, cũng không chịu thua: chon vừa đi chậm chạp ổn ện, miệng vừa nhơi khúc mĩa ngọt ngon, phía sau bò vừa phun bãi nào bãi nấy còn lớn hơn mặt đỉnh Công Chánh gạch đường. Nếu cứ để vậy, không lâu Đô thành thơm tho sẽ biến nên hòn núi phân bò, phân ngựa. May sao bọ hung làm việc. Một con bay trên cao canh chừng, còn kỹ hơn ta canh lửa. Bò vừa phệt, bọ hung đánh hơi, chạy về kéo bà con cô bác đến làm phận sự! Giày lát sạch hơn! Ra đường, ai biết đó là bọ hung: giáp đen, cẳng đi giày dụng gối, trên đường ngo ngoe hai cái bóng như bông mào hát bội, còn ai đẹp tày?

Người Á Đông ít chịu tìm hiểu. Mỗi mỗi đều tin trong sách để lại. Thuở nay cãi nhau rầm rầm và đình ninh:

- Sò huyết do chim se sé hóa ra;

- Chồn đèn lâu năm biến thành con lươn vàng;
- Chuột xạ, chuột chù, sau trở nên con dơi muỗi.

Tin chắc nhưt, vì có câu chữ dựng đứng, là tích *minh linh nghĩa tử*. Không con, xin con kẻ khác về nuôi, ba bó một giạ, tính rằng vò vò bắt sâu về ổ nuôi làm con, đúng ngày sâu kiến ra vò vò con.

Sự thật đâu phải vậy.

J.H. Fabre tiên sanh chịu khó bắt vò vò nuôi trong ống thủy tinh trắng suốt. Nhưt cử nhưt động của vò vò, ông đều thấy rõ. Té ra vò vò chích sâu bọ làm cho tê bại, đem về nhét vào ổ làm môi sống, chờ con trong trứng nở ra, sẽ có thực phẩm sẵn sàng như ta có đồ ăn trữ trong tủ lạnh! Fabre khám phá: đời đời, kiếp kiếp, cha truyền con nối, con vò vò có một phương pháp đặc biệt, mười lần không sai một, là mỗi khi bắt được sâu, vò vò dùng chum ôm chặt sâu ấy, kèm cứng sâu được rồi thì dùng kim ở sau đít, chích mạnh bộ cân não con sâu, đóng ngay kẹt xương cổ. Bá phát, bá trúng! Nói thiệt, nghề châm chích của vò vò tuyệt diệu vô song, dám chắc ông bác sĩ chuyên môn, cô y tá lành nghề, có bữa vì mệt mỗi hay vì đa đoan công việc, còn đâm phạm chích thuốc ra ngoài gân máu, chớ còn vò vò, khỏi nói, với phương pháp gia truyền, không lầm lạc bao giờ. Tạo hóa trở trêu thay! Mũi kim dẹt nhưt xảo ấy, lại gắn vào đít con côn trùng nọ, cái mới buồn cười cho! Mỗi lần như thế, vò vò tiêm vào con sâu một chất nọc đủ làm cho sâu bán sống bán chết, tê liệt châu thân; nhưng vẫn sống mãi lâu sau để chờ trứng vò vò nở ra vò vò mền thì sẵn đó thức ăn tươi ngon, còn tươi ngon gấp mấy lần những thịt ta cất trong máy lạnh, vì dầu sao thịt máy lạnh là thịt thú vật đã chết, còn đây là thịt tươi

của con vật còn sống nhăn, giữ đủ thập phần bổ dưỡng. Tạo hóa tinh vi vậy thay, và chừng nào khoa học đưa ta đến đó.

Một lý nghiệm khác: chiến sĩ thời xưa luôn luôn cấp bừa đao báu kiếm tùy thân. Chỉ đến đời nay, chiến sĩ thêm kè kè vai vác súng, lưng đeo lựu đạn nặng nề. Gươm linh, súng dữ, hỡi có tùy thân mãi mãi được chăng? Thêm kẻ địch lúc nào cũng thấy những vũ khí ấy, nên đã mất phần nào linh nghiệm! Thua xa con ong, suốt đời, lúc ngủ cũng như cơn đi tháo ruột, đều đổi tùy kim bén chứa nọc độc, đó ái dám rớt? Ta mang trên vai, nó đeo sau dít, tuyệt chưa?

Xã hội còn trùng có đủ sắc dân sắc thợ: sắc nào sắc nấy vẫn chưng diện giàu sang, người trần thế không sao bì kịp. Con sâu con bọ, hèn mạt thế mấy, tạo hóa cũng phú cho một bộ giáp kiên cố để lúc ngộ trận, đủ sức đảm đương với đời! Con mối ăn cây, con mọt khoét tre, đục khoét êm ru, không nghe tiếng động. Chúng nó xây nhà xây hang, dầy ngang dầy dọc lại mấy có giấy phép của bề trên? Tính ra một người thợ mộc giỏi, thương đồ nghề nên tốn không biết bao nhiêu thì giờ mắng giữa cửa, mài lưỡi bào, lưỡi đục, mà cửa, bào, đục vẫn lụng nhầy. Hàm răng con bò cào, cặp chun trước con đế nhũi, luyện bằng thép A-lơ-măng hay Nhứt Bản, mà trọn đời không hư mẻ? Con hà khoét lũng khoan ghe, khoan chân chệ gánh nước kêu Trời... Con đế nhũi ban nầy, cắt đứt rễ tre “lục bình”, tiện ngang gốc hường quý phái, vì cặp giò trước đế nhũi, tạo hóa chế ra thứ răng cửa sắc lém: khí cụ kim thời khôn bì. Có nhiều giống sâu chuyên nghiệp ở trong xó tối, cả đời lo việc xoi lỗ, đục khoét tối ngày trong gỗ cứng, không ai thấy mặt mà! Thế mà những khi bị bắt ra ngoài ánh sáng, con nào con nấy, xem kỹ lại, trên đầu có mang hai sợi lông dài không khác tướng núi hay đào Phiến

hát bội, đầu giắt hai lông trĩ đất tiền. Xa hoa đến thế là cùng!
Khoa học ngày nay mới bắt chước thú: cặp dây “*dẫn điện*” danh
gọi “*antenne*” hoặc tân thời hơn, “*radar*” đều do cặp lông kia mà
có! Mầu nhiệm vậy thay!

Có giống, tuy bình nhứt chuyên nghề đê tiện: đào đất, xoi
hang, nếu không nói là ủi cứt, vẫn y giáp xuê xang, xinh tốt: bộ
hung, kiến dương, bù rầy...

Có giống thêm đeo đèn trên đầu, ai đụng nhằm, *đổ hào*
quang, bị *điện giết*, hết hồn với nó!

Những ai từng sống miền đất giồng cát: Sóc Trăng, Đồng
Ông Cộ (Gia Định), biết đá đế, đá cống, sẽ không lạ với hai con
vật bé bằng đầu bút chì đen: con cúc tròn tròn, con cống dài dài,
cả hai khoét lỗ ở dưới đất cát y như chiến sĩ tối tân làm chiến
hào để núp. Chiến hào như tạo đầu có tình xảo, điều luyện
bằng lỗ cúc, lỗ cống. Có ý xem: kiến con, bọ con, bò ngang lỗ ấy,
sa chân té xuống, cúc cống nghe động miệng hang, sẽ trở đầu
lên, bắt kiến bọ ăn thịt ngon lành; ăn rồi, còn xác nếu để y,
những con vật nhỏ khác sẽ biết mà lánh xa thì còn gì nhậ
nhật? Để giấu nhem tang tích, cúc và cống sẽ dùng chiếc đầu có
vá xúc tinh vì “bắn” xác lên cao, gió cuốn đi mất, tha hồ con sâu
cứ bò, con kiến cứ kéo nhau cả bầy đến nạp thịt cho cúc và
cống! Mà rồi cũng vì tánh hiếu chiến nên cúc và cống bị hại:
trong Nam, học trò nghèo mấy chục năm về trước, đều biết
cách đi bắt cúc ngoài và cống ngoài đồng cát. Cứ sắm một cây
chùm nhang, một đầu gấn một cục sáp nhỏ; trên sáp nhét một
sợi tóc ngắn ngắn, lấy đó làm khí cụ bắt cúc và cống. Dòm dưới
đất, thấy lỗ nào tẹt tẹt, lóng lóng, ấy là lỗ cúc hay lỗ cống đây
rồi. Sẽ ngồi xuống, lấy tay se nhẹ đầu chùm nhang. Sợi tóc thay

cho con vật, cào cào sột sạt trên cát: cúc và cống, tin chắc đó là con vật té hăm, phóng mình lên xem: bị bắt mười con không sót một! Dem về, để hai con chung một chén nhỏ, chúng nó sẽ cắn nhau còn giữ hơn đá để! Ấy là thú vui con nhà nghèo mấy chục năm về trước, đâu như bây giờ các cô các cậu vui chơi xe lửa điện, poupée biết nói, đất tiền thì có mà đâu đổi được thú vui kia, không tốn tiền cha mẹ xu nhỏ xu lớn gì! Cúc và cống, Fabre tiên sanh gọi “Fourmi-lion”. Tự điển Đào Duy Anh dịch “Kiến sư tử”. Giữa hai người, không biết ai Tây hơn ai?

Trở lại tác giả Liêu Trai, Bồ Tùng Linh kể chuyện một văn nhân ra đồng chơi, buồn ngủ, nằm dưới gốc đại thọ đánh một giấc ngon lành. Chiêm bao thấy được đưa đến một xứ xa lạ: cung vàng điện ngọc, cao vút tận mây xanh, cung phi mỹ nữ, xiêm y rực rỡ, đẹp không chỗ chê,... đang vui mắt nhìn, bỗng giựt mình thức dậy, nhà cửa, người tiên, biến mất. Còn lại, gần chỗ nằm ban nãy, một ổ kiến to, mới hay trong giấc “cô miên”, hồn đạo cung điện, thế giới côn trùng!

Nay để chứng tỏ người mình ham mê sách vở, ít chịu suy nghĩ, nhạy nghe nhạy tin, xin lấy một tỷ dụ là bài ngụ ngôn “Lacigale et la fourmi” học nơi trường năm xưa. Bài này, trong bộ “Văn học sử yếu”, Dương Quảng Hàm, bản 1951, có đăng bản dịch rất thanh thoát của Nguyễn Văn Vĩnh, như sau:

CƠN VE VÀ CÁI KIẾN

Ve sầu kêu ve ve.

Suốt mùa hè.

Đến kỳ gió bắc thổi;

*Nguồn con thật bối rối,
Một miếng cũng chẳng còn,
Ruôi bọ không một con,
Vác miệng chịu khúm núm,
Sang chị kiến hàng xóm,
Xin cùng chị cho vay.
Răm ba hạt qua ngày.
"Từ nay sang tháng hạ,
Em lại xin đem trả.
Trước thu, thề Đất Trời!
Xin đủ cả vốn lời",
Tinh kiến ghét vay cây,
Trăm thói, thói này vì:
"Nắng ráo chú làm gì?"
Kiến hỏi ve như vậy.
Ve rằng: "Luôn đêm ngày.
Tôi hát, thiệt gì bác".
Kiến rằng: "Xưa chú hát?
Nay thử múa coi đây".*

Như đã thấy, La Fontaine tả con ve lêu lổng chơi bời, kịp

sang đông rét mướt, không kiếm ăn được, phải đi vay nợ con kiến, nghe mà thảm nào giùm cho.

Tưởng chừng thi sĩ Pháp viết đúng sự thật, nên nhiều người định ninh việc đời là thế:

“Vous chantiez! J'en suis fort aise,

Eh bien! Dansez maintenant”.

- Chị ca hát trong mùa hè chứ? Được lắm! Đừng ngại chi tôi. Bây giờ sang đông, chị hãy múa nhảy vui đùa đi cho toại kỳ sở thích!

Bao nhiêu lời nói trong miệng chị kiến đây mới là cay nghiệt. Làm cha làm mẹ xưa nay thấy đều vịn theo đó mà răn con dạy cháu. Bỗng đọc sách khảo cứu của nhà côn trùng học J.H. Fabre, khiến tôi bật ngửa người. Té ra thuyết *Con ve cái kiến* như La Fontaine thuật, rất sai sự thật. Cóp và mô phỏng theo sách cũ, thi ba Pháp nay bị lắm to!

Chính J.H. Fabre để tâm khảo xét rõ, biết tung tích con ve gốc gác ở vùng ẩm áp xứ cây ô liu, bắt tẩy thi gia...

La Fontaine, nguyên quán ở Chateau-Thierry, gần vùng kinh đô Paris, tức xứ lạnh, nên chưa thấy và chưa biết mặt mầy ve ve (cigale) ra sao. Khi mô phỏng chuyện cổ tích Hy Lạp nói đến cigale, La Fontaine *không chó bắt mèo*... La Fontaine độ chừng bắt cigale đi vay gạo mượn thóc của con kiến, quên rằng kiến là loại có răng, ăn gạo được, còn ve ve thuộc giống có vòi nhọn để nút nhựa ô liu, bắt vay gạo, rồi răng đâu mà cắn? Dốt thứ nhất kéo qua dốt thứ hai, vay không được gạo, xoay qua xin vay vài xác muối mòng, cái mới báo, cái mới hại to, vì ve ve thuộc loại ăn “chay” kia mà! Nó hút toàn nhựa ô liu mà thôi! Ấu

chưa?

Lỗi tại đâu mà có? Xét ra thuở nay, La Fontaine nổi tiếng là người thấu đáo hơn tình bực nhứt, biết hết tâm tánh vạn vật. Xưa nay, ông mô tả con nào đúng như con nấy: chó ra mặt chó, chồn rõ mặt chồn. Dê, mèo, thỏ, rùa, quạ, chuột, mỗi giống, mỗi con, ông biết dư, nên ghi lại bằng những nét chấm phá tài tình, thần xuất quỷ mịch. Thế mà dụng phải ve ve, vì chưa từng thấy, đành tả theo ý tưởng, và bắt để mèn, bò cào thay ve ve, mới hư chuyện!

J.H. Fabre dạy rằng về mùa đông, không bao giờ thấy ve ve văng lai trên mặt đất. Mùa này, cigale còn trong thời kỳ *larve* (con sùng) và vẫn đang nằm *khẽnh chờ* thời dưới một lớp đất dày, trên phủ giá lạnh.

Mùa hè bốn bốn đến, hơi dương ấm áp. Sùng ve trở mình, bắt đầu khoan lỗ trời lên đất cái. Lỗ khoan của sùng ve khéo hơn của kỹ sư thợ mỏ thập bội: không một chút sút mẻ, trơn bết phẳng lì, khéo nhứt là tròn vo vừa lọt ngón cái, ngay bon đứng thẳng như đã thử trước bằng lập lò (fil à plomb)! Có người khó tánh sẽ hỏi: "sao ve không biết bực bội, sao không sớm ra đời, lên mặt đất hưởng thanh khí và ánh sáng mặt trời?"- Thưa ve ve biết lắm chớ (tuy còn trùng nhưng vẫn có trí khôn)! Nhưng ve ve kinh nghiệm phụ truyền tử kế rằng lên sái mùa, *lên bát tử* giữa tiết đông thiên thì có môn chết cớng với giá lạnh!

Ra khỏi đất, sùng ve bò lẩn để kiếm cọng cỏ nhánh cây làm nơi nương tựa. Gặp cây, sùng ve móc hai chân trước, treo mình nhõng nhánh, thân buông thông xuống, đầu trở lên trên. Trong chốc lát, hai chân treo đã đủ cứng cáp và chịu đựng.

Lần hồi khúc thân giữa xé ra, tét ngay theo chiều xương sống, lộ ra da non màu mơn mớn xanh xanh. Kế đó sùng ve rút đầu ra khỏi bọc, lần lượt rút ra cái mũi nhọn (sau này dùng hút nhựa ô liu), kế đến rút cặp giò trước, rồi đến khúc thân còn sót lại, kế rốt, rút cặp giò sau và hai cánh ve, nhọn lều như đôi bầu kiếm tùy thân: Tuy vậy ve non chưa trở hình vóc như ve ve ta thường thấy. Nhờ hơi gió và sức nóng Thái Dương, con ve non dướm lần màu sắc và thêm cứng cáp: nhưng đây lại là đoạn đời đầy chông gai và nguy hiểm nhứt của ve ve: vì ở đâu có bán rượu để là có thừa bọm lương hữu đệ tử Lưu Linh như dân nhậu Rừng Sác và Xóm Đồng Ông Cộ! Độ hai giờ sau, nếu không bị bắt về chiên mỡ, nếu chim không ăn, kiến không cắn và tha kíp, thì ve ve đã thoát nạn chết yểu. Hơn hai tuần nhứt, độ ba tuần là cùng, sau khi ở dưới lỗ chun lên, thì ve ve bắt đầu tìm chỗ đẻ trứng. Mỗi con đẻ khác chỗ, nhưng có khi *mụ* trước vừa ra, *mụ* sau lại vào, nên chỗ đẻ vẫn trùng nhau luôn! Muốn đẻ, ve ve dùng mũi sau rạch da cây một đường dài sâu sâu, tách vỏ làm hai, rồi đẻ vào đó độ mười trứng; kế bay sang chỗ khác, lựa nơi vừa ý mà đẻ nữa! Chung qui mỗi con ve đẻ lồi ba hay bốn trăm trứng là cùng, gom gọn trong ba hay bốn chục ổ trứng ve. Mà phải nở hết thì ve con làm gì *ăn nhậu* cho hết? Nhưng ác nghiệt thay, mỗi lần ve đẻ, lại có một loại ruồi nhỏ, luôn theo trôn ve, thừa dịp ve say mê sinh dục, ruồi chích nọc vào trứng ve cho tê bại mớ trứng ấy, rồi đẻ trứng ruồi của mình lên trên. Ngày sau, ruồi con sinh nở thì có sẵn mỗi như sẵn thịt giữ trong máy lạnh! Luật thừa trừ của Tạo hóa khiến cho mỗi lần ve sanh có đến hai ba ruồi ve bay theo; và tính ra ve lớn gấp mấy chục lần ruồi, thế mà *các tư kỳ sự*, ve vẫn sanh, ruồi vẫn theo, ai lo phận nấy, ve không hại ruồi, và đời đời kiếp kiếp, số ve ve trên cõi đất không thêm không bớt, mỗi năm mỗi con đẻ ba bốn

trăm trứng, nở được ba bốn chục ve con là vừa!

Ve đẻ trứng ve, ruồi đẻ trứng ruồi; trứng ve bị nọc ruồi nên rửa, trứng ruồi hạp thời tiết nở ra giòi con, khi biết ăn thì sẵn trứng ve ném ngon lành như ta ăn hột gà la cót!

Trứng ve nào không bị ruồi từa thì sắc trắng ngà ngà. Ve đẻ tháng bảy, qua tháng chín trứng ve biến màu, đổi sắc; bây giờ trứng ấy trắng như hột lúa mì. Bước đầu tháng mười, trên trứng, trở ra hai chấm đen đen đậm đậm, ấy là cặp nhân của ve. Vào thời kỳ này, con giòi của ve giống hình “cá con” nhỏ tí! Giòi ve lớn dần, ban đầu mọc thêm một giâm nhỏ sau đuôi; trong giâm ấy chứa bộ giò trước của ve, còn dựng trong vỏ khéo. Lớn lên chút nữa, con giòi biến thành sùng ve, và sùng ve ấy chui rúc dưới đất sâu để chờ ngày thay lột khác. Khi thành hình rồi, sùng ve bỏ vỏ xác không lại tồn ten trên cành, nhưng nhặng trước gió. Lúc ấy, lúc lia vỏ, sùng ve trộng bằng con bọ chét đất, nhưng có sức mạnh phi thường. Chờ cơn gió thuận, sùng ve buông thông rơi xuống đất: công việc nghe dễ ợt, nhưng khi làm không phải không nguy hiểm! Gió mạnh sẽ đưa “anh nhảy dù sùng ve” xuống vũng nước, vũng bùn lầy, vùng cát khô, hoặc rơi xuống chỗ nào có nhiều đất sét thì cũng vô phương khoét lỗ! Hạp hơn cả là đất xốp thịt; chỉ trong vài giờ sùng ve đã đủ sức khoét một địa đạo ẩn thân. Còn ở trên mặt đất phút nào là còn sợ tai nạn phút nấy: nạn kiến bu, kiến cắn, nạn sâu bọ lớn nuốt tươi; nạn có nhái xơi, chim gà mổ, v.v... Để bù trừ sự hao hụt, ve ve đẻ khá sai trứng như đoạn trên đã kể. Sùng ve nằm yên dưới đất một “giấc mơ dài”, khi đói lòng, sẽ cựa quậy quơ vài rễ cây tằm bở. Tính ra, từ trứng mền cho đến nguyên hình ve ve, nhà côn trùng học J.H. Fabre xét nghiệm ve ve tốn công phu đếm đủ bốn năm trời không hơn không kém. Nghĩ

cho: bốn năm tu luyện mới thành hình ve ve; hiện hình được rồi chỉ hưởng vón vẹn một tháng trời ca xang hát xướng! Ve ve phải bốn năm tâm tối trốn chui nhui trong đất sâu tù đầy, không khác một anh thợ mỏ, cần cù trong hầm nóng nực thâm u. Kịp khi mãn hạn, hết “giao kèo”, thợ mỏ nhà ta vút bỏ bộ y phục “làm đất” xấu xí, thay khăn áo chỉnh tề, lên góp mặt trên quả địa cầu, dạo rong đường phố: ve ve đồng một thể, cũng xách cặp cánh huỳnh kim bay lên thế gian, say ánh mặt trời tê mê tán mẩn... Mặc dầu ve ve nhịp cánh đến điếc tai bưng óc, cũng chưa bì bốn năm khổ luyện cùng cực dưới đất sâu! Tôi rất biểu đồng tình với ve ve, cứ ca ngâm suốt tháng cho phi hứng để rồi còn trở lại làm kiếp *thầy rùa độn thổ* nhiều năm! Và ai kia kịp thấu rõ tâm sự của ve, nỡ lòng nào trách cứ ve suốt đời chỉ lêu lổng những ca ngâm hát xướng?

Giữa ve và kiến, nếu có sự giao tiếp, ắt khác hẳn với thuyết của La Fontaine đã dạy; theo J. H. Fabre thì:

Ve ve không bao giờ biết vay nợ kiến. Trái lại, Fabre quả quyết:

“Với tánh cần say mót máy thuở nay, cái tánh bòn sên rít rót ai ai cũng chán biết”, “cái nguyên tắc không bỏ sót một vật mọn nào”, biết đâu kiến chẳng từng hèn hạn lòn tròn ve ve, lượm từ cục nhỏ nhỏ, từ lọn tròn tròn của ve ve thừa thãi bỏ ra?

Chị em hãy coi đây này: giữa tiết tháng bảy, nóng oi ả, tuy đã xế ngo, nhưng những loài sâu bọ, lớp phơi khô lớp nắng khát, đều ráng công bò đi kiếm ăn vất vả. Trong lúc ấy, ve ta cười thầm mình tốt phước, bèn bay lại cây ô liu. Với cái dùi bén nhọn trời dành cho và gấn nơi chót mũi, ve ta chích mạnh vào da cây rồi tiếp tục vừa nhịp vừa ca, hai cánh vỗ vỗ không ngừng

vừa nút ngon nút ngọt chất béo từ trong thân cây tuôn ra, mặc tình say tình tình say, nửa mê man tàn tịch cái vị thơm và bổ của kho vô tận Trời dành, nửa mùi mẫn khúc liên ngâm trường thiên khoái lạc tự mình độc xướng!

Những ai tò mò thêm chút nữa, để tâm dò xét kỹ càng, sẽ thấy trong khi ve ve nút nhựa ô liu, biết bao sâu bọ, ruồi mòng, trong ấy có cả chị kiến tiện tận của nhà thi sĩ, thấy thấy đều bu đầu dუმ mỗ, tụ tập sau trôn ve! Con nào nhỏ thó thì chun lòn dưới thân ve, ve nhột sẽ nhóm cẳng lên, tha hồ bọ ăn bám vào *luôn ra cui!* Cùng một lúc, những con lớn vóc, ý mình mập mạp mạnh mẽ, sẽ a lại cướp ra mặt một cục của ve ăn tiêu thừa thãi. Nhưng ve quân tử nào có nói gì? Tướng cướp tuồng như còn biết sĩ hổ, dùng dùng võ cánh bay đi. Võ cánh bay đi, rồi nửa đường nghĩ lại như tiếc của, lại trở lộn về “làm xấu” nữa!

Trong những lúc *thí giàn* như vậy, chị kiến sẵn tánh ghét ôn ào và đầy nhẫn nại, sẽ kéo phe đảng bà con, đến ngày càng đông, lúc nhúc sau đít ve, chờ cơ hội tốt!

Mặc dầu quân tử, có lúc ve ve cũng biết cấu! Những khi bị khuấy rầy quá, ve rút mũi nhọn, bỏ lại đó bọ ăn mày; ve bay đi kiếm chỗ khác và không quên bắn tước vào đầu bọ chúng một chất nước không thơm!

Nào những lúc như vậy, chị kiến dám hó hé lời gì? Đã nói chị là đầy nhẫn nại kia mà! Kiến như nhủ thầm đủ mình nghe: *Chị tưới đầu tôi, tôi chịu!* Kiến lui cui lượm mót những thức ăn của ve ve bỏ lại, liếm liếm liếm để mớ nhựa ô liu trong mạch cây còn đượm ra, kiến thật không bỏ rơi mảy nào!

Ve ve với kiến, theo nhà côn trùng học J.H. Fabre, nếu

phái cho ta bài học răn đời, đúng lý ra thì:

- *Tiểu nhơn là kiến*: gian manh ra mặt, xin xỏ dè hèn, gan lì cướp bóc làm càn, không kể ô danh xấu tiết, ưa cắn trộm, dẫu thân có nhục nhơ cũng mặc!

- *Quần từ là ve ve*: thợ giỏi giẩn, mình làm mình ăn, lương thiện, chỉ biết ca hát trọn đời, thêm giàu lòng bác ái, không xấu bụng với người nghèo thiếu!

Triết lý vậy thay, bài học cải chính “ve ve và kiến”: sáu, bảy tuần nhứt ca xang, ba mươi hôm, sung sướng tận cùng, thì ve ve dứt bỏ *nghiệp nghệ sĩ ca hát dạo*, từ thân cây buồng chơn rơi mình xuống đất: *kim thiên thoát xác* đây nhân nại, kiến mẹ kiến con xúm khuôn xác ve ve về ổ, chôn làm chi tốn kém, tích trữ đó để chịu đựng mùa đông!

CON BỌ HUNG

Danh tánh: Danh thật: *bọ hung*. Vì khổ độc, khi tiếp chuyện, xưng *bò hung*, *bù hung* cho dễ nói! Anh em cùng một giống với *bọ rầy*, chữ gọi *giáp trùng*. Ở Pháp, xưng *scarabée*, thoạt thấy ...*ée* tưởng rằng thuộc giống cái, không ngờ chính giống đực, dòng *scarabéidées*, luôn luôn thuộc *giống đực số nhiều* (nom masculin pluriel), vì thế làm khổ không ít cho ai học bập bẹ tiếng Pháp!

Nghề nghiệp: Đồ thùng, tải phân, làm công đời đời kiếp kiếp, cha truyền con nối cho ty vệ sinh của *ông Tạo*.

Cơ xường: Không nơi lập cơ xường nhứt định. Khi nào trừu, dề, bò, ngựa đánh rơi của quý ngoài đường, là có y đến. Chưa chắc gì mấy tay giang hồ mã thượng, các bợm tìm vàng,

bòn kim cương, mua bán đồ P.X. mau chơn lanh cẳng hơn va!

Cứ mỗi bữa, trời chưa cao khỏi ngọn sào, đã tẻ trựu bà con lớn nhỏ hơn trăm đình tráng, bò lúc nhúc, ôm xà nẹo nhau, giành giựt từ mảy vụn cái đồng gia tài mới bữa qua còn kếp xù. Tại đây mới lòi mặt bọm! Có đũa làm ăn công khai, chuyên hớt lớt nhứt trên mặt; có kẻ lại thích kiểm chác âm thầm, khoét lỗ đục ngầm bên trong, tưởng làm vậy ít ai ngó thấy, cũng đỡ xấu hổ; đũa khác, sĩ diện đề cao, lại xoi hang dưới đất sâu để gặm được hòn nào là khuôn giấu hòn nấy; ngoài ra còn thiếu gì đám bộ hạ ty tiểu, không bè đảng, cam tâm mót máy những phần rơi rớt của kẻ cả, tuy nhỏ nhặt nhưng tụ thiếu thành đa, lâu ngày giàu hùm! Những kẻ đến sau thêm xấu chứng đối, thí “xục” luôn tại chỗ! Nhưng phần đông, biết tiết kiệm, giàu nhân nại, biết lo xa, biết phòng ngừa bão lụt, e phong vũ bất thường, vẫn ôm kè kè đem về chỗ trú cho vững bụng hơn.

Sáng sớm, gặp ngựa bò vừa làm một bãi, còn nóng hổi, sốt dẻo “mới ra lò”, không phải mỗi ngày mỗi gặp! Gặp được đây âu cũng là duyên tiền định, phi tốt số không dễ gì thấy của này! Mà có của, đời nay phải biết quý trọng, phải cất giữ trong kho chắc chắn. Mùi thơm của món hàng đặc biệt bay xa mấy dặm. Chúng chúng yên hùng đánh hơi, nô nức bay đến chỗ: đũa nào bê trễ thì bay vù vù hồi hả, có đũa già nua khắp khênh cuộc bộ theo sau! Ủa! Còn con nào nữa đây? Cà xí cà nán đi chót làm vậy, mà xem dường lật đật, biết sợ mất phần, hiềm vì tuổi tác không cho phép chạy mau hơn!

Bộ giò lều khều quơ cà nghinh cà ngang, y như có máy tự động bé khéo giấu đầu dưới bụng. Hai cái râu “ăng ten” hoe hoe đo đo xòe cánh quạt rung rung tó bụng thềm thuồng. Đi thì đi

sau hơn ai nhưng khi đến chỗ lại làm tàng chen chen lấn lấn. À! Té ra đây là con “bọ hung chúa” (scarabée sacré), mình vận bộ hắc y rực rỡ, cũng lớn con hơn và cũng danh tiếng nhiều hơn các thứ bọ hung kia!

Bây giờ chú chàng đã nhập tiệc, ngồi bàn như ai, chêm chệ há thua mặt nào! Đồng loại có đứa đã vò viên gắp xong cục thực phẩm vô giá của mình! Đứa khác, sẵn tánh tham, còn đang tô đắp phần thực cho thêm lớn thêm to hơn nữa.

Bây giờ ta hãy xem cách chúng nó xoe lộn phần ăn của chúng. Mỗi đứa trên đầu đều chứa đường viên “hôi vãn đo đố”, hình bán nguyệt, phía trên có điểm sáu gai răng cưa nhọn lém: ấy là khí cụ của trời ban cho, vừa để đào xới và cưa sả thức ăn, vừa là bả cào để cào bỏ những xác cây vô bổ ích, vừa cào vừa tém thức ăn vào mồm. Cái viên đồ có răng cưa ấy công hiệu như thần: khoét được, cưa được, xoi được, cắt được, lại còn biết đùa ra tém vào gọn ghẽ! Cặp giò trước cũng lanh lẹ không thua và tiếp sức trong việc bò viên rất tài tình. Mỗi giò đẹp đẹp và cong cong như vòng cung, thêm có lằn gân nổi như *bất chỉ*, đã khéo thêm chắc chắn như cây thép có lặn góc cột-nhe (cornière), mỗi giò ấy đều có tra năm răng cưa nhọn lều và rất bén. Giả thử bọ hung ngộ sự phải cần dùng đến sức mạnh, phải tận lực xô đẩy, phải vạch đường đi trong bãi phân quá chặt chẽ thì lão ta cứ dùng cặp giò này là xong chuyện! Mỗi khi cặp giò làm cái việc: quét rộng một vòng tròn hình bán nguyệt, thì luôn khi ấy bọ hung dùng cặp giò qua chuyện khác: hai giò trước ấy sẽ giúp bọ hung gom lại những thứ gì do cái viên đồ có sáu răng đã cưa sả ra được. Cưa và sả xong rồi thì cũng cặp giò ấy đùa ra sau những thứ đó cho bốn giò sau chực sẵn để thi hành phận sự chuyên môn là vò viên cho thật tròn thật khéo. Bốn giò sau,

ông Trời khéo sanh, quả là đồ nghề tinh vi của thợ tiện, còn khéo gấp mấy mươi lần đồ nghề của loài người. Bọ hung có cặp giò đoạn hậu điều luyện (thuộc giò thứ năm và giò thứ sáu), vừa dài vừa cong hơi khúc chót thêm có tra một móng nhọn. Cái móng này thủ vai cái qui hay công pa (compas) để quay tròn trong sự vò viên cho thật đều đặn đúng cỡ. Tôi xin tóm tắt. Mỗi khi bọ hung gặp phân, thì ôm phân ấy dồn về dưới bụng, chừng ấy bốn giò sau nện nện và ịn ịn cho thành hình tròn, kể hai giò có côngpa lo quay cho thật tròn vo, còn hai giò ở giữa vừa lớn, mạnh và đẹp lại có phận sự vổ vổ đề nén không khác bàn tay thợ nhồi bánh phải làm thế nào cho viên bánh mau dẽ dặt, bớt xổp thịt và mau cứng cáp.

Mặt trời lên cao, không khí bắt đầu nóng lẩn và công việc của bọ hung càng xúc tiến hăng thêm. Cục phân, ban nãy vừa bằng viên thuốc bao sáp, nay đã to to gần bằng trái quít xiêm. Lát nữa đây, nó sẽ lớn bằng quả đấm, và có thứ bọ hung quá tham lam, vò viên phần thực của nó to hơn trái cam sành. Mà vò lớn như vậy, rồi đây sẽ biết làm sao xe nó về nhà cho nổi?

Công cuộc cộ phân về hang: Trên đã hỏi, dưới xin trả lời và xin chớ vội lo bao đồng thế cho bọ hung. Có sức ăn thì có sức chịu! Phần thực khi chia xong, mỗi con lo cáo lui để chờ của về hang. Cũng biết “các tận sở năng” và “các thủ sở nhu” như loài người; và đến đây mới biết tài bọ hung! Mỗi con ôm cứng cái viên “phần thực” của nó bằng hai giò sau và hai giò này bọ hung biết cắm sâu vào cục phân như hai cái móc thép của phu vác gạo chành lúa: nhờ thủ thế như vậy, nên muốn xoay hướng đổi chiều hay cử động cách nào, vẫn được lẹ làng như ý. Hai giò áp chót thì dùng để chống chỏi, lấy thế lấy đà... Hai giò trước thì dùng không khác cặp xà beng để khi xeo khi nạy. Bọ hung

đi thụt cà lùì, cái đầu động ngược xuống đất, cái mông đưa thẳng lên cao! Cặp giò sau làm việc nhiều nhứt, vừa rút mũi nhọn xom và đâm không “hở tay”(!) khi chỗ này khi chỗ khác, xô lẩn, lẩn lẩn cục phân... Và nhờ có “mánh lới” hẩn hoi nên cục phân trở quay đủ mặt, tuy lớn bằng trăm lần con bọ hung nhưng phải tùy con vật bé tí hon mà lẩn lóc, vừa thêm cứng mình dễ khắt vừa tròn trịa vén khéo!

Ráng lên bọ hung! Ráng thêm lên với nào! Ói thôi rồi! Dè đầu thân ty tiếu hèn mọn như bọ hung, mà cũng vẫn còn gặp chướng ngại vật! Bọ hung đẩy cục phân lên dốc bờ mẩu, thỉnh linh cục phân tuột lẩn, sụt xuống lẩn... Đã bao lần tôi định trong bụng mách khéo bọ hung tốt hơn nên lượng sức và lựa đường mòn phẳng phiu dễ chở chuyên đỡ mệt. Tôi thật già rồi mà chưa thấu đáo thâm ý con vật bé tí hon này chút nào. Coi vậy mà cứng đầu ghê! Bọ hung không nghe lời tôi và thích lựa bờ mẩu cao nghệu nghệu để trèo lên tuột xuống, vì bọ hung cho rằng làm vậy mới thấy *ta đây bắt chấp vận mạng, ta làm theo đầu óc ta!* Tôi không cãi bọ hung được, vì biết dùng lời gì để nói với hẩn đành lòng xem coi *mì cãi lời ta sẽ gặp những gì!*

Cục phân tròn vo, lớn bằng quả cam. Thiên nan, vạn nan, bọ hung đẩy ngược lẩn lên cao. Lên được nửa chừng, kế cục phân mất thẳng bằng rút tuột xuống chum bờ mẩu như lúc đầu. Không nản chí, bọ hung lại đẩy trở lên đường cũ, quyết đem được qua bên kia bờ mẩu mới nghe cho! Năm lần mười hiệp, cứ cục phân rút xuống là bọ hung đẩy lên, thét rồi bọ hung cũng thành công. Qua được dốc khó rồi, bọ hung đẩy nữa... Nhưng ít khi bọ hung đẩy phân một mình ên. Thế thường, đèo theo cục phân như nhớp có đến hai thằng ra sức, đứa đẩy đứa trì, đứa xô,

đưa kéo, hè hụi té lên té xuống. Nguyên do là khi có một bọ hung vò xong cục phân, lo khuôn về ổ, thì không biết còn lại bao nhiêu bọ hung đi trễ, thay vì đến đóng phân làm lấy mình, lại sanh dạ tà tấy, thấy chúng sẵn của, a lại hà rữa, kỳ thật là để chia phần thực! Bọ hung khách bay lại tiếp tay chăng? Bọ hung với bọ hung, giao kết với nhau những gì?

Nhà côn trùng học trứ danh, Fabre tiên sanh đã thấy hai bọ hung ráp với nhau, ạch đụi khuôn một cục phân chung, tưởng đâu đó là con đực con cái sắp se duyên sau gò mối! Sau Fabre rõ lại và tự thẹn lấy mình, vì hai con vẫn *đực rựa* như nhau. Té ra bọ hung khách hiệp tác cùng bọ hung chủ, không ngoài ý gian *tiên hiệp lực, hậu đoạt công!* Bọ hung khách rõ là một lưu manh, giã bộ lãng xăng trợ lực, kỳ trung nó là thằng đại bọm chờ dịp đoạt gia tài của bạn! Nghĩ cho tự mình làm ra của, vẫn khó, sao bằng sẵn sức, cướp đoạt của tha nhơn, chẳng là dễ dàng và chớp nhoáng hơn! Như cướp không được, khi ấy sẽ làm tuồng giúp sức, đã không mất phần, thêm danh chánh ngôn thuận! Mai sau nếu chủ có thế nào, thì ta là khách sẽ giựt luôn cũng chưa muộn. Bằng chủ cao tay ấn, không làm gì y được, thì ta lại chia phần hùn hiệp... Bên nào cũng có lợi, bọ hung khách, tuy lưu manh, nhưng quả có mưu thâm, tìm được *kế lưỡng toàn kỳ mỹ!*

Có thứ bọ hung, ngoài mặt tuy gian nhưng trong lòng còn dè dặt đôi chút, đợi có cơ hội mới ra tay. Có thứ bọ hung khác, nóng tính hơn, vẫn đánh cướp chán chường không kiêng luật pháp.

Nghĩ cho cũng phường nuốt phân với nhau mà cũng lăm lăm cánh hỏn độn! Một con lui cui vò được một cục phân khá to hè hụi lăn về ổ, dinh ninh “của mình thì mình làm chủ”, có bẻ gì

còn có luật pháp chờ che. Dè dáu đi dọc đường, bỗng có một con khác, to mập và mạnh sức hơn, a lại, toan cướp của. Con chủ thất thế, mắc lo dầy phân, dáu động ngược nào thấy gì: con khách trên cao phóng xuống thẳng thế hơn nên vừa đánh một đòn, bọ hung chủ đã lăn cù, bọ hung khách chễm chệ leo lên cục phân thủ thế. Con chủ đứng dậy được, bò chung quanh cục phân, nhưng không làm gì được con khách, đứng vững trên đó như viên tướng mạnh đứng trên mặt thành kiên cố. Cứ con dưới xoay về hướng nào thì con trên xoay theo hướng đó, giằng quay như hai kếp hát nghinh chiến. Mãi ham tranh giành, bất ngờ cục phân thiếu sự chăm nom vụn rã ra từng mảnh vụn. Hai bọ hung ôm nhau vật lộn, giò chống giò, càng quơ theo càng, miệng hét ra những tiếng nghiêng treo treo nghe như tiếng cưa sắt cắt vật cứng. Giây lát, con khách mạnh sức nên thắng thế, bò lên cục phân còn lại, dường như muốn tỏ ra mình làm chủ cục này. Con chủ không chịu thua, a lại kéo xuống rấp chiến nữa... Cũng có khi bọ hung chủ, giàu triết lý, liệu sức không làm lại con kia, bèn bỏ hết sự nghiệp lại đó cho tướng cướp, quay dáu về đóng phân kiến tạo nghiệp mới! Khi ấy bọ hung khách cướp được của rồi, bèn làm như vô sự, ung dung khuôn tang vật đi kiếm nơi lưu trữ. Và nhiều khi, trên đường vận tải, tướng cướp này gặp tướng cướp khác, tướng sau thủ đoạn cao cường hơn nên đoạt mất của quý, và như vậy mới là *thiên đạo chí công!*

Lắm lúc chuyện lại khác, và chuyến này bọ hung khách không ra mặt làm tướng cướp, nhưng giấu hình giấu dạng, giả bộ hiền lành đến xin giúp công để sau này chủ chia cho một phần thực. Hai con gặp nhau, không hện mà nên: con chủ, nghĩ mình đơn độc, tham lắm có hại, nay nó lại nói tử tế, không nhận lời, rủi nó biến tâm trở mặt cướp càng khôn, bèn đánh

liều thâm nạp làm bạn đường; con khách cũng biết thân, hết sức chiều chuộng. Từ ấy, hai đàn đê huê, kẻ đẩy người kéo, rình lẫn cục phân đi tới trước. Nói rằng hiệp công, kỳ thật chỉ có chủ ra sức. Bọ hung chủ trút đầu ngược, chống mông lên hè hụi đẩy phân tới trước. Trái lại, bọ hung khách đứng phía trước, ôm bám cục phân, đầu ngóc lên cao, đi thụt cà lúi không khác *thằng hiếu tử đờ đầu rông xe đám ma*, nên nói chí đáng, hiệp công kiểu ấy còn hơn mấy lần gàn trở! Và vì làm không ăn khớp, nên cục phân tuy lăn tới nhưng ghe phen gặp nhiều trục trặc. Thét rồi, bọ hung khách thăm ý, biết mình giúp không đắc lực, nhưng bỏ đi thì tiếc, bèn leo lên cục phân nằm ì ra đó mặc cho bọ hung chủ đẩy lấy một mình! Buồn cười hơn nữa là bọ hung chủ vẫn chịu để vậy, vì xét ra thà cho thằng vô dụng nằm yên một chỗ, tuy không nhờ được việc gì, nhưng còn hơn làm mất lòng hấn, khiến hấn trở nên kẻ thù càng thêm báo hại. Một đôi khi cục phân đứng lại quá lâu, bọ hung khách biết có vướng víu gì, bèn nhảy xuống, làm bộ song tàn, đứng chống cẳng cà khêu, tiếp sức với chủ. Cục phân lăn êm rồi, khách trèo lên nằm nữa, trái bao “lên thác xuống ghềnh”! Đến đây, và để nghiên cứu vấn đề thêm tường tận, Fabre gần như ác ý, lén lấy kim găm, đâm lút cục phân dính cứng trên mặt đất! Những khi ấy thấy hai con bối rối mà thảm não giùm. Đẩy không đi, trì không tới, hai con bỏ dở nửa chừng, bò kiếm nguyên nhân tai hại. Tìm không ra manh mối, bọ hung chủ trở lại kên chân ủi nữa. Thấy không cục cựa, con chủ nảy ra ý kiến, bèn trèo lên cục phân xem hà sự? Thì cũng chẳng thấy gì khác hơn là thằng ăn hại, bọ hung khách, nằm khểnh quơ quét râu hoe! Vì mũi kim găm, Fabre tiên sanh cố ý đâm lút sâu quá, tìm không ra, con chủ đôi chiến lược và bò xuống chui dưới cục phân quyết tìm cho ra duyên do mối trục trặc. Khi moi thấy mũi kim nhọn, biết

chắc là chương ngại vật báo đời, thì hai con hè hụi chun dưới để nhỏ kim lên. Ban đầu dùng *Thế con đội*, hai con nằm bẹp bò vô sát gốc kim rồi đứng trôi dạt. Cục phân nhóm lên được một tý. Mừng lòng, hai con ráng hết sức đứng nhóm lên hết đà bộ chân, thì cục phân cũng nhóm lên thêm chút nữa, nhưng sức bọ hung có hạn, cục phân vẫn không làm sao sút và rớt ra khỏi cây kim găm. Những khi ấy, lại thấy bọ hung tinh khôn không thua người, đối qua thế khác. “Thế con đội” đã không có kết quả, bọ hung xoay qua “thế tay xeo, tay nạy”. Con thì chống phao câu, con thì chống chống mông, hai con ạch ẹi cố chống chỏi cho đến khi nào cục phân bị đẩy kéo nhiều lần, kinh nứt và rã hai ra thì bọ hung càng thêm thích, vì sự vá vúi sửa chữa không mấy khó. Thoạt như không làm sao hết rồi, xeo không xong, nạy không ra, đội không lên, tức là khi hết sức dùng xà beng (pince), nêm, chêm (coin) gì cũng vô hiệu, thì chỉ còn một nước bỏ đó đi tạo sự nghiệp khác! Nhưng may sao, Fabre vừa thấy bọ hung tỏ vẻ chán nản, tiên sinh vụt nhỏ phứt cây kim găm giải nguy, hai bọ hung lật đật và khấp khởi đẩy và trì cục phân đi nữa. Khi nào lựa được một chỗ vừa ý bọ hung chủ, khi ấy lại thấy hai con đình bộ để lo việc xây cất phòng ăn chứa của quý.

PHÒNG ĂN (SALLE À MANGER) CỦA BỌ HUNG

Đến đây lại cũng bọ hung chủ lui cui đào hang làm chỗ chứa một mình, chớ bọ hung khách nhứt định nằm ì trên cục phân, gí mũi vào đó mà hủi cho đã thềm vậy thôi! Bọ hung chủ dùng đầu có răng cưa và hai giò trước có gai nhọn làm khí cạ moi đất. Đất vụn đào được bao nhiêu, bọ hung lòn ra sau bụng mà đũa ngược lên trên miệng hang. Trong chốc lát, lỗ đào đã sâu hoáy, bọ hung chun tuốt mắt dạng. Và mỗi lần thụt lùi ôm đất lên miệng hang, là mỗi lần bọ hung liếc chừng cục phân sợ mất. Và mỗi lần trôi lên, rờ rẫm được nó rồi tuốt xuống thì

cũng bằng uống một chén đầy nhưn sấm! Bọ hung khách trong lúc ấy vẫn “tọa thị diềm nhiên”. Bồng dâu, trong lúc chủ mắc bện đào chỗ chứa, khách vụt chỗi dậy và lệ làng lên rình cục phân tìm đường tẩu thoát. May sao chủ trôi lên kịp thời, mấy lúc ấy tưởng chừng sẽ có sự tranh đấu ghê gớm. Nhưng không! Nếu chủ hay kịp thì chủ cứ chạy theo rình của mình về chỗ cũ. Thằng bọm bãi sẽ giả dò như đang níu chặn lại, không nhờ tao cục phân đà tuột mất! Rồi hai con lại đề huề thỏa thuận như không có việc gì xảy ra! Đó là khi hay được kịp thời kịp lúc. Cũng lắm khi đưa trộm chạy quá xa rồi chủ mới hay. Nếu chuyện dĩ lỡ như vậy, thì ta lại chứng kiến một cảnh cao thượng vô cùng. Khi bọ hung chủ biết mình mất cửa, quạt cánh bay lên cao dòm xem tứ hướng, không khác họ Tôn đứng trên mây tìm bóng thầy, khi biết vận sự hưu hỷ, tưởng chừng như ai sẽ diên đầu mà chớ, nhưng đối với bọ hung, tuy thân hèn mọn nhưng tánh tình vẫn hơn ai mấy bực và cầm bằng bọt nước bị sóng đánh tan, bọ hung cứ quên hết để đi tìm mối khác. Ai sao không biết chớ riêng tôi, tôi phục bọ hung sát đất! Nghĩ cho công cán bấy chầy, chắt mót dành dụm lâu hoáy mới được một cục phân xem vừa mắt, thế mà nay thằng bạn mắc dịch đoạt mất, giá như tôi ắt giận nhịn cơm chờ chết, thế mà bọ hung vẫn thản nhiên bình tĩnh bỏ qua hết để đi tìm dịp sấm cục phân khác, thiệt bọ hung đáng được tôn làm thầy! Lạ quá! Học triết lý ở đâu mà rèn luyện trí óc được như thế? Bọ hung đành quên công cực khổ năng nôi, quên chuyện vận tải vất vả, quên chuyện đào hầm nhọc nhằn, nay hầm đào rồi, của kẻ bên miệng, thế mà ô hô! Rủi ro chốc lát, công bất thành, chí bất toại, của quý tiêu, đồng vàng mất! Như vậy mà bất oán thiên, bất vưu nhân! Tôi xin bái phục!

Bằng như, nói tử mà nghe, bọ hung chủ gặp bọ hung khách có ít nhiều quân tử tính, hai con may mắn khiêng của về đến nơi đến chốn, không bị lưu manh phá đám dọc đường.. Khi ấy,

hang đã khoét rồi, miệng hang tròn trịa, vừa khéo, vừa khít với cục phân; khi ấy bọ hung chú ráng sức khuôn của vào hang, cục phân vừa chui lọt vào trong, thì bọ hung liền lấp bít miệng hang, chỉ để còn một mình một động, hoặc quá lắm là cùng với bọ hung khác, tức hai đứa, mặc sức mê man tâng tịch với món ngon ao ước! Vạn tuế cái buổi hạnh phúc tràn trề này! Tuy hang thô sơ, không có quạt máy trên trần, nhưng nhờ ông cha khéo truyền nghề, bọ hung biết đào sâu nên ánh nắng không lọt thấu, hang mát vô cùng! Sẵn của ngon, sẵn yên tĩnh, trên kia cửa đã bít, ai dẫu đi ngang cũng không biết dưới này có ẩn tàng của báu, xa xa tiếng đế vô tình như khêu như gợi, giờ phút này và trong phòng này mới phải là nơi lúc làm việc bằng răng nhọn và bằng bao tử mạnh lành. Bọ hung “xực” cục phân to tướng, khi mình ên, khi với một bạn duy nhất, không mời ai thêm! Đứa nào, đứa nấy, gục mặt gặm đầu mà ăn, ăn không dám nhúc nhích, không dám cục cựa, vén khéo tỳ mỷ không cho mất miếng nào.

- Hỏi ăn gì mà trịnh trọng đến thế?

- Xin thưa: ăn phân ăn cứt! Ai dám cười! Đời không bọ hung, sẽ là một đống phân, đâu có sạch và nên thơ như vậy!

(Phỏng dịch theo J.H. Fabre, bài *Le scarabé sacré* (Con bọ hung chúa) tr. 57-67 trong bộ *Le monde merveilleux des insectes* (Thế giới tuyệt mỹ của loài sâu bọ) nhà in Delagrave, bản năm 1935.

Sài Gòn ngày 6 tháng 9 d.l. 1961

MỤC LỤC

Trang

Đề tặng tưởng niệm cha mẹ tôi	11
Dẫn	13
Bàn về những thú vui chơi của người xưa	17
Bắc cầu cho xưa nối với nay	26
PHẦN THỨ NHẤT-Thú nuôi chim	31
PHẦN THỨ HAI- Chim phụng hoàng	77
PHẦN THỨ BA- Thú chọi gà	97
PHẦN THỨ TƯ-Thú chơi cá thia thia	219
PHẦN THỨ NĂM-Để thay cho lời hậu tự- Bàn về xã hội loài sâu bọ và thú đá đẽ	267

Mã số phân loại :
 $\frac{7}{\text{ĐN - 2004}}$ 1817 - 2003

PHONG LƯU CŨ MỚI

VƯƠNG HỒNG SÉN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ĐẶNG TẤN HƯỚNG

Biên tập: MAI KHOA

Sửa bản in: MAI KHOA

Bìa: TRẦN ĐỨC NGỌC

Thực hiện liên doanh:

DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP. HCM

In 1000 bản. Khổ 14,5 x 20,5cm.

In tại Công ty cổ phần In Bến Tre.

Số đăng ký kế hoạch xuất bản 61/1817/XB-QLXB

Cục xuất bản cấp ngày 25/12/2003

Giấy trích ngang số 125/GTNXB do NXBTH

Đồng Nai cấp ngày 09/4/2004.

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2004.

Nhà xuất bản tổng hợp ĐỒNG NAI, 210, Quốc lộ 1K, TP Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại: (061)946519. Ban biên tập: (061)946529

Ban Giám đốc: (061)946529 – (061)822613 – Fax: (061)946530

Email: nxbdongnai@hcm.vnn.vn

Các Sách Đã Xuất Bản
MỜI CÁC BẠN CHỌN ĐỌC

- Kỹ thuật trồng tiêu & Đậu nành K.T. Lương Tấn Lợi
- Kỹ thuật nuôi thủy đặc sản nước ngọt K.T. Lương Tấn Lợi
- Ương giống & nuôi Tôm càng xanh K.T. Lương Tấn Lợi
- 33 câu hỏi đáp trồng & chăm sóc cây Chuối K.T. Lương Tấn Lợi
- 37 câu hỏi đáp trồng & chăm sóc cây Cam K.T. Lương Tấn Lợi
- Kỹ thuật trồng cây ăn quả K.T. Lương Tấn Lợi
- Kỹ thuật trồng cây qua Ca cao, Đu đủ K.T. Lương Tấn Lợi
- Biện pháp phòng trị Chôm chôm, Sa bô Ph.D.T. Vg. Thị Thu Cúc
- Biện pháp phòng trị Chuối, Táo Ph.D.T. Vg. Thị Thu Cúc
- Biện pháp phòng trị Dừa Ph.D.T. Vg. Thị Thu Cúc
- Biện pháp phòng trị Sầu riêng, Ổi Ph.D.T. Vg. Thị Thu Cúc
- Biện pháp phòng trị Xoài Ph.D.T. Vg. Thị Thu Cúc
- Biện pháp phòng trị Nhãn Ph.D.T. Vg. Thị Thu Cúc
- Biện pháp phòng trị Mãng Cầu, Mận Ph.D.T. Vg. Thị Thu Cúc
- Sử dụng đông dược trong chăn nuôi & trị bệnh Thuy Hương
- Khai thác nguồn lợi gia súc sinh sản Thuy Hương
- KT gây giống & chăm sóc Cá tai tượng Việt Chương
- Nghệ thuật thuần hóa Chim Việt Chương
- Nghệ thuật nuôi Chim Yến Phụng Việt Chương
- Nghệ thuật nuôi & kinh doanh Chim kiểng nhỏ Việt Chương
- Bí quyết nuôi & KD Chim, thú, Cà kiểng Việt Chương
- Nghệ thuật nuôi Chim biết nói Việt Chương
- KT nuôi & huấn luyện Nhông nói Việt Chương

Việt Chương **¥105 107**



DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH NGUYỄN VĂN CỬ

288B An Dương Vương, Q.5, TP Hồ Chí Minh- ĐT/Fax: 8392516

Website: dnsachthanhnghiatphcm.com.vn

GIÁ: 34.000VNĐ